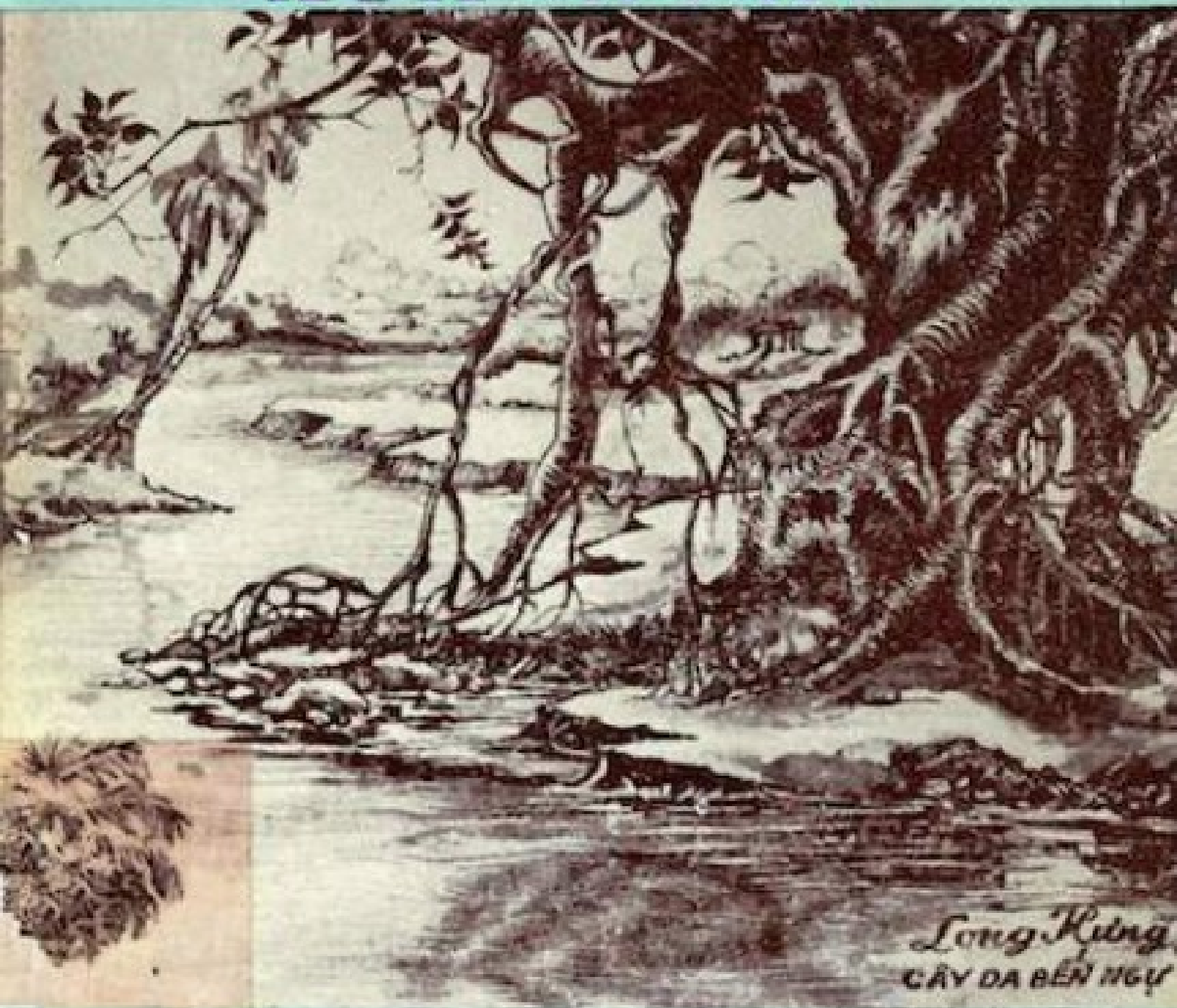


HUỲNH-MINH

SA-ĐÉC

XƯA VÀ NAY



Long Hưng
CÂY DA BẾN NGỰ

Loaisách



sumKhảo



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : SA-ĐÉC « XƯA và NAY »

Tác giả : HUỖNH-MINH

Nhà xuất bản : CÁNH BẰNG

Năm xuất bản : 1971

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Hoàng Thị Xoan

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Đăng Khoa, Trần Kim Trọng,
Võ Nữ Kim Như, Trần Khang, Lê Nguyễn Thuỳ Linh,
Trần Thị Kim Duyên, Ngô Thanh Tùng

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 03/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả HUỲNH-MINH và nhà xuất bản CÁNH
BĂNG đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

CÁC SÁCH BÁO THAM KHẢO

LỜI GIỚI-THIỆU CỦA GIÁO-SƯ TRẦN VĂN QUẾ

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN THỨ NHỨT : SỬ-LƯỢC – ĐỊA-LÝ

CHƯƠNG 1 : SỬ-LƯỢC

I. SA-ĐÉC DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN VÕ-VƯƠNG, NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT (VÙNG ĐẤT TẦM-PHONG-LONG VÀ ĐÔNG-KHẨU-ĐẠO).

II. SA-ĐÉC TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN PHÚC ÁNH BÊN BA TÀU QUỐC

III. SA ĐÉC QUA CÁC TRIỀU ĐẠI NHÀ NGUYỄN-PHÚC

IV. QUÂN PHÁP CHIẾM 3 TỈNH MIỀN TÂY LẬP NỀN HÀNH-CHÁNH

V. ANH HÙNG HÀO KIỆT PHẤT CỜ CHỐNG PHÁP

VI. NỀN ĐỆ NHỨT CỘNG-HÒA SA-ĐÉC TRỞ THÀNH QUẬN, TỈNH VĨNH-LONG

VII. SA-ĐÉC TÁCH RỜI VĨNH-LONG TRỞ LẠI TỈNH

CHƯƠNG 2 : ĐỊA LÝ

CHƯƠNG 3 : ĐƯỜNG GIAO THÔNG, THỦY, BỘ

PHẦN THỨ NHÌ : DANH-NHÂN LỊCH-SỬ VÀ NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI

CHƯƠNG 1 : DANH-NHÂN LỊCH-SỬ

I. CHƯỜNG-THỦY-DINH QUẬN-CÔNG TỔNG PHƯỚC-HÒA SA CƠ BỊ TÂY-SƠN BẮT TẠI BA-VÁT, TỰ-VẬN ĐỂ BẢO TOÀN DANH TIẾT

II. KINH-MÔN QUẬN-CÔNG NGUYỄN-VĂN-NHƠN (1753-1822).

III. ÔNG NGUYỄN VĂN MẬU GIÚP CHÚA NGUYỄN PHÚC ANH

IV. CÁC VÕ TƯỚNG QUÊ Ở SA-ĐÉC PHỤ TÁ NHÀ NGUYỄN-PHÚC

V. NGUYỄN THỊ DUNG NGƯỜI ĐÀN-BÀ HÁO NGHĨA NHẤT Ở SA-ĐÉC TRONG ĐỜI VUA THIẾU-TRỊ

VI. HỒ-TRỌNG-ĐÌNH

CHƯƠNG 2 : NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI

I. NGUYỄN-VĂN-BIỂU TỤC GỌI ÔNG PHÒNG-BIỂU, ĐƯỢC NHÂN DÂN SA-ĐÉC CAO-LÃNH XƯNG PHỤC TÀI LẠ

II. LỄ BỘ THƯỢNG THƯ NGUYỄN-ĐĂNG-TAM – NHÂN VẬT SA-ĐÉC CHIẾM ĐƯỢC ĐỊA VỊ CAO TRỌNG NƠI TRIỀU ĐÌNH

III. NGUYỄN-ĐĂNG-KHOA – VỊ ĐỐC PHỦ VĂN CHƯƠNG VÀ CÓ ĐẠO ĐỨC

IV. NGUYỄN-ĐĂNG-TRƯỜNG

V. ĐĂNG THÚC LIÊN – BẠC DANH SĨ, BẠC Y-SƯ KHÉT TIẾNG TẠI SA-ĐÉC

VI. NGUYỄN QUANG ĐIỀU – CHÍ SĨ LÀM VINH DIỆU VÙNG TÔNG SƠN SA-ĐÉC

VII. TIỂU SỬ CỤ VÕ HOÀNH (1873-1946) – NHÀ CÁCH MẠNG BỊ AN TRỊ TẠI SA-ĐÉC

VIII. LƯU-VĂN-LANG VỊ BÁC-VẬT ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT-NAM

CHƯƠNG 3 : TÓM LƯỢC PHẦN DANH NHÂN VÀ NHÂN VẬT SA-ĐÉC

I. NHÂN VẬT XƯA

II. MỘT ÍT NHÂN VẬT HIỆN ĐẠI

PHẦN THỨ BA : DI-TÍCH – LỊCH-SỬ – HUYỀN-SỬ

CHƯƠNG 1 : TRÊN ĐƯỜNG VIẾNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ

I. BẢO-TIỀN – BẢO-HẬU

II. DI-TÍCH LỊCH-SỬ ĐỨC CAO-HOÀNG

III. LĂNG THỐNG CHẾ NGUYỄN CÔNG LIÊU

IV. TIỀN ĐỒN ĐÔNG KHẨU ĐẠO

V. CÁC CHỢ XƯA CÓ TIẾNG

VI. CÂY DA BẾN NGỰ

VII. LĂNG ÔNG BỎ HẬU

VIII. LĂNG QUAN LỚN SEN TỨC KINH MÔN QUẬN CÔNG
NGUYỄN VĂN NHƠN

IX. SỰ TÍCH MIẾU-VĂN-THÁNH

X. VỊNH ÔNG ĐỐC VÀ MỘ ÔNG ĐỐC BÌNH THUẬN

XI. ĐÌNH VĨNH PHƯỚC VÀ LINH VỊ CHƯỜNG DINH QUẬN
CÔNG TỔNG PHƯỚC HÒA

XII. NGÔI MỘ BÀ DƯƠNG

XIII. DINH BÀ ĐÔ

XIV. KINH ĐỐC-PHỦ-HIỀN, XÃ TÂN-PHÚ-TRUNG

CHƯƠNG 2 : HUYỀN SỬ

I. CHIẾN TRƯỜNG BÃI HỒ

II. PHỐ TIỀN BÃI PHỤNG DIỆU HUYỀN

III. OAI LINH HẦU TƯỚNG SĨ-HÒA

IV. SÓNG GẦM MAN-THÍT

V. THANH GƯƠM QUI Y

VI. GÓC SAO THIÊN NƠI CÂY DA BẾN NGỰ

VII. CHUYỆN QUAN LỚN SEN

VIII. CON GÁI ÔNG BỎ HẬU GIẢ ĐIÊN TỬ CHỖI CUỘC
ĐỜI VƯƠNG GIẢ

IX. NGUYỄN VƯƠNG ĐẾN VÙNG NƯỚC XOÁY LONG-
HƯNG

PHẦN THỨ TƯ : SINH-HOẠT TÔN-GIÁO VÀ CHÙA, ĐÌNH CỔ-KÍNH

CHƯƠNG 1 : SINH-HOẠT TÔN-GIÁO

I. LÀNG TÒNG-SƠN QUÊ HƯƠNG ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN (ĐOÀN-MINH-HUYỀN).

II. ĐỨC TÔNG SƯ MINH-TRÍ, NGƯỜI LÀNG TÂN MỸ SA-ĐẾC

III. ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ : ÔNG LÊ BÁ TRANG VỚI CHÚC NGỌC CHÁNH PHỔ SƯ (Thiên phong tại Tòa Thánh TÂY NINH).

CHƯƠNG 2 : CHÙA, ĐÌNH CỔ-KÍNH

I. CỔ TỰ PHƯỚC THẠNH : NGÔI CHÙA DO VUA GIA-LONG SÁNG LẬP VÀ CÂU CHUYỆN ÔNG HỘ PHÁP ĐÁNH QUỈ

II. TỔ ĐÌNH BỬU HƯNG TỰ Ở CÁI-CÁC XÃ HÒA LONG

III. CHÙA KIẾN-AN-CUNG, TỤC GỌI CHÙA ÔNG QUÁCH

IV. CHÙA BÀ

V. CHÙA HƯƠNG

VI. ĐÌNH THẦN TÂN-PHÚ-TRUNG

VII. ĐẤT LÀNH PHẬT NGỰ

CHƯƠNG 3 : TỔNG KẾT VỀ ĐẠO GIÁO

PHẦN THỨ NĂM : HUYỀN-THOẠI VÀ GIAI-THOẠI

CHƯƠNG 1 : HUYỀN-THOẠI

I. KHÚC SÔNG CÁI BÈ : CẶP LÂN ĐÁ DẬY SÓNG THẦN

II. CÔ HAI HIÊN Ở NHA-MÂN CHẾT BA NGÀY LINH THIÊNG HIỂN HÁCH LÀM CHẤM ĐỘNG KHẮP MIỀN HẬU-GIANG

III. SỰ TÍCH LÀNG BÌNH TIÊN VÀ CẦU RẠCH GỖ ĐỀN

IV. CHỢ TRƯỜNG ÁN NGHÌN THU GHI NÉT OÁN

CHƯƠNG 2 : GIAI THOẠI

I. GIAI THOẠI ÔNG THỢ ĐỨC : MỘT DANH SƯ LỖ BAN KHÉT TIẾNG

II. CỤ LƯU-VĂN-LANG VỚI NHỮNG ĐIỀU TIÊN ĐOÁN THẦN TÌNH ĐƯỢC CÁC KỸ SƯ PHÁP KÍNH PHỤC

III. CHÁNH TÍCH TỐT CỦA BẬC CHÂN DÂN : CÂU CHUYỆN ÔNG ĐỐC PHỦ TRẦN-VĂN-CHI VỚI DÂN CHÚNG SA-GIANG

IV. XOÀI THƠM, XOÀI NGỰ VÀ CAM MẬT : NÔNG SẢN ĐỊA PHƯƠNG SA-ĐÉC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHÚNG TÍCH LỊCH SỬ

V. GÁI NHA-MÂN NẾU TỈNH BÌNH-ĐỊNH NGOÀI TRUNG CÓ CA DAO TRUYỀN TUNG

PHẦN THỨ SÁU : SA-ĐÉC QUA CÁC BỘ MÔN KỊCH NGHỆ VĂN HÓA, HỌC THUẬT VÀ THI THƠ LƯU NIỆM

CHƯƠNG 1 : SA-ĐÉC QUA CÁC MÔN KỊCH NGHỆ

I. GÁNH HÁT BỘI ĐẦU TIÊN Ở SA-ĐÉC

II. SA-ĐÉC VỚI GÁNH XIẾC CỦA ANDRÉ NGUYỄN-VĂN-THẬN

III. ĐOÀN TÂN THỊNH RA ĐỜI

CHƯƠNG 2 : VĂN HÓA VÀ HỌC THUẬT

CHƯƠNG 3 : SA-ĐÉC DƯỚI MẮT CỦA THI NHÂN

I. SA-GIANG CẢM TÁC

II. CHÙA XƯA LINH ỨNG

III. VƯỜN KIẾNG CỔ THỤ

IV. VỊNH VƯỜN HOA KIẾNG XÃ TÂN-QUI-ĐÔNG

V. NHA-MÂN NGÀY XƯA NỔI TIẾNG LÀ GÁI ĐẸP

VI. ĐẤT NƯỚC MIỀN NAM

VII. MỘT NHÀ THƠ NÓI VỀ BÁNH PHỒNG TÔM SA-GIANG

PHẦN THỨ BẢY : KINH TẾ – CÔNG KỸ NGHỆ – SẢN XUẤT

CHƯƠNG 1 : NGHỀ THỦ CÔNG

I. BÁNH PHỒNG TÔM SA-GIANG SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH SA-ĐÉC

II. SA-ĐÉC DANH TIẾNG VỚI CÁC NGHỀ THỦ CÔNG : NGHỀ LÀM PHÁO BÔNG, ĐỒ MÃ CHƯNG CỘ, CHƯNG QUẢ TỬ, LÀM HÌNH NỔI TRÊN LỤA, ĐÈN SÁP

III. LÒ THỢ BẠC XƯA Ở TÂN-PHÚ Saigon ĐÔNG : TIẾNG TÂM VANG TRUYỀN NGOẠI QUỐC

IV. SA-ĐÉC VỚI NGHỀ LÀM GẠCH NGÓI ĐƯỢC NỔI TIẾNG TỪ XƯA TỚI NAY

CHƯƠNG 2 : CÔNG KỸ NGHỆ SA-ĐÉC TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

I. ĐẠO QUA CÁC HÃNG NƯỚC ĐÁ

II. SẢN PHẨM THANH HÀNH NGANG VỚI BÁNH PHỒNG TÔM : NGHỀ LÀM BỘT MỨC Ở SA-ĐÉC

III. CHIẾU SA-ĐÉC VẼN ĐÁNG KỂ

IV. TÂN-QUI-ĐÔNG HOA THƠM CỎ LẠ : NƠI SẢN XUẤT HOA KIỂNG TOÀN QUỐC

V. MỘT NGUỒN LỢI THIÊN NHIÊN : VƯỜN CỎ LỘ THIÊN TRÀM-CÒM XÃ LONG-THẮNG

TỔNG KẾT SA-ĐÉC

I. TRẢI QUA BAO CUỘC THẮNG TRẦM LỊCH SỬ TỪ NGÀY XƯA ĐẾN NGÀY NAY

II. NGÀY XƯA BÓNG CỎ NGUYỄN-VƯƠNG PHÁP PHỐI TRÊN ĐẤT SA-ĐÉC

III. CỎ TAM SẮC HIÊN NGANG TRÊN LÃNH THỔ MIỀN TÂY SA-ĐÉC

IV. NGÀY 9 MARS 1945 LÀ NGÀY ĐÁNH DẤU SỰ SỤP ĐỔ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

V. SA-ĐÉC QUA CÁC NẸO PHỐ PHƯỜNG KHU THƯƠNG MẠI

VI. ĐƯỜNG SÁ TRONG CHÂU THÀNH

VII. VỀ MẶT KIẾN-THIẾT

VIII. XÃ HỘI VIỆN MỒ CÔI (ẤP HÒA-KHÁNH).

IX. NÔNG NGHIỆP

X. CƠ SỞ Y-TẾ

XI. CHÁNH TRỊ VÀ HIỆP HỘI

XII. CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO TẠI TỈNH SA-ĐÉC

HUỲNH-MINH

Sưu tầm khảo cứu qua các tỉnh miền Nam Việt-Nam

SA-ĐÉC « XƯA và NAY »

Xuất bản « **Cánh-Băng** »

DO TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN

1971

NỘI DUNG GỒM :

- SỬ-LƯỢC, ĐỊA-LÝ TỔNG-QUÁT
- SA-ĐÉC, TRÁI QUA CÁC THỜI-ĐẠI
- DANH-NHÂN, LỊCH-SỬ, NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI
- DI-TÍCH, LĂNG-MỘ, DANH-NHÂN
- ĐẠO GIÁO, ĐÌNH, CHÙA CỔ KÍNH
- HUYỀN-SỬ, GIAI-THOẠI
- CÁC BỘ-MÔN VĂN-HÓA, NGHỆ-THUẬT
- SINH-HOẠT KINH-TẾ MỌI NGÀNH
- SA-ĐÉC – NƠI SẢN-XUẤT HOA KIỂNG TOÀN QUỐC.

CÁC SÁCH BÁO THAM KHẢO

HÁN VÀ VIỆT-VĂN :

- Đại-Việt Sử-ký của Ngô-Sĩ-Liên
- Nam-Kỳ Phong-tục Nhơn-vật diễn ca của Nguyễn-Liên-Phong
- Đại-Nam Nhất-thống-chí (thượng hạ) của Tu Trai Nguyễn-Tạo dịch
- Việt-sử Tân-biên của Phạm-Văn-Sơn
- Đại-Nam Thực-lục chánh-biên
- Việt-Nam Sử-lược của Trần-Trọng-Kim
- Liệt-truyện
- Lịch-trình Hành-chánh của Đào-Văn-Hội
- Sa-Đéc Nhân vật chí của Nguyễn-Văn-Dần
- Địa phương chí Sa-Đéc
- Sấm-giảng Bửu-Sơn Kỳ-Hương
- Chí-sĩ Nguyễn-Quang-Diêu của Giáo-sư Nguyễn-Văn-Hầu.

(Xuyên qua nhiều tài liệu do các bô-lão thân-hào nhân-sĩ địa-phương kể lại).

PHÁP-VĂN :

- Histoire et description de la Basse Cochinchine par G.AUBERT (1863) « Gia-Định Thống Chí » của Trịnh-Hoài-Đức.

- Géographie de Sadec.
- Histoire des missionnaires en Cochinchine par A. LAUNAY.
- Histoire de la Cochinchine par P. CULTRU.
- Nouvelles recherches sur les Chams par Antoine Cabaton Paris (1901).
- Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises (4è 1959).
- Histoires des Pays montagnards du sud indochinois.
- Journal d'Extrême Orient Saigon 1959.

LỜI GIỚI-THIỆU CỦA GIÁO-SƯ TRẦN VĂN QUẾ

Nền văn-hóa của một dân-tộc là thước ngọc, khuôn vàng, do giá-trị của dân-tộc ấy. Nó cũng sanh tiền với dân-tộc liên-hệ trải qua ba thời-kỳ là quá-khứ, hiện-tại và vị lai. Giữa ba thời-kỳ ấy có một mối liên-quan mật-thiết được coi là bất-di, bất-dịch. Nói một cách khác, quá-khứ chuẩn-bị cho hiện-tại và vị-lai, đến phiên mình phải làm công-việc ấy đối với tương-lai. Thế thường nói : Không (xưa) làm sao có (nay) ? Những công-việc làm của các thế-hệ trước, hay hoặc dở, đều là những bài học quý giá cho thế-hệ đi sau.

Hiểu rõ căn-bản ấy, nhà Sưu-khảo HUỲNH-MINH trong nhiều năm qua, đơn thương độc mã, đã âm-thầm làm sống lại « dĩ-vãng » nước nhà bằng cách lần-lượt trình bày dưới nhiều khía-cạnh lịch sử các tỉnh miền Nam : « Kiến-Hòa Xưa và Nay », « Bạc-Liêu Xưa và Nay », « Cần-Thơ Xưa và Nay », « Vĩnh-Long Xưa và Nay », Gò-Công, Định-Tường, Vũng-Tàu, v.v... Gần đây, ông Huỳnh-Minh sắp cho ra đời thêm một đứa con tinh-thần nữa là quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay ». Thật là một công-trình hy-hữu, đáng khích-lệ và chắc-chắn sau này sẽ được Tổ-quốc ghi công.

Suốt thời-gian trên 80 năm Pháp thuộc và hơn phần tư thế-kỷ bị nội-chiến, cốt-nhục tương-tàn, hồn nước phiêu-bạt theo mây gió, cảnh núi xương sông máu diễn ra khắp nơi trên lãnh thổ. Ngày hôm nay, ông Huỳnh-Minh nghiêm-nhiên gọi lại dĩ-vãng của dân-tộc nghìn xưa, gián-tiếp làm

sống lại trong tâm-hồn người Việt, nhứt là giới thanh-niên, tình thương quê cha mến đất tổ để nhớ lại những gì mà chúng ta phải làm, hầu khôi-phục nghĩa trọng tình xưa !

Năm 1428, sau khi đã bình được giặc Ngô, thống nhứt sơn-hà, đem lại thanh-bình cho dân-tộc, Vua Lê-Thái-Tổ trong vai tựa quyển « Lam-Sơn thực-lực » phải chẳng đã nói :

« Trẫm duy : vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ. Thủy như mộc, thủy tất hữu căn. Cái kỳ bản thịnh tắc diệt mậu : nguyên thâm tắc lưu-trường. Phi tiên thế chi, nhân ân chi sở bồi giả hậu, khánh trạch chi sở chung giả hồng, an năng nhược thị tai ?

« Trẫm nghĩ : Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tổ, ví như cây và nước tất cả có gốc nguồn. (...) Vì rằng : gốc thịnh thì lá tốt, nguồn sâu thì dòng dài. Nếu không phải nhờ ở nhân ân bồi-đắp được dày dặn, phúc đức, chung đức được lớn lao của các đời trước thì đâu có được như thế ? »

Nay đến lượt trình bày lịch-sử « Sa-Đéc Xưa và Nay », nhà sưu-khảo Huỳnh-Minh đã mỹ-ý dành cái hân-hạnh cho tôi viết bài giới-thiệu. Nhân dịp thông-cảm này, chúng tôi cũng xin mạo-muội góp sức trong muôn một, bằng cách nêu lên những cảm-tưởng của tôi đối với tỉnh Sa-Đéc ngày xưa cũng như ngày nay, để chứng-minh tính-cách chính-xác của các mục đã được nêu lên trong quyển sách này.

Trước kia, dưới thời Pháp thuộc, tỉnh Sa-Đéc được tặng cho danh hiệu là : Khu vườn của xứ Nam-kỳ (Le jardin de la Cochinchine), danh hiệu ấy để nói lên tánh-cách phì-nhiều

của điền-địa, màu sắc sum-thịnh của các loài thảo mộc (nhứt là các loại cây trái của toàn hạt).

Hơn thế nữa, nhờ sông Cửu-Long bồi-đắp, gọi là sông Tiền và sông Hậu, chảy qua rộng lớn, hai bên vườn ruộng xanh tươi, có một cảnh vừa đẹp vừa thiêng-liêng, huyền bí, bao trùm không sao tả được.

Địa-linh ấy tất phải sinh-xuất ra nhiều nhân-kiệt anh-tài lẫn văn võ, về cự học cũng như tân học, về phương diện đạo pháp thì tỉnh Sa-Đéc lại cũng là nơi xuất hiện của những bậc chân tu, thánh triết, đem đạo từ-bi tế-độ quần sanh trong đời mạt pháp.

Các khía cạnh ấy sẽ được trình-bày đầy-đủ chi-tiết trong quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay » mà chúng tôi được vinh-hạnh giới-thiệu cùng chư-tôn đọc-giả.

Giờ đây xin tóm-tắt cảm-tưởng của chúng tôi, trân-trọng trình lên mấy dòng thơ như sau :

« Thủy-trường » đặc-sắc đất Long-Giang.

Định, Vĩnh, Kiến, Sa hiệp một đàng.

Tú khí anh-linh đều hội đủ.

Miên tràng cảnh vật cõi Nam bang ».

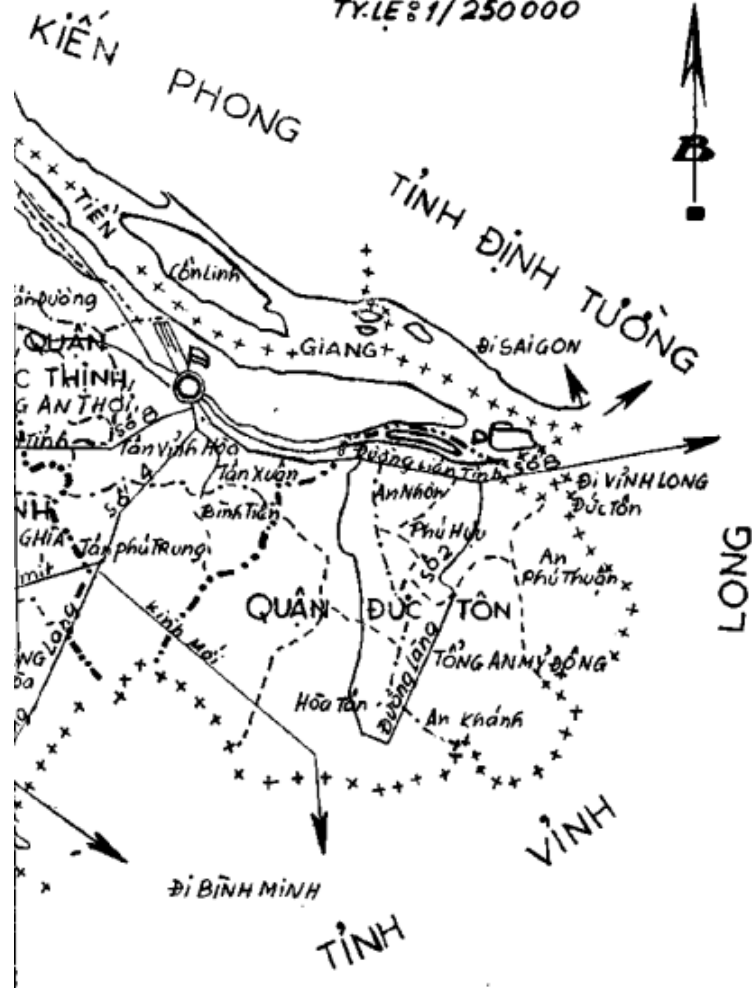
TRẦN-VĂN-QUẾ

Giáo-sư¹



TỈNH SÀ ĐÉC

TỶ LỆ: 1/250 000



LỜI NÓI ĐẦU

Vốn sinh trưởng nơi mảnh đất miền Nam yêu mến, hoài bão đến công nghiệp của tiền nhân.

Cưu mang mỗi duyên tình với non nước nhà, dù trăm ngàn khổ nhọc trên đường sưu khảo, dù muôn vàn tủi cực khi tìm phương tiện cho đứa con tinh thần được chào đời, chúng tôi vẫn dẫn thân tiến mãi trên đường đã vạch.

Kiểm điểm đoạn đường đã trải qua, suốt thời gian trên 15 năm âm thầm tích cực phục vụ Văn-hóa Dân-tộc, chúng tôi đã cố gắng ấn hành xong các tác phẩm đầu tiên. Loạt sách học làm người :

- Danh-Nhân Tư-Tưởng, Luyện-Chí, Sống Tranh-Đấu, Sống Vui, Sống Khổ, và các loại sách sưu khảo từng tỉnh của miền Nam : KIẾN HÒA xưa và nay, BẠC LIÊU xưa và nay, CẦN THƠ xưa và nay, VĨNH LONG xưa và nay, GÒ CÔNG xưa và nay, ĐỊNH TƯỜNG xưa và nay, VŨNG TÀU xưa và nay.

*Và hôm nay đến lượt **SA-ĐÉC Xưa và Nay** ra mắt bạn đọc :*

- Sa-Đéc, nơi Vua Gia-Long trong cơn tẩu quốc đã dừng gót móng trần, lập đại-bản-dinh, xây đắp đồn lũy để tranh hùng với Tây-Sơn. Đến nay hãy còn biết bao di-tích lịch-sử.

- Sa-Đéc, nơi làng Tòng-Sơn là chốn phát tích của Đức Phật-thầy Tây-An, khai sáng giáo phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương, nơi Đức Tông sư Minh-Trí tuyên dương giáo-lý, nơi Đức

Huỳnh Giáo-chủ từng giảng đạo dìu dắt tín đồ, là nơi Đạo giáo được sinh khí phát huy tốt đẹp hơn đâu cả.

- Sa-Đéc, đất hoạt động của các nhà Chí-sĩ, các nhà Cách-mạng, các Anh-hùng kháng Pháp. Chí-sĩ như Cụ Nguyễn-Quang-Diêu sinh trưởng tại đây. Chí-sĩ như Cụ Võ-Hoành đã bị đưa an trí chốn này.

- Sa-Đéc, nhân tài thịnh phát : nào Bác-vật Lưu-Văn-Lang, Danh-sĩ Đặng-Thúc-Liêng, Phòng Biểu, v.v...

Lại là nơi đầu tiên phát huy bộ môn kịch nghệ sân khấu, Sa-Đéc qui tụ cũng nhiều ngôi sao sáng kịch trường, nghệ thuật cầm ca. Và trên mọi lãnh vực đáng kể của Sa-Đéc, chúng tôi đề cập có thể nói nếu không đầy đủ hoàn toàn, quyết cũng không để thiếu sót nhiều.

Lòng đầy nhiệt huyết hăng say phục vụ Văn-hóa, ý nguyện dần-dần thực hiện những hoài bão của chúng tôi về sự hình thành được những bộ sách sưu khảo qua các tỉnh miền Nam, chúng tôi luôn luôn tận tâm, cố gắng vượt mọi nỗi khó khăn, chua xót. Nghị lực có thừa, nhưng phương tiện hăng thiếu thốn.

Ai bạn tri âm ? Mỗi khi tiếp đón một tác phẩm của chúng tôi chào đời, xin cảm thông cho những điều đau khổ mà chúng tôi đã cưu mang.

Tuy nhiên, đã tự nguyện phục vụ, thì hy sinh vẫn là lẽ sống của chúng tôi. Với quyển « SA-ĐÉC Xưa và Nay » đây, rất mong được sự ủng hộ nồng nhiệt của quý vị bạn đọc tri-kỷ bốn phương. Hầu cho chúng tôi những khích-lệ quý báu,

*để càng tiến xa hơn nữa. Luôn luôn nguyện không phụ lòng
quí bạn nâng đỡ.*

*Tầm nặng nợ dâu. Thọ ân đất nước, đồng bào, chúng tôi
hằng rút ruột nhả tơ đáp tạ ơn lòng trong muôn một.*

*Hân hoan và chân thành trao bạn đọc một đoạn tơ lòng
nữa của chúng tôi : **SA-ĐÉC Xưa và Nay.***

HUỲNH MINH

PHẦN THỨ NHẤT : SỬ-LƯỢC – ĐỊA-LÝ

SỬ-LƯỢC trải qua các thời-đại

ĐỊA-LÝ tổng quát

CHƯƠNG 1 : SỬ-LƯỢC

I. SA-ĐÉC DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN VÕ-VƯƠNG, NGUYỄN-PHÚC-KHOÁT (VÙNG ĐẤT TẦM-PHONG-LONG VÀ ĐÔNG-KHẨU-ĐẠO)

Sa-Đéc nói riêng, lãnh thổ miền Nam Việt-Nam nói chung, vốn do công trình của Tiên-nhân ta dưới thời các chúa Nguyễn đã dày công khai thác. Từ thời chúa Hiền tức Hiền-Vương, Nguyễn Phúc-Tần, sau truy dâng miếu hiệu là Thái-Tông Hiếu-Triết (1648-1687), cuộc nam tiến hình thành, lãnh thổ Việt dần-dần mở rộng. Đầu tiên thu phục đất Mô-Xoài (vùng Bà-Rịa, Biên-Hòa ngày nay) vào năm 1658. Rồi lần lượt đến bình định Saigon (vùng Saigon, Gia-Định) trong năm 1698, Định-Tường (Mỹ-Tho) và Long-Hồ (Vĩnh-Long) khoảng năm 1731.

Miền Hậu-Giang, Mạc-Cửu dâng đất Hà-Tiên và hòn Phú-Quốc cho chúa Nguyễn-Phúc-Chu từ năm 1714, rồi ít lâu sau, con là Mạc-Tứ tức Mạc-Thiên-Tích mở mang thêm bốn huyện : Long-Xuyên (miền Cà-Mau), Kiên-Giang (Rạch-Giá), Trấn-Giang (miền Cần-Thơ) và Trấn-Di (miền bắc Bạc-Liêu) từ năm 1739.

Cho đến năm 1759, vùng đất Châu-Đốc và Sa-Đéc khi ấy còn mang tên là đất (Tầm-phong-long) mới thật sự nằm trong bản dư-đồ lãnh thổ Việt-Nam ta.

Bây giờ, toàn lãnh thổ ta chia làm 12 dinh. Vùng đất Sa-Đéc vốn thuộc dinh Long-Hồ. Vị tướng soái nắm quyền điều khiển toàn quân, toàn dân Long-Hồ dinh là Nguyễn-Cư-Trinh, có Trương-Phúc-Du phụ-tá.

Đa mưu túc trí, kinh luân thao lược toàn tài, Nguyễn-Cư-Trinh dốc lòng lo cuộc mở mang bờ cõi miền Nam nước Việt. Đặt kế hoạch phòng thủ lâu dài, ông đệ sớ về triều bày tỏ sách lược, rồi dời dinh Long-Hồ lên xứ Tầm-Bào (Tỉnh lỵ tỉnh Vĩnh-Long, thuộc thôn Long-Hồ). Đồng thời, ông đôn đốc quân dân xây đồn cất lũy ở những nơi hiểm yếu, để ngăn ngừa cuộc đánh phá của người Chân-Lạp và Xiêm-La.

Đường bộ, ông dùng người Chăm trấn đóng các đồn ở Tây-Ninh và một phần trấn thủ ở Hồng-Ngự. Các đồn Tây-Ninh, Hồng-Ngự (xưa thuộc Châu-Đốc, nay thuộc Kiến-Phong) liên lạc nhau do đường tắt vùng biên giới bằng ngang Đồng-Tháp-Mười, Soài-Riêng.

Đường thủy thì lập đồn ở hai bên sông Cửu-Long gần biên giới gồm có :

- Tân-Châu-Đạo (Cù-lao-giêng) (ở Tiền-Giang)
- Châu-Đốc đạo (ở Hậu-Giang)
- Đông-Khẩu-đạo (ở vùng Sa-Đéc)
- Kiên-Giang-đạo (ở vùng Rạch-Giá)
- Long-Xuyên-đạo (vùng Cà-Mau)

Thế là vùng Sa-Đéc khi xưa đã nghiễm nhiên là một vị trí chiến lược quan trọng ở miền Hậu-Giang. Được đặt làm *Đông-Khẩu-đạo*, Sa-Đéc trở nên là một trong 5 đạo làm hậu thuẫn cho Long-Hồ dinh, là tiền đồn trấn giữ tỉnh-lỵ Vĩnh-Long xưa.

Bởi lẽ ấy, một khi đã nhắc đến Long-Hồ dinh, nói đến tỉnh Vĩnh-Long xưa và nay, chúng ta không thể không nhắc

riêng đến Sa-Đéc đã có một thời quá khứ đầy chứng tích lịch sử, đáng được nhắc-nhở.

II. SA-ĐÉC TRONG THỜI CHÚA NGUYỄN PHÚC ÁNH BÔN BA TÀU QUỐC

Công lao khai thác miền Nam Việt-Nam hoàn toàn do thống suất của Nguyễn-Cư-Trinh và Trương-Phúc-Du đã an định vào thời Chúa Võ-Vương Nguyễn-Phúc-Khoát. Khởi đầu chính sách tầm thực², thu phục đất đai Mô-Xoài (vùng Bà-Rịa, Biên-Hòa) từ năm 1658, thời Hiền-Vương Nguyễn Phúc-Tân, dần dần cho đến năm 1759 hoàn thành cuộc Nam-tiến, đặng-đăng tròn một thế-kỷ. Suốt một thế kỷ gian lao khai hoang, xây dựng đất nước, từng phen đương đầu chống với Chân-Lạp, Xiêm-La, biết bao xương máu tiền nhân đã đắp bồi.

Nhưng dựng nước đành là khổ nhọc, đến cùng nòi giống chiến tranh với nhau, cuộc đổ máu như thế ấy là bi đát. Miền-Nam đầm máu giữa người cùng nòi giống với nhau, bắt đầu từ lúc Chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc-Thuần chạy vào Gia-Định, lôi cuốn theo cơn lốc Tây-Sơn, gây nên trường bão tố xót-xa cho nòi Việt.

Ba phen Gia-Định thất thủ, biết bao phen miền Tiền-Giang và Hậu-Giang bị khói lửa lan tràn. Long-Hồ dinh rợp trời binh đao. Cố nhiên vùng chiến lược Đông-Khẩu-đạo (Sa-Đéc) không làm sao thoát khỏi sự tàn phá dữ dội, gây thê thảm cho giống nòi lâm cảnh nội chiến !

Chúa Nguyễn-Phúc-Thuần sa cơ lại Long-Xuyên-đạo (Cà-Mau) thì từ ấy binh quyền về tay Nguyễn-Phúc-Ánh. Có

thể nói, gót chân lưu vong của Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã dẫm khắp đất đai Miền-Tây. Nơi đâu có mặt Chúa Nguyễn, thì binh đội Tây-Sơn cũng tràn lan tới, và cuộc tranh hùng dẫm máu liên miên tiếp diễn.

Những hào-kiệt miền-Tây Nam-Việt theo phò tá Chúa Nguyễn có cơ hội xuất đầu lộ diện. Riêng vùng Vĩnh-Long (Long-Hồ), Sa-Đéc (Đông-Khẩu-đạo) nổi bật Tổng-Phúc-Hiệp, Tổng-Phúc-Hòa, Nguyễn-Văn-Nhơn, Châu-Văn-Tiếp. Nhất là hai anh em họ Tống đều tận trung tử nghĩa vì Chúa Nguyễn.

Từ năm Giáp-Thìn 1784, Sa-Đéc rục trời binh lửa, đằng-dằng sát khí ; vì Nguyễn-Vương từ Xiêm đem binh về có binh tướng Xiêm gồm 20.000 người và 300 chiến thuyền theo giúp. Hai tướng Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương chỉ huy đoàn thủy quân lục chiến ấy. Vị tướng lãnh chỉ huy quân của Nguyễn-Vương là Bình-Tây đại Đô-đốc Châu-Văn-Tiếp. Binh viện trợ đường ấy kể cũng là một lực lượng hùng hậu đáng ngại ! Nhưng, lòng trời chưa tựa Nguyễn-Vương. Sông Man-Thít (Sa-Đéc) sóng gào hận đồng chủng tương-tàn ; Đô-đốc Châu-Văn-Tiếp kêu binh tử-trận. Rồi đến một trận Rạch-Gầm³ Chúa-tướng Tây-Sơn Nguyễn-Huệ phá vỡ quân Xiêm.

Binh tan tướng mất, Nguyễn-Vương lại lìa Miền-Tây, lê gót lưu vong, ý đồ phục hận vẫn không nguôi. Hết binh Nguyễn-Vương, lại đến binh Tây-Sơn trấn đóng, Vĩnh-Long, Sa-Đéc nói riêng, toàn vùng chiến thuật Miền-Tây nói

chung, dân gian vẫn phải thấp thỏm lo âu khói lửa binh đao, tê tái than dài ách nạn nổi da xáo thịt !

Cho đến năm Đinh-Vị 1787, binh Nguyễn-Vương lại vùng lên. Lần này, Nguyễn-Vương thiết lập đại-bản-dinh tại Hồi-Oa (Nước-Xoáy), thuộc làng Tân-Long (sau đổi là Hưng-Long). Đồn lũy giăng giăng. Sa-Đéc lúc bấy giờ trở thành một nơi hành cung, bậc vua chúa lăm ngự, đóng đô ở đấy. Vì thế, ngày nay Sa-Đéc hãy còn đầy dẫy di tích thời Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh lưu vong, mưu đồ phục quốc.

Đã có duyên nợ đậm đà với vùng Long-Hồ, Sa-Đéc, cho nên đến khi thống nhất non sông, lên ngôi Đế, tức Vua Gia Long, nhà vua đầu tiên dòng Nguyễn-Phúc vẫn hằng tỏ lòng lưu luyến những kỷ niệm xưa ấy, mà có lần đã ngự du Long-Hồ trong dịp đầu xuân năm 1805. Mùa xuân thanh-bình trở lại trên đất nước, Sa-Đéc thưở ấy hẳn tràn ngập niềm hoan lạc trong lòng dân chúng đã quá đau khổ triền miên vì cuộc nội loạn, nay mừng ra nước mắt đón thanh bình.

III. SA ĐÉC QUA CÁC TRIỀU ĐẠI NHÀ NGUYỄN-PHÚC

Bởi có duyên nợ đậm đà với vùng đất Sa-Đéc, nên khi trú đóng tại đây, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã đặt tên làng tại Nước-Xoáy (Hồi-Oa) là làng Long-Hưng, và nhiều làng quanh vùng mang tên là Long-Ấn, Long-Thắng, Long-Hậu.

Khi xưa, Sa-Đéc gồm có hai Tổng : An-Xuyên và Vĩnh-An, thuộc châu Định-Viễn. Đến năm Gia-Long thứ bảy (1808), đổi châu Định-Viễn làm phủ Định-Viễn. Hai Tổng An-Xuyên và Vĩnh-An đổi thành huyện An-Xuyên và huyện Vĩnh-An.

Phủ trị Định-Viễn châu vị 56 trượng, rào tre đặt tại địa phận hai thôn Hiệp-An và Tân-Mỹ-Đông, thiết lập từ năm Gia-Long thứ 12 (1813). Đến năm Minh-Mạng thứ 14 (1833) mới dời qua địa phận thôn Trường-Xuân, huyện Vĩnh-Bình.

Theo « Đại Nam Nhất-Thống-Chí » ⁴, vùng Sa-Đéc ngày xưa bao gồm hai huyện Vĩnh-An và An-Xuyên như sau :

« Huyện Vĩnh-An, đông đến tây cách nhau 38 dặm, nam đến bắc cách nhau 22 dặm. Phía đông đến huyện giới An-Xuyên 2 dặm ; phía tây đến huyện giới Phong-Phú ở phủ Tuy-Biên 36 dặm ; phía nam đến huyện giới Đông-Xuyên 12 dặm ; phía bắc đến huyện giới Kiến-Phong tỉnh Định-Tường 10 dặm.

« Nguyên trước là tổng Vĩnh-An. Năm Gia-Long thứ 7 (1808) thăng làm Huyện, thuộc phủ Định-Viễn, tỉnh Vĩnh-Long. Năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) trích thuộc về phủ Tân-Thành.

« Có bốn Tổng, 36 Xã thôn Bang phố. Huyện An-Xuyên, ở đông nam phủ (Tân-Thành) 24 dặm. Đông đến tây cách nhau 48 dặm, nam đến bắc cách nhau 46 dặm. Phía đông đến sông tỉnh Vĩnh-Long 8 dặm ; phía tây đến giới hạn huyện Phong-Phú ở phủ Tuy-Biên 40 dặm ; phía nam đến huyện giới Vĩnh-Định thuộc phủ Ba-Xuyên 30 dặm, phía bắc đến sông tỉnh Định-Tường 16 dặm.

« Nguyên trước là địa hạt huyện Vĩnh-An. Năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) chia đặt huyện này thuộc phủ Tân-

Thành thống hạt. Năm Tự-Đức (1853) qui về phủ Tân-Thành kiêm nhiếp. Có 3 tổng, 25 xã thôn ».

HÌNH THỂ NGÀY XƯA :

Như thế, rõ là đất Sa-Đéc xưa gồm có hai huyện Vĩnh-An và An-Xuyên, trước thuộc phủ Định-Viễn, sau thuộc phủ Tân-Thành, chia làm 7 tổng, 61 xã thôn. Điều cần biết rõ hơn, trên kia chúng tôi đã ghi lại về phủ trị Định-Viễn, tưởng nên ghi thêm về huyện trị Vĩnh-An và huyện trị An-Xuyên của Sa-Đéc xưa.

Huyện trị Vĩnh-An đến năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) đổi làm phủ trị Tân-Thành, châu vi hơn 50 trượng, rào tre ở thôn Vĩnh-Phước.

Còn huyện trị An-Xuyên, châu vi 50 trượng, rào tre ở địa phận thôn Tân-Hộ, thiết lập vào năm Minh-Mạng thứ 20 (1839).

Từ đời Minh-Mạng, nhà vua đặc biệt lưu tâm đến việc giáo-dục. Ngay tại Sa-Đéc thuở ấy, có đến hai trường học lớn :

Trường phủ Tân-Thành, ở phía đông phủ trị Tân-Thành, địa phận thôn Vĩnh-Phước, xây cất vào năm Minh-Mạng thứ 13 (1832).

Trường huyện An-Xuyên, ở phía đông huyện trị An-Xuyên, địa phận thôn Tân-Hộ, xây cất năm Minh-Mạng thứ 20 (1839).

Thuở ấy đất đai Sa-Đéc phì nhiêu, dân cư trù mật. Căn cứ theo những điều đã ghi ở « Đại Nam Nhất-thống-chí »,

chúng ta nhận thấy về đường thủy, các sông ngòi ở Sa-Đéc xưa đã được khai thông khá nhiều, đem lại sự tiện lợi cho dân chúng biết bao :

Sông Sa-Đéc. – Ở phía bắc huyện Vĩnh-An 8 dặm, là bờ phía nam Tiền-Giang, rộng 21 trượng, sâu 28 thước. Sông trong nước ngọt, hai bên vườn ruộng mở mang đất tốt, nhân dân giàu có. Đạo Đông khẩu nhi trước đồn trú ở phía nam, chợ phố liên tiếp ở phía bắc, ghe thuyền tấp nập ; phía tả có bến Tiên, phía hữu có bãi Phụng-Nga, hình như La-Thành hộ vệ, cảnh trí rất tốt đẹp.

Rạch Nước-Xoáy (Hồi-Oa thủy). – Ở phía bắc huyện Vĩnh-An 15 dặm, do nước sông Sa-Đéc đưa đến. Nước chảy xoáy quanh vùng, rồi hội hiệp về Tiền-Giang và Hậu-Giang. Lúc đầu trung hưng vào năm Đinh-Vị 1787. Thế tổ Cao-Hoàng-Đế có đồn trú nơi đây để hiệu lệnh các đạo quân, và nhờ địa thế hiểm yếu thu được nhiều chiến công. Đây là một nơi chiến thắng, đến nay nhân dân còn ca tụng.

Các sông Nha-Mân, An-Thuận, Tân-Đông, Long-Phụng, Hội-An, Mỹ-An, v.v... hầu hết đều giữ được khí đất sinh vượng. Hai bên ruộng vườn đều thanh mậu.

Tuy nhiên, tình trạng an ninh ở Sa-Đéc lúc bấy giờ vẫn thường bị Chân-Lạp và Xiêm-La đe dọa. Trong năm Quý-Tị (1833), tại Gia-Định Lê-Văn-Khôi dấy binh phản đối triều đình về vụ án Lê-Văn-Duyệt. Cuộc nội biến ấy xảy ra vào khoảng tháng năm. Nhân dân hai miền Tiền-Giang và Hậu-Giang chịu ảnh hưởng của thời cuộc, xôn xao không ít. Dần

dần thảm họa nổi loạn lan xuống đến vùng Vĩnh-Long, Sa-Đéc. Dân chúng lâm than náo nùng.

Đã khổ về nội chiến, lại thêm vương nạn ngoại xâm. Cũng trong năm Quý-Tị ấy, khoảng cuối năm, binh Xiêm chia làm 5 đạo thủy bộ tràn sang đánh phá các vùng Hà-Tiên, Châu-Đốc, Vĩnh-Long. Một khi khói lửa chiến tranh bùng dậy trên đất Vĩnh, cố nhiên Sa-Đéc phải đặt trong tình trạng khẩn trương. Nạn binh đao gieo tang tóc, làm khổ đồng bào Sa-Đéc không ít.

Đối phó với giặc trong là nhóm Lê-Văn-Khôi, giặc ngoài là binh Xiêm, triều đình cử, Trương-Minh-Giang và Nguyễn-Xuân đi đánh dẹp. Vốn có đại tài, trí mưu thao lược của hai vị tướng lãnh Trương-Minh-Giang và Nguyễn-Xuân thừa sức chống địch. Một trận oanh liệt kết thúc cuộc chiến chống ngoại xâm, xảy ra trên sông Cỏ-Cảng (Vĩnh-Long). Tại đây, các vị tướng lãnh của ta đã hào hùng điều khiển binh sĩ phá tan thủy quân Xiêm. Thừa thắng, chỉ trong vòng một tháng, quân ta đuổi binh Xiêm ra khỏi Vĩnh-Long, tiến đánh lấy lại Hà-Tiên và Châu-Đốc. Từ ấy, dân chúng quanh vùng Vĩnh-Trà-Sa (Vĩnh-Long, Trà-Vinh, Sa-Đéc) được yên ổn làm ăn.

Cho đến triều Tự-Đức, khi nghe tiếng súng ngoại xâm bùng nổ trên đất ta, vào khoảng năm 1862, vùng Vĩnh-Long, Sa-Đéc bị quân đội Pháp chiếm đóng lần đầu tiên, bấy giờ là ngày 28 tháng ba 1862. Rồi do hòa-ước 5 tháng sáu 1862, chúng mới chịu giao trả Vĩnh-Long lại ⁵. Nhưng chúng vẫn làm áp lực khổng chế quân dân ta mãi, cốt ý xúc

tiến việc thôn tính đất nước ta mới thỏa ý đồ xâm-lược của họ.

Tự nhiên là dân miền Tây khi ấy đã sẵn-sàng đề cao tinh thần kháng chiến, há để bó tay ngồi nhìn vận nước nguy nan. Dân chúng vùng Sa-Đéc cũng phải chịu chung nỗi thống khổ điêu linh vì khói lửa chiến tranh, và cố nhiên cũng đã phải đóng góp xương máu rất nhiều trong cuộc bảo vệ đất nước thoát ách ngoại xâm của nước Pháp.

Kẻ đi xâm lược, một khi đã có đất đứng để làm bàn đạp vọt tới đánh khắp nơi thì có bao giờ họ chịu dừng tay. Quân đội Pháp đã có mặt ở Saigon, đã chiếm lấy 3 tỉnh miền Đông, tất nhiên cái cơ gồm nuốt trọn lãnh thổ miền Nam chỉ còn chờ thời gian thuận tiện là dấy động.

IV. QUÂN PHÁP CHIẾM 3 TỈNH MIỀN TÂY LẬP NỀN HÀNH-CHÁNH

Năm 1867 trong khi cuộc thương nghị (bắt đầu từ năm 1864) giữa Tổng-đốc Phan-Thanh-Giản, Trần-Tiến-Thành và Phan-Huy-Vịnh với toàn quyền Aubaret nhằm chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam phần chưa ngã ngũ ra sao. Tướng Pháp Lagrandière kéo 1.400 quân từ Định-Tường qua đánh lấy 3 tỉnh miền Tây một lần nữa. Cụ Phan-Thanh-Giản trấn thủ Vĩnh-Long không giữ nổi trước sức tấn công vũ-bão và vũ khí hùng hậu, nên đành giao nộp thành trì cho quân Pháp, để tránh cho binh sĩ và nhân dân khỏi thương vong do sự chống đối tuyệt vọng, rồi uống thuốc độc tự-vận, dặn con cháu sau này không được nhận chức tước của chánh phủ Pháp.

Thế là từ đó, Vĩnh-Long, Sa-Đéc cùng các tỉnh miền Tây thuộc quyền cai trị của Pháp.

Lúc bấy giờ Pháp đã chiếm xong 3 tỉnh miền Tây rồi, 6 tỉnh miền Nam đã hoàn toàn dưới quyền cai trị của Pháp.

Chính phủ Pháp tổ chức thuộc địa, phân chia ranh giới để cai trị, mỗi tỉnh đều đặt một quan Tham-biện, Quận, Tổng, Làng, để kiểm soát dân chúng và đặt luật lệ thuế khóa trông ách nô lệ trên đầu trên cổ dân Việt-Nam trên 80 năm đô hộ.

Vùng Sa-Đéc bây giờ nằm về tỉnh Châu-Đốc gồm 3 vị Tham-biện Pháp.

Tỉnh Châu-Đốc : 3 vị Tham-biện.

- Châu-Đốc : Châu thành Châu-Đốc

- Sa-Đéc : Châu thành Sóc-Trăng.

- Ba-Xuyên : Châu thành Sóc-Trăng.

Đến khi Sa-Đéc được tách riêng lập thành tỉnh, vị trí như sau :

- Đông giáp tỉnh Mỹ-Tho, cách 60 cây số về tỉnh Vĩnh-Long, cách 24km 500.

- Tây giáp tỉnh Long-Xuyên, cách tỉnh này 48 km 500.

- Nam giáp tỉnh Cần-Thơ, cách tỉnh này 50 km

- Bắc giáp tỉnh Tân-An, cách tỉnh này 84 km

Tỉnh Sa-Đéc khi ấy chia làm 3 quận, 10 tổng, 67 làng như sau :

Quận Châu-Thành Sa-Đéc gồm có 5 tổng, 34 làng :

- Tổng An-Hội có 5 làng : An-Tịch, Tân-Hưng, Tân-Xuân, Thượng-Văn và Phụng-Xuân.

- Tổng An-Mỹ gồm 14 làng : An-Hòa-Đông, An-Thuận, Hòa-Hưng, Khánh-An-Đông, Phú-Hòa, Phú-Hựu, Phú-Nhơn, Phú-Nhuận, Tân-An-Đông, Tân-Hựu, Tân-Hựu-Đông, Tân-Hựu-Trung, Tân-Long, Tân Nhơn.

- Tổng An-Thạnh-Thượng có 4 làng : An-Hội, Hội-An-Đông, Mỹ An-Hưng, Tân-Mỹ.

- Tổng An-Thạnh-Hạ có 5 làng : Tân-An-Trung, Tân-Đông, Tân-Khánh, Tân-Khánh-Tây, Tân-Qui-Đông.

- Tổng An-Trung có 6 làng : Bình-Tiên, Hòa-Khánh, Tân-Qui-Tây, Tân-Phú-Trung, Tân-Phú-Đông, Vĩnh-Phước.

Quận Cao-Lãnh gồm có 3 Tổng, 20 làng :

- Tổng An-Tĩnh có 5 làng : Hòa-An, Tịnh-Thới, Tân-Tịch, Tân-Thuận-Đông, Tân-Thuận-Tây.

- Tổng Phong-Nấm có 9 làng : Bình-Hàng-Tây, Bình-Hàng-Trung, Bình-Thạnh, Mỹ-Hội, Mỹ-Hiệp, Mỹ-Long, Mỹ-Thọ, Mỹ-Thành, Mỹ-Xương.

- Tổng Phong-Thạnh có 6 làng : An-Bình, Mỹ-Ngãi, Mỹ-Trà, Nhị-Mỹ, Phong-Mỹ, Tân-An.

Quận Lai-Vung gồm có 2 tổng, 13 làng :

- Tổng An-Phong có 6 làng : Hậu-Thành, Long-Hưng, Tân-Bình-Hòa, Tân-Dương, Vĩnh-Thanh.

- Tổng An-Thới có 8 làng : Hòa-Long, Long-Hậu, Long-Thắng, Phú-Thành, Tân-Hòa, Tân-Phước, Tân-Lộc, Vĩnh-

Thời.

Như thế, tỉnh Sa-Đéc trong thời Pháp thuộc đã bao gồm cả vùng Cao-Lãnh tức vùng tỉnh lỵ Kiến-Phong bây giờ. Mà một khi đã nói đến hai chữ Cao-Lãnh, là người Việt tất ai cũng biết đó là chốn có lắm chí sĩ anh hùng hào kiệt ẩn thân.

V. ANH HÙNG HÀO KIỆT PHÁT CỜ CHỐNG PHÁP

Khi quân đội Pháp chiếm miền Tây, biết bao hào kiệt vùng Định-Tường, Vĩnh-Long, Sa-Đéc, Cao-Lãnh đã phát động các cuộc kháng chiến hào hùng. Tuy thất bại, không thành công, nhưng các vị anh hùng chống xâm-lăng ấy, các chí sĩ ngậm hận ấy, đều được muôn đời nhắc nhở, ngưỡng mộ sùng kính. Những nhân vật kháng Pháp cứu quốc như Thiên-Hộ-Dương, Thủ-Khoa-Huân, Thống-Linh (Nguyễn-Văn-Linh), Phòng-Biểu (Nguyễn-Văn-Biểu) đã làm rạng danh Sa-Đéc ngày xưa. Những chí sĩ khét tiếng vùng Sa-Đéc, Cao-Lãnh, như các cụ Nguyễn-Quang Diêu, v.v... đã nêu gương muôn thuở cho người Sa-Đéc.

Và khoảng cận đại có các chí sĩ như : Võ-Hoành, Dương-Bá-Trạc, Nguyễn-Quyền, từng bị chính quyền đưa đi an trí tại Sa-Đéc. Cụ Phan-Bội-Châu khi vào Nam, thân đến vùng Sa-Đéc tiếp xúc với những nhân vật có lòng yêu nước. Ông Đặng-Thúc-Liêng cư ngụ ở Sa-Đéc là người tài năng khí tiết đã làm cho Sa-Đéc thêm phần văn học hào hùng.

Cho nên, dù chiếm đất nước ta, nhưng người Pháp chưa dễ tiêu diệt được sĩ khí của dân tộc ta. Đặc biệt là sĩ khí vùng Sa-Đéc, Cao-Lãnh chói rạng hơn đâu hết. Lịch sử đã

chứng minh điều ấy, và đến nay mọi người cũng đều đã biết rõ như thế. Chính tinh thần bất khuất của giống nòi ta đã cứu thoát dân tộc sớm cởi ách nô lệ của ngoại bang. Và trong công cuộc giành độc lập, tự do cho dân tộc, miền Tây Nam-Việt đáng được tự hào với tỉnh Sa-Đéc xưa kia có nhiều sĩ phu đầy tinh thần khí phách, làm rạng rỡ giống nòi dân Việt.

VI. NỀN ĐỆ NHỨT CỘNG-HÒA SA-ĐÉC TRỞ THÀNH QUẬN, TỈNH VĨNH-LONG

Từ năm 1957, do Nghị-định số 308-BNV/NC/NĐ ngày 8-10-57, tỉnh Sa-Đéc trở thành một quận thuộc tỉnh Vĩnh-Long, gồm có 20 xã. Rồi 5 năm sau, do Nghị-định số 719-NV ngày 11-07-62 lại cắt phần đất trong vùng Sa-Đéc là Đức-Tôn và Đức-Thành lập thành 2 quận riêng biệt nữa của tỉnh Vĩnh-Long như sau :

Tỉnh Vĩnh-Long 9 quận, 24 tổng, 81 xã (bao gồm vùng Sa-Đéc).

- Quận Châu-Thành gồm có 4 tổng, 14 xã
- Chợ-Lách gồm có 3 tổng, 9 xã
- Tam-Bình gồm có 3 tổng, 8 xã
- Bình-Minh gồm có 2 tổng, 6 xã
- Minh-Đức gồm có 2 tổng, 8 xã
- Sa-Đéc gồm có 3 tổng, 13 xã
- Lấp-Vò gồm có 2 tổng, 8 xã (Vùng Sa-Đéc sáp nhập)
- Đức-Tôn gồm có 2 tổng, 7 xã (Vùng Sa-Đéc sáp nhập)
- Đức-Thành gồm có 2 tổng, 8 xã (Vùng Sa-Đéc sáp nhập)

VII. SA-ĐÉC TÁCH RỜI VĨNH-LONG TRỞ LẠI TỈNH

Thời cuộc đổi thay, các tỉnh miền Nam dưới thời chánh phủ Ngô-Đình-Diệm, trở thành quận như : Gò-Công, Vũng-Tàu, Bạc-Liêu, Châu-Đốc, Sa-Đéc, v.v... Gần đây các tỉnh cũ bị sáp nhập làm quận, lần lượt được phục hồi lại địa vị cũ.

Sa-Đéc được tái chính thức thành lập trở lại từ ngày 24-9-1966 do sắc Lệnh của Phủ-chủ-tịch Hành pháp Trung ương. Tỉnh tái lập này gồm có 4 quận 10 tổng, đến ngày nay 1970, cải tổ đã bầu Hội đồng nhân dân Xã và lập Ủy ban Hành chánh Xã, không còn tổng nữa.

SA-ĐÉC HIỆN ĐẠI : NĂM 1971 GỒM CÁC QUẬN XÃ NHƯ SAU :

- Quận Châu-Thành : Xã An-Tịch, Tân-Hiệp, Bình-Tiên, Tân-Phú-Trung, Tân-Xuân, Tân-An-Trung, Tân-Đông, Tân-Mỹ, Tân-Khánh, Tân-Khánh-Tây, Tân-Vĩnh-Hòa, Hóa-Thành, Tân-Dương.

- Quận Đức-Thành : Xã Tân-Thành, Long-Hậu, Vĩnh-Thới, Tân-Hòa-Bình, Hòa-Long, Tân-Phước, Long-Thắng, Phong-Hòa.

- Quận Đức-Tôn : Xã Phú-Hựu, An-Nhơn, Tân-Nhuận-Đông, An-Phú-Nhuận, An-Khánh, Hòa-Tân, Phú-Long.

- Quận Lấp-Vò : Xã Bình-Thạnh-Đông, Bình-Thạnh-Tây, Bình-Thạnh-Trung, Hội-An-Đông, Mỹ-An-Hưng, Định-Yên, Vĩnh-Thạnh, Long-Hưng.

Tổng cộng : 4 Quận 36 Xã.

Theo một tài liệu chúng tôi sưu tầm về nhân số chung toàn tỉnh gồm cả nam phụ lão ấu và số người di-cư từ năm 1966-67, cộng trên 250.000 người và nhân số hiện tại năm 1971 gần 300.000 người kể cả binh đội của Sư-đoàn 9 Bộ-binh.

Lịch sử tỉnh Sa-Đéc tóm lược như trên, kể ra cũng là nơi rất xứng đáng lưu truyền sự tích. Ngày nay, Sa-Đéc cũng như bao tỉnh khác đang trên đà phát triển mọi ngành sinh hoạt, trong tương lai hẳn còn xứng đáng hơn lên.

CHƯƠNG 2 : ĐỊA LÝ

Từ Thủ-đô Saigon theo quốc-lộ 4 xuống Sa-Đéc, qua Bắc Mỹ-Thuận rẽ về phía tay mặt, tiến theo lộ số 8 tới Sa-Đéc là 136 cây số.

Vị-trí, giới-hạn, diện-tích :

- *Vị-trí* : Tỉnh Sa-Đéc nằm giữa Tiền-Giang và Hậu-Giang, đông-tây ước độ 36 cây số ngàn, bắc-nam chừng 22 cây số ngàn, ở những quãng tối đa.

- *Giới hạn* : Phía bắc, tỉnh Sa-Đéc giáp 2 tỉnh Kiến-Phong và Định-Tường. Phía nam giáp An-Giang, Phong-Dinh và Vĩnh-Long. Phía đông giáp An-Giang.

- *Diện tích* : 776 km², 288

Địa chất : Không có đồi núi, đất tỉnh Sa-Đéc là phù-sa phì nhiêu, hợp cho việc trồng lúa, các loại cây và cây kỹ-nghệ. Mặt đất phần lớn là ruộng và vườn.

Núi đồi, đồng bằng, cù-lao : Như trên đã nói, tỉnh Sa-Đéc là một vùng đồng bằng, do phù sa bồi đắp nên cũng có nhiều chỗ thấp, mùa nước lớn có nhiều nơi bị lụt ngập, nhất là vào khoảng giữa tháng 10 cho đến giữa tháng 12 dương lịch.

Khí hậu, mưa gió :

- *Khí hậu* nhiệt độ trung bình : Buổi sáng 25 độ, trưa chiều 28 độ trong mùa mưa. Buổi sáng 27 độ, trưa chiều 31 độ trong mùa nắng.

- *Mưa* : Mưa bắt đầu vào tháng tư, chỉ vào khoảng tháng 6, 7, 8 và 9 thì mưa rất thường, có nhiều đám mưa to, lắm khi kéo dài đến đôi ba ngày. Mưa trở lại ít, từ đầu tháng 10 và chấm dứt vào cuối tháng 11 âm-lịch.

- *Gió* : Có hai ngọn gió chánh : Gió tây nam thổi trong mùa và gió chướng thổi từ hướng đông trong mùa nắng.

Thảo mộc, cầm thú :

- *Thảo mộc* : Cây cối tốt tươi nhất là về mùa mưa vì có nước đầy đủ. Ruộng lúa phì nhiêu, vườn cây xanh biếc. Cũng có nhiều vùng đất còn hoang vu, thì toàn là tranh và lác dày bịch. Rải rác trong các vườn cây ăn trái, hoặc nơi các đồng ruộng có một số ít cây danh mộc như : Dầu, Sao, Bằng-lăng, và các cây cổ thụ như cây đa, cây bồ-đề thường có tại các chùa, đình, miếu, v.v...

- *Cầm thú* : Ngoài số gia súc đủ dùng như : Trâu, bò, heo chó, gà, vịt, ngỗng, v.v... tại các đồng ruộng còn có chồn, trăn, rắn, rùa. Về các loại chim thì kể : cò, quạ, dều, le-le, gà nước, óc cao, vò vẽ, chàng nghịch, v.v...

CHƯƠNG 3 : ĐƯỜNG GIAO THÔNG, THỦY, BỘ

Đường thủy : Ngoài hai sông Tiền-Giang và Hậu-Giang chạy dài bên phía nam và phía bắc để làm ranh giới, trong tỉnh lại còn có nhiều sông, kinh, rạch nhờ giúp cho việc lưu thông bằng đường thủy từ vùng này qua vùng khác như :

- *Rạch Chợ-Cồn* : Con rạch này tuy ngắn nhưng quan trọng, vì các tàu bè, ghe đò buôn bán trên sông Tiền-Giang muốn ghé Châu-Thành, Sa-Đéc thì bắt buộc phải vào con rạch độc nhất này.

- *Sông Sa-Đéc* : Thông thương từ tỉnh lỵ qua các xã Tân-Dương, Long-Hưng, Vĩnh-Thạch, Bình-Thành-Đông, Bình-Thành-Tây trở ra sông Hậu-Giang và Vàm-Cống, và từ tỉnh lỵ qua các xã Tân-Vĩnh-Hòa, Tân-Xuân, Tân-Nhuận-Đông, An-Nhơn, Phú-Hựu trở ra sông Tiền-Giang gần Bắc Mỹ-Thuận.

- *Rạch Sa-Nhiên* : Thông thương đến các xã Tân-Khánh, Tân-Khánh-Tây thuộc tổng An-Thạch.

- *Rạch Cần-Thơ* : Thông thương từ Sa-Đéc đến tỉnh Phong-Dinh.

- *Rạch Nha-Mân* : Thông thương giữa các xã Tân-Nhuận-Đông, Phú-Long Hòa-Tân, Phong-Hòa qua đến quận Đức-Thành.

- *Kinh Thầy-Lâm* : Nối liền hai xã Long-Hưng và Mỹ-An-Hưng thông ra sông Tiền-Giang.

- *Rạch Cái-Tàu-Hạ* : Thông thương qua xã Sông-Phú (quận Tam-Bình) và xã Tân-Hòa-Bình (quận Đức-Thành)

- *Rạch Cái-Tôm-ngang* : Thông thương từ xã An-Tịch qua xã Tân-Hiệp và trở ra sông Tiền-Giang.

Còn nhiều kinh rạch như : Kinh Đốc-Phủ-Hiền, Kinh Rau-Cần, Kinh Ông-Huyện, Kinh Đội-Thơ, Rạch Cái-da-nhỏ, Rạch Mù-U, Rạch Cây-Sanh, Rạch Khê-Rang, v.v...

Đường bộ :

- Đường Liên-tỉnh số 8 từ địa đầu quận Đức-Tôn đến đò Vàm-Cóng : 52cs 883. Con đường độc nhất cho việc đi lại giữa tỉnh lỵ đến các quận lân cận như Đức-Tôn, Đức-Thành, Lấp-Vò. Con đường này tráng nhựa được chánh phủ chú ý chăm nom gìn giữ, vì nó nối liền với các con đường địa phương khác rất tiện lợi cho việc đi lại và tiếp tế thực phẩm, cùng chuyên chở hành khách giữa đô thành với các tỉnh, các quận miền Tây như An-Giang, Châu-Đốc, Kiên-Giang.

- Đường tỉnh hạt 23 từ quận Châu-Thành đến Cái-Tàu-Thượng dài 31cs 870 : Đường này nối liền tỉnh Sa-Đéc với quận Chợ-Mới (tỉnh An-Giang) và tỉnh Kiến-Phong qua chiếc phà Cao-Lãnh, con đường này đã bị tàn phá lúc biến cố năm 1945, nay được sửa chữa và được cán đá lại.

- Đường Tỉnh-lộ 29 : Đi từ Hòa-Long đến Lai-Vung dài 8cs 450.

- Đường Tỉnh-lộ 37 : Đi từ Lai-Vung đến quận Bình-Minh (Vĩnh-Long) dài 10cs 440.

Ngoài ra còn có các Hương-lộ nối liền từ tỉnh-lỵ hoặc quận-lỵ đến các xã như :

- Hương-lộ 13 : Từ Sa-Đéc đến xã Long-Hưng (Lấp-Vò)
- Hương-lộ 4 : Dọc theo kinh Đốc-Phủ-Hiền từ Sa-Đéc đến xã Tân-Phú-Trung.
- Hương-lộ 2 : Dọc theo Rạch Nha-Mân, từ cầu Nha-Mân đến xã Xẻo-Mát.
- Hương-lộ An-Tịch : Nối liền từ Sa-Đéc đến 2 xã An-Tịch và Tân-Hiệp.
- Hương-lộ số 5 : Từ tỉnh-lỵ đến xã Tân-Phú-Trung, dài 20cs 270.
- Hương-lộ số 8 : Đến xã Định-Yên.
- Hương-lộ số 19 : Đến xã Mỹ-An-Hưng.
- Đường lộ đi Mũi Cần-Gió (Basse Nord) bắt đầu từ sắt Sa-Đéc. Mũi Cần-Gió dài 2 cs 500 là Vàm-Rạch Sa-Đéc, khi xưa là nơi bến tàu Lục-Tĩnh và Nam-Vang ghé rước đưa hành khách và cất chở hàng, nơi đây, khi trước cũng có dựng lên cái chợ gọi là chợ Cồn, nay nơi này bị lở vô sâu mấy chục công đất, nên bến tàu đã bỏ từ lâu.
- Doi-Cồn : Mé bên sông thuộc Tân-Qui-Đông, sát bờ sông Sa-Đéc, vì nước chảy siết nên đã bị lở. Chánh quyền đang đóng cừ hàn lại, nhưng lâu ngày không thể chịu nổi với lạch nước xoáy.

Trong tương lai, về địa lý ở đây sẽ còn nhiều sự thay đổi, có chỗ sụp mất, có nơi bồi thành cồn, vì thế, trong họa đồ sẽ có sự thêm bớt, đó là về mặt địa lý tổng quát.

PHẦN THỨ NHÌ : DANH-NHÂN LỊCH-SỬ VÀ NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI

CHƯƠNG 1 : DANH-NHÂN LỊCH-SỬ

I. CHƯỜNG-THỦY-DINH QUẬN-CÔNG TỔNG PHƯỚC-HÒA SA CƠ BỊ TÂY-SƠN BẮT TẠI BA-VÁT, TỰ-VẬN ĐỂ BẢO TOÀN DANH TIẾT

Anh em đều vinh hiển, ngàn thu hương hỏa sùng phụng, nơi đền đài miếu mạo Vĩnh-Long – Sa-Đéc, thật chẳng ai bằng gia-đình Tổng-Quốc-công. Dân chúng Vĩnh-Long không ai là chẳng biết miếu thờ Tổng-Quốc-công (Phước-Hiệp), còn tại Sa-Đéc thì ngôi đình thờ Tổng-Quận-công (Phước-Hòa) cũng nguy-nga tráng-lệ không kém.

(Trước kia có đền thờ riêng, sau này Chánh phủ Pháp dỡ di để cất bót cảnh sát ở đó, nên nay Tổng-Quận-công thờ chung với đình Thần làng Vĩnh-Phước).

Tổng-Phước-Hòa là em ruột Hữu-phủ Quốc-công Tổng-Phước-Hiệp⁶, đã từng vào sanh ra tử theo phò Chúa Định-Vương Nguyễn-Phúc Thuần lúc chống Tây-Sơn. Xuất thân là Cai-cơ trong quân ngũ của anh tại Long-Hồ-dinh, nhưng ông tuyệt nhiên không cậy oai thế của anh mình mà tự kiêu tự mãn. Lúc nào ông cũng nhún nhường, tháo vát mọi trọng trách một cách miễn cưỡng, liêm-chính. Trong quân cũng như ngoài dân chúng, người người đều mến chuộng tài đức của ông.

Mùa xuân năm Bính-Thân (1776), Tây-Sơn kéo vào hạ thành Gia-Định. Ông vâng lệnh anh đi cứu viện, một lòng quyết tử, làm tròn nhiệm vụ, đánh Tây-Sơn khôi phục đất đai đã mất. Do công lao ấy, ông được thăng Chưởng Thủy-dinh, tước Quận-công. Rồi cùng anh đóng quân tại Long-Hồ.

Năm sau, Đinh-Dậu, 1777, Tây-Sơn lại kéo vào đánh chiếm Gia-Định. Bấy giờ ông đang cùng Tống-Phước-Thiên trấn giữ Long-Hồ, lập tức điều động binh sĩ ứng chiến.

Tây-Sơn dũng-mãnh tiến chiếm nhiều nơi trọng yếu. Chúa Nguyễn và các quan hầu cận liệu thế không xong, lui về Ba-Vát (Bến-Tre) cố thủ. Ông hay tin, lòng càng hăm-hở quyết tử chiến, một mình đem binh chống cự. Dũng-cảm chiến đấu, binh sĩ dưới sự chỉ huy của ông thấy đều hăng hái tranh phong cùng địch, thắng luôn nhiều trận.

Tây-Sơn bèn dùng mưu, một mặt cầm cự ngăn ông tại Ba-Vát, một mặt đổ binh đánh tập hậu, bắt sống được Tân-Chánh-Vương (tức Đông-cung Nguyễn-Phúc-Dương) giải về Gia-Định hành quyết. Ông cảm hờn than dài : Chúa nhục thì kẻ làm tôi nên liều chết ! Ông càng thúc quân đánh mạnh hơn lên. Nhưng dầu anh dũng đến thế nào, sức côi thế yếu, ông cũng đành ngậm hận mà thôi. Liệu bề khó thắng nổi trong tình thế nguy nan, ông liền đánh một trận cuối cùng cực kỳ dữ-dội, rồi trở gươm tự sát nơi chiến trường Ba-Vát.

Chẳng những các chiến hữu của ông đều cảm phục thương tiếc, mà tất cả tướng sĩ Tây-Sơn cũng nhiệt lòng khen ngợi ý chí trung liệt của ông.

Về sau, gồm thu non sông về một mối, Vua Gia-Long nhớ công ơn, truy phong ông chức Chưởng-Dinh-Quận-Công. Năm Canh Ngọ 1810, nhà vua lại cho thờ ông tại Miếu Trung-tiết Công-thần ở Huế.

Nay tại làng Vĩnh-Phước trong Châu-Thành Sa-Đéc, hãy còn ngôi đình thờ ông, xây cất cực kỳ tráng-lệ. Tục gọi

« Miếu quan Thượng-đẳng », cũng là Đình Thần làng Vĩnh-Phước như kể trên.

Ông Nguyễn-Đăng-Khoa có thơ vịnh :

*« Quốc-công trọng tước dấy lòng trung
Tay đỡ thành Nam chống thế công
Đất trở anh tài trong nước lửa
Trời treo gương Tống chói non song
Oai danh thơm nức ngoài ba cõi
Oanh liệt còn vang thấu cửu trùng
Công đức đã đầy trong võ-trụ
Hiền thần chẳng nhọc, Đế-vương phong ».*

II. KINH-MÔN QUẬN-CÔNG NGUYỄN-VĂN-NHƠN (1753-1822)

Nguyễn-Văn-Nhơn, người huyện Vĩnh-An (vùng Sa-Đéc), thuộc tỉnh An-Giang xưa. Ông là con của Trần-Quốc-tướng quân Minh-Đức Hầu Nguyễn-Quang và Thị-Áo.

Xuất thân, ông ứng nghĩa đầu quân, theo Tống-Phước-Hiệp và Nguyễn-Khoa-Thuyên, làm chức Đội-trưởng, khi ấy mới 22 tuổi. Sau đó theo Tống-Phước-Hòa đi đóng giữ ở nhiều nơi, được thăng Cai-đội.

Đinh-Dậu 1777, mùa đông, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh khởi binh tại huyện Long-Xuyên (Cà-Mau), ông theo Dương-Công-Trừng đóng giữ ở Sa-Đéc. Rồi được thăng Cai-cơ trong năm Mậu-Tuất 1778.

Nhâm-Dần 1872, ông bị Tây-Sơn bắt tại Thủ-Thiên. Mãi đến 3 năm sau ông mới trốn được, lại tìm sang Xiêm theo

Nguyễn-Vương đang nấu mình nơi đó. Dọc đường, gặp Nguyễn-Trần-Thái từ Xiêm trở về, ông cùng Nguyễn-Trần-Thái khởi binh chiếm giữ huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) rồi thẳng qua Vọng-Các yết kiến Nguyễn-Vương lấy lại được Gia-Định, công lao rất dày.

Năm Ất-Mão 1795, làm Lưu-thủ Trấn-Biên (Biên-Hòa) : lúc nhỏ gặp buổi loạn lạc nên ông không được học hành, bấy giờ tuổi trên 40 ông mới gia công đọc sách.

Năm Đinh-Tị 1797, về giữ Gia-Định, lãnh việc vận lương và kiêm việc Hộ-bộ.

Năm Nhâm-Tuất 1802, Nguyễn-Vương vừa lên ngôi, tức Vua Gia-Long, phong ông làm Chưởng-chấn Võ-quân tước Nhơn-Quận-công. Cuối năm ấy, Bình xong Bắc-Hà, ông dân số điều trần 14 khoản :

- Định lại các thứ thuế
- Cầu người hiền
- Lập hương học
- Cử người hiếu liêm
- Cải-cách phong-tục
- Định phép khoa cử
- Sửa đổi hình phạt
- Định sắc phục kẻ trên người dưới
- Đặc phép cho nghiêm việc quan lại
- Phát chẩn cho dân nghèo
- Tiêu biểu người trinh-tiết
- Thăm định phép tắc
- Lập đồn trại ở các nơi

- Bỏ những thuế tạp

Lại xin đặt thêm một đạo quân Trấp-võ và Tứ-dinh để tăng cường quân lực. Và điều trần việc học ở Gia-Định, xin định nội qui học đường, mỗi xã lựa một người làm trưởng giáo. Lời sớ trần tình :

« Trị nước cốt chinh phục được lòng dân : hành chính không gì bằng giáo dục. Trước kia vận trời biết loạn, đất Gia-Định phải bỏ việc học hành. Nay non sông mới xây dựng lại, bờ cõi thanh bình thì chính lúc phải nên dạy cho dân học. Vậy xin đặt ra phép dạy, mỗi làng phải chọn lấy một người có đức hạnh, văn học, tha hản cho quân dịch để cho dạy dỗ con em trong làng. Cấm hản không cho rượu chè, cờ bạc, hát xướng, hể phạm các điều ấy, các quan sở tại phải trừng trị. Như vậy thì rồi tất sẽ gây nên được nhiều nhân tài ra giúp nước và cũng không phụ lòng giáo hóa của Thánh-thượng ».

Vua Gia-Long khen phải, tỏ lòng ưu ái ông hơn, mọi việc trong Nam tin cậy cậy nơi ông mà ủy thác cho.

Đến năm Mậu-Thìn 1808, ông nghiễm nhiên là Tổng-trấn Gia-Định, kiêm lãnh hai trấn Bình-Thuận và Hà-Tiên, uy thế lẫy lừng. Ông chính là vị Tổng-trấn đầu tiên ở miền Nam này.

Sang đời Minh-Mạng, năm Tân-Tị 1821, ông về kinh, sung chức Tổng-tài ở Quốc-sử Quán. Năm sau, Nhâm-Ngo 1822, mùa xuân ông mất, thọ 70 tuổi. Được truy tặng Dục-vận-Đồng-đức Công-thần, đặc tiến Trự-quốc Thượng-tướng-quân, Thượng-trụ-quốc, Thái-bảo Quận-công.

Khi ông qua đời, Vua Minh-Mạng truyền chỉ bãi chầu 3 ngày, sai các quan ra làm lễ điếu. Nhà vua cũng bốn thân ngự ra dinh ông ban rượu tế, trước khi đưa linh cửu về Gia-Định. Lại ban cho một đôi liễn điếu :

« Vọng-Các hiệu từng long, trực bá đau tâm huyền nhật nguyệt ; Xuân thành bi khứ hạc, do lưu Chính khí tác sơn-hà »

Nghĩa : *« Theo Vua nơi Vọng-Các, lòng son treo rạng cùng trời đất ; Bỏ mình chốn Phú-Xuân, khí chính còn lưu với núi sông ».*

Nhà vua lại cấp 100 mẫu ruộng ở xã Thanh-Thủy, Phú-Vinh tại Huế, cho con cháu làm tự điền.

Năm Giáp-Thân 1824, được Vua cho thờ vào Thế-Miếu và Miếu Trung-Hưng Công-thần.

Tân-Mão 1831 truy tặng là Tráng-Võ tướng-quân, Hữu-quân Đô-Thống-phủ, tước Kinh-Môn Quận-công, thụy là Mục-hiến.

Đốc Phủ-sứ Nguyễn-Đăng-Khoa đề vịnh :

*« Cần-Vương giữ vẹn tiết trung thần
Lửa đỏ đành đem gởi chút thân
Gia-Định cao thẳng ngôi Tổng-trấn
Nam-kỳ thống lãnh chức trung quân.
Kỳ nam đáng đứng trong trời đất
Liệt sĩ hầu lên nẻo thánh thần,
Nuốt đạn vừa tên không kể mạng
Non sông âu cũng nhứt công ân ».*

Kinh-môn Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn có ba người con trai là : Nguyễn-Văn-Đức, Nguyễn-Văn-Thiện và Nguyễn-Văn-Giai và sáu người con gái : Nguyễn-Thị-Nghi, Nguyễn-Thị-Huê, Nguyễn-Thị-Nhâm, Nguyễn-Thị-Thức, Nguyễn-Thị-Đáng và Nguyễn-Thị-Đơn.

Nội tổ của ông là Nguyễn-Văn-Trân, cũng được nhà vua truy tặng tước là Cương-Nghị-hầu. Thân phụ ông là Nguyễn-Văn-Quang, truy tặng tước là Minh-Đức-hầu.

III. ÔNG NGUYỄN VĂN MẬU GIÚP CHÚA NGUYỄN PHÚC ÁNH

Trên bước đường gian nan tẩu quốc, khi thất thế về nương náu tại làng Tân-Long (Nước-Xoáy-Hồi-Oa), Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã gặp một vị ân nhân tận tình phụng dưỡng chúa, khiến cảm-kích đến tôn xưng người ấy là ông Bỏ của mình, tức coi như cha nuôi.

Ông Bỏ của chúa Nguyễn, chính tên là Nguyễn-Văn-Mậu, kêu là Hậu, quê quán làng Tân-Long (nay là Long-Hưng), làm tri-thâu (thâu các sắc thuế) trong làng và làm đến chức Trùm-cả.

Khoảng năm Đinh-Vị 1787, Chúa Tây-Sơn là Nguyễn-Lữ đã chiếm Gia-Định và tóm thâu nhiều nơi trong Nam. Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh từ nước Xiêm trở về, dung thân tạm nơi một góc trời Nước-Xoáy.

Ông Nguyễn-Văn-Mậu vốn là nhà hào phú trong làng, tuổi cao đức cả tính hiền lành, hay giúp kẻ hoạn nạn, trợ kẻ khó nghèo. Trong làng, người người thảy đều mến lòng bác-ái của ông.

Ngày kia, có người đến to nhỏ cùng ông một chuyện quan trọng : Thưa ông Trùm-cả, ông có hay chuyện quan trọng mới xảy ra trong làng ta chẳng ?

Ông Trùm Mậu ngạc nhiên : « *Chuyện chi quan trọng vậy chú em ?* »

- *Thưa ông, có một vị quý nhơn dẫn lính đến ngụ nơi làng ta, Ông liệu sao ? Không khéo làng ta sẽ mắc họa binh đao chốn chẳng không !*

- *Chà, có chuyện như thế sao ? Vị quý nhơn hiện giờ ngụ ở nhà nào ? Để ta coi thử diện mạo người rồi sẽ liệu.*

Ông Trùm Mậu bèn theo gót người làng, đến tận nơi trú ngụ của Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh mà xem xét vị quý nhơn ấy ra sao. Thoạt trông thấy vị thiếu niên mặc y phục theo trong hoàng-phái, dáng nho nhã, nét cương nghị trầm hùng biểu lộ trên gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Ông Mậu khen thầm : « *Đây là một vị chơn chúa đang lúc phong trần, mai sau thanh vân đắc lộ quyết chẳng ai hơn nổi đâu* ».

Bèn ra mặt, bái kiến Chúa Nguyễn. Nguyễn-Vương kính ông tuổi tác, vội vàng nghiêng mình đáp lễ ân cần hỏi : « *Lão trượng là ai ?* »

Ông Mậu tỏ thật tên họ và chức nghiệp. Nguyễn-Vương cảm khái : « *Chúng tôi truân chuyên lưu lạc đến đây, chắc đồng bào cảm thông mà giúp đỡ cho tôi chớ ?* »

Ông Mậu khẳng-khái : « *Vâng. Chúa đang bước long đong, phận tôi con đâu dám chẳng hết lòng* ».

Từ hôm ấy, ông Mậu xuất tài sản châu cấp cho binh sĩ của Nguyễn-Vương, và vận động người trong làng sốt sắng ủng hộ cho.

Mỗi ngày, tại nhà ông nấu sẵn cơm cháo, cho ghe chở nướm nượp ra đến vàm Nước-Xoáy, cách nhà ông độ 3 cây số tiếp tế quân đội Nguyễn-Vương. Ròng rã ba tháng, ông tận tình giúp đỡ đủ mọi mặt, nhờ đó binh Nguyễn-Vương thắng nổi Tây-Sơn.

Nguyễn-Vương niệm ơn ông, lại xét ông là bậc trưởng thượng, trung can nghĩa khí, lòng dạ đáng thương, bèn cung kính tôn ông làm Bỏ của ngài, tức là coi ông như cha nuôi. Ông Mậu thấy thế cả kinh : Xin chúa thượng chớ quá hạ mình. Kẻ hạ dân không dám vọng tưởng đến như thế.

Nguyễn-Vương cảm động : Bỏ chớ ngại, xét ra xứng đáng cho tôi kính là Bỏ, xin đừng từ chối mà phụ lòng tôi mến chuộng, cảm đức của Bỏ.

Ông nghe câu nói đầy ân hậu, lòng càng cảm thương ; càng dốc lòng lo cho Nguyễn-Vương.

Trong quân, ai nấy cũng đều tôn xưng kính trọng ông. Ông chẳng biết lấy chi đáp lại cho cân, nên nguyện xin dâng người con gái út của ông cho Nguyễn-Vương dùng làm Tấn-nhân hầu hạ Chúa. Nhưng nàng phản đối ý cha, giả điên cho đến chết (*Xin xem chuyện con gái ông Bỏ Hậu*).

Về sau Nguyễn-Vương thống nhất sơn hà, lên ngôi Hoàng-đế, tức Vua Gia-Long. Nhà vua vẫn niệm ơn ông Bỏ Hậu. Sắc phong tước Đức-hầu. Khi Vua Gia-Long mới lên ngôi, có người trong Nam nghe được tin ấy, chạy bay đến

nhà ông Mậu mà tỏ chuyện : « Mừng cho ông sắp vinh hiển to rồi ».

Ông nghiêm trang : « Chuyện chi đáng mừng ? »

- Ông chưa hay gì sao ? Dương kiêm Hoàng-đế chính là người đã tâng trọng ông làm Bỏ khi trước đó.

- Thật chẳng ?

- Ông cứ cho người dò hỏi thì biết.

Ông nghe tin ấy, lòng mừng cho Nguyễn-Vương đã đắc vận. Riêng ông, ông không tin tưởng lắm rằng Vua Gia-Long sẽ chẳng quên ơn ông. Đến khi có sắc chỉ của Triều-đình đưa vào tặng phong ông tước Đức-hầu, bấy giờ ông mới biết công mình nuôi giúp chẳng uổng, mắt xanh nhận xét chẳng lầm người.

Người trong làng hết thấy đều khen phục ông tinh tường, biết chơn chúa trong cơn lưu-lạc phong trần.

Năm Gia-Long thứ 8 (1809) ông mãn phần. Vua Gia-Long thương tiếc, có chỉ truyền sai một phái đoàn trong Công-Bộ vào xây lăng cho ông và cho người con gái của ông rất trọng hậu. Lăng ấy nay hãy còn, nhưng các chữ ở mộ bia đã phai mờ.

Bà Đốc-phủ Phái ở Chợ-Lớn mấy mươi năm trước đây, chính là chắt gái của ông Bỏ của Vua Gia-Long vậy.

Nơi làng Long-Hưng, dòng dõi ông cũng còn nhiều.

Ông Hòa-Trai Nguyễn-văn-Dẫn có thơ cảm đề :

« Tuấn kiệt nghiêng vai đỡ lấy trời,

*Anh hùng trưởng lão phải là chơi,
Đất Nam thượng phụ không hai mặt,
Cõi Việt họ hầu biết mấy mươi
Khương Tử ngồi câu trong mỗi mắt
Võ-Hầu xếp quạt cũng hao hơi.
Cần vương tâm nhứt người trên trước
Âu phải liều thân giúp với đời ».*

IV. CÁC VÕ TƯỚNG QUÊ Ở SA-ĐÉC PHỤ TÁ NHÀ NGUYỄN-PHÚC

Bên cạnh hai nhân vật ưu tú của Sa-Đéc ngày xưa là cụ Tống-Phước-Hòa và Nguyễn-Văn-Nhơn, mà chúng tôi đã trình bày, hãy còn khá nhiều võ tướng khác, tên tuổi ghi chép ở bộ « Đại-Nam Nhất-thống-chí », phần tỉnh An-Giang, khu vực 2 huyện Vĩnh-An và An-Xuyên, tức vùng Sa-Đéc khi xưa. Đáng kể gồm có :

- Nguyễn-Văn-Bế : Người huyện Vĩnh-An. Ông Nguyễn-Văn-Bế từng theo chúa Nguyễn-Phúc-Ánh sống cuộc đời lưu vong ở Vọng-Các (Xiêm), được phong chức Tổng Nhung Cai-cơ. Những khi Nguyễn-Vương kéo binh trở về, giao chiến với Tây-Sơn, ông đảm nhận sứ mạng giao liên giữa Nguyễn-Vương với Vua Quan Xiêm. Ngoài ra, ông còn có công đi cầu viện và khéo tổ chức dàn quân ủng hộ Nguyễn-Vương. Khi ông mất, Nguyễn-Vương truy tặng ông chức Chưởng-cơ, liệt thờ vào hai miếu Hiển-Trung và Trung-Hưng.

- Hoàng-Phước-Bửu : Người huyện An-Xuyên, ông tận tụy với chúa Nguyễn-Phúc-Ánh, gian lao nguy hiểm chẳng quản gì thân. Ông được Nguyễn-Vương tín nhiệm. Lúc

Nguyễn-Vương lưu vong nơi Vọng-Các ông vẫn theo bảo giá, làm đến chức Trung-đồn Uy-Vũ Vệ-úy. Trung thành với Nguyễn-Vương, ông xông pha ngoài tiền tuyến dư trăm trận, đối đầu với Tây-Sơn ở nhiều nơi. Đến năm Tân-Dậu (1801), ông từng chinh ở Qui-Nhơn, tử trận nơi Thạch-Cốc, được truy tặng chức Chưởng-cơ. Năm Gia-Long thứ ba (1804), nhà vua cho liệt thờ ông vào các Miếu Chiêu-Trung, Hiến-Trung và Bao-Trung. Năm Gia-Long thứ 9 (1810) lại được liệt thờ vào miếu Trung-Hưng Công thần.

- Nguyễn-Văn-Trọng : Người huyện An-Xuyên. Ông nổi tiếng hào hùng, tinh thông võ-nghệ. Gặp thời loạn, ông dốc lòng theo đường binh-nghiệp, cứu loạn, an dân, bèn quyết định phụ tá Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh. Khi mới đầu quân, ông đã được trọng dụng, phong chức Khâm-sai Cai-cơ, theo Tổng-Nhung Nguyễn-Thuyên và tiên phong Nguyễn-Văn-Thành điều khiển quân sĩ, giao phong cùng Tây-Sơn trên khắp mặt chiến trường. Dần dần làm đến chức Tiên-phong Đinh lượng Võ-vệ Chính-vệ. Năm Canh-Thân 1800, ông từng chinh ở Qui-Nhơn, tử trận tại Tự-Sơn. Đến năm Gia-Long thứ hai 1803 được truy tặng Chưởng-cơ liệt thờ vào miếu Bao-Trung. Năm thứ 9 (1810) liệt thờ vào miếu Trung-Hưng Công-thần.

- Nguyễn-Văn-Định : Người huyện An-Xuyên, làm đến Cai-cơ. Từng theo Nguyễn-Vương sống cuộc đời lưu vong ở Vọng-Các. Từ năm Đinh-Vị 1787, ông bảo giá Nguyễn-Vương từ Xiêm trở về, rồi xông pha trận mạc chẳng quản gì thân. Đến khi từng chinh ở Quảng-Nam tử trận tại đây.

Được truy tặng Chương-cơ, liệt thờ nơi miếu Hiển-Trung và miếu Trung-Hưng.

- Nguyễn-Văn-Tuyên : Người huyện Vĩnh-An, đầu quân dưới cờ Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh. Ông chống nhau với Tây-Sơn quyết liệt, có nhiều chiến công, làm đến Vệ-úy trong đoàn quân Chấn-Võ. Đến khi Nguyễn-Vương khôi phục xong Gia-Định, thăng ra Phú-Xuân, ông từng cùng với ông Lê-Văn-Duyệt đánh dẹp ở nhiều nơi, trở tài cứu loạn an dân. Nhất là khi đánh dẹp ở Quảng-Ngãi, ông đem lại an ninh cho dân chúng, khiến nhân dân xưng phục cảm mộ ân uy. Ông mất trong trận công phá Qui-Nhơn. Được truy tặng Chương-cơ.

- Nguyễn-Văn-Yến : Người huyện An-Xuyên, làm đến Vệ-úy Lượng-võ. Ông tính cương trực khảng-khái, xông trận rất dũng cảm. Các thuộc hạ của ông thấy đều kính mến ông, sẵn sàng tuân theo lệnh ông điều khiển, trên dưới một lòng. Năm Canh-Thân 1800, từng chinh ở Qui-Nhơn, ông tử trận tại Thị-Dã, được liệt thờ vào miếu Hiển-Trung và miếu Trung-Hưng.

V. NGUYỄN THỊ DUNG NGƯỜI ĐÀN-BÀ HÁO NGHĨA NHẤT Ở SA-ĐÉC TRONG ĐỜI VUA THIỆU-TRỊ

Sa-Đéc xưa kia, có một « ông Bỏ » của Vua Gia-Long ⁷, đáng ngợi về mặt háo nghĩa bao nhiêu, thì đến đời Thiệu-Trị, còn có một bà Nguyễn-Thị-Dung cũng nổi tiếng là người đàn bà háo nghĩa vào bậc nhất. Sách « Đại-Nam Nhất-thống-chí » vẫn nêu tên bà để biểu dương cùng hậu thế.

Bà Nguyễn-Thị-Dung, người huyện An-Xuyên, vốn nhà giàu có. Vào cuối đời Minh-Mạng, nhân thấy đất nước có nhiều biến loạn, dân gian khổ sở vì lo âu, chiến cuộc lan tràn khắp nơi, bà tỉnh ngộ về cuộc đời phù hoa, giã tạm, vạ vật vô thường, nên bà sinh lòng mộ đạo Phật, phát-bồ-đề-tâm, tri hạnh bố-thí, sẵn lòng lạc quyên, chân tế bất cứ ở nơi nào cần đến sự hỗ trợ của bà. Do công đức ấy, bà được nhân dân mến phục.

Đầu năm Thiệu-Trị (1841), có việc động binh ở vùng An-Giang, Châu-Đốc, dân chúng quanh vùng lâm vào cảnh khốn khó. Bà ra tay cứu tế, hết lòng giúp đỡ kẻ nghèo khổ qua cơn tai trời ách nước.

Quân-đội của triều đình lúc bấy giờ đang cần quân nhu, lương thực, bà biết tin, sẵn-sàng xuất lúa quyên trợ. Nhờ sự tán trợ của bà, chẳng những dân chúng đội ơn cứu nạn, mà triều-đình cũng cảm kích nghĩa cử của bà, nhất là rất khen ngợi nhiệt tâm của bà đối với quân-đội.

Để tưởng thưởng lòng từ-bi của bà đối với đồng bào, khích lệ lòng yêu nước của bà đối với quân-đội bằng cách nhiệt-liệt tiếp-tế mọi thứ nhu yếu phẩm, quan lại địa phương và thượng cấp trong quân-đội dâng sớ về triều tâu rõ nghĩa cử của bà. Tiếp được tờ trình, triều thần họp nhau bàn định và đưa ý kiến lên Vua, xin phong tặng cho bà. Vua Thiệu-Trị chấp thuận, sắc tặng cho bà một tấm biển chạm bốn chữ vàng « Lạc quyên nghĩa phụ ».

Được đề cao sự háo nghĩa như thế, chẳng những đẹp riêng thân danh bà, mà lại còn làm đẹp mặt giới nữ lưu.

Hơn nữa, danh thơm chung muôn thuở cho xứ sở Sa-Đéc mến yêu của bà và của thế hệ sau và mãi-mãi.

VI. HỒ-TRỌNG-ĐÍNH

Ngày nay, du khách viếng Sa-Đéc, ắt chẳng khỏi bồi hồi khi nhìn sang vùng Cao-Lãnh. Đất Cao-Lãnh trước vẫn là một quận thuộc tỉnh Sa-Đéc, một vùng thuộc Long-Hồ-Dinh. Và nơi ấy, có miếu Văn-Thánh là di tích đáng ca tụng. Một khi du khách quan chiêm Văn-Thánh miếu ở làng Mỹ-Trà (Cao-Lãnh), tự nhiên chẳng khỏi bàng-hoàng đặt câu hỏi : Ai đã xướng xuất việc xây cất Văn-Thánh miếu ? Ngược dòng thời gian, tra cứu sử-liệu, chúng ta sẽ không quên cảm niệm vị Tri-phủ Tân-Thành, dưới thời Tự-Đức, tên là Hồ-Trọng-Đính. Chính là người đã đề xướng việc xây cất miếu Văn-Thánh, làm đẹp mặt Sa-Đéc thuở nào.

Hồ-Trọng-Đính quê ở làng Quỳnh-Đôi, tỉnh Nghệ-An. Ông thi đỗ Cử-nhân, nổi tiếng văn học.

Khoảng năm Đinh-Tỵ 1857, ông được triều đình bổ vào Nam làm Tri-phủ Tân-Thành. Trăn nhậm một nơi văn hiến, ông tỏ lòng sốt sắng lo việc chính trị, giáo dục. Rảnh việc vua quan, ông thường nhóm sĩ phu trong vùng đàm đạo văn chương, thảo luận việc mở mang trong xứ.

Nhờ công đôn đốc của ông, đến khoa Mậu-Ngọ (1858), người trong phủ Tân-Thành (Sa-Đéc) đỗ được một Cử-nhân, hai Tú-tài. Ông hân hoan bàn tính với các thân hào nhân sĩ về việc đề cao đạo học, khích lệ sĩ phu chung lo việc xây dựng nền văn học trong xứ, hầu cho nho phong sĩ khí càng ngày càng cao rạng. Bấy giờ, có vị giáo thụ là Nguyễn-

Thục-Trinh tán đồng ý kiến ấy, cùng nhau chung lo việc xây cất Văn-Thánh miếu.

Đầu tiên, miếu Văn-Thánh Sa-Đéc tọa lạc trên một sở ruộng ở phía đông Phủ-Thành, thuộc làng Mỹ-Trà, tổng Phong-Thạnh, cách chợ Cao-Lãnh chừng 1.200 thước, xưa thuộc về huyện Vĩnh-An, phủ Tân-Thành.

Tri-phủ Hồ-Trọng-Đính lại xướng lập nên hội Tư văn, cử chức Hội trưởng, câu đương, v.v... Khởi công xây cất Văn-Thánh miếu vào ngày mồng 4 tháng 6 đến ngày 28 tháng 10 thì hoàn thành.

Từ ấy lễ nhạc có *tôn chủ*, chiêm ngưỡng có cung tường, xứ Sa-Đéc được một thời nổi danh văn hiến. Do công đức ấy, dân chúng Sa-Đéc đều tỏ lòng cảm phục Tri-phủ Hồ-Trọng.

Đến sau, Tri-phủ Hồ-Trọng-Đính có sắc chỉ thăng chức *Giám-sát Ngự-sử* và phải hồi kinh. Dân chúng càng nồng nàn tỏ lòng luyến tiếc bậc minh quan ấy.

Di tích Văn-Thánh miếu Sa-Đéc nay hãy còn. Chúng tôi đã ghi rõ chi tiết ở phần Di tích, kể từ Tri-phủ Hồ-Trọng-Đính chủ trương lập miếu, đến nay đã trên một trăm năm.

Điều nên nói thêm : Khoảng năm Tự-Đức thứ 31 (Mậu-Dần 1878), vì Văn-Thánh miếu trải cơn binh lửa, bị tàn phá, bấy giờ, trong làng Mỹ-Trà có ông Ban-biện suất đội chủ trương là Phạm-Văn-Khanh, tình nguyện xuất của riêng mua cây gỗ sửa sang lại Văn miếu, để cung tiến một tòa, còn ngói gạch vật liệu thì do người trong hội đóng góp

chung lo. Ban biện Khanh bèn dời Văn miếu về cận Trường-Giang Cao-Lãnh.

Đến gần đây, sửa sang Văn miếu lại lần nữa, chính do công lao các ông : Nguyễn-Quang-Diêu, Huỳnh-Kinh-Ngưu, Nguyễn-Khắc-Niệm, v.v...

Bao giờ người đời còn nhắc nhở đến Văn-Thánh miếu Sa-Đéc, hẳn là tên tuổi của vị Tri-phủ Tân-Thành Hồ-Trọng-Đính cũng đã gắn liền vào việc chấn hưng văn hóa ấy.

CHƯƠNG 2 : NHÂN-VẬT CẬN-ĐẠI

I. NGUYỄN-VĂN-BIỂU TỤC GỌI ÔNG PHÒNG-BIỂU, ĐƯỢC NHÂN DÂN SA-ĐÉC CAO-LÃNH XƯNG PHỤC TÀI LẠ

Ông Nguyễn-Văn-Biểu, làm chức phòng vệ trong bộ đội kháng Pháp của Thiên hộ Võ Duy-Dương nên có tên tục danh là Phòng-Biểu. Đứng trong hàng ngũ nghĩa quân tại Đồng-Tháp, tên tuổi ông vang lừng nơi vùng Cao-Lãnh (tỉnh lỵ Kiến-Phong hiện nay).

Vóc vạc ông cao lớn mạnh dạn, nên được chủ tướng chọn làm cận vệ. Suốt thời gian kháng chiến, luôn luôn ông có mặt bên cạnh chủ tướng, được trọng dụng và tin yêu trọn vẹn. Vì ông rất trung thành, dũng cảm, trải bao cơn chiến trận đẫm máu, lúc nào ông cũng tỏ ra là một viên tướng hào hùng đốc lòng hy sinh vì đại nghĩa.

Theo tài liệu của ông Thân-Việt (tức ông cử Phan-Văn-Thiết), ông Phòng-Biểu có hai cái tài đặc biệt, trong vùng Cao-Lãnh lắm người được biết :

« Tài thứ nhất của ông là tài ăn... mỗi lần ăn cho đến một sải chè đậu. Chè đậu là thức ăn dễ ngán lắm, ai có giỏi ăn thì cũng vài ba chén là nhiều, thế mà ông ăn cho cả sải. Lấy chén múc chè vào cho đầy rồi sắp hàng dài trên bộ ván (phản) được một sải (có gần ba thước), nghĩa là có đến ba chục chén chè...

« Tra cứu thì dường như ông Phòng-Biểu có cái dạ dày giống như... con lạc đà. Khi theo dưới cờ nghĩa quân của cụ Thiên hộ Võ-Duy-Dương, nhiều lúc đi công tác đôi ba ngày,

ông cũng không hề đem thức ăn theo. Trước khi ra đi ông ăn một nồi cơm to (sức bốn hay năm người ăn mới hết) rồi khi về (tối hay qua ngày sau) mới ăn nữa. Chẳng khác Tiết-Nhân-Quí đời Đường bên Tàu.

« Tài đặc biệt thứ nhì của ông là : đánh gãy tiện một bó mía lau ba chục cây ».

Về chuyện đánh gãy bó mía như sau : Ông bảo đem mía ra bỏ ngoài sân, rồi ông lựa ba chục cây chắc chắn, ngay ngắn, ông gọt lại, lấy dây luột bó ba chục cây chắc cứng như một khúc cây nguyên, dù cho quăng lên cao rớt xuống đất bao nhiêu lần cũng không khi nào sút ra được. Xong rồi, ông kiểm chỗ dựng bó mía ấy cho vững chãi. Đoạn, ông lấy ra cây thước sắt là vũ khí trước kia ông dùng đi đánh giặc. Cây thước ấy dài độ một thước rưỡi, bề ngang độ bốn phân, bề dày non một phân. Ông cầm cây thước sắt trên tay, lấy bộ tràng hoàng rồi hơi cây thước sắt trên tay, đánh một cái, cạnh bên của cây thước chặt đứt tiện ngang bó mía, chẳng khác gì con dao bén chặt xuống một sợi roi mây dầy. Không hề khi nào có sót một cây mía nào không đứt tiện cả.

Biểu diễn tài chặt mía ấy cho mọi người xem xong ông nói : *« Bà con thử nghĩ : Cây thước sắt lợi hại không kém cây thiết báng của Tề-Thiên Đại-Thánh, làm sao bọn săn đá Tây chịu nổi. Hễ một cây đánh xuống là chết một tên rồi, chỉ cần ráng tránh, đừng ở trước mũi súng trường của chúng nó mà thôi. Nhờ Trời Phật độ, trong bọn thời kỳ tôi theo hầu ngài Thiên-Hộ không có khi nào ở trong tình trạng ấy ».*

Với sức mạnh phi thường, lòng dũng cảm tột bậc, thêm ý chí can trường quyết tâm kháng chiến cứu quốc, ông Phòng vệ Nguyễn-Văn-Biểu nghiêm nhiên là viên võ tướng lừng danh. Trong các trận đương đầu với quân Pháp, ông luôn luôn xông pha rất gan dạ. Ngọn thương sắt của ông vung đến đâu, quân Pháp vỡ tan đến đó, khiến chúng phải khiếp danh ông.

Mỗi khi nghe đến tên ông Phòng-Biểu, quân lính Pháp đều có ý kiêng dè. Riêng ông, ông cũng khéo léo rất mực trong cơn xung sát kháng địch. Biết người, biết mình, dù can trường có thừa, mà tự biết võ khí thô sơ, cần phải dè dặt trước súng đạn tối tân, nên với tài thao lược và sự nhanh nhẹn của con nhà tướng, ông vẫn oai hùng chiến thắng.

Nhưng sức người có hạn, việc trời đất không cùng. Ông đã tận tụy với tổ quốc cho đến lúc thời thế đã hết phương xoay chuyển, mới đành ngậm ngùi lui ẩn trong một vùng quê tại Cao-Lãnh.

Ông sống cho đến ngoài 80 tuổi qua đời, chỉ năm ngủ rồi tắt hơi luôn chớ không có đau ốm gì.

II. LỄ BỘ THƯỢNG THƯ NGUYỄN-ĐĂNG-TAM – NHÂN VẬT SA-ĐÉC CHIẾM ĐƯỢC ĐỊA VỊ CAO TRỌNG NƠI TRIỀU ĐÌNH



Người quê quán tỉnh Sa-Đéc trước kia, ra làm quan tại triều đình thiết tưởng nên kể đến vị Thượng thư bộ Lễ Nguyễn-Đăng-Tam.

Theo tài liệu của hai ông Nguyễn-Văn-Cứng và Nguyễn-Văn-Dần trong quyển « Sa-Đéc nhân vật chí » : Nguyễn-Đăng-Tam sinh ngày mùng tám tháng Giêng năm Mậu-Thìn (1er Février 1867), sinh tại làng Tân-Phú-Đông, tổng An-Trung, tỉnh Sa-Đéc. Về sau, ông ra miền Trung, nhập tịch làng Mỹ-Đức, tổng Thạch-Bàn, huyện Phong-Phú, phủ Quảng-Ninh, tỉnh Quảng-Bình.

Ông nổi tiếng văn-học, thông thạo Hán và Pháp văn. Khi đã tốt nghiệp ra trường, ông được bổ làm giáo-sư dạy tại trường Mỹ-Tho. Ít lâu, ông xin rời ty giáo-huấn, chuyển qua tùng sự ở Sở Thương-chính. Rồi lại xin chuyển ngạch, làm thông-ngôn ở Tòa sứ Trung-Kỳ.

Đến năm 1895 ông lại được Nam triều ban cho hàm Hàn-lâm-viện Biên-tu, chánh thất phẩm. Cho đến năm 1911 thì thăng Thái-thường Tự-khanh, Chánh Tam-phẩm. Từ đây, trên đường hoạn, cả hai bên Pháp – Việt đều trọng dụng ông. Lớp thì Chính-phủ Pháp ban huy-chương đủ hạng. Nam triều thì ban Kim-Khánh và Đại-Nam tứ-đẳng Long-bội-tinh.

Năm 1926, ngày 13 tháng 3, ông nghiêm nhiên là một vị đại-thần, sung chức Thượng-thư bộ-Lễ, kiêm Cơ-Mật-Viện Tham-tá.

Điểm đặc biệt ở ông và đáng khen là chẳng bao giờ ông quên Vĩnh-Long, Sa-Đéc từng là nơi chôn nhao cắt rún. Càng được vinh hiển, ông càng tưởng nhớ nhiều đến Sa-Đéc, mà bằng quay về đây, lưu ý săn sóc đồng bào tỉnh nhà.

Chính ông là ân nhân của Hội Vĩnh-Long tương-tế, giúp cho Hội này làm được nhiều việc công ích, tô điểm cho quyển « Vĩnh-Long nhân vật chí » : lại giúp cho hai ông Nguyễn-Văn Cứng và Nguyễn-Văn-Dần soạn thành quyển « Sa-Đéc nhân vật chí » rất đáng thưởng lãm. Điều nên ghi thêm, về các thứ huy chương mà ông được thưởng, chẳng những của Chính-phủ Pháp, của Nam-triều, mà cả đến Cam-Bốt và Ai-Lao cũng có trao tặng tưởng-lệ ông như sau :

- Ngày 19 tháng giêng năm... Được Nam triều thưởng Kim-Khánh hạng nhì.

- Ngày 7 Mars 1906 : được thưởng Ngân-Bội-Tinh hạng nhì.

- Ngày 10-12-1907 : được thưởng Bội-tinh của Pháp văn Đồng-minh hội (Médaille de l'Alliance française)

- Ngày 10-4-1911 : Ngân-bội-tinh hạng nhứt

- Ngày 28-11-1916 : Bội-tinh Vàng Hạng nhì

- Ngày 31-3-1920 : Ngũ-đẳng Bội-tinh (Cam-Bốt)

- Ngày 02-1-1922 : Huân-chương Hàn-lâm Viện Pháp

- Ngày 25-5-1922 : Bội-tinh của nước Lào
- Ngày 06-02-1923 : Đại Nam Tứ-đẳng Long-bội-tinh
- Ngày 11-03-1924 : Ngũ-đẳng Bắc-đầu Bửu-tinh
- Ngày 25-12-1925 : Bửu-tinh của Pháp
- Ngày 22-01-1926 : Kim-khánh của Pháp.

III. NGUYỄN-ĐĂNG-KHOA – VỊ ĐỐC PHỦ VĂN CHƯƠNG VÀ CÓ ĐẠO ĐỨC



Trong quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay » này, ở nhiều chương chúng tôi có trình bày ít nhiều bài thơ của vị Đốc-phủ sứ Nguyễn-Đăng-Khoa. Ấy là nhân vật lừng lẫy tiếng tăm trong giới quan-trường, và là người đã làm rạng danh tỉnh Sa-Đéc phần nào.

Ông Nguyễn-Đăng-Khoa sinh năm 1864 tại làng Tân-Qui-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, tỉnh Sa-Đéc. Cuộc đời ông suốt 37 năm lăn lóc trong chính trường, tăm tiếng chẳng những vang dội vùng Vĩnh-Long, Sa-Đéc, mà ngoài Trung, Bắc cũng từng biết danh ông.

Vốn dòng-dõi thư hương, ông nổi được nghiệp nhà, học hành uyên bác, có tài thao-lược, có tâm cơ, tánh tình lại

hiền hậu. Xuất thân làm giáo viên, rồi làm thông-ngôn. Lại được bổ từng sự tại Tòa Thông-sứ Bắc-kỳ Hà-Nội. Trong nhiệm vụ nào, ông cũng tỏ ra thừa khả năng phụng sự.

Đến năm 1903, được thăng Tri-huyện. Năm 1908 thăng Tri-phủ. Năm 1916 thăng Đốc-phủ-sứ. Từ khi thăng Tri-phủ và Đốc-phủ-sứ, ông đã từng làm Quận-trưởng, trấn nhậm các nơi :

- Năm 1908 làm Quận trưởng Thủ-Đức (Gia-Định)
- Năm 1909 làm Quận trưởng Hốc-Môn (Gia-Định)
- Năm 1913 làm Quận trưởng Cái-Nhum (Vĩnh-Long)
- Năm 1914 làm Quận trưởng Chợ-Lách (Vĩnh-Long)
- Năm 1916 làm Quận trưởng Ô-Môn (Cần-Thơ)
- Năm 1920 làm Quận trưởng Lai-Vung (Sa-Đéc)

Trấn nhậm quận nào cũng lưu để thành tích tốt, khiến lúc ra đi nhiều người còn thương mến, luyến tiếc. Điều làm vinh diệu cho ông :

- Triều đình ban tặng Kim-khánh, Kim-tiền.
- Chính-phủ Pháp, Cam-Bốt cũng tặng đủ thứ huy-chương cho ông.

Ông lại có tâm hồn khoáng đại, thích thú thi họa cầm kỳ. Những lúc rảnh việc quan, ông thường ngâm vịnh làm vui, thi ca được truyền tụng khá nhiều. Ấy cũng là điểm đặc biệt của ông, trong hàng quan lại mà dào dạt nghệ sĩ tính, phong lưu tao nhã, khó có ai hơn ông buổi ấy.

Ông còn giữ được tâm hồn cao quý hơn nữa bằng cách biết trì niệm câu « Công thành danh toại thân nhi thối ».

Khi làm quan, ông cẩn thận dè lòng, sao không cho hủ tiếng thanh cần liêm chính. Lúc công danh đang phát đạt, thế mà ông biết rút lui, không quá đam mê vì bĩ lợi danh như bao nhà quyền quý khác. Đã thế ông lại còn hồi đầu hướng thiện, phát tâm tu niệm rất sốt sắng, thật là phẩm hạnh thanh cao.

Khi ông qui y đầu phật, rửa sạch trần tâm, ông cũng rất mực tín thành, trì chí chay lòng, chán ngán những khi bồn ba vòng tục lụy.

Ông có bài thơ tỏ chí khí, phát bồ đề tâm mến cảnh thiền :

*« Thế sự thôi thôi nghĩ ngán ngẫm
Đã đành tụng lấy kệ Quan-Âm
Then trời máy tạo đang nhen nhúm
Lửa bá lòng vương bỏ nính hâm
Ngày cỡi xe mây dầu khiển hướng
Tối nhoi đèn nguyệt mặc ca ngâm
Công danh rày đã loan lòng bẽ
Bước thử Bồng-lai thử mấy tầm ».*

IV. NGUYỄN-ĐĂNG-TRƯỜNG



Trong hàng mô phạm lão thành có tiếng tăm nhất ở Vĩnh Long, Sa-Đéc ngày trước đáng kể nhất có Nguyễn-Đặng-Trường, ông sinh năm 1862, tại làng Tân-Qui-Đông, tổng An-Thanh-Hạ, tỉnh Sa-Đéc.

Sớm biết theo trào lưu mới, ông bắt đầu học Pháp văn nơi trường tỉnh Vĩnh-Long từ năm 1877. Sau 5 năm, ông thi đậu ra trường, được bổ chức giáo tập, dạy tại trường tỉnh Gia-Định vào năm 1882. Rồi lần lượt đổi về dạy tại trường tỉnh Vĩnh Long, Sa-Đéc.

Siêng năng mẫn tiệp, tận tụy với chức vụ đào luyện đám hậu tiến, ông lần thăng Đốc học, rồi làm Thanh-tra các trường trong tỉnh Sa-Đéc.

Suốt 20 năm phục vụ trong ngành giáo-huấn, đến năm 1922 ông về hưu dưỡng lão.

Trong năm 1919 ông đã được hưởng thọ hàm Tri-huyện, nên tục gọi là ông Đốc-học Trường, hoặc ông Huyện Trường. Thân danh ông vang dội xa gần. Kể về huy-chương ông được trao tặng, có hai huy-chương giá trị :

- Ngày 1-5-1908 được thưởng giáo-dục Ngân Bội Tinh.
- Ngày 10-8-1924 được thưởng Khuê bài Hàn lâm Viện Pháp.

Ông là nhà mô phạm lão thành, danh giá thế phiệt. Chẳng những tiếng tăm ông làm đẹp cho tỉnh nhà Vĩnh-Long, Sa-Đéc mà nhiều nơi cũng đều nghe biết. Hàn môn sanh do ông đào luyện, được thành đạt kể có hàng trăm nhà tai mắt thượng lưu trong xã hội về sau. Như quý ông Bác-vật Lưu-Văn-Lang, Bác-vật Lương-Văn-Mỹ, Bác-sĩ Lê-

Quang-Trinh, Tiến-sĩ Nguyễn-Thành-Giung, hai ông Chánh-án Nguyễn-Xuân-Quan và Nguyễn-Xuân-Giác, các vị Tri-phủ Nguyễn-Xuân-Hiển, Lê-Bá Trang, Trương-Minh-Giảng, Lê-Quang-Tường, Ninh-Quang Hiến, v.v... Khắp trong chính trường, giáo-giới, làng-văn, làng báo, đâu đâu cũng có môn sanh ưu tú của ông góp mặt.

Ngày ông về hưu, các môn sanh của ông từ khắp bốn phương kéo nhau về Sa-Đéc thiết tiệc long trọng, tỏ lòng nhớ ơn ông đã tác thành nhiều lớp, rày đã nên danh phận với đời.

Ông Hòa-trai Nguyễn-Văn-Dần, tác giả « Sa-Đéc nhân vật chí » vốn cũng là một môn sanh ưu tú của ông, khi ấy có thơ cảm niệm :

*« Công ân giáo dục thuở nào khuây
Nhờ có tôn sư khéo chỉ bày
Luân-lý đường xưa chăm dắt diễm
Văn tay cận đại sức mình gầy
Quân sư đôi chữ ngàn thu để
Tước lộc như ai cũng bởi tay
Cái nợ ba sinh toan bào bổ
Kính dâng trường thọ chúc mừng thầy ».*

V. ĐẶNG THÚC LIÊN – BẬC DANH SĨ, BẬC Y-SƯ KHÉT TIẾNG TẠI SA-ĐÉC

Vào khoảng năm 1910, đồng bào Sa-Đéc khi ấy đều biết tiếng cụ Đặng-Thúc-Liên với tiệm thuốc bắc « Phước-Hưng-Đông » do cụ sáng lập, tại đường mé sông thân trên đầu cầu sắt làng Vĩnh-Phước, thành phố Sa-Đéc.

Thật ra cụ Đặng-Thúc-Liên không phải là người sinh quán ở Sa-Đéc chính là quê vợ của cụ. Cụ sinh năm 1867, tại làng Tân-Phú (tục gọi là thôn Vườn-Trầu), quận Hóc-Môn, tỉnh Gia-Định. Thân phụ của cụ là một vị đại thần triều Minh-Mạng, làm đến chức Án-sát-sứ tỉnh Bình-Thuận (Trung-Việt). Cụ hiệu là Mộng-Liên, nổi tiếng danh sĩ. Hán học uyên thâm, tinh thông y-dược, cụ được Vua Đồng-Khánh trọng dụng. Nhưng được ít lâu, cụ cáo quan, trở về Gia-Định.

Bấy giờ, vì cụ từng giao du khấn khít với các cụ Phan-Châu-Trinh, Phan-Bội-Châu, Huỳnh-Thúc-Kháng, khi cụ còn ở ngoài Bắc, do đó, nhà đương cuộc Pháp tình nghi cụ hoạt động cách mạng nên bắt giam một lúc. Một viên chức cao cấp người Pháp tên Mast, từng sự tại Soái phủ Nam kỳ, mộ Hán văn, thấy cụ là bậc túc nho, liền vận động phóng thích cụ để cụ dạy ông học Tứ Thư, Ngũ Kinh.

Sau đó, ông Mast lại tiến cử cụ với Soái phủ Pháp. Cụ được bổ làm Kinh lịch tỉnh Sóc-Trăng, chẳng bao lâu đổi về Sa-Đéc. Tại đây, cụ kết hôn với bà là người quê quán ở làng Tân-Qui-Đông.

Năm 1907, cụ trở lên Saigon, hợp tác với cụ Gilbert Trần-Chánh-Chiếu làm báo « Nam Kỳ ». Giai đoạn này, cụ và Trần-Chánh-Chiếu thật sự hoạt động cách mạng, và chủ trương mở mang kinh tế về vận dụng tài chánh vào những công cuộc ích quốc lợi dân. Đầu tiên cụ và Trần-Chánh-Chiếu lập một khách-sạn để hiệu là « Nam-Trung » (ở cuối đường De La Somme, nay là đường Hàm-Nghi) tại Saigon. Rồi lập riêng một tiệm thuốc Bắc hiệu « Nam-Thọ-Xuân » ở

số 95 đường Charner (nay là đường Nguyễn-Huệ). Đồng thời có cụ Nguyễn-An-Khương (thân sinh ông Nguyễn-An-Ninh) cũng lập ra khách sạn « Chiêu-Nam-Lầu ». Ấy là những cơ sở kinh tài, và là nơi tụ họp mật của các nhà ái quốc.

Ít lâu cụ và Gilbert Chiếu lại lập một công ty kinh doanh khác gọi là « Minh-Tân Công-Nghệ », đặt trụ sở tại một căn phố ở đường Charner (Nguyễn-Huệ, ngang hăng xe Ranault cũ). Cố nhiên, dần dần tai mắt của người Pháp dòm ngó tình nghi. Mọi công cuộc phải đình trệ nửa chừng. Để giữ mình, cụ Đặng-Thúc-Liên lui về quê vợ ở làng Tân-Qui-Đông, Sa-Đéc, rồi quay theo nghề y-dược, mở tiệm thuốc bắc, hiệu tiệm là « Phước-Hưng-Đông », tại thành phố Sa-Đéc như đã nói trên.

Một thời gian sau, cụ phó thác tiệm thuốc ấy và gia sản gồm vài mươi mẫu vườn đất, với 5 đứa con thơ cho vợ gìn giữ nuôi nấng. Rồi cụ xách va ly đi chơi và làm thuốc, khi thì dạo khắp lục tỉnh, khi thì thăm viếng cố đô Huế và Hà Nội. Đến khi mỏi gối chồn chân trên bước giang hồ, lịch lãm nhân tình thế sự, cụ trở lại Saigon viết báo. Tên tuổi cụ phô bày trên các báo : *Nông cổ Mín Đàm, Lục-tỉnh Tân-văn, Công-luận báo, Đại-Việt tạp-chí, Đông-Pháp thời báo và Trung-lập báo.*

Cụ dí dòm tự trào :

*« Họ đồn Đặng-Thúc-Liên chơi quá lố
Có hay không ? Giã ngộ đó mà thôi !
Gẫm bao lâu sống sót trên đời ?*

*Nhịn hoá đại, chơi đi, kéo uổng !
Nhưng trách nhiệm chớ nên bỏ luống
Đức tài rèn đem cống hiến nhân dân
Làm sao cũng giữ tinh thần
Có giải trí, ăn, mặc mới giỏi... »*

Phong-lưu tài tuần, cụ lại rủ các bạn tri-âm lập ra rạp hát nhỏ ở làng Vĩnh-Phước, tỉnh Sa-Đéc, chẵn-chỉnh hát bội, rồi đưa sáng kiến áp dụng nghệ thuật đờn ca Trung-Nam bày ra diễn kịch, sau này gọi là cải lương. Chính do cụ đề xướng trước. Bắt nguồn từ đó, được manh nha sâu rộng trong các tỉnh miền Nam lần lượt lập gánh. Lúc bấy giờ ở Mỹ-Tho, tại làng Vĩnh-Kim có bà Trần-Ngọc-Diện (tục gọi là cô Ba-Diện), người phụ nữ đầu tiên đứng ra lập gánh hát lấy tên là « Đồng-Nữ-Ban », diễn viên toàn là, phụ nữ con nhà gia giáo trong làng. Mục đích của bà lập gánh để tuyên truyền cho tư tưởng dân-tộc và cách mạng. Đoàn nổi tiếng với hai vở tuồng « Võ Đông Sơ » và « Giọt Lệ Chung Tình ». Đoàn hát « Đồng Nữ Ban » lưu diễn hai năm để lấy tiền giúp vào việc nghĩa rồi giải tán.

Ở Sa-Đéc sau đó ông André Thận cũng lập gánh, gọi là gánh Thầy Tư Thận tại thành phố Sa-Đéc. Rồi đó, nổi đuôi là gánh hát của Thầy Năm Tú, gánh Văn-Hi-Ban-Huỳnh-Kỳ ở Mỹ-Tho, thời kỳ này cụ Đặng-Thúc-Liên được chánh phủ Pháp chú ý đến việc làm của cụ rất nhiều.

Năm 1918, cụ được Toàn quyền Albert-Sarraut mời cụ viết tuồng hát cổ-động quốc-trái. Cụ hiệp tác với cụ Nguyễn-Viên-Kiều đặt vở tuồng « Pháp-Việt nhứt gia, tích đức Gia-Long mộng trần ở Phú Quốc », nhờ Bá-Đa-Lộc về

Pháp cầu viện, v.v... Cụ làm thầy tuồng, hiệp cùng các nhà viết báo ở Saigon đóng tuồng đó tại nhà hát Tây (trụ-sở Hạ-viện bây giờ) trong ngày 11-11-1918, ngày này là gánh hát trở về Saigon hát lúc đình chiến và đi khắp lục tỉnh, gọi là gánh Bầu Rô (do tên Toàn-Quyền Sarraut gọi tắt là RÔ).

Đến năm 1931, cụ Đặng-Thúc-Liên xin được phép xuất bản tờ « Việt-Dân-Báo ».

Năm 1934, nhằm mục đích bảo vệ Đông-Y-Sĩ đã nhiều phen điều đứng, cụ đã dày công sáng lập hội *Việt-Nam Y-Dược*.

Lúc quân Nhật chiếm đóng Đông-Dương, để tránh nạn bom tàn khốc ném xuống Saigon Chợ-Lớn mỗi ngày, cụ đưa gia đình trở về quê vợ ở làng Tân-Qui-Đông, châu thành Sa-Đéc.

Năm 1945, đêm 10 Juillet cụ cảm mạo rất nặng, dây dưa nằm liệt hơn một tháng, đến đúng Ngọ ngày 16 Août, cụ từ trần tại Sa-Đéc và chôn cất tại làng Tân-Qui-Đông, hưởng thọ 85 tuổi.

Cụ Mộng-Liên Đặng-Thúc-Liên là nhà đạo đức, văn chương triết học cao thâm, Nho-Y gồm đủ. Cụ cũng là một nhà ái quốc tiên phong, một ký giả tiền bối đáng kính mến.

Cụ để lại cho nhiều tác phẩm giá trị :

- Quốc-Văn hồn
- Cao-Hoàng-Đế diễn ca, tức Gia-Long phục quốc.
- Trương-Vĩnh-Ký hành trạng
- Hán văn thi tập

- Việt-âm thi tập
- Tri y tiện dụng

Bình sanh cụ thích giao tiếp với thanh niên, theo câu :

*« Tối hảo lão thanh niên
Thả thông tân cựu học
Phong lưu danh lợi không
Vô ngã tiện thị túc ».*

Nghĩa :

*« Rất tốt già như trẻ
Văn chương cũ mới thông
Phong lưu danh lợi đủ
Ta có cũng như không ».*

VI. NGUYỄN QUANG ĐIỀU – CHÍ SĨ LÀM VINH DIỆU VÙNG TÔNG SƠN SA-ĐÉC

Cụ Nguyễn-Quang-Điều hiệu Tử-Ngọc, biệt danh Trần-Cảnh-Sơn, Nam-Xương bí danh Trần-Văn-Vện, sanh tại Cao-Lãnh (tỉnh Sa-Đéc), sau này Cao-Lãnh đổi thành tỉnh lỵ Kiến-Phong, năm Canh-Thìn 1880. Mất tại Vĩnh-Hoà (Tân-Châu) năm Bính-Tí (1936). Cuộc đời tuy không dài lắm của cụ, nhưng cụ đã lưu lại nhiều thành tích đáng kể trong lịch sử cách-mạng và lịch sử văn-học Việt-Nam.

Ngoài nơi sanh và nơi mất của cụ, làng Tòng-Sơn (thuộc quận Lấp-Vò, tỉnh Sa-Đéc ngày nay) còn là nơi quê vợ cụ, có lắm lúc dính liền với Tòng-Sơn, và ngày nay, hài cốt cụ đã được bốc lên từ Vĩnh-Hoà để mang về cải táng tại Tòng-

Sơn (Sa-Đéc). Cho nên viết về Sa-Đéc mà thiếu đề cập nhân vật Nguyễn-Quang-Diêu, sẽ bị xem là khuyết điểm to.

Thuở còn trẻ, Nguyễn-Quang-Diêu đã nổi tiếng là người gan dạ và thẳng-thắn. Nhà vốn dư ăn, thân phụ lại là người có học, có địa vị xã hội quan trọng trong vùng, nên cụ sớm được theo đường nghiên bút.

Năm 18 tuổi, rời quê nhà, cụ đến thụ giáo với cụ Tú-tài Trần-Hữu-Thường ở Phú-Thuận (Châu-Đốc). Tú Thường là bạn đồng học với Thủ-khoa Huân ; không đánh giặc như cụ Thủ khoa, nhưng cụ Tú rất ghét Tây và quyết giữ khí tiết của một nhà cao ẩn. Học trò của cụ Tú Thường đông đến hàng ngàn, khắp từ các tỉnh miền Tây về nghe sách nơi cụ. Nguyễn-Quang-Diêu tỏ ra rất xuất sắc : giàu lý luận, sành thi ca, thông suốt điệu nghĩa Nho giáo. Nhưng cụ không lấy vậy làm thích, mà hằng cho cái trò điều tròng khắc triện không bằng cái chí xẻ núi lấp sông của các bậc anh hùng. Nên tuy theo học ở trường, cụ vẫn theo dõi tình hình chính trị.

Năm 1910, cụ đúng 30 tuổi, bỏ học, chính thức đứng ra xướng xuất phong trào bài Tây phục quốc. Cụ cổ vũ cho phong trào Đông-du của cụ Phan-Bội-Châu. Nhiều người theo cụ, đứng ra vận động và làm thành một nhóm có thể lực quần chúng, khiến Pháp giật mình. Họ lùng kiếm cụ và từ đó cụ phải ẩn tránh luôn.

Tháng 5 năm 1913, Nguyễn-Quang-Diêu được các đồng chí vận động tiền bạc đưa cụ xuất dương. Cụ liên lạc với cụ Cường Để tại một địa điểm bí mật ở Long-Xuyên trước khi

lên đường. Mục đích của lần xuất dương này là để lãnh « Chỉ-tệ tín phiếu » mua vũ khí, đưa thêm một số du học sinh tìm gặp cụ Nguyễn-Thần-Hiến đang hoạt động tại Trung-Hoa. Phái đoàn gồm 12 người do cụ Nguyễn-Quang-Diêu hướng dẫn. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu đã tiếp xúc với cụ Nguyễn-Thần-Hiến, Huỳnh-Hưng tại Hong-Kong và dự định một chương trình hoạt động nội ngoại hô ứng. Nhưng sinh hoạt của phái đoàn đã lộ tiếng. Cảnh sát Anh tại Hong-Kong đến khám nhà Huỳnh-Hưng, bên kia đảo Cửu-Long, bắt được 13 quả tạc đạn, một số tuyên truyền phẩm nên tịch thu tang vật và bắt luôn cả bọn. Hôm ấy là ngày 16 tháng 6 năm 1913.

Trong lao, Nguyễn-Quang-Diêu lại gặp Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề, vốn cũng từ Tam-Kỳ trở sang Hong-Kong và bị bắt. Nhưng cụ Cường-Đề được Nguyễn-Háo-Vĩnh và Lâm-Cần mượn luật sư lãnh tại ngoại rồi trốn luôn. Riêng trong nhóm Nguyễn-Thần-Hiến, Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật... đều bị giải về cho Tây tại Hà-Nội.

Trong bài Hà Thành lâm nạn, cụ Nguyễn-Quang-Diêu viết :

*« Luật áp giải dã man đã quá.
Ý cường quyền xiềng cả chân tay
Hoả thuyền chạy suốt ba ngày
Hải-Phòng đổ bến, giải ngay Hà-Thành ».*

Tại đây, Nguyễn-Quang-Diêu bị kê án 10 năm khổ sai. Cụ bị đưa sang Pháp rồi sau đó, đày ra Guyane (một thuộc địa của Pháp ở Nam-Mỹ).

Ở đây, người ta bắt các nhà cách mạng Việt-Nam lên rừng đốn cây cưa củi... làm những việc nặng nhọc của hạng tù đồ. Tuy nhiên, các cụ không vì vậy mà thối chí, trái lại vẫn coi thường khổ cực và vẫn quyết tâm hy vọng một ngày quốc vận vinh quang.

Năm 1917, sau khi bí mật liên lạc với một thương nhân Trung-Hoa, cụ được họ giúp đỡ vượt ngục trốn sang Trinidad. Đó là một hải đảo thuộc Anh mà người Pháp gọi Trinité và người Tàu gọi Trì-Lí-Ni-Nich-đảo. Họ giúp Nguyễn-Quang-Diêu có cơ sở làm ăn tại một chi điểm thương hội.

Từ đó, ngày làm việc thương mại, đêm học tiếng Anh, cụ Nguyễn-Quang-Diêu vẫn dăm dăm hướng về Tổ-quốc theo dõi tình hình chính trị. Cuối năm 1920, Nguyễn-Quang-Diêu rời Trinidad để sang Tàu. Cụ liên lạc được với cụ Nguyễn-Hải-Thần và một số đồng chí cách mạng khác. Nhưng vẫn chưa làm được gì. Cụ buồn bực, lui về Tứ-Xuyên làm tài-phú cho một hiệu thuốc Bắc lớn để sinh nhai tạm bợ. Ta hãy nghe tâm sự cụ hồi qua bài *Trung thu ngoạn nguyệt* mà chính cụ đã viết :

« Bao độ tròn trăng hội Á-Âu.

Mà người cay đắng mấy mươi trâu... ! »

Năm 1926, cụ trở về nước và hoạt động khá mạnh ở các tỉnh Sa-Đéc, Châu-Đốc, Long-Xuyên. Cụ đã sáng tác nhiều tuyên truyền phẩm kháng Pháp và cụ đã bị lính kín Pháp truy nã quá gắt. Vài năm sau đó, cụ đành phải giả dạng một thầy đồ về ngồi dạy chữ nho tại làng Vĩnh-Hòa thuộc biên thùy Việt-Miên.

Cụ viết sách làm thơ, dịch sách rất nhiều nhưng đã bị thất lạc một số lớn vì sự khủng bố của thực dân. Học giả Nguyễn-Văn-Hầu, trong tác phẩm viết về cuộc đời cụ, đem công phu nhiều năm sưu tập lại, còn được 98 bài thơ, phú, câu đối của cụ Nguyễn-Quang-Diêu mà trước kia cụ đã sáng tác tại nhiều nơi trên thế giới.

Năm 1936, cụ lâm bệnh rồi mất tại một miền đèo heo hút gió, nơi biên thùý xa xôi, giáp với Việt-Miên. Môn sinh họp nhau đứng ra chôn cất và xây mồ cho cụ rất khang-trang, mặc dù tình thế lúc bấy giờ hết sức khó khăn. Rất nhiều bài thơ ai-điều cụ, nhiều câu đối khóc cụ, làm sao kể xiết. Chỉ xin rút một đôi câu đối, hàm súc cả cuộc đời sinh hoạt cách mạng của cụ :

*« Ngót hai chục năm dư, hồ hải từng quen Âu, Á, Mỹ ;
Vừa năm mươi tuổi lẻ, dạ dài còn tạc hiếu, trung, cang ».*

Và xin chép lại một bài thơ của một đồng chí cụ đã khóc cụ :

*« Tìm đâu mà thấy cố nhân ta ?
Tử-Ngọc côi trần đã lánh xa !
Nhớ trước Canh-Thìn năm xuất thế,
Tính nay Bính-Tí tuổi qui hà
Quốc dân không khóc, ta thương khóc,
Thời thế tiêu ma, bác hóa ma.
Tâm sự đầu đuôi bao xiết kể
Thương cho đất khách gởi xương già ».*

(Rút gọn theo tác phẩm « Chí-sĩ Nguyễn-Quang-Diêu » của Học-giả Nguyễn-Văn-Hầu, giải thưởng văn chương toàn

quốc 1966, Nhà xuất bản Xây-dựng).

VII. TIỂU SỬ CỤ VÕ HOÀNH ⁸ (1873-1946) – NHÀ CÁCH MẠNG BỊ AN TRÍ TẠI SA-ĐÉC

Cụ Võ-Hoành, hiệu Ngọc-Tiến, người làng Quang, huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông, sinh năm Quý-Dậu (1873), con cụ Tú Võ-Hoàng-Diệu.

Sinh trưởng trong một gia đình nho học nên cụ sớm đỗ Cử nhân và thành thân với cụ bà Ngô-Thị-Nguyên, con quan Ngự-sử Ngô-Tôn-Đức, hạ sinh được năm ái nữ.

Mặc dầu xuất thân khoa cử, nhưng gặp thời buổi ngoại thuộc, cụ không màng danh lợi chốn quan trường, nuôi chí giúp dân cứu nước thoát dòng ngoại xâm. Năm 1907, cụ tham gia phong trào Duy Tân, cùng cụ Nguyễn-Quyền ⁹ và một số đồng chí đứng ra sáng lập trường « Đông Kinh Nghĩa Thục ».

Cụ Võ-Hoành phụ trách việc quyên tiền và cổ vũ các thân hào nhân sĩ tham gia lúc phong trào đang lên : Phong trào Đông Du cầu học và Phong trào Cầu viện Duy Tân tự cường để cứu quốc.

Trong khúc ca « Nam thiên phong vân » có đoạn mô tả cụ Võ-Hoành như sau :

*« Người nghĩa hiệp có xa đâu đó
Đất làng Quan họ VÕ tên HOÀNH
Tráng thay ! cái khí sinh bình
Hai tay hồ thỉ tung hoành bốn phương
Say đỡ chén ngang trời dọc đất*

*Ngâm rồi câu quỉ khóc thần kinh
Trông ra thấy nước non mình
Quyết đem gan óc mà ganh lại trời
Bịnh nước thấy lâu ngày suy nhược
Túi Mạnh thường giở thuốc kinh luân
Người kiếm hiệp, khác quan thân
Bắc Nam đủ mặt, xa gần khắp nơi
Hòn máu nóng đúc người chí sĩ
Tấm lòng vàng kết nghĩa tự giao
Những là cát biển bùn ao
Tiền tay tiêu dụng biết bao cho cùng
Ngồi vận động tính trong sự thế
Bốn phương trời góc bể xô xao
Lưỡi như sóng mắt như sao
Giang hồ tỏ mặt anh hào nước ta ».*

Năm 1908, Trường Đông kinh Nghĩa thực bị đóng cửa, rồi chẳng bao lâu, nhà cầm quyền Pháp ghép tội, bắt giam cụ cùng cụ Nguyễn-Quyền đưa ra Côn-Đảo vào năm 1909.

Sau đó, cụ bị đưa vào Nam an trí tại Sa-Đéc. Qua một thời gian lắng dịu, cụ lại âm thầm hoạt động cách mạng như khi còn ở Bắc. Cụ đã ám trợ cho các đồng chí như Nguyễn-Thần-Hiến, Nguyễn-Quang-Diêu.

Năm 1935, cụ kết thông gia với đồng chí trong phong trào « Đông kinh Nghĩa thực » là cụ Nguyễn-Quyền.

Đến ngoài 70 tuổi cụ vẫn còn quắc thước hào hùng. Đôi khi xót xa vì việc đời cụ đã bộc lộ tâm sự trong nhiều bài thơ như bài sau đây :

*« Ngao ngán lòng tôi tối lại mai
Lòng tôi, tôi biết giải cùng ai.
Ngàn năm cố quốc hồn chưa tỉnh.
Hai chữ đồng tâm nét cũng sai.
Mai lệ chếp thơ phơi trước mắt.
Coi tiền như mạng bỏ ngoài tai.
Thôi thôi biết nói chi cho hết
Càng nói càng thêm nỗi thở dài ».*

Năm 1945, mặc dù đã ngoài bảy mươi cụ Võ-Hoành vẫn còn tráng chí, bỏ nhà tham gia phong trào chống thực dân Pháp.

Cụ mất ngày mùng 5 tháng 11 năm Bính Tuất (1946) hưởng thọ 73 tuổi. Mộ cụ hiện an táng tại xã Mỹ-Hội, quận Cao-Lãnh, Kiến Phong.

VIII. LƯU-VĂN-LANG VỊ BÁC-VẬT ¹⁰ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT-NAM



Lưu-Văn-Lang chào đời tại làng Tân-Phú-Đông, Sa-Đéc ngày 5 Juin 1880. Thân phụ ông là Lưu-Văn-Cứng. Thuở trẻ ông học chữ Nho. Đến 10 tuổi ông mới bắt đầu học chữ Pháp và quốc ngữ. Thông minh vốn sẵn tính trời lại thêm có

lòng hiếu thảo với cha mẹ, ông cố gắng học các bạn cùng trang lứa, chăm chỉ học tập chuyên cần. Chẳng mấy năm, ông vào học ở trường Trung-học Chasseloup Laubat tại Saigon.

Năm 17 tuổi, tài học của ông áp đảo bạn đồng môn, được cấp học bổng của Chính-phủ Pháp, qua Paris học trường Cao-đẳng ở trung tâm Thủ-đô Pháp quốc.

Năm 1904, thi ra trường, ông đậu hạng 8 trong số 250 thí sinh. Ông nghiệm nhiên là vị Bác-vật (Kỹ-sư) (Ingénieur des Arts et Manufactures de L'école Centrale de Paris, có người dịch là trường : Kỹ nghệ Trung ương hay là trường Quốc gia bách công trung ương).

Ông về nước, ba chữ « Bác-vật Lang » truyền tụng khắp trong xứ.

Đầu tiên Chánh-phủ Pháp bổ nhiệm ông lên Vân-Nam lo thiết lập đường xe hỏa. Rồi đến năm 1909, ông về giúp việc trong sở Công-chánh Saigon đến năm 1940.

Trong năm 1933, ông đảm nhận chức vụ « Hội-viên Hội-đồng Danh-dự và Cố-vấn » cho đến năm 1942.

Sau cuộc đảo chánh của quân đội Nhật ngày 9 Mars 1945, trao trả chủ quyền cho Hoàng-đế Bảo-Đại, nội các đầu tiên do cụ Trần-Trọng-Kim thành lập, có với ông và ông Hồ-Tá-Khanh ra Huế đảm nhận chức vụ Tổng-trưởng. Rồi cuộc biến cố xảy ra trên đất nước, ông giữ khí tiết, không hợp tác gì với người Pháp.

Tài năng của ông từng khiến các vị Kỹ sư người Pháp phải thán phục ¹¹. Đức độ và tâm chí của ông được hầu hết các nhân sĩ trọng vọng khâm phục.

Con người có tài có đức, hẳn là trời đất ưu ái, dành cho đầy đủ Phước-Lộc-Thọ. Vợ chồng ông sinh ra rất đông con cái, đều khỏe mạnh thông minh. Trong năm 1930, Bộ Lao động và Vệ sinh bên Pháp ban thưởng huy chương bạc cho phu nhân của ông về sự sinh dưỡng 9 người con đều dồi dào sức khỏe. Tuần báo « Phụ Nữ Tân Văn » trong năm 1930 ấy, số 49, có đăng lời ca ngợi và hình chụp vợ chồng con cái ông.

Cũng trong năm 1930, tuần báo Phụ Nữ Tân Văn có mở một cuộc thi kỷ niệm đệ nhất châu niên của tờ báo. Đầu đề thứ ba của cuộc thi là một câu hỏi như sau :

« Nếu có cuộc tuyển cử 10 vị Việt Nam nhân dân đại biểu (như Dân biểu Nghị sĩ ngày nay) mà những vị kể tên dưới đây (tờ báo nêu tên 10 vị nhân sĩ lúc ấy) ra ứng cử thì đọc giả sẽ cử những vị nào ? »

Kết quả cho thấy là ông được bầu hạng 5 sau Phan-Văn-Trường, Huỳnh-Thúc-Kháng, Nguyễn-Phan-Long, Diệp-Văn-Kỳ và trên Bùi-Quang-Chiêu, Trần-Trọng-Kim, Dương-Văn-Giáo, Trần-Trinh-Trạch và Phạm-Quỳnh. Ngoài ra, ông cũng là một trong số ba vị sáng lập viên Việt Nam Ngân hàng đầu tiên. Ba vị ấy gồm các vị Huỳnh-Đình-Khiêm, Trần-Trinh-Trạch và Lưu-Văn-Lang.

Xem như thế, đủ rõ uy tín của ông trong nhân dân là ngần nào. Năm 1954, vì nhiệt thành yêu nước, ông tham

gia phong trào Hòa bình với địa vị chủ tịch danh dự, thuộc Ủy ban Hòa bình Saigon, ông bị chánh quyền Ngô-Đình-Diệm bắt giữ trong đợt thứ nhất vào tháng 11 năm ấy, cùng với ông Michel Nguyễn-Văn-Vĩ. là bạn đàn em chí thân của ông (Theo G. Chaffard trong quyển « *Les deux guerres du Vietnam* »). Ông từ trần ngày 3-8-1969 thọ 90 tuổi.

Tài cao, đức trọng, danh thơm, gia đình phước lộc, thọ mạng lâu dài, đời Bác vật Lang quả là hi hữu.

Ông mất đi, các báo đều đăng tin và tỏ niềm trọng vọng thương tiếc vô hạn.

Báo « Đuốc Nhà Nam » ngày 8-8-1969, chủ nhiệm là ông Trần-Tấn-Quốc viết một bài đăng ở trang nhất, nơi danh dự với nhan đề : « *Kính-điều cù Lưu-Văn-Lang, một sĩ khí miền Nam* », lời lẽ vô cùng cảm xúc và chân thành rất mực. Chúng tôi xin sao lục ra đây để tưởng niệm một bậc thiên tài, một hạng người có khí tiết :

« *Kính điều cù Lưu-Văn-Lang – Một sĩ khí miền Nam.*

« *Chúng tôi bần khoản mãi trước cái chết của của cù Lưu-Văn-Lang. Kéo nhau đến lạy trước linh cữu cù, chưa nói hết được lòng kính trọng của mình đối với cù. Đăng tin chia buồn trên báo, dù trình bày trang trọng cách nào, cũng có vẻ thường tình quá.*

« *Thôi thì, vốn con nhà báo, sẵn giấy mực trong tay xin kính điều cù Lưu-Văn-Lang bằng một bài báo :*

« *Khi người Pháp trở lại, muốn tái chiếm Việt-Nam, trước hết họ nghĩ ngay tới những người thượng lưu trí thức*

do họ đào tạo, trong số đó cụ Lưu-Văn-Lang là người số một, được họ lưu ý tới.

« Cụ xuất thân nhà nghèo, thi đỗ được vào học bổng ở một trong những trường danh tiếng nhất, đại kỹ sư Arts et Manufactures làm việc tại sở Trường tiền, đã tỏ ra thanh liêm, mẫn cán, tài năng suốt một đời công chức của cụ, cụ về hưu trí sau khi đã đóng góp rất nhiều trong việc kiến thiết xứ sở.

« Người Pháp cho rằng họ đã đào tạo được một nhân tài bản xứ và họ có quyền đòi hỏi ở nhân tài đó một sự cộng tác cần thiết hơn : Một công tác chánh trị.

« Nhưng cụ Lưu-Văn-Lang đã khẳng khái từ chối. Cụ nói : Tôi già rồi, không làm đầy tớ cho ai được nữa »

« Cụ nói thế, là vì cụ nghĩ rằng cụ không mắc nợ gì với người Pháp. Họ muốn đào tạo một người giúp việc cho họ về chuyên môn và kỹ thuật, nhưng do thiên tư của cụ mà cụ đã thành đạt trên ý muốn của họ. Đồng lương mà người ta trả cho cụ không xứng đáng với những công việc cụ đã làm. Và lại, cụ phục vụ xứ sở hơn là làm việc cho Tây. Cụ không mắc nợ ai cả, không ai có quyền lợi dụng cụ, để mưu toan trở lại đô hộ đất nước của ông cha.

« Cụ không phải là một nhà cách mạng. Cụ không bằng lòng người ta gọi là một nhà chí sĩ. Cụ không thích làm chánh trị. Nhưng cụ thực tâm yêu nước và rất có cảm tình với những ai đã dám hy sinh cho nước. Do đó mà suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cụ tuyệt đối không hợp tác với kẻ xâm lăng, không nhận lãnh một chức vị gì trong

những chánh phủ bù nhìn do thực dân tạo dựng. Mỗi lần họ mời cụ là cụ từ chối với những câu trả lời lên trên, chẳng những thế, cụ còn ký tên vào những bản kiến nghị đòi Pháp trả độc lập cho Việt Nam, và phải chấm dứt cuộc chiến tranh nhor bản do thực dân Pháp gây nên. Thực dân Pháp giận cụ nhưng vẫn nể cụ. Những người Pháp dân chủ kính trọng cụ và một mực thương yêu cụ, Giáo sư Préton – Hội-trưởng Hội Nhân-quyền là một người bạn thân của cụ, coi cụ là một điển hình của lòng yêu nước, một tinh hoa của dân tộc Việt-Nam, đặc biệt là của miền Nam nước Việt :

« Thật vậy, Sĩ khí của miền Nam có thể tượng trưng ở cụ, ở những người như cụ. Mấy năm về trước, cụ thường mặc quần ống cụt, chống gậy đi bộ trên những đường phố lớn Thủ-đô, còn hiên ngang mạnh khỏe. Gần đây cụ mặc quần ống dài, vẫn chống gậy đi bộ, nhưng lưng đã hơi khòm và có vẻ mệt nhọc. Chỉ thiếu mười năm, cụ đã sống một thế-kỷ, một thế kỷ vong quốc và phục quốc.

« Có những người đã đổi tiết-tháo chạy theo những biến chuyển của thời cuộc. Có nhiều người lợi dụng thời cuộc để vinh thân phì gia. Họ buôn dân bán nước mà họ vẫn cho là thức thời. Trái lại, cũng có những anh hùng liệt sĩ làm vẻ vang cho dân-tộc. Nhưng ở thời loạn, làm anh hùng dễ hơn làm quân tử. Do đó mà chúng tôi kính trọng cụ Lưu-Văn-Lang, vẫn thường lấy cụ làm gương trong đạo tu thân xử thế.

« Cụ từ trần ở tuổi 90, không có gì phải ân hận, chỉ tiếc rằng sau khi cụ ra đi, khó kiếm được người quân-tử như cụ.

Tên cụ đáng ghi vào lịch sử và đáng được thay thế cho nhiều tên đường phố ở Thủ-đô.

« Chúng tôi cầu chúc anh linh cụ sớm tiêu diêu nơi cực lạc và xin thành thật chia buồn cùng tang gia, xin chia sẻ nỗi đau buồn của những ai đã âm thầm tiếc thương người tượng trưng sĩ khí miền-Nam đã ra đi... » (Đuốc Nhà Nam, ngày 8-8-1969).

CHƯƠNG 3 : TÓM LƯỢC PHẦN DANH NHÂN VÀ NHÂN VẬT SA-ĐÉC

Đã trình bày từng nhân vật xưa và nay khá nhiều, kiểm điểm lại, chúng tôi vẫn thấy còn chưa đủ. Thiết tưởng trong thời Pháp thuộc và trong thời gần đây, Sa-Đéc đất linh còn có rất nhiều bậc anh tài đáng kể, làm rạng danh tỉnh nhà không ít.

Hiện nay, trong số các nhân vật ưu tú gần đây mà chúng tôi xin nêu ra thêm – kẻ đã mất, người đang còn – phần đông đều có địa vị khả quan trong xã-hội, danh dự với đời và có những đóng góp ít nhiều cho quê hương xứ sở.

I. NHÂN VẬT XƯA

Nguyễn-Văn-Bình. – Huyện-Hàm. Quê ở làng Tân-Lâm (nay là Tân-Hưng), tổng An-Hội. Sanh năm 1848, ông từng làm Phó tổng, Chánh tổng, rồi thăng Huyện-Hàm. Chính ông đã xin cải tên thôn Tân-Lâm lại là Tân-Hưng trong năm 1896 và chính ông đã trùng tu ngôi Đình thần Tân-Hưng, rất được lòng dân chúng.

Lê-Văn-Vĩ. – Đốc Phủ-Sứ-Hàm. Sinh năm 1855 tại làng Phú Nhơn, tổng An-Mỹ (Nha-Mân). Xuất thân làm Giáo viên năm 1888, Hội « Pháp-văn-Đồng-Minh-Hội » có mở hội thi 396 vị Giáo-viên toàn quốc, chọn lấy 3 người trúng tuyển. Năm 1902, Ông đắc cử Hội-đồng Quản hạt. Năm 1905 vinh thăng Hàm Tri-phủ. Đến năm 1925 thăng Hàm Đốc Phủ-sứ.

Lê-Văn-Phát. – Sinh năm 1872 tại Cù-Lao Tiên-Châu, thuộc làng Tân-Qui-Đông, cháu của Ngự-sử Lê-Lương, là người không tán đồng chánh sách của Vua Tự-Đức và đã khuyên Vua nên cầu hoà với nước Pháp để tránh cuộc đổ máu.

Ông thông minh lỗi lạc, ra trường với điểm hạng ưu, đến nỗi Hội đồng yêu cầu cho ông được gửi sang học tại một trường Trung-học ở Pháp. Nhưng ông không được đi vì lý do ngoài ý muốn. Tuy nhiên, dù không từng xuất-dương-du-học như các bạn đồng thời, ông vẫn có học lực uyên bác chẳng kém gì ai.

Năm 1906, ông được chỉ định làm đại-diện tỉnh Chợ-Lớn đi dự cuộc đấu xảo Marseille. Tại Pháp, ông diễn thuyết nhiều lần về thổ-tục-học và phong-tục tín-ngưỡng của người Việt-Nam.

Trở về nước, ông đỗ đầu Tri-huyện và được ban chấm thi khen tặng.

Ông có những tác phẩm viết bằng Pháp văn, chứng tỏ học lực của ông khá lỗi lạc :

- *Contes et légendes du bas d'Annam*, do nhà in Schneider ở Saigon xuất bản trong năm 1913.

- *La vie intime d'un Annamite et ses croyances vulgaires*
Một quyển sách rất có giá trị, thường được các học giả nghiên-cứu phong-tục miền-Nam tham khảo, đã đăng trong « Bullentin de la Société des Etudes indochinoises » số 52 năm 1906.

- Introduction de caractère chinois dans le programme indigène en Indochine.

Kỹ sư Lương-Văn-Mỹ. – Bạn đồng nghiệp cùng cụ Lưu-Văn-Lang, có tài học bác uyên thâm nhiều đức độ, được mọi người kính mến, ông đã làm vẻ vang cho xứ sở với nghề nghiệp chuyên môn. Người Pháp rất kính trọng, cho ông là bậc nhân tài của tỉnh Sa-Đéc, ngày nay ông đã mất nhưng tên tuổi vẫn còn lắm người nhắc đến.

Cụ Kinh-Hối. – Về bên Nho học, thâm thông nghĩa lý uyên bác kinh văn, Sa-Đéc ngày xưa có cụ Kinh-Hối nức danh là bậc túc học, lão thành nổi tiếng văn học. Cụ giỏi thơ văn, lại cũng thông y lý, xem mạch bốc thuốc đầu thang cứu giúp dân lành nghèo khổ. Các cụ thâm nho ở lục tỉnh thường đến thăm cụ, trao đổi tâm tình bên chén chè chung rượu, đàm đạo văn chương, tỏ tất lòng ưu thời mẫn thế. Viếng cụ, sau cùng nhau âm thầm bàn tính quốc sự.

Huỳnh-Ngọc-Bình. – Nhân sĩ, Đốc-phủ-sứ, sanh ngày 6 Janvier 1872, tại làng Hội-An, tổng An-Thạnh-Thượng (Cái-Tàu Thượng). Ngồi Chủ-quận Vĩnh-Châu (Bạc-Liêu) trong năm 1908. Chủ-quận Vũng-Liêm (Vĩnh-Long) năm 1917. Chủ-quận Châu-Thành, Trà-Vinh năm 1918, Hội-Viên Hội-đồng thuộc địa. Phó-Hội-trưởng phòng Canh-nông. Hội-trưởng Hội Tương-tế Sa-Đéc, được ân thưởng nhiều huy chương, và Bắc đẩu Bội tinh năm 1941. Ông thông Pháp-văn, Hán-văn, thạo ngôn-ngữ Triều châu, Phúc-Kiến và biết tiếng Cao-Miên. Nội tướng của ông là bà họ Đặng, quê ở làng Tân-Hưng, Sa-Đéc. Con ông là Huỳnh-Ngọc-Nhuận cũng có danh tiếng.

Nguyễn-Xuân-Hiến. – Tri-Thủ, sanh ngày 30-04-1789 tại làng Tân-Qui-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, ông từng ngồi Chủ-quận nhiều nơi. Nổi tiếng là thanh liêm, đi tới đâu được làng, tổng mến phục qua đức độ. Ông là một vị quan hết lòng lo cho dân cho nước, trấn nhậm nơi nào thì ông lo việc kiến thiết mở mang làm cho xóm làng trở nên thanh vượng, đời sống dân chúng được ấm no. Thân phụ ông là cụ Huyện-hàm Nguyễn-Xuân-Phong. Hai người em của ông là Nguyễn-Xuân-Quan và Nguyễn-Xuân-Giác đều đỗ Luật khoa Cử-nhân, Luật khoa Tấn-sĩ. Ông Quan từng làm Biện lý và ngồi Chánh-án Toà Sóc-Trăng và nhiều nơi khác, còn ông Nguyễn-Xuân-Giác cũng làm quan toà được nhiều tiếng tốt, thật ra, gia đình họ Nguyễn đều là phước lộc song toàn, ít có gia đình nào hữu phước như vậy.

Nguyễn-Duy-Dương. – Bậc túc nho. Lúc tỉnh Sa-Đéc mở trường Tiểu-học, ông đảm nhận dạy về môn luân-lý, rèn luyện đức trí theo lễ giáo nhà Nho. Ông đã tạo nhiều môn sanh tỉnh nhà, hấp thụ nền văn hoá cổ truyền. Ông lại có viết sách, dịch truyện, thơ văn còn lưu lại Sa-Đéc ít nhiều về Hán-văn. Ông cũng là người sáng chế thơ theo nhạc Tây âu bằng lối văn Việt-Nam, với thanh âm của nhạc Tây vì ông cũng là nhạc sĩ cổ truyền rất thạo về nhạc Lễ và đờn ca cổ điển.

Cụ Cử-Khoẻ. – Cụ Cử-Khoẻ là nhà cách mạng, bị Pháp bắt an trí tại đây, đến khi chết, gởi nằm xương tàn nơi mảnh đất Sa-Đéc. Cụ rất sành về Hán văn, thi văn lưu loát, nổi tiếng văn chương một thời. Gần xa sĩ phu nghe tiếng lấy làm trọng vọng. Thơ văn của cụ, nhất là những bài văn tế

chiến sĩ rất hay, ngày trước được truyền tụng trong dân gian mà nay đã thất lạc đi hầu hết, thật là đáng tiếc.

Đốc-phủ Lê-Văn-Chiếu. – Ông là con thứ 10 của ông Lê-Văn-Hiển. Người quận Lai-Vung (Long-Hậu), từng ngồi chủ quận nhiều nơi. Sau về ngồi quận Thốt-Nốt. Nổi tiếng thanh liêm chánh trực. Đến khi ông mất, hương chức và thân hào nhân-sĩ trong quận cảm mến đức độ ông, khắc bài vị thờ ông tại đình thần Trung-An Thốt-Nốt, tỏ lòng mến tiếc một vị quan thanh liêm.

Nguyễn-Tấn-Được. – Sinh năm 1884 tại Vĩnh-Phước, năm 1919 sáng lập nghiệp đoàn canh-nông, với Quỹ tương trợ mà ông là Chủ-tịch, đến năm 1913. Được bầu làm Nghị viên năm 1922 và giữ chức vụ này trong suốt 17 năm, đến năm 1939.

Nguyễn-Ngọc-Diệm. – Sanh tại Hoà-An năm 1891. Học Trường Trung-Học Chasseloup-Lanbat, nổi tiếng tài giỏi. Năm 1914 làm thư ký Phủ Thủ-Hiển Nam-kỳ. Năm 1920, đậu vào Trường Cao-đẳng Luật-học và Hành-chánh tại Hà-Nội. Ra làm việc, thăng lên Tri-huyện, Tri-phủ rồi thăng Đốc-phủ-sứ ngoại hạng trong năm 1940. Năm 1942, được thưởng Bắc-đầu Bội-tinh.

Michel Nguyễn-Văn-Vĩ. – Sinh năm 1892, Cử nhân luật, đậu bằng Cao-đẳng Thương mại (Hautes Etudes Commerciales) và là người Việt-Nam đầu tiên học tại trường Cao-đẳng Thương mại. Từng làm giám đốc Pháp-Hoa Ngân-hàng và là bạn chí thân của cựu Thống-đốc Nam-kỳ Hoeffel. Sau một thời gian ngắn tập sự tại Kỳ-thương Pháp-Hoa

ngân hàng ở Paris, ông được bổ vào năm 1927 về chi nhánh ở Saigon. Năm 1929, ông được bổ làm Ủy-quyền (Fondé de pouvoir) và năm 1935 là Thanh-tra Ngân-hàng ấy.

II. MỘT ÍT NHÂN VẬT HIỆN ĐẠI

Nguyễn-Thành-Giang. – Sinh năm 1894 tại Tân-Hưng. Sang Pháp du học, vào Phân-khoa Khoa-học ở Marseille. Đâu Tấn-sĩ Vạn-vật học, hạng ưu.

Trở về nước, làm giáo sư, dạy khoa Vạn-vật học tại Trường Sư-phạm, Chasseloup-Laubat và Lycée Pétrus Ký Trương-Vĩnh-Ký. Hiệu-trưởng Trung-học Mỹ-Tho. Từng là Tổng-trưởng Giáo-dục trong chánh-phủ Nguyễn-Văn-Thinh, Chánh-phủ Trần-Văn-Hữu, Nguyễn-Văn-Tâm. Hiện nay ông còn khoẻ mạnh.

Trần-Quang-Đệ. – Sanh năm 1905 tại Mỹ-Long, đỗ Bác-sĩ y-khoa. Ông là một trong những vị Bác-sĩ có biệt tài giải phẫu danh tiếng. Tác giả quyển « Tumeurs à Myélophaxe des synoviales articulaires ». Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng :

- Bác-sĩ giải-phẫu bệnh-viện Lalung-Bonnaire
- Cựu nội trú các bệnh-viện Paris (1932-1936)
- Thạc-sĩ Y-khoa.
- Hội-viên Hội-đồng Đô-thành.
- Hội-viên Hội-đồng Quản-trị vùng Saigon Chợ-Lớn.
- Giám-đốc bệnh-viện Bình-dân 1960-1961 và từ năm 1964 cho đến nay là Viện-trưởng Đại-học Saigon.

Trần-Lữ-Y. – Sinh năm 1926, Bác sĩ Y-khoa Đại-học Saigon năm 1952. Cấp bằng chuyên môn về Huyết học, Đại học Y-khoa Ba-lê, Bác sĩ thường trú bệnh viện Pháp. Ông từng tham gia chính phủ, nghiêm nhiên là Tổng-trưởng Bộ Y-tế trong Chính-phủ Nguyễn-Cao-Kỳ 1966-1967.

Tổng-trưởng Y-Tế trong chính-phủ Nguyễn-Văn-Lộc 11-67 và chánh phủ Trần-Văn-Hương cho đến lúc chánh-phủ này đổ.

Đề cập đến một trong những vị Bác-sĩ hiện đại của Sa-Đéc, chúng tôi cũng cần nhắc đến cố Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Ngời, ông đã gây được nhiều cảm tình cùng đồng bào mọi giới ở thủ đô qua những việc làm và hành động, ông tận tụy giúp đỡ cho bệnh nhân với một tinh thần bất vụ lợi, nay ông đã mất nhưng tên tuổi vẫn còn lăm người ca tụng.

*

Hơn nữa, còn có những nhân tài Sa-Đéc hiện đang ở ngoại quốc, như ông Trịnh-Văn-Chấn người Sa-Đéc, nhà ở tại bến đò xã Tân-Hưng, du học ở Hương-Cảng năm 1946, hiện ông về Mỹ-quốc dạy Việt-ngữ cho nhân viên cao cấp Tòa Đại sứ Mỹ.

Bà Huỳnh-Thị-Thuỷ-Tiên là vợ của Tấn sĩ Kỹ sư (Doctor in engineering M.I.T) Nguyễn-Văn-Lễ, là người phụ nữ đầu tiên đỗ bằng Dược sư tại Đại học đường Paris và bằng Doctor of Pharmacy tại Mỹ quốc, hiện đang cai quản các phòng bào chế dược phẩm tại một bệnh viện ở Los Anglais (Mỹ) và bệnh viện nhi đồng ở tại Mỹ quốc, bà cũng là người Sa-Đéc.

Tóm lại, người dân Sa-Đéc đa số là bậc tài hoa, ra phục vụ mọi ngành khắp trên đất nước và hải ngoại. Một số nhân vật ở nội địa hiện nay, kẻ mất người còn, thầy đều đáng ca ngợi về tài năng. Một số đông đang bôn ba hải ngoại để phục vụ tranh đấu cho quê hương cũng là đáng mến.

Chúng tôi không hề đề cao, tán dương công nghiệp của một cá nhân nào, điều ấy để quyền lịch sử phê phán. Chúng tôi chỉ nêu một số tri thức có chức phận trong ngành chuyên môn của Sa-Đéc đó thôi, trên tinh thần vô tư. Mong bạn đọc hiểu cho. Thiết nghĩ cũng còn nhiều nhân vật Sa-Đéc tên tuổi trong quá khứ cũng như hiện tại có nhiều thành tích vẻ vang, làm những điều ích nước lợi dân. Nhưng tiếc rằng công việc sưu tầm khó mà đầy đủ hết. Xin bạn đọc thông cảm thứ lỗi cho vì còn nhiều sơ sót. ¹²

PHẦN THỨ BA : DI-TÍCH – LỊCH-SỬ – HUYỀN-SỬ

CHƯƠNG 1 : TRÊN ĐƯỜNG VIẾNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ

I. BẢO-TIỀN – BẢO-HẬU

Vạch bóng thời gian, tìm lại những gì của khí thiêng non nước, để tán dương công nghiệp người xưa làm rạng-rỡ quê hương qua những trang sử vàng son của giống dòng Lạc-Việt : ấy là chí nguyện bình sinh của chúng tôi. Ôm ấp chí nguyện ấy từ bao lâu, nay mới bắt tay vào việc soạn những bộ địa phương chí và đã cố gắng hết sức mình để ấn hành : Kiến-Hòa, Bạc-Liêu, Vĩnh-Long, Định-Tường, Cần-Thơ, Vũng-Tàu, Gò-Công. Chúng tôi đã lê gót dẫn thân trên khắp nẻo đường đất nước, cống hiến bạn đọc những di tích lịch sử nước non nhà, gợi lại hình ảnh từng mảnh đất quê hương yêu mến.

Giờ đây, đến lúc trình bày bộ mặt « Sa-Đéc xưa và nay », nào nệ tốn hao công của. Con đường đã vạch, góp công tô điểm quê hương, phát huy nền văn hóa dân-tộc, chúng tôi nỗ lực tiến hành. Đến Sa-Đéc, hữu duyên hạnh ngộ quý vị có tinh thần tồn cổ. Ông Lê-Minh-Triết, Giám đốc hãng bánh phồng tôm Sa Giang, ông Phan-Đình-Minh, hãng nước đá Kim Sa, ông Huỳnh-Văn-Bờ Sĩ quan, ông Tô-Văn-Bốn nhiếp ảnh gia, ông Nguyễn-Văn-Năm người địa phương xã Hòa-Long, quận Đức-Thành, hướng dẫn chúng tôi đi viếng di tích Bảo-Tiền, Bảo-Hậu.

Thuê một chiếc ghe máy nhỏ tại chợ Hòa-Long, xuôi theo dòng rạch Cái-Bàng, xuyên qua các xã Hòa-Long,

Long-Thắng vào lúc 8 giờ sáng ngày 3-9-70. Trên đường hành trình ai nấy đều tỏ vẻ hân hoan.

Từ xã Hòa-Long vô đến Bảo-Tiền mất đến ba tiếng đồng hồ. Khi xưa, Sa-Đéc vẫn là nơi còn lưu nhiều vết tích của đức Cao-Hoàng nhà Nguyễn. Chính lúc từ Xiêm trở về nội địa, ngài đã đóng đại bản dinh tại Long-Hưng Nước-Xoáy. Quan sát địa hình địa vật, chính Nguyễn-Vương đã truyền lệnh cho quân dân Sa-Đéc chở đá từ vùng núi Sập (Long-Xuyên, Châu-Đốc) đem về hàn con đường thủy đạo Cái-Bàng (thuộc ấp Long-Định, xã Hòa-Long ngày nay) làm hai chặn, xây dựng đồn Bảo để ngừa quân Tây-Sơn đổ bộ. Một đồn Bảo án ngữ mặt trước nằm ở xã Long-Thắng ấy là Bảo-Tiền. Một đồn Bảo án ngữ mặt sau, thiết lập tại xã Phong-Hòa, ấy là Bảo-Hậu, và con sông Long-Hậu, quận Lai-Vung ngày nay cũng có những đập đá hàn.

1) SỰ TÍCH ĐÁ HÀN

Khúc đá hàn từ bờ rạch bên này qua giáp bên kia bờ, bề ngang độ 40 thước, cách bờ rạch vô chừng 200 thước ở phía tay trái có một cái nền khá rộng độ chừng hai công đất, đó là đồn thứ nhứt phòng thủ tại đây để giữ luôn con đập đá hàn. Ghe máy đưa chúng tôi đến tận nơi. Dưới mé sông và trên bờ rạch nay hãy còn nhiều tảng đá xanh to, rêu phong cỏ mọc, lồi mặt nửa trên nửa dưới. Đứng trên các tảng đá ấy chụp bức hình lưu niệm, chúng tôi chi xiết bồi hồi cảm động. Đoạn quay lại, nhờ một chiếc ghe tam bản nhỏ đậu gần đó chống vô con rạch để viếng tiền đồn, mà nay chỉ còn

lưu lại một lũy tre xanh trên nền cao, giữa có một trũng sâu đầy nước, không còn thành quách gì cả.

Nhìn cảnh cũ, nhớ người xưa, lòng chúng tôi luống những ngậm ngùi, thoáng đôi phút suy tư. Quay gót trở ra bước lên ghe, chúng tôi trực chỉ vô xã Long-Thăng. đến viếng Bảo-Tiền.

2) QUANG CẢNH DỌC ĐƯỜNG VỀ BẢO TIỀN

Dọc theo con rạch khúc đá hàn xã Hòa-Long, vô tới Long-Thăng độ 5 cây số, hai bên nhà cửa thưa thớt, hầu hết đồng bào nơi đây là tín đồ Phật giáo Hòa-Hảo. Xa xa chừng một hai cây số có một « Độc giảng đường » của Phật giáo Hòa-Hảo dựng lên, tầng trên để thờ đức thầy Huỳnh giáo chủ, tầng dưới để đọc giảng cho bá tánh nghe. Giảng đường này nằm bên bờ rạch nép mình dưới những vườn cây rợp bóng. Phía sau là đồng ruộng bao la. Dưới mé nước sát bờ rạch có mọc nhiều cây tạp như : gáo, trâm bầu, cà na có trái rất sai. Đồng bào ở đây cho là nguồn thiên nhiên, hái bán trái cũng khá tiền. Sản phẩm này nuôi sống cho một số đồng bào thôn quê quanh vùng.

Chiếc ghe máy lướt theo lòng rạch quanh co. Cảnh vật tư bề vắng vẻ. Đôi mái nhà tranh, nhà gạch thấp thoáng, nhà nào phía trước cũng có bàn thông thiên. Dân chúng ở đây hiền hòa chất phác, sống về nghề nông.

Nước rạch xã Long-Thăng êm đềm trôi. Đôi chiếc xuồng lững lờ trên rạch, một vài cô thôn nữ buông mỗi giọt cá. Cảnh hồn nhiên thi vị, trước vẻ đẹp thiên nhiên, chúng tôi

quên tất cả sự mệt nhọc, quên cả bụng đói vì đã trải hơn nửa ngày vất vả trong cuộc hành trình.

Đi một hồi nữa là tới trụ sở xã Long-Thắng. Dựa bên bờ rạch phía hữu có một đồn thú nhì án ngữ tại đây, nay còn trơ lại một gò đất, mà dân chúng quen gọi là gò Thổ-Sơn. Rẽ về phía bên trái vô kinh ông Chủ-Nhì, ngang qua Hộ Cái-Cao, ghe lướt trên một cánh đồng xanh ngắt bao la gió bang hiu hắt vọng lại từng cơn, trước mắt giăng giăng những hàng tràm de tàn ngã ngọn soi mình đáy nước. Đẹp thì có đẹp thật, nhưng mấy hàng tràm cản trở lối đi cũng khá nhiều, làm cho chúng tôi sốt ruột mong sớm nhìn thấy di tích Bảo Tiền. Ông Nguyễn-Văn-Năm, người hướng dẫn, lên tiếng phá tan bầu không khí lặng lẽ :

- *Sắp đến nơi rồi đấy các anh em.*

- *Còn bao xa nữa ?*

- *Không bao xa, độ non cây số ngàn nữa thôi. Rồi thì chúng ta tha hồ nhìn ngắm cho mãn nhãn Bảo-Tiền của đức Cao-Hoàng nhà Nguyễn đã đắp xây trong cơn tẩu quốc.*

Ghe máy lách mình theo con rạch nhỏ hẹp, gặp nhiều chướng ngại, lục bình rau mác mọc đầy. Anh tài công và ông Năm ra sức vệt đường, gần cả tiếng đồng hồ mới đến nơi. Cho ghe cập bến, chúng tôi đều đã mỏi mệt, cùng chụp chung bức ảnh lưu niệm.

Đến Bảo-Tiền đúng 12 giờ trưa. Dù mỏi mệt, chúng tôi vẫn sung sướng khi đặt chân lần đầu tiên viếng cảnh cũ người xưa.

Dân quân ta thời ấy đóng góp rất nhiều, đắp cái nền này ít lắm cũng phải đôi ba ngàn người mới làm nổi. Xung quanh Bảo, đào hào sâu ngập nước. Thành nằm giữa một nền cao độ năm mẫu đất. Cảnh này nay đã điêu tàn sụp đổ, chỉ còn trơ lại cái nền. Nay người ta trồng toàn là cây trầm. Hàng trầm rợp bóng sừng sững giữa trời mây, trơ gan cùng tuế nguyệt, chứng kiến bao cuộc thăng trầm của non nước. Đứng xa trông vào giống như một hòn núi nhỏ, chỗ lồi chỗ lõm, cây lá một màu vươn mình giữa cảnh đồng không mông quạnh, không nhà cửa ai hết.

May mắn, chúng tôi đến nơi gặp ông Nguyễn-Văn-Tý, vóc người ốm yếu nhưng còn mạnh khỏe, ông nay trên 70 tuổi, là chủ cuộc đất này. Ông thường xuyên lui tới coi sóc, gìn giữ hương khói.

3) BẢO TIỀN VỚI NGÔI MIẾU THỜ CÁC QUAN ĐẠI THẦN NHÀ NGUYỄN

Chúng tôi còn thấy bên cạnh nền Bảo-Tiền có ngôi miếu nhỏ bằng cây lá, thượng lầu hạ hiên, giữa thờ một bài vị lớn khắc chữ nho sơn son thếp vàng, lâu ngày rất cũ kỹ, trước có đặt bộ lư đồng và cặp chưn đèn. Hai bên vách có hai bàn thờ nhỏ, thờ tả ban và hữu ban, do ông Nguyễn-Văn-Tý dựng lên để tưởng niệm người xưa đi lại trên mảnh đất lịch sử này.

Chúng tôi đến trước linh vị công thần, đốt hương chiêm ngưỡng sùng mộ bậc tiền nhân. Quay gót trở ra, rào bước vòng quanh theo nền Bảo, xem tỉ mỉ, còn thấy những tảng đá chôn vùi sâu dưới lòng đất, bị nước mưa xói mòn lên một

màu đen xám. Theo sự suy đoán của chúng tôi, ngày xưa Vua Gia-Long xây đắp Bảo-Tiền, Bảo-Hậu, các cửa vô đều làm bằng đá xanh và hồ ô dước rất kiên cố. Thời gian trôi qua, vật đổi sao dời, cảnh hư hoại, sụp đổ dưới lòng đất mẹ, biết đâu dưới lòng đất còn rất nhiều vật cổ của ngày xưa không ai tìm kiếm.

4) NHỮNG VIỆC LINH THIÊNG XẢY RA TẠI BẢO TIỀN

Theo lời ông Nguyễn-Văn-Tý kể lại, đồng bào quanh vùng xã Long-Thắng, trong những năm gần đây, đã chứng kiến những việc kỳ dị ở Bảo-Tiền như sau : Lúc nửa đêm nghe tiếng nổ từ dưới đất tuôn lên liên hồi như súng đại bác bắn. Nghe tiếng muôn binh rộn rịp. Đồng bào giăng câu, đặt lọ ngoài ruộng đều ngơ ngác. Sự lạ xảy ra chừng một tiếng đồng hồ rồi trở lại bình thường. Có lúc trời trong quang đãng, cây cối chung quanh lay chuyển như con trốt đi, rồi một lúc sau yên lặng.

Qua các hiện tượng lạ lùng ấy mọi người đều bàn tán cho rằng các đạo âm binh còn phưởng phất đâu đây, nên mới xuất hiện cho nhân gian biết rằng, âm dương đồng nhút lý, hồn tử sĩ còn uất hận, khí thiêng non nước vẫn tồn tại trên đồi cây ngọn cỏ.

Nghe ông Nguyễn-Văn-Tý kể chuyện linh thiêng nơi Bảo-Tiền, chúng tôi xúc cảm bồi hồi, âm thầm mật niệm với tất lòng thành. Thốn thức trước cảnh cũ người xưa giây lâu, chúng tôi kiếu từ ra đi. Rẽ qua con rạch nhỏ, trực chỉ đến xã Phong-Hòa cách Bảo-Tiền 7 cây số, nơi đây là di tích nền

đồn thứ nhì tức là Bảo-Hậu. Bảo này nhỏ hơn Bảo-Tiền. Nhưng cảnh cũng giống như nhau, nằm giữa cánh đồng xanh, cây lá phủ che rậm rạp, chim cò thường qui tụ về đây làm tổ, ít người lui tới.

Sở dĩ có danh từ Bảo-Tiền và Bảo-Hậu, là vì xưa kia Vua Gia-Long thiết lập để bảo vệ phòng thủ cuộc tấn công của địch ở mặt tiền và mặt hậu nên gọi là Bảo-Tiền, Bảo-Hậu. Vị trí chiến thuật và chiến lược của người xưa áp dụng theo lối cổ điển, thành trì vững chắc, quân binh đều tập trung vào thành, khi giặc đến, đem cả toàn lực ra chống ngăn và tử thủ tại thành.

Bảo-Tiền nay còn tại xã Long-Thắng, Bảo-Hậu còn tại xã Phong-Hòa. Từ Sa-Đéc đến đây gần 20 cây số, là nơi di tích lịch sử của Đức Cao-Hoàng lưu dấu.

Thiết tưởng người hữu trách bảo vệ cổ tích nước nhà cần quan tâm đến các nơi này để dựng lên tấm bia, hoặc cất một ngôi đền thờ nhỏ bằng gạch ngói để thờ phụng các bậc công thần có công khai quốc, vào sanh ra tử, hy sinh cả một cuộc đời mở mang bờ cõi, tranh đấu thống nhất đất nước, đem nguồn an vui hạnh phúc cho toàn dân, chuyển tiếp qua bao giai đoạn đến ngày nay. Chúng ta nên nhớ, vô cổ bất thành kim, ở đời ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng, là người dân Việt, chúng ta có bổn phận nên bảo vệ cảnh này cho được tồn mãi với non sông, hầu lưu lại cho thế hệ ngày sau tưởng nhớ, dấu vết công trình của tiền nhân ta đã dày công xây dựng. Như thế, chúng ta không tui hổ với các ngài, và hãnh diện xứng đáng là con Hồng cháu Lạc với tinh thần tồn cổ.

II. DI-TÍCH LỊCH-SỬ ĐỨC CAO-HOÀNG

Khi Chúa-Nguyễn-Phúc-Ánh bị Tây-Sơn truy nã, ngài và quan quân bôn tẩu vào Nam, đã từng lê gót đó đây thấu phục nhân tài cứu khốn phò nguy trong cơn quốc nạn.

Đất Sa-Đéc ngày xưa là nơi ẩn náu của nhà vua, vì nơi đây địa thế hiểm trở, sông rạch chằng-chịt, ruộng vườn giăng giăng, tài nguyên dồi dào, có phương tiện cung cấp cho quân binh ở đây lâu được, để chờ cơ hội quật khởi thể cờ chống lại Tây-Sơn. Chúa Nguyễn đã quan sát địa hình địa vật lấy làm đẹp dạ, thảo luận cùng các tướng lãnh đồng ý, truyền cho quân lính và dân địa phương đắp hai dãy pháo đài để ngăn phòng quân địch tiến xâm. Một dãy ở làng Long-Thắng, rạch Cái-Bàng đi vô, vị trí giữa một cánh đồng bao la chừng năm mẫu đất, chung quanh có đào hào thành kiên cố, đó là Bảo-Tiền. Một Bảo thứ nhì ở làng Phong-Hòa, tức là Bảo-Hậu. Đắp xong Bảo-Tiền và Bảo-Hậu, chúa Nguyễn truyền quân vận đá xanh xây cản trên mấy con kinh dẫn vào yếu điểm phòng thủ, để trấn áp quân Tây-Sơn tấn công theo dòng nước. Dấu tích những cản này còn tại vàm Cái-Tắc, xã Long-Hậu và tại rạch Cái-Bàng, thuộc xã Long-Thắng.

Ngoài ra, tại xã Hòa-Long, vàm rạch Ba-Đình vẫn còn dấu tích nền của ba pháo đài với những tảng đá xanh chôn vùi dưới đất. Những di tích kể trên, mặc dầu không còn nguyên vẹn, nhưng vẫn được các vị bô lão ghi nhớ, truyền tụng trong dân gian.

Chúng tôi đã có đến viếng cảnh này trước khi bắt tay sưu khảo quyển « Sa-Đéc », ghi lại những gì đã thấy tận mắt, tường thuật phần đầu.

NỀN ĐỨC-CAO-HOÀNG TẠI HỒI-OA NƯỚC-XOÁY, HUYỆN VĨNH-AN : Theo tài liệu của ông Nguyễn-Văn-Dần trong quyển « Sa-Đéc Nhân vật chí » : Nền đồn của Đức Cao-Hoàng giá ngự, vuông vức độ sáu công đất, thửa ấy nền đắp rất cao, đến nay vì lâu đời quá nên cái nền đã lỳ xuống, nhưng cũng còn cao hơn mặt đất đôi chút, nước không ngập được, thành đắp bằng đất là nơi Chúa Nguyễn đình trú trong vòng đồn – vị trí tại Hồi-Oa (Nước-Xoáy), thuộc về địa phận làng Tàn-Long, sau Chúa Nguyễn đổi tên là Long-Hưng – xây đắp vào năm Đinh-Tỵ 1787, thuộc huyện Vĩnh-An ngày xưa.

Hướng tây, cận cái xẻo nhỏ, xuống ghe chống vô ra được.

Hướng đông và hướng bắc đến cận ruộng tư điền. Hướng nam có Cây Da Bến Ngự và rạch Nước-Xoáy. Đến đời Vua Tự-Đức, năm thứ hai 1849, vị đại thần Doãn-Mẫn có dựng bia chỗ nền đồn cũ ấy để ghi thắng tích. Nền đồn xưa này về sau nằm trong phần đất của nghiệp chủ Trương-Văn-Quảng, ông hết lòng sùng kính để tự nhiên, không trồng trọt hoặc xây cất nhà cửa hay cho ai mượn đất ấy mà làm việc gì, có lòng bảo tồn cổ tích của người xưa lưu dấu trên mảnh đất của tiền nhân thật là cảm khái.

Đời sau, quan Tổng-đốc An-Hà là ông Cao-Hữu-Dực, sung Kinh-lược, đi qua làng Long-Hưng, thấy di tích nền

đồn, thành cũ của Đức Cao-Hoàng giá lâm, ông động lòng cảm khái làm bài văn tri lễ : Dưới đây là bản dịch của ông Hòa-Trai Nguyễn-Văn-Dần :

« Những từ có giặc Tây-Sơn
Triều Nam chúa Nguyễn gặp cơ dấy loạn
Đời Vua Thế-Tổ Cao-Hoàng,
Giá vào Sa-Đéc tại làng Long-Hưng
Đến nơi trú tất nghỉ chư
Xây thành lập trận, canh tuần nghiêm trang.
Tuy là một cuộc đạ hoàng,
Một thành, một lũy trừ an, giặc tà.
Đem về một mối sơn-hà,
Cho nên chốn ấy hiệu là Long-Hưng.
Trong khi nghĩa sĩ trung thần
Anh hùng hào kiệt bội phần thiếu chi.
Dấu xưa sự tích để ghi,
Sáu mươi năm lẻ nay thì còn đây,
Tưởng cơn gặp hội rồng mây,
Xông pha tên đạ bấy chầy ruỗi dung.
Ngày ngày chánh khí anh phong
Tinh linh như chói hai vùng để phai.
Ta nay (Cao-Hữu-Dực), là kẻ hậu lai,
Lòng riêng luống những cảm hoài lẫm thay !
Nhơn khí công sự đến ngày,
Lưu đi kinh lược sang ngay chốn này,
Đơn thiêng một tấm đặt bày phỉ nghi
Lễ dâng trí tế các vì,
Cúi xin cảm cách phò trì an ninh.

Cầu cho « Nhơn kiệt Địa linh ».

Dân khương vật phục thái bình như xưa ».

Đây là bài văn trí tế của Tổng-đốc Cao-Hữu-Dực lưu niệm nơi mảnh đất di tích lịch sử này, ngày nay các vị bô lão thường nhắc đến. Chúng tôi cố sưu tầm để nói lên lời nói của người xưa còn phưởng phất đâu đây, để tăng thêm phần điểm tô non sông đất nước với những trang sử oai hùng của dân tộc.

III. LĂNG THỐNG CHẾ NGUYỄN CÔNG LIÊU

Tại Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay có một đền thờ và lăng của Thống-chế Nguyễn-Công-Liêu dưới triều Gia-Long, Minh-Mạng. Ông là vị võ quan có công khuông phò nhà vua, từng lập được nhiều chiến công hiển hách, khi ông quá vãng, linh cữu đem về an táng tại xã Tân-Vĩnh-Hòa (thuộc ấp Tân-Bình), tọa lạc trên cuộc đất của ông bà Huỳnh-Thủy-Lê. Chúng tôi đến viếng lăng ngài thấy có một đền thờ nhỏ xây bằng gạch ngói, bên trong để một phủ thờ và linh vị người quá cố, phía trước lăng xây bằng gạch, trên nóc có khắc những hàng chữ từ trên tới dưới như sau :

« Hoàng Triều Trung-Liệt công thần

Hoài viên tướng quân

Thần Sách quân Tả Dinh

Vũ Vệ Khâm-sai Cai-cơ Hầu-tước

Sanh năm Canh-Thìn tháng 9 ngày mồng một

Từ trần năm Giáp-Tuất 1874 tháng Chạp

Ngày 29 giờ Mùi ».

Ngôi mộ này trước kia bằng đất quanh năm không cỏ mọc. Ngài ứng mộng cho bà Hồ-Thị-Huân, một vị chân tu ngụ tại cuộc đất này, bảo xây lại và cất đền thờ cho khang trang, để bá tánh đến chiêm ngưỡng, và ngài còn cho biết trước nơi cuộc đất thiêng này trong tương lai sẽ có nhiều đoàn thể tôn giáo qui tụ về đây. Bà Hồ-Thị-Huân hết lòng tin tưởng đến oai linh của Ngài, bỏ tiền ra làm mộ và xây cất đền thờ và hoàn thành vào năm 1938, nay bà Huân đã quá vãng.

Hằng năm vào ngày 29 tháng chạp là ngày giỗ ông, các bô lão trong làng đến tham dự đông đảo để tưởng niệm vị công thần oai linh hiển hách.

Chúng tôi đến đây được nghe người cháu của bà Hồ-Thị-Huân thuật lại mọi sự việc như trên, đều ứng hiện theo sự mách bảo trước của vị Công thần Nguyễn-Công-Liêu.

Ngày nay đã có mặt các cơ sở đạo giáo qui tụ về cuộc đất này. Trụ sở giáo Hội P.G.H.H. Tịnh xá Du Tăng khất sĩ, nhà giảng Tin-lành, Đình-thần, Chùa sư nữ Hải-Huệ, v.v... Một cuộc đất nhỏ này mà quy tụ được một số đạo giáo tín đồ về đây lo việc tu hành thật là hiếm có.

IV. TIỀN ĐỒN ĐÔNG KHẨU ĐẠO

Như chúng tôi đã trình bày ở phần lịch sử Sa-Đéc, xưa kia vùng đất Sa-Đéc sáp nhập vào lãnh thổ nước ta từ thời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc-Khoát. Do sách lược phòng thủ của Nguyễn-Cư-Trinh đề ra, bấy giờ Sa-Đéc được đặt làm Đông-Khẩu-Đạo, để ngăn ngừa người Chân-Lạp và Xiêm-La đánh phá.

Từ năm Đinh-Sửu 1757, tiền đồn Đông-Khẩu-Đạo thiết lập ở bờ phía nam sông Sa-Đéc, thuộc huyện Vĩnh-An. Đến thời Gia-Long, tiền đồn Đông-Khẩu-Đạo này bãi bỏ.

GÁC BẢO ĐẤT XƯA : Trong việc phòng thủ vùng Sa-Đéc, ngoài các đồn, thành lớn lao, còn có các bảo đất được đắp lên ở nhiều nơi. Nhất là từ đời Thiệu-Trị, miền Hậu-Giang thường bị người Chân-Lập và Xiêm-La quấy rối, nên sự thiết lập đồn, bảo, đã là một công tác đặt lên hàng đầu của chánh quyền thời ấy.

Những Bảo đất có tiếng, còn ghi trong sử sách :

- *Bảo-đất Giang-Nông.* – Châu vi 43 trượng, cao 5 thước ở huyện Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842).

- *Bảo đất Vĩnh-Thành.* – Châu vi 38 trượng, cao 4 thước ở huyện Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842).

- *Bảo đất Vĩnh-Thành.* – Châu vi 23 trượng, cao 4 thước ở huyện hạt Vĩnh-An : đắp năm Thiệu-Trị thứ hai (1842).

V. CÁC CHỢ XƯA CÓ TIẾNG

Trong « Đại Nam Nhất thống chí », đặc biệt ghi về các chợ xưa ở Sa-Đéc rất đáng được nhắc nhở, đã có từ thời Gia-Long :

- **CHỢ VĨNH-PHƯỚC**, tục danh Chợ Sa-Đéc, ở phía đông huyện-lỵ Vĩnh-An. Chợ quán dọc theo bờ sông, liên tiếp nối dài 5 dặm, ở dưới sông có những bè bằng tre kết, đậu khít nhau giăng hàng (tức nhà bè) hoặc bán tơ lụa và đồ khí dụng hoặc bán dầu rái, than củi, mây, tre, muối, mắm. Còn

trên bờ, phố xá cũng có bán đủ các hàng hóa tốt đẹp, ấy là một thẳng địa phần hoa vậy.

- CHỢ TÂN-PHÚ-ĐÔNG (đều ở huyện Vĩnh-An)
- CHỢ HÒA-AN (đều ở huyện Vĩnh-An)
- CHỢ TÂN-THUẬN (đều ở huyện Vĩnh-An)
- CHỢ MỸ-AN (đều ở huyện Vĩnh-An)
- CHỢ LONG-HẬU cũng ở huyện Vĩnh-An, vốn là sở tại thủ Sở Cường-Oai cũ. Nơi đây thì phố xá hơi đông.
- CHỢ NHA-MÂN, ở huyện An-Xuyên.

Xem qua các chợ xưa trên đây, chúng ta hẳn có ý niệm về sự phồn thịnh của Sa-Đéc xa xưa, càng tăng thêm lòng căm cụu. Và thời gần đây, trong quyển « Sa-Đéc nhân vật chí » ghi về các chợ hệ trọng trong tỉnh Sa-Đéc như sau :

TỔNG AN-TRUNG : Chợ Sa-Đéc (làng Tân-Phú-Đôn), Chợ Vĩnh-Phước (làng Vĩnh-Phước).

TỔNG AN-THẠNH-HẠ : Chợ Tân-Qui (làng Tân-Qui-Đông), Chợ Cồn.

TỔNG PHONG-THẠNH : Chợ Mới (làng Mỹ-Ngãi), Chợ Cao-Lãnh (làng Mỹ-Trà).

TỔNG AN-THẠNH-THƯỢNG : Chợ Cái-Tàu-Thượng (làng Hội-An), Chợ Đất-Sét (làng Mỹ-An-Hưng).

TỔNG AN-TỊNH : Chợ Tân-Thuận (làng Tân-Thuận).

TỔNG AN-THỚI : Chợ Lai-Vung (làng Tân-Lộc), Chợ Long-Hậu (làng Long-Hậu).

TỔNG AN-MỸ : Chợ Cái-Tàu-Hạ (làng Phú-Hựu), Chợ Nha-Mân (làng Phú-Nhuận), Chợ Dinh (làng Tân-Hựu).

TỔNG PHONG-NĂM : Chợ Mỹ-Thọ (làng Mỹ-Thọ), Chợ Mỹ-Xương (làng Mỹ-Xương), Chợ Cái-Sao (làng Mỹ-Lòng).

VI. CÂY DA BẾN NGỰ

Tương truyền : Khoảng năm Đinh-Vị 1787, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đồn binh tại Nước-Xoáy (Hồi-Oa-thủy), ẩn náu tại xã Tân-Long (nay là xã Long-Hưng) thuộc quận Lấp-Vò. Hai chữ « Long-Hưng » chính là do Nguyễn-Vương sau đó đặt tên lại.

Trong khi đình trú tại đây, toan mưu phục nghiệp, Nguyễn-Vương thường đến dưới cội Da cạnh mé rạch Long-Hưng để câu cá. Nhân đó, dân chúng tôn kính gọi nơi ấy là « Cây Da Bến Ngự ».

Nay cội Da đã đốn mất, nhưng gốc da to lớn khoảng gần đây vẫn còn ngã nằm bên mé rạch Long-Hưng.

Đốc Phủ-sứ Nguyễn-Đăng-Khoa khi làm Quận-trưởng quận Sa-Đéc (khoảng năm 1926) cảm đề hai bài Vịnh lúc Nguyễn-Vương ngụ nơi Long-Hưng :

*« Anh-hùng nguồn Nguyễn ứng Long-Hưng
Đế nghiệp trời Nam đã định chùng
Đất trở cây Da làm bến ngự
Người hô tung nhạc hạ trời xuân
Gió thanh ngút tỏa mùi hương khí
Đất Việt lâm châu vị quý nhân
Tiên chỉ hoành sơn là đế vượng*

*Triệu tường con cháu trở long lân
Tiên Vương bến Ngự hãy còn đây
Cắm nổi cây da chạnh nổi ngai
Trương tán đứng chờ trong gió bụi
Phơi râu hầu đón giữa trời mây
Tiếng nhơn thấp thoáng trên nhành đó
Dấu đức còn âu dưới cội này
Nắng lửa ai phòng binh bổ với
Cắm hờn nắng lửa thói tà tây ».*

Khoảng năm 1958, khi Sa-Đéc hãy còn là một quận của Vĩnh-Long, vào ngày 8 Janvier, trong dịp đi kinh-lý, Cố Tỉnh-trưởng Khưu-Văn-Ba được các bô lão và dân chúng xã Long-Hưng mang đến tặng một cái lư cổ bằng đá ong, di tích của Vua Gia-Long. Nhân đó, cố Tỉnh-trưởng Khưu-Văn-Ba cho xây cất tại « Cây-Da Bến-Ngự » một ngôi miếu lấy tên là « Cao-Hoàng Thái-Miếu ».

Muốn đến Cây-Da Bến-Ngự phải đi đường thủy, từ tỉnh lỵ Sa-Đéc theo rạch Sa-Đéc đến vàm Nước-Xoáy, đến xã Long-Hưng độ 13 cây số ngàn.

VII. LĂNG ÔNG BỎ HẬU

Ông Nguyễn-Văn-Mậu tự là Hậu, khi xưa từng cứu mang giúp đỡ Nguyễn-Vương (Phúc-Ánh), lúc thất cơ ẩn náu tại làng Long-Hưng nên được Nguyễn-Vương tặng trọng xem như ông bỏ (Cha nuôi).

Lăng ông Bỏ Hậu được phái đoàn do Vua Gia-Long sai vào xây cất trong năm Gia-Long thứ 8 (Kỷ-Tị 1809) tại xã Long-Hưng, cách « Cây-Da Bến-Ngự » độ hai ngàn thước.

Lối kiến trúc không có chi huê mỹ, tuy nhiên, cũng đánh dấu được giai đoạn ông Bỏ-Hậu góp phần vào công nghiệp lập quốc của Nguyễn-Vương.

Bà Đốc-phủ Phải ở Chợ-Lớn mấy mươi năm trước đây, vốn là chặt gái của ông Bỏ-Hậu, và dòng-dõi ông Bỏ-Hậu hãy còn trong làng Long-Hưng.

Đốc Phủ-sứ Nguyễn-Đăng-Khoa có thơ vịnh Lãng :

*« Vào Lãng ông Bỏ, cảm tình ông
Thấy cảnh ai không động tấm lòng
Đất nghĩa tuyết đầm meo móc đượm
Nền nhơn sương đắp cánh hoa vun
Vùng Mây làm giúp cây tàn lọng
Ngọn gió đưa giùm tiếng đức phong
Thức nguyệt ánh đèn soi tỏ rạng
Cho lòng trời biết chút mỡ trung ».*

Về tiểu sử ông Bỏ-Hậu xin quý bạn đọc xem thêm ở Chương « Giai thoại » : « Chuyện ông Bỏ và Đức Gia-Long ».

VIII. LÃNG QUAN LỚN SEN TỨC KINH MÔN QUẬN CÔNG NGUYỄN VĂN NHƠN

Tại xã Tân-Đông, thuộc tổng An-Thạnh-Hạ, quận Châu-Thành, Sa-Đéc, có lăng quan lớn Sen tức Kinh-môn Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn. Tiểu sử cụ, chúng tôi có trình bày ở phần danh nhân ; và về sự tích gọi cụ là « quan lớn Sen » xin thêm ở phần giai thoại.

Lăng Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn khi xưa ở gần bờ sông hữu ngạn Cửu-Long-Giang, thường bị sóng đánh nước xói mà đất lở gần đến lăng, nên trong họ và Hội đồng hương chính đem dời vào nơi xa, ở về chỗ Cái-bè cạn.

Lăng xây cất lại và làm lễ khánh táng vào ngày 17 tháng ba năm Canh-Thân 1920.

Nay muốn viếng Lăng, phải đến ấp Khánh-Thuận, làng Tân-Đông (trước là Tân-Khánh), tổng An Thạch-Hạ, cách tỉnh lỵ Sa-Đéc hơn 8 cây số ngàn.

Giữa miếng đất rộng có rào bao phủ, hai ngôi mộ của vợ chồng cụ Quận-công nằm song song nhau. Trên tấm bình phong phía sau có khắc bài thơ của Vua Thiệu-Trị ngự chế trong năm Bính-Ngọ 1846. Trước cửa của Lăng có đôi liễn :

*« Tứ thế nhân luân thiên lũng ốc
Quốc gia trung hiếu lưỡng âm phong ».*

IX. SỰ TÍCH MIẾU-VĂN-THÁNH

Vùng Long-Hồ-Dinh khi xưa có đến hai nơi được thiết lập miếu Văn-Thánh, một ở tỉnh lỵ Vĩnh-Long, một ở vùng Cao-Lãnh vốn là đất tỉnh Sa-Đéc ngày trước.

Miếu Văn-Thánh tỉnh Sa-Đéc xưa, thiết lập ở làng Mỹ-Trà (Cao-Lãnh) thuộc tổng Phong-Thạnh, vốn trước kia thuộc về huyện Vĩnh-An, phủ Tân-Thành. Vì thuở cựu trào dinh phủ Tân-Thành đóng tại làng Mỹ-Trà, nên nền văn chỉ cũng xây cất trong làng ấy, đến nay cũng vẫn còn dấu tích.

Người đề xướng việc xây cất Văn-Thánh miếu là viên Tri-phủ Hồ-Trọng-Đình. Khởi công xây cất từ ngày mùng 4

tháng 6 âm lịch vào năm Đinh-Tỵ (1857) qua ngày 28 tháng 6 năm Đinh-Tỵ 1857 thì hoàn tất.

Đến năm Tự-Đức thứ 31 (Mậu-Dần) (1878) vị Ban biên là Phạm-Văn-Khanh có đứng ra sửa sang lại. Nơi miếu có nhiều đôi liễn được truyền tụng :

- « Văn tại tư hồ, thể dụng lạc kinh thiên cổ địa đạo ;
Thánh chi thời giả, tôn thân vạn cổ đế vương sư ».

- « Kinh thiên vĩ đại tam tài chuẩn ; Kế vãng khai lai
vạn đại tôn ».

- « Cao sang ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chỉ ; Giang
hán trạc chi, thu dương bộc chi ».

- « Lễ nhạc điển chương, bị nhất vương đại pháp ; Văn
hạnh trung tín, thì tứ giáo hoang mô ».

- « Hiếu tử trung thần, vạn cổ can thường tư trụ thạch ;
Danh nhân khôĩ sĩ, niên phong vạn thử quyền dư ».

- « Giáo tường vật tắc dân di, tổ cụ cá trung vương
thánh ; Lý quán thiên kinh địa nghĩa, cao siêu phương ngoại
thần tiên ».

X. VỊNH ÔNG ĐỐC VÀ MỘ ÔNG ĐỐC BÌNH THUẬN

Cách Châu-Thành Sa-Đéc độ trên một cây số ngàn, về ấp Phú-Hòa, làng Tân-Phú-Đông, qua cầu Rạch Rắn, quẹo tay trái đi theo bờ rạch thì đến Vịnh Ông Đốc. Vịnh Ông Đốc nào đây ? Kể ra thì trong có biết bao sông rạch đều mang tên là ông Đốc. Và điều cần là phải biết rõ xem đó có ý nghĩa gì. Vì không phải tất cả sông rạch mang tên ông Đốc dù là cùng chung một nguồn gốc. Chẳng hạn như sông Ông

Đốc ở Bạc-Liêu, ông Đốc đây tức là ông Đốc binh Nguyễn-Tấn-Huỳnh, mà chúng tôi đã có trình bày trong quyển « Bạc-Liêu xưa và nay ». Còn như Vịnh Ông-Đốc ở Sa-Đéc, chính là để kỷ công ông Đốc binh Thuận.

Cũng như những tên sông rạch mang tên ông « Chưởng », cũng đều chẳng phải chung một nguồn gốc mà ra. Như vàm Ông Chưởng, làng Ông Chưởng ở An-Giang, là để lưu danh ông Chưởng-cơ lễ Thành-hầu Nguyễn-Hữu-Cảnh. Còn như đập Ông Chưởng ở làng Bình-Luông-Tây, Gò-Công, lại là di tích kỷ công ông Chưởng-cơ Mai-Tấn-Huệ.

Xin nhắc trở lại về Vịnh Ông Đốc ở Sa-Đéc, gọi là Vịnh Ông Đốc, vì bên tả ngạn vịnh này có ngôi mộ của vị Đốc binh triều Tự-Đức. Chúng tôi chưa tra cứu được họ ông là gì, chỉ được biết tên ông là Thuận, tục gọi là Đốc-binh Thuận. Xưa kia ông dũng cảm cầm binh kháng Pháp, khi xông trận, ông bị gãy một chân, thương tích trầm trọng nên chẳng bao lâu thì ông mất. Lúc chôn cất ông, người ta làm một cái chân bằng sáp thếp vào.

Mộ ông ở về ấp Phú-Hòa, làng Tân-Phú-Đông như đã nói trên. Cái Vịnh Ông Đốc đến nay còn lưu truyền, ấy là đặt từ thời trước để nhắc nhở tưởng niệm đến ông vậy.

Con cháu của ông, có người con út tên Chánh, trước có giúp việc sở Trường-Tiền (tức ty Công Chánh) tỉnh Sa-Đéc nhưng cũng đã qua đời từ lâu, không ai nối dòng.

XI. ĐÌNH VĨNH PHƯỚC VÀ LINH VỊ CHUỖNG DINH QUẬN CÔNG TỔNG PHƯỚC HÒA

Đình Vĩnh-Phước tục gọi là đình Gạo, một ngôi đình nhỏ đã có từ lâu, được xây cất lại hồi năm 1904. Ngày nay, dân chúng gọi là đình Vĩnh-Phước, nay trở thành ấp Vĩnh-Hiệp (xã Tân-Vĩnh-Hòa). Ngôi đình rộng lớn khang trang, lộng lẫy, phải là nơi ngự trị của linh thần khói hương thường nhật. Thờ Thần Bồn-cảnh Thành-Hoàng do Vua Tự-Đức đệ ngũ niên phong sắc.

Tục lệ hằng năm đến ngày 17.7 âm lịch tổ chức cúng Thần long trọng và phải cúng một con trâu sống, và có năm hát Bội để tạ Linh-Thần.

Đặc biệt Đình này còn thờ quan Thượng-đẳng Quận-công Tống-Phước-Hòa. Trước kia vị thần này có miếu riêng, vì lâu đời phải hư, nên thỉnh sắc về thờ chung trong đình Vĩnh-Phước. Sắc phong ngày 24-9-1823, đời Minh-Mạng đệ tam niên. Hằng năm cúng vào ngày 15-1 âm lịch.

Đồng bào địa phương rất tin tưởng nơi sự hiển linh của ngài, mỗi lệ cúng có đủ mặt thân hào nhân sĩ đến dự đông đảo. Một vị khai quốc công thần như Ngài danh vang bốn bể, sử sách đã ghi tạc tên tuổi. Ngày nay đất Sa-Đéc hữu phước được thờ Ngài khói hương không dứt, truyền tụng muôn đời với tinh thần tồn cổ.

XII. NGÔI MỘ BÀ DƯƠNG

Cách 3 cây số về phía tây Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay còn ngôi cổ mộ, nằm trên một gò đất cao ráo rộng chừng 500 thước vuông, chung quanh có nhiều cây cối mọc um tùm, cảnh vật rất nên huyền ảo. Ngôi mộ bao quanh những tảng đá xanh to lớn, rêu phong cỏ mọc, trước đầu mộ có

khắc những hàng chữ nho ghi lại năm tháng, tên họ người quá vãng, nhưng lâu ngày bị tuyết sương mưa gió phai mờ, chữ còn chữ mất.

Theo các bô lão địa phương kể lại, lúc Gia-Long tẩu quốc đi ngang qua Sa-Đéc, trên đường về Bảo-Tiền Bảo-Hậu, chẳng những bà Dương thường nấu cơm cháo thết đãi ba quân tướng sĩ mà bà còn đóng góp công lao tiền của giúp đỡ nhà vua trong lúc dừng chơn ở Sa-Đéc. Việc làm của bà, thể hiện lòng yêu nước lớn lao, được nhà vua khen tặng là : « Hào-nghĩa khả gia » .

Tương truyền, ngôi mộ của bà trước đây mấy mươi năm, những đêm thanh vắng, thường xuất hiện một cặp rắn thần màu ngũ sắc, có giọng gáy thanh tao vang cả đồng ruộng. Đồng bào hiếu kỳ đến rình xem, quả là một cặp rắn thật to mòng đỏ, từ trong núp mộ ngóc đầu lên gáy, ai nấy cho là việc lạ. Theo người biết chuyện cho đó là binh gia ngày xưa hiện thân đến hầu bà là người có công giúp đỡ cho quân binh tướng sĩ trong lúc quốc nạn, khí thiêng sông núi, vong linh tử sĩ còn phưởng phất nơi mảnh đất linh, nên mới ứng hiện những sự việc cho thế gian thấy chuyện linh thiêng huyền bí của cõi vô hình. Tiếng rắn thần dường như nhắc nhở để truy ơn một nữ trung liệt.

Câu chuyện rắn thần xuất hiện và ngôi cổ mộ bà Dương tại Sa-Đéc ngày nay người ta thường nhắc đến ở đám tiệc, trong lúc trà dư tửu hậu.

XIII. DINH BÀ ĐÔ

Uy danh cụ Kinh-môn Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn, trong tỉnh Sa-Đéc nói riêng, lịch sử Việt-Nam nói chung, không ai là không biết. Lịch sử đời cụ, làm vẻ-vang cho Sa-Đéc và đến nay hãy còn di tích khá nhiều trong tỉnh. Chẳng những cụ đã để tên vào lịch sử, mà con cái của cụ cũng lừng danh, và cũng còn lưu di tích một nơi ở Sanh-Nhiên, tục gọi là Dinh bà-Đô.

Vì sao có tên Bà-Đô ? Nguyên người con trai trưởng của cụ Kinh-môn Quận-công được triều đình chú ý vì tài đức, nhất là vì trọng vọng uy-danh của cụ Kinh-môn, nên nhà vua gả Công chúa cho. Con trai cụ Kinh-môn, Quận-công nghiễm nhiên là Phò-mã, phong chức. Phiêu-ky Đô-úy, tước Đức-Nhuận-Hầu. Vì chồng là chức Đô-úy, nên người ta quen gọi công chúa là Bà-Đô.

Tuy thuộc hàng cảnh vàng lá ngọc, nhưng chịu ảnh hưởng của chồng và cha chồng. Bà-Đô sống bình dị, thanh đạm, giàu lòng nhân đức, bủa nhuần ân nghĩa khắp vùng. Do đó, tăm tiếng Bà-Đô vang truyền.

Vợ chồng bà cất dinh ở rạch Sanh-Nhiên, dân chúng vì ngưỡng mộ công đức của vợ chồng bà, nên gọi tên rạch bằng tất lòng tôn kính tưởng niệm là Rạch Bà-Đô. Dinh thự của vợ chồng bà thì dân chúng gọi là Dinh Bà Đô.

Thấy dân chúng tỏ lòng mến mộ, vợ chồng bà càng thêm cảm kích, chăm thi ân bố đức hơn trước nữa, mua chuộc cảm tình càng ngày càng sâu đậm. Đến khi Bà-Đô mất, người người đều thương tiếc.

Thời gian qua, vật đổi sao dời, dưới triều Minh-Mạng, Tự-Đức, cựu trào cho thiết lập phủ Tân-Thành tại nền cũ dinh Bà-Đô thưở trước. Rồi đến đời Pháp thuộc người ra cất Chợ Cũ Sa-Đéc tại ấy. Dần dần về sau, chốn cũ Dinh Bà-Đô lại biến thành chỗ lò heo Vĩnh-Phước.

Tiếng Bà-Đô chìm trong quên lãng. Để lưu dấu vết, tưởng niệm người xưa đã khuất trong hương khói tôn sùng của dân gian, nhờ lòng nhân đức, tên gọi Bà-Đô chúng tôi xin nhắc lại nơi đây.

Những khi du khách qua Rạch Sanh-Nhiên, xin biết cho rằng nơi đó từng được gọi là Rạch Bà-Đô và có Dinh Bà-Đô tọa lạc nơi vùng ấy. Âu cũng chút lòng hoài niệm người xưa cảnh cũ.

XIV. KINH ĐỐC-PHỦ-HIỀN, XÃ TÂN-PHÚ-TRUNG

Lúc trước đường sá chưa mở mang, dân chúng xã Tân-Phú Trung muốn đi chợ Sa-Đéc phải bơi xuống chèo ghe theo con rạch Cần-Thơ, từ chợ xã Tân-Phú-Trung đi theo một vòng cung qua Chợ-Quán, Bình-Tiên... rồi mới đến Sa-Đéc. Vì đoạn đường dài trên 7 cây số, nên họ phải đi từ 4, 5 giờ sáng.

Đến năm Kỷ-Dậu 1909, có người nghĩ ra cách thâu ngắn đoạn đường trên bằng một ngã đi tắt, gần hơn tiện hơn. Người đó là quan Đốc-phủ Lê-Quang-Hiền, làm việc tại tỉnh Sa-Đéc. Kẻ viết bài này đã cố gắng tìm hiểu về lý-lich cùng thân thế, sự nghiệp của ông Lê-Quang-Hiền, người đã có công rất nhiều cho đồng bào xã Tân-Phú-Trung ngày nay còn nhắc.

Đào con kinh này ông đã quy tụ trên 5.000 tráng đinh ra sức đào ròng rã trong ba tháng, dụng cụ đào kinh là len, xuống – một dụng cụ thô sơ và thông dụng của đồng bào nông thôn. Con kinh bắt nguồn từ ngã tư Chợ xã Tân-Phú-Trung thẳng ra đến Ngã-Cạy, tại đây sẽ giáp giới với Ngã-Cũ, qua cầu Rạch-Rắn rồi đến chợ Sa-Đéc. Con kinh đào này bề ngang 10 thước, sâu 4 thước, và nếu so với bề dài của Rạch Cần-Thơ thì con kinh Đốc-phủ-Hiền chỉ dài khoảng 5 cây số thật là giản tiện cho dân chúng trong sự lưu thông, ngoài ra còn giúp thêm nước cho ruộng lúa hai bờ kinh rất nhiều.

Để nhớ ơn ông, người ra bèn đặt tên con kinh mới là Kinh Đốc-phủ-Hiền.

Hiện nay vì nước chảy quá mạnh, nên càng ngày kinh càng lở ra rộng có đến 30 thước.

Lúc trước trên bờ kinh về phía tay mặt có trồng một hàng cây sao rất cao lớn, có cây cao đến mấy mươi thước, tục gọi là hàng sao Một, nay đất lở đi, chỉ còn lại bộ rễ to lớn dưới mé kinh như để chứng minh sự vắn xoay của tạo-hóa.

CHƯƠNG 2 : HUYỀN SỬ

I. CHIẾN TRƯỜNG BÃI HỒ

Bãi-Hồ, tên chữ là Hồ-Châu, ở phía đông sông Tiền-Giang và sông Tân-Đông, là hai thôn cư Tịnh-Thới và Tân-Tịch. Nơi này, khi xưa hình thể như cạp vờn mỗi, đúng là nơi long tranh hổ đấu. Cho nên, từ xa xưa Bãi-Hồ vẫn là chỗ chiến trường đẫm máu khốc liệt. Chân-Lạp, Xiêm-La thường động binh đánh phá chốn này. Mà nhà Nguyễn Tây-Sơn cũng từng xua binh giao phong ác liệt nơi đây.

Trong khi nhà Chúa Nguyễn-Phúc và nhà Nguyễn Tây-Sơn tranh hùng, trận đánh long trời lở đất tại Bãi-Hồ, xảy ra vào năm Kỷ-Dậu 1789.

Năm ấy, khoảng tháng 4, Tướng lãnh chỉ huy quân-đội Tây-Sơn là Thái-bảo Phạm-Văn-Tham (cũng gọi là Phạm-Văn-Sâm) dàn thành trận thế tại Bãi-Hồ ; Phạm-Văn-Tham vẫn là tướng giỏi của Tây-Sơn, đã có lúc đóng binh trấn giữ Saigon, bị Nguyễn-Vương dùng kế ly gián, khiến Phạm-Văn-Tham phải bị Tây-Sơn nghi ngờ đến nỗi phải đầu hàng. Nhưng Phạm-Văn-Tham chẳng thật lòng hàng phục, nên ít lâu lại trở mặt đánh trả lại cho Nguyễn-Vương.

Nghe tin Thái-bảo Phạm-Văn-Tham dàn quân nơi Bãi-Hồ, Nguyễn-Vương cả giận, khiến Võ-Tánh, Nguyễn-Văn-Trương, Nguyễn-Văn-Nhơn dẫn binh đi đánh. Chiêng trống vang trời, bụi binh mù mịt. Tiếng quân sĩ hét la vang dội một góc trời như cạp gầm chấn động.

Với khí thế hào hùng sẵn có, binh Nguyễn-Vương phá tan quân đội của Phạm-Văn-Tham. Tuy nhiên, đôi bên đều đã tổn thất nặng nề. Sau trận Bãi Hồ, tương truyền : Những đêm thanh vắng, nhân dân quanh vùng thường nhận thấy có lắm hiện tượng quái ảo xảy ra.

Hồn ma bóng quế chập chờn trong sương mù. Tiếng vọng ồn ào như vó ngựa dồn dập, đoàn quân vượt tiến.

Não nùng thay, một con sông Man-Thít đẫm máu, Châu-Văn-Tiếp qui thần ; lại thêm Bãi-Hồ xương khô chất đống. Phạm-Văn-Tham tán đởm kinh hồn. Sa-Đéc ngày xưa lắm nỗi đau thương vì chiến họa « Nhất tướng công thành vạn cốt khô », từ xưa, cuộc chinh chiến vẫn là điều đại bất hạnh cho một dân tộc lâm tai kiếp nói riêng, tủi nhục cho nhân loại hiểu sát hiểu chiến nói chung. Cho nên, qua cơn binh lửa, những nơi từng là bãi chiến trường ác liệt, hẳn là oán khí lâu tan oan, hồn vất vưởng gây nên lắm điều quái dị cũng là thường.

Nhân nhắc đến đoạn sử đau thương « Sóng gầm Man-Thít », chúng tôi thêm nỗi ngậm ngùi về chiến trường Bãi-Hồ, đánh dấu một thời quá khứ, dân tộc điêu linh vì nội chiến, đồng chủng tương tàn...

II. PHỐ TIÊN BÃI PHỤNG DIỆU HUYỀN

Sa-Đéc ngày xưa có hai nơi thắng cảnh : Phố Tiên và Bãi-Phụng. Sách « Đại Nam Nhất thống chí » ¹³ ghi :

- Tiên-phố ở đất Tân-Quy-Đông : Nước trong cát trắng, gió mát sông lặng : người có ghe thuyền thường đem ra đậu

nơi đây không bị ruồi muỗi huyên náo, nên gọi là Tiên.

- Bãi Phụng-Nga thì ở phía bắc sông Sa-Đéc, công dài 10 dặm. Phía đông là Bãi Phụng Châu, Phía tây là Bãi Nga : có 5 thôn cư ; Nghi-Phong Sùng-Văn ; An-Tịch, Tân-Xuân và Tân-Lâm.

Một gò đất rộng, giữa có ngòi nhỏ, chia gò ra làm hai, vườn cây xanh tốt, cảnh liễu lòng thòng như đuôi chim phụng và có những bầy ngỗng lội tắm dưới bến nước, nên đặt tên là Bãi Phụng-Nga. Chỗ này là cảnh trí lâm-tuyền mà lại gần thành thị, ai muốn nhàn tĩnh tâm hồn thì đến Tiên-Phổ, bơi thuyền ra Tiền-Giang mà tắm gội gió mát trăng thanh ; ai ưa phần hoa náo nhiệt thì qua Nam-Tân đến Sa-Đéc mà dạo chơi thành thị. Hơn nữa, có sông để câu cá, có ruộng để làm nông và trồng trọt hoa mầu, đủ cả lạc thú.

Cảnh trí Phổ-Tiên, Bãi-Phụng, nửa thành thị nửa lâm-tuyền, gợi lòng du tử sinh lòng cảm cực, mẩn luyến phong quang ấy biết bao nhiêu. Tên đặt đã xinh xinh, cảnh trí lại hữu tình, thừa sức thu hút khách du nhàn tản quá bộ đến ngắm phong quang. Thảo nào khi xưa Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh đã chọn Sa-Đéc làm chỗ hành cung cũng phải.

Lại tương truyền : Sở dĩ hai nơi thắng cảnh ấy có tên là Phổ-Tiên (Tiên-Phổ) và Bãi Phụng-Nga (Phụng-Nga Châu), vì chẳng những phong quang Tiên-Phổ mường tượng như cảnh Tiên, còn Bãi-Phụng hình thể như Phụng múa, mà hai chốn ấy lại còn là nơi để các tay thơ thần rượu thánh dạo chơi thích chí đề thơ ngâm vịnh. Và hơn nữa, những đêm trăng trong cảnh tịch, vẫn hay có chư Tiên hiện xuống,

văng vẳng xa nghe như có tiếng hạc kêu ở nửa tầng trời, thấp thoáng như có đàn Phụng múa châu hầu các đấng tiên gia giáng thế.

Lạ thay ! Vĩnh-Long có cảnh Tiên-Châu, Chùa Tiên-Châu¹⁴, Sa-Đéc cũng có Phố-Tiên, Bãi Phụng. Phải chăng vùng Vĩnh-Long – Sa-Đéc là nơi sông linh đất phước, nên thường có thần tiên qua lại vân du ? Khí linh chung đúc nên kỳ quang thắng cảnh, sản xuất anh tài. Đất Long-Hồ-Dinh xưa đầy đầy khí thiêng ẩn ước, xưa đã thế, mà nay và về sau hẳn sẽ còn có lắm điều đáng ngợi ?

III. OAI LINH HẦU TƯỚNG SĨ-HÒA

Trong cuộc thực thi chính sách tầm-thực, khai thác lãnh thổ miền Nam, dưới quyền điều khiển của nhị vị tướng lãnh cao cấp là Nguyễn-Cư-Trinh và Trương-Phúc-Du, tự nhiên còn có biết bao anh hùng hào kiệt đã dày công đóng góp. Hoàn thành sứ mạng Nam tiến, Nguyễn-Cư-Trinh để tên trên lịch sử. Dân chúng Long-Hồ-Dinh nói chung, Đông-Khẩu-Đạo (tức vùng Sa-Đéc khi xưa) nói riêng, càng hoài cảm công nghiệp của ông bấy bao nhiêu, ắt cũng nên biết đến một vị võ tướng khác nữa là Sĩ-Hoài-Hầu. Khi xưa, ở địa phận thôn Vĩnh-Phước, huyện Vĩnh-Nan, có thờ Tiền-Cai-cơ Đông-Khẩu-Đạo-đặc-tiến Phụ-quốc Sĩ-Hòa-Hầu (có sách chép là Nhân-Hòa-Hầu).

Hầu-tướng Sĩ-Hòa, tục gọi là Hòa-Hầu, vốn quê ở Tổng-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa. Ông đã dày công phù-tá các Chúa Nguyễn, đóng góp rất nhiều vào cuộc Nam tiến. Sau khi đã lãnh trọng trách trấn đóng nhiều nơi, ông phụng mạng

thăng vào Long-Hồ-Dinh góp sức với các quan liêu văn võ mở mang miền Tây. Bấy giờ ông đảm nhận sứ mạng lo việc an ninh cho dân chúng vùng Đông-Khẩu-Đạo. Với chức vụ Tiền Cai-cơ, ông tận tâm đốc xuất thuộc hạ ngày đêm canh phòng bọn giặc, và thăng tay bài trừ du đảng, khuyên dân bỏ hết các tệ đoan.

Triều đình ban chiếu khen ngợi công nghiệp của ông, phong ông là Phụ-quốc Sĩ-Hòa-Hầu. Sau ông mất, dân lập đền thờ, mỗi khi cầu đảo đều có linh ứng. Tương truyền : Oai linh của ông từng khiến kẻ gian manh phải khiếp đảm. Những ai gian trá, ông hiển lộng oai thần, trừng trị cho đến biết sợ mà bỏ thói ác mới thôi. Hoặc khi đất nước bị giặc đánh phá, ông cũng từng hiển linh âm phù mặc trợ. Do đó, dân gian trải qua các đời vẫn truyền tụng công đức của ông, tin tưởng ở oai linh của ông vô cùng.

Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) nhà vua ban sắc gia phong cho ông là « Quảng-ân Thực-đức Trung-Đẳng-Thần », chuẩn cho thôn Vĩnh-Phước phụng tự.

IV. SÓNG GẦM MAN-THÍT

Ngược dòng lịch sử, chạnh nhớ đến nước non trong thời kỳ Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh và Tây-Sơn tranh hùng, gây cảnh núi xương sông máu, biết bao anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình. Nhất là trên các chiến trường đã xảy ra nơi Sa-Đéc, duy trận ác chiến trên sông Man-Thít, muôn thuở nhắc đến như còn hình dung được mặt sông loang máu đỏ, sóng gầm gió thét vì oán khí của tử sĩ ngút trời.

Trận Man-Thít xảy ra trong khoảng tháng 10 âm lịch năm Giáp-Thìn 1784. Năm ấy, Nguyễn-Vương từ Xiêm trở về nước, có hai viên đại tướng Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương đem 20 vạn quân và 300 chiến thuyền theo giúp. Châu-Văn-Tiếp, một tướng lãnh nổi danh trong tam hùng Gia-Định, được phong làm Bình-Tây Đại-Đô-Đốc, hiệp với các tướng Võ-Di-Nguy, Dương-Công-Trừng, Nguyễn-Huỳnh-Đức, Lê-Văn-Quân đánh lấy lại Rạch-Giá, Sóc-Trăng, Trà-Ôn.

Đến Trấn-Giang (Cần-Thơ), Đại-Đô-Đốc Châu-Văn-Tiếp dàn thủy quân kéo thẳng qua Vĩnh-Long, kịch chiến với Tây-Sơn tại Man-Thít, đoạt được 18 chiến thuyền. Ông bèn qua thuyền địch xem xét. Một tướng Tây-Sơn là Chưởng-Tiền-Bảo núp dưới lườn thuyền, thừa lúc ông bất ý, chun lên thích một mũi gươm chém vào ngực ông, ông thét to, rút gươm chém chết Chưởng-Tiền-Bảo, rồi ngã gục ngất đi trên vũng máu.

Nguyễn-Vương truyền vục ông qua thuyền ngự cứu cấp. Ông tỉnh lại, thốn thức : « Trời chưa muốn diệt bình Tây-Sơn sao, nên nỡ giết ta ? », rồi tắt thở trong ngày 13 tháng 10 âm-lịch năm Giáp-Thìn 1784. ¹⁵

Châu-Văn-Tiếp mất rồi, tương truyền từ ấy trên sông Man-Thít vẫn thường nghe gió thét sóng gầm, dường như có đại đội hùng binh đang xung sát với nhau. Những đêm vắng lặng âm khí nặng nề, âm thanh rờn rợn ma quái thỉnh thoảng vang lên, ngân xa trong khoảng không.

Giữa lúc nước nhà lâm cảnh nội chiến, Nguyễn-Vương và Tây-Sơn tranh giành ảnh hưởng nhau làm cho cốt nhục tương tàn, biết bao máu anh hùng hào kiệt phải đổ, trước sự phân tranh giữa người cùng giống nòi.

Nhắc đến đoạn này, chúng tôi chẳng khỏi bàng hoàng về trận ác chiến nơi Man-Thít ấy và dư âm huyền ảo hãy còn truyền tụng đến nay. Dòng sông Man-Thít gió thét sóng gầm từng lúc, phải chăng đó là oán khí của chiến sĩ hữu danh và vô danh đã bỏ mình trên đường xung sát, cũng vì ngôi thứ, vì quyền lợi mà sát hại lẫn nhau, trên dãy non sông hoa gấm !

Mỗi khi ghe thương hồ qua lại trên sông Man-Thít, không sao quên được một ấn tượng hãi hùng của cuộc đồng giống nòi tương tranh trải qua trên thế kỷ.

V. THANH GƯƠM QUI Y

Xưa nay vật báu thường chờ tay quý nhân có duyên được gặp, được trần-tàng. Gươm linh cũng chờ tay anh tuấn sử dụng thì mới nên giá quý, mới hiển mặt kỳ nhân.

Tương truyền : Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh khi mộng trần bôn tẩu trên khắp nẻo đường đất nước tại miền Nam, trên tay Ngài có một ngọn gươm linh kỳ bí. Gươm ấy, mỗi khi sắp có việc biến động gì, đang đêm bỗng phát tiếng vi vút như reo lên báo trước. Và như thế, trăm lần như một, sau đó ắt Ngài phải lên yên ngựa xông pha trận mạc, cho gươm linh dấy máu oan cừ. Cũng với thanh gươm ấy, Ngài ra trận chỉ-huy tướng sĩ, đều được vuông tròn, không có điều chi bất trắc đến nỗi phải sơ thất. Dầu khi nguy hiểm, thập

tử nhất sanh, nhờ gương linh hộ mạng, Ngài đều thoát hiểm, không hề phải bị dấy máu long bào bao giờ.

Tuy nhiên, đôi khi tâm tư khoắc khoải về viễn đồ thống nhất non sông, ngồi lặng nhìn ngọn gương linh để trên án sách bên cạnh mình, Nguyễn-Vương vẫn có đôi phút thở dài than thầm : *« Từ ta cất bước lưu vong đến nay, gương báu tiên vương lưu truyền đã giúp ta khá nhiều, máu oan gương thép, lòng ta cũng phiền muộn lắm. Gương linh ôi ! Biết bao giờ ý đồ của ta được thành tựu, để mi khỏi dấy máu tanh ? Ta nguyện cùng trời đất hể ngày nào ta thấy nhẹ lòng rồi, ta nhất quyết đem mi dâng vào cửa Phật ».*

Quý-Mão 1783, tháng 7, Ngài ngự ra cửa biển Ma-Ly để do thám tình thế địch. Gặp thuyền địch hơn 20 chiếc kéo đến vây đánh, định bắt sống ngài. Liệu khó chống nổi, Ngài và đoàn tùy tùng trương buồm cho thuyền chạy về phía đông, lênh đênh ngoài biển bảy ngày đêm, trong thuyền hết nước, quân lính đều khát.

Ngài lấy làm lo, ngửa mặt lên trời khẩn rằng : *« Như tôi có mạng làm Vua, xin thuyền ghé vào trong bờ để cứu tánh mạng mấy người trong thuyền ! Nếu không, thì thuyền chìm xuống biển, tôi cũng cam tâm ».*

Khẩn xong giây phút thấy gió lặng sóng êm, lại thấy nước biển bỗng chia đôi dòng : dòng đục dòng trong. Một người trong thuyền múc uống thử, reo to : *« Nước ngọt, nước ngọt ! »*

Ngài mừng rỡ, truyền múc bốn năm chum, múc vừa xong, nước tự nhiên trở mặn lại y như trước. Nhờ đó, Ngài

trở về được đến Phú-Quốc bình an vô sự.

Quốc mẫu mừng chảy nước mắt, bảo Ngài : « *Con lưu lạc đã nhiều, gian nan không xiết kể, nhưng xem lòng trời vẫn hằng thương tưởng đến con, coi đó đủ biết ý trời, Con đừng thấy gian hiểm mà ngã lòng* ».

Ngài lại tạ rằng : « *Xin dâng lời mẹ dạy* ».

Rồi từ đó thuyền ngự đến cửa biển Đốc-Công. Thanh gươm báu linh ứng từ đêm trước đã phát điềm báo trước sẽ có dấy máu. Ngài cẩn thận đề phòng. Quả nhiên, lại có thuyền Tây-Sơn ngăn đón. Tướng địch là Đô-đốc Nguyệt huy động quân sĩ chặn đánh. Đã sẵn đề phòng, Nguyễn-Vương xua quân nghinh chiến, không chút nao núng.

Đứng trước thuyền ngự, tay cầm gươm linh điều khiển tướng sĩ, Nguyễn-Vương đầy lòng tin quyết thắng, một phần cậy ở sự hộ trì thiêng liêng của thanh gươm báu, một phần vững lòng về tài năng của các tướng. Trống chiêng vang rền giục thúc. Trận thế dần dần nghiêng phần thắng lợi về phía Nguyễn-Vương. Đô-đốc Tây-Sơn nóng lòng quày thuyền chạy. Tức khắc Nguyễn-Vương phát cờ lệnh, giục đoàn thuyền đuổi theo. Bên thuyền địch xao xuyến, rối loạn hàng ngũ.

Binh Nguyễn Vương đắc thắng, bắt sống được Đô-đốc Nguyệt, thương tài, Nguyễn-Vương dụ hàng, nhưng Đô-đốc Nguyệt khẳng khái không chịu khuất. Nguyễn-Vương truyền đem gươm linh ra nói :

Nếu người không hàng, ta khó thể dung tình. Đô-đốc Nguyệt thản nhiên :

Đấng anh hùng xem thác như về, ta đã thờ nhà Tây-Sơn chỉ đành chết vì chúa tướng của ta mà thôi.

Nguyễn-Vương cực chẳng đã phải truyền đem chém, rồi ngậm ngùi : Gươm linh đã dấy máu biết bao nhiêu rồi ! Lòng ta sao nở. Cầu xin trời đất hộ trì, giúp ta mau chóng thành công, để đỡ đau lòng nhìn cảnh núi xương sông máu.

Sau đó, Ngài nhớ lời nguyện ngày trước, bèn đem gươm linh vào Chùa, quỳ trước đại hùng bửu điện khẩn vái. Từ ấy, thanh gươm mang tên là thanh gươm quy y, vì Ngài đã đem dâng gươm nơi cửa Phật.

Cho đến khi Ngài về đóng đại bản dinh ở Nước-Xoáy, thanh gươm quy y xa gần đều biết, truyền tụng thêm lên, làm tăng uy tín của Ngài. Bởi dân chúng cho rằng Ngài nhân hậu, thanh gươm kia còn đem vào cửa Phật quy y, thì đức độ hiếu sinh của Ngài hẳn cũng đáng kính phần nào. Nhờ thế, Ngài thấu phục được lòng dân, nên thẳng đường tiến đến mức thành công vinh diệu.

VI. GÓC SAO THIÊNG NƠI CÂY DA BẾN NGỰ

Nơi chương trình bày về di tích, chúng tôi đã nói về Cây-Da Bến-Ngự, nay thuật lại một đoạn huyền sử về sự thiêng liêng nơi gốc cây da này, chúng tôi xin nói rõ hơn.

Chỗ cây Da vốn gần bến nước. Nguyên xưa kia tại cội da ấy, còn có để một gốc sao to lớn, châu vi đến hai người ôm mới giáp. Khi Đức Cao-Hoàng đình trú tại Long-Hưng, thường thường mỗi buổi chiều mát Ngài hay đến ngồi trên

gốc cây sao ấy, dựa bên cột da mà câu cá giải khuây, nên tục gọi chỗ ấy là Cây Da Bến Ngự.

Đến khi thống nhất non sông, Ngài lui về Huế lên ngôi vua, chốn cũ Bến Ngự xưa trong Nam này vẫn lưu dấu tích. Cội da ngồi ngày một tốt tươi, góc sao thì lần lần xiêng lệch xuống sông, rồi ngấm tuốt dưới lòng sông, ngay gốc chân cây da.

Mấy mươi năm gần đây, góc sao vẫn ở dưới nước càng thêm tươi tốt. Ngày kia, một người chài lưới bàn tính với vợ con : *« Góc sao tốt quá, hai mẹ con bày kèm thuyền, để ta lặn xuống mò, tìm cách vớt lên, đem bán cho đám thợ thuyền, dùng làm cong đà ghe thì vững chắc vô cùng, kiếm được khá tiền »*.

Người vợ xua tay, khuyên dứt chồng : *« Ấy chết, đừng tính bậy không nên. Tôi nghe đó là dấu tích của Hoàng-đế lưu lại, ai cũng có lòng mong muốn gìn giữ để làm chút kỷ niệm xưa. Mình làm ngang, đổ khỏi mang họa »*.

Người chồng cười nhạt : *« Sợ cóc gì. Của quý bỏ hoài cũng uổng. Mình nghèo, nhờ đó mà kiếm chác được chút đỉnh, tội gì làm ngơ. Có phải của riêng ai đâu mà ngại »*.

Liền hăm hở nhảy tòm xuống nước, lặn mò gốc sao. Vừa mò đụng, tay chưa kịp tra dây để cột chặt kéo lên, người chài lưới bỗng la bài hãi : *« Úy trời ! Đau chết đi thôi. Tôi biết tội tôi rồi. Xin thiên địa quỷ thần tha cho. Tự hậu tôi không dám phạm tới nữa »*.

Hai mẹ con ngồi trên thuyền thấy điều quái dị, há hốc mồm kinh ngạc, nhìn sững cảnh tượng người chồng đang

vật mình vật mảy, miệng lăm nhăm vái van, mặt mày nhăn nhó, nước mắt rùng rùng. Dân chúng quanh vùng nghe la bài hãi đã đổ xô ra xem.

Có người thấy thế buột miệng nói to : « *Chết rồi ! Thằng Tám đó phải không ? Sao mầy nhè chỗ linh thiêng mà dám xâm phạm chớ ? Bị thần linh quở phạt đó. Bà con mau cứu nó lên giùm* ».

Người thợ chài lưới tên Tám không ngớt lăm nhăm van xin, khẩn cầu các đấng khuất mặt tha thứ. Chòm xóm ái ngại, đôi ba người nhảy đại xuống, đến gần anh Tám lôi đi khỏi chỗ ấy.

Đem nhau lên bờ, xem lại bàn tay của anh Tám như ai vắn bẻ tréo sưng vù. Anh Tám kêu la rên rĩ, chập lâu mới hết kinh hoàng. Mọi người xúm lại hỏi han tự sự. Anh Tám thú thật mình đã động lòng tham toan vớt lấy gốc sao, nhưng lạ thay, tay vừa đụng gốc thì bị vắn tréo đau đớn quá.

Một người trong đám cười khì : « *Hay là vọp bẻ ? Hoặc là anh đụng chạm phải vật gì đó chẳng ?* »

Một người khác nạt : « *Đừng giễu cợt phạm thượng. Chắc chắn thần linh quở đấy. Ghê thật !* »

Anh Tám khẽ gật đầu, tán thành mấy lời của người vừa nói mà rằng : « *Đúng. Chính tôi có cảm giác rờn rợn như thế. Như đấng khuất mặt ra tay hành phạt tôi vậy. Từ nay biết sợ, tôi xin chừa* ».

Trong đám người nghe không phải ai cũng đều tin mấy lời của anh Tám. Sau đó, lắm kẻ háo kỳ lén ra tay vớt thử gốc sao xem thế nào. Té ra ai cũng bị chung cảnh tượng như anh Tám. Hơn nữa, ai biết tỏ vẻ hối hận, được an toàn ngay.

Bằng như ai ngoan cố, thuốc thang gì cũng chẳng khỏi, đến rốt biết sợ, khẩn cầu tại gốc da ấy mới lành mạnh được.

Tiếng đồn Cây Da Bến Ngự linh thiêng. Do đó, gốc sao bên Cây Da Bến Ngự được tồn tại, làm chứng tích của một bậc vua chúa trong khoảng thời gian thất thế, lưu lạc nơi Long-Hưng, Sa-Đéc xa xưa.

VII. CHUYỆN QUAN LỚN SEN

Du khách đến Sa-Đéc, viếng Đình quan Thượng đẳng Tổng-Phước-Hòa và lăng quan lớn Sen, tức cụ Kinh-môn Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn, ắt sinh lòng cảnh cữu mà băn khoăn tự hỏi : Gọi là Quan Thượng đẳng dĩ nhiên rất dễ hiểu : còn như quan lớn Sen thì có ý nghĩa chi ?

Tương truyền : Cụ Nguyễn-Văn-Nhơn khi mới tiến thân nhờ lòng trung hậu và tính khảng khái mà được Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh rất tin yêu. Những khi Nguyễn-Vương xuất chinh, hay thất cơ phải bôn đào, có cụ Nguyễn-Văn-Nhơn theo hộ giá. Đặc biệt cụ Nhơn vẫn hằng được giao cho trọng trách bảo vệ quốc mẫu. Cụ vẫn tận tâm tận tình phục vụ, cung kính đối với quốc mẫu như mẹ ruột.

Quốc mẫu tuổi già bệnh hoạn, sức khỏe suy yếu. Cụ hôm sớm hầu bên cạnh, hết lòng lo lắng từ miếng ăn thức

uống. Biết rằng quốc mẫu ưa dùng chè sen, cụ vẫn tìm những hạt sen tốt dâng lên. Mỗi khi quốc mẫu tỏ ý muốn dùng chè sen, chỉ cần báo lên một tiếng « Sen », tức khắc cụ cho kẻ tả hữu đem dâng ngay. Lâu ngày thành danh, trong chốn cung vi, cũng như ngoài đời, người người đều biết tấm lòng thành của cụ đối với quốc mẫu, đối với đấng quân vương, nên cũng truyền nhau gán cho cụ một cái tên riêng là « Sen ». Do đó, khi cụ đã nghiễm nhiên là một bậc đại thần, người đời vừa muốn tránh gọi tên húy của cụ, vừa gợi nhớ chuyện xưa ; hễ gọi cụ là « quan lớn Sen ».

Điều ấy, chỉ là kiêng húy và tỏ lòng mến cụ nhân hậu trung thành. Chắc rằng chẳng có dụng ý mỉa mai gì. Thiết nghĩ, cứ xem kỹ tiểu sử của cụ (chúng tôi đã trình bày ở phần danh nhân : Kinh-môn Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn) hẳn mọi người đều nhận thấy : Cụ rất chất-phác, trường hậu. Thu trẻ vì nạn đao binh mà thất học, kịp khi tuổi đã bốn mươi mà vẫn cố gắng học hỏi, thật đáng khâm phục, mến tưởng.

Hoa Sen biểu hiện sự nhân từ, trinh trắng. Gọi cụ là Quan lớn Sen, kể cũng thật ý vị.

VIII. CON GÁI ÔNG BỎ HẬU GIẢ ĐIÊN TỪ CHỐI CUỘC ĐỜI VƯƠNG GIẢ

Đây là một câu chuyện rất lý thú giữa một cô gái tại Long-Hưng và Nguyễn-Phúc-Ánh trên đường lưu vong, đến nay các bộ lão ở hai tỉnh Vĩnh-Long, Sa-Đéc thường nhắc đến.

Trời đã về khuya, cô gái con ông trùm cả Nguyễn-Văn-Mậu tự Hậu, vẫn ngồi chống tay trên bàn, áp má vào lòng bàn tay, mắt đăm đăm ngó sững hoa đèn, bàng hoàng tư lự. Từ hồi chiều thân phụ cô đã gọi cô mà bảo : « *Cha xem Nguyễn-Vương sau này ắt sẽ thống nhất được non nước, lên ngôi cứu ngũ, trị vì thiên hạ. Từ lâu cha đã thi ân cho Ngài, nên Ngài tỏ lòng kính trọng cha* ¹⁶, khiến cha cảm thương Ngài là người hiếu nghĩa, đang khốn bước phong trần. Hiện nay quốc mẫu và chính phi vẫn còn mộng trần nơi Phú-Quốc, bên mình Ngài vắng vẻ không người hầu hạ, cha rất xót thương. Ý cha muốn gả con cho Ngài, hôm sớm an ủi trưởng chí cho Ngài, mai sau ắt con nhờ phận được cao sang, vinh hiển. Con nghĩ thế nào ? »

Cô gái thở dài, lắc đầu không nhận : « *Chẳng nên đâu cha !* »

- *Sao vậy ? Ngài thường tỏ dạ rất tin yêu cha. Vả lại, Ngài cũng thường tỏ ra có cảm tình với con. Một khi cha đánh tiếng đưa con chầu hầu Ngài, nhân duyên ắt thành tựu tốt đẹp, có trở ngại chi đâu ?*

- *Đành rằng Ngài không chê phận con thấp hèn, nhưng tính đến chuyện sánh đôi với Ngài coi sao cho phải ? Bây lâu con vẫn có lòng thương mến Ngài như tình anh em mà thôi.*

Thấy thân phụ có vẻ không vui, cô nói thêm : « *Vả chẳng, ai cũng biết cha con ta đã hết lòng nâng đỡ Ngài trong cơn khốn đốn. Đó là một nghĩa cử cao đẹp, nên giữ cho trọn vẹn cao cả. Nếu nay gây thêm cuộc nhân duyên, chi cho khỏi thiên hạ xầm xì cha con ta cố tình mua chuộc*

cảm tình của Ngài, hòng nhờ nhờ về sau. Như thế, tổn thương đến nghĩa cử của cha đã từng thi thố. Xin cha chớ giận con, xét lại thật chẳng nên đâu ».

Thân phụ cô không nói gì nữa, nhưng có ý phiền muộn. Cô lui vào phòng, nằm trần trổ lo ra, đêm khuya vẫn không dễ giấc được, nên ngồi dậy khêu ngọn đèn, trầm mặc sầu tư, tắc lòng buồn bã vô cùng.

Từ ấy cô có ý tránh mặt Nguyễn-Vương. Thân phụ cô lại rầy bảo : *« Con không thuận thì thôi, cần gì phải tránh mặt. Không khéo Nguyễn-Vương hiểu lầm, cha con ta còn ra gì nữa ».*

Cô khóc nói : *« Xin cha yên lòng. Con nguyện sẽ giữ sao cho Nguyễn-Vương cảm phục cha con ta mãi mãi ».*

Một hôm, Nguyễn-Vương thành tình gặp cô, khẽ nghiêng mình thi lễ với cô và nói : *« Sao lâu này hiền muội ra chịu ử dật, chẳng buồn góp chuyện cùng ta như trước ? Có điều chi phiền giận ta chẳng ? »*

Rồi không đợi cô đáp, Nguyễn-Vương lại nói : *« Ta mang ơn thân phụ hiền muội rất nhiều, suốt đời chẳng dám quên. Hiền muội có biết lòng ta chẳng ? Ta vẫn hằng mong được nghe nói tiếng cười của hiền muội. Ta cảm thấy sầu muộn lạ ! »*

Cô nghe nói, giật mình nghĩ thầm : Người này đã yêu ta chẳng ? Biết có thật lòng hay không ? hay đang lúc cô đơn, hiu quạnh, người gheo nguyệt trên hoa giải muộn đó thôi ? ! Dầu sao ta quyết không thể đáp lại tình yêu ấy

được, phải giữ vẹn nghĩa cử của cha ta đã đối với Ngài. Ấy mới là để tiếng tốt muôn thuở được.

Rồi nghĩ rằng tại mình, nên khiến Nguyễn-Vương mới có lúc đắm say chót nhả, hư thể thống quân thần. Cô bèn giả điên thường lấy bùn, lấy lọ bôi lên mặt. Lại làm những điều quái dị, tóc tai dã dượi trông hình dáng vô cùng thiếu nã. Nguyễn-Vương ngẩn ngơ, thầm thương tiếc cho một đoá hoa đồng nội chẳng may lọt sắc, phai hương. Thân phụ cô chẳng hiểu thâm ý của cô, tưởng cô đã ưu tư đến nỗi mất trí, lòng cũng đau xót thầm cho con gái mình bạc phước.

Trước cô còn giả điên, chẳng dè sau đó cô hóa điên thật. Hẳn là tâm trí cô rối loạn, nhiều ý nghĩ ngang trái, tâm sự mang mang nên phải quẩn trí mà thành tâm bệnh ; phát cuồng. Những lúc tỉnh say, say tỉnh, lòng cô hẳn vô cùng khổ sở. Chẳng bao lâu cô bệnh nằm vùi, nhắm mắt lìa trần trong lúc xuân xanh đang độ.

Nguyễn-Vương càng lấy làm thương tiếc, than thầm. Và sau khi đã lên ngôi Hoàng-đế, chẳng những ngài phong thưởng ông Bỏ Nguyễn-Văn-Hậu rất trọng, mà cũng truyền cho quan địa phương xây cất ngôi mộ của người con gái ấy lưu niệm muôn đời.

IX. NGUYỄN VƯƠNG ĐẾN VÙNG NƯỚC XOÁY LONG-HƯNG

Năm Đinh-Vị 1787, tháng 10 âm lịch, dân chúng quanh vùng Nước-Xoáy xôn xao vì một tin loan truyền quan trọng : « *Thánh giá sẽ ngự đến vùng này trong nay mai* ».

Các vị bô lão tỏ vẻ lo ra : « Nếu thế, nơi này ắt sẽ chẳng khỏi vướng họa binh đao. Nguyễn-Vương từ bên nước Xiêm kéo binh về đây, một khi thám tử Tây-Sơn dò tin đích xác, sớm tối chúng sẽ xua quân tới tấn công chớ chẳng không. Chứng ấy, chốn này hóa ra bãi chiến trường. Phải liệu làm sao ? »

Nhiều người đưa ý kiến : « Không ngại. Đấng trượng phu thấy phải thì làm, thì vừa giúp họ, có sợ gì nguy hiểm. Đợi khi ngự giá đến đây, chúng ta xét thấy đáng là một vì chơn chúa, thì cùng nhau gắng sức khuông phò. Bằng như xét chẳng ra gì, chúng ta sẽ liệu cách đối phó chẳng muộn. Hãy cứ bình tĩnh chờ xem tình thế biến chuyển ra sao ».

Ai nấy đều khen phải. Chẳng mấy ngày, binh sĩ của Nguyễn-Vương rần rộ đến vùng Nước-Xoáy, an dinh hạ trại, xây đồn đắp lũy. Khéo thu phục nhân tâm, Nguyễn-Vương chiêu dụ dân chúng trong vùng, khiến ai nấy đều cảm kích, trợ lực. Các vị bô lão và các thân hào nhân sĩ địa phương dần dần cũng có cảm tình, hết lòng ủng hộ Ngài.

Vì sao chỗ ấy gọi là vùng Nước-Xoáy ? Nguyên tại đó có Tiền-Giang và Hậu-Giang giáp nối, cùng các sông rạch khác chảy dồn vào đấy, nước chảy xoáy vòng lại, nên mới gọi là vùng Nước-Xoáy, tên chữ đặt là Hồi-Oa-thủy.

Nguyễn-Vương truyền xây đắp thành đất tại đấy. Hai bên tả hữu đều có lập đồn phòng thủ. Phía tả giao cho hai vị tướng lãnh Huỳnh-Văn-Khánh và Tống-Phước-Ngoạn coi giữ. Phía hữu do Nguyễn-Văn-Trương và Tô-Văn-Noài canh chừng, ngăn ngừa quân địch xâm nhập.

Binh Tây-Sơn vẫn thường đánh phá, nhưng các tướng của Nguyễn-Vương đủ sức đẩy lui được. Tuy nhiên, nhiều trận giao phong dữ dội, đôi bên đều tổn thất nặng nề. Để yểm trợ binh sĩ trong trường xung sát, Nguyễn-Vương khiến làm thêm súng đại-bác bằng gỗ, lấy hột cao khô làm đạn bắn nà. Đồng thời, các tướng Tôn-Thất-Huy, Lê-Văn-Thước, Tôn-Thất-Hội và Nguyễn-Duy-Nhuận chia nhau tấn công tứ phía. Do đó, binh Tây-Sơn núng thế phải rút đi.

Dân chúng lần lần theo về với Nguyễn-Vương hầu hết, Nguyễn-Vương thu dụng cả, chia ra làm hai đoàn : Một nửa làm hương binh, một nửa sung vào lực lượng chánh quy, tác chiến. Nhưng đến tháng 8 năm Mậu-Thân 1788, Nguyễn-Vương nghĩ lại thương đám hương binh khó nhọc, nên đều cho về quê quán nghỉ ngơi. Cảm tấm lòng nhân hậu ấy, dân chúng vùng Hồi-Oa ráng dốc lòng phù tá Nguyễn-Vương hơn nữa. Ấy là một thắng lợi đưa đến sự thành công sau này, do sự Nguyễn-Vương đã khéo léo chinh phục nhân tâm, giữ vững được vùng trọng yếu làm căn bản tạo nên nghiệp đế.

Đốc Phủ-sứ Nguyễn-Đặng-Khoa khi ngồi quận trưởng Lai-Vung, cảm hoài lúc Nguyễn-Vương nấu mình nơi Hồi-Oa có bài thơ vịnh :

*« Tiên hoàng phong ngự cảnh Hồi-Oa
Vận nước xây nên cánh hiệp hòa
Nguồn suối tắm quây quây hỗn độn
Dòng sông mừng nổi nổi ngâm-nga
Cảm vì cảnh ác xơ lông lá
Thương nổi phùng vi rối ruột rà*

*Vận phái triều tôn trời đất định
Khách trần ai để tính cho qua ».*

Đáp lại lòng thương mến của dân chúng Hồi-Oa, nhất là cảm thấy đây là chỗ hưng vượng để phát thành nghiệp cả ; Nguyễn-Vương nhóm họp các bô lão trong vùng mà tuyên bố :

Từ ta đến đây, phong quang càng ngày càng rạng vẻ, dân chúng thuần phác nhiệt thành ủng hộ ta, thật đáng cảm kích. Quả đây là đất hưng vượng, giúp ta gây nên cơ nghiệp. Vậy để lưu niệm, ta đổi tên Hồi-Oa lại là Long-Hưng. Chư vị nghĩ thế nào ?

Các bô lão đều rập nhau tán thành : *« Chúa thượng đã tưởng đến, vinh hạnh cho vùng đất xứ sở chúng tôi. Tên đất do chúa thượng ban cho, chúng tôi xin ghi lấy, để tưởng nhớ mãi mãi ».*

Nguyễn-Vương hân hoan, truyền bày tiệc thết đãi các bô lão và cho mở hội để dân chúng liên hoan trong dịp đổi tên làng mới.

Ân oai của Nguyễn-Vương ngày một đơm nhuần nơi Sa-Đéc. Để kỷ niệm, Nguyễn-Vương lại đặt tên cho những làng xã quanh đây đều mang một chữ « Long » ở trước, như Long-Ấn, Long-Thắng, Long-Hậu.

PHẦN THỨ TƯ : SINH-HOẠT TÔN-GIÁO VÀ CHÙA, ĐÌNH CỐ-KÍNH

CHƯƠNG 1 : SINH-HOẠT TÔN-GIÁO

I. LÀNG TÒNG-SƠN QUÊ HƯƠNG ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN (ĐOÀN-MINH-HUYỀN)

1) ĐĂNG KHAI SÁNG GIÁO PHÁI BỬU-SƠN KỲ-HƯƠNG

Miền Nam nước Việt là mảnh đất nhiệm mầu của đức tin. Lòng người thuần phác ngưỡng vọng về các bậc cao tăng đại đức, là những vị có công khai sáng giếng mỗi đạo pháp để hưng hóa nền đạo đức nhân loại nói chung và dân Việt nói riêng.

Nổi bật trong quá trình lịch sử Đạo giáo miền Nam như Đức Phật Thầy Tây-An làng Tòng-Sơn, Sa-Đéc, Đức Minh-Đăng-Quang ở Vĩnh-Long, Đức Thầy Huỳnh giáo chủ ở làng Hòa-Hảo, Đức Tông sư Minh-Trí làng Tân-Mỹ, Sa-Đéc. Toàn cõi miền Nam đất Việt đều nghe danh biết tiếng các Ngài có nhiều môn đệ rải rác khắp nơi trên lãnh thổ.

Chúng tôi có bốn phận thiêng liêng, không nài khó nhọc, tìm đến tận nơi phát tích, truy nguyên nguồn cội tiền nhân, tuyên dương công nghiệp của các Ngài, hầu làm sáng tỏ thêm nền đạo pháp nước nhà trong muôn một.

Ở đây chúng tôi chân thành, nguyện ghi lại cuộc đời Đức Phật Thầy Tây-An, bậc khai sáng Phật Giáo Bửu-Sơn Kỳ-Hương lưu truyền đến hôm nay. Hầu hết ở miền Hậu-Giang, đa số đồng bào phật tử có thọ phái của ngài. Họ rất trung thành với đạo pháp.

Trên tinh thần vô tư của nhà cầm bút, chúng tôi không đề cao một giáo phái nào cả, chỉ trình bày những tài liệu đã thu thập được công hiến bạn đọc hiểu qua tiểu sử của đức Phật-Thầy dưới đây :

2) TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT TÂY-AN

Ngược dòng giáo sử, vào năm Kỷ-Dậu 1849, giữa lúc tình thế nước nhà rối rắm, bên ngoài thì giặc Pháp gây áp lực nặng nề toan xâm chiếm Việt-Nam, bên trong thì vừa chấm dứt cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn giữa Chúa Gia-Long và nhà Tây-Sơn. Thêm vào đó, giặc Thổ hưởng ứng theo Vua Chân-Lạp nổi dậy khắp thôn quê của miền Nam nước Việt.

Kể từ năm 1087 đến 1856, suốt năm mươi năm, dân chúng khổ sở triền miên, chẳng những chiến tranh đã gây ra lắm cảnh chết chóc, đói khổ thê lương còn thêm nạn cường hào ác bá gieo bao gánh nặng trên vai người dân vô tội. Phật giáo đã suy tàn, mất dần tín ngưỡng, chùa chiền bị loạn lạc nhiễu nhương tàn phá, thêm thiên tai, hạn hán mất mùa, ách dịch hoành hành cùng khắp nông thôn.

Trong cơn thế nước lâm nguy, dân chúng quá khổ đau vì chiến tranh và binh tật đó, bỗng giữa mùa thu năm Kỷ-Dậu, một vị Hoạt Phật ra đời cứu thế độ nhân, và khai sáng Giáo Phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương. Vị cứu tinh đó là Đức Phật Thầy Tây-An.

Lúc bấy giờ. Ngày đã nổi tiếng là một bậc thời y. Ngài đã cứu hàng ngàn người mắc phải bệnh thiên thời, trong cơn thập tử nhất sinh. Phương pháp trị bệnh của ngài rất giản

dị, ít tốn kém. Ngài chỉ dùng toàn nước lã, tro nhang hoặc giấy vàng xé nhỏ. Ngài lại còn cứu căn bệnh chung là tam độc và tứ khổ của người đời bằng giáo lý : tôn thờ tứ đại trọng ân để dìu dắt cho người tu sĩ tại gia trau dồi thuyết học Phật tu Nhơn. Đó là điều chính yếu của Phật Giáo Bửu-Sơn Kỳ-Hương.

Đức Phật-Thầy Tây-An sanh trưởng tại làng Tòng-Sơn, tổng An-Thanh-Thượng, tỉnh Sa-Đéc, Ngài sanh vào giờ ngọ, ngày rằm tháng 10 năm Đinh-Mão 1807 đời Vua Gia-Long thứ 6, Quý danh Ngài là Đoàn-Minh-Huyền, Đạo hiệu là Giác-Minh.

Theo kế giảng thì Ngài thừa lệnh cõi Tây-phương lâm phàm để chu du độ thế cứu dân. Bởi sứ mạng thiêng liêng cao cả đó, nên Đức Phật-Thầy phải rời làng Tòng-Sơn ngược dòng Cái-Tàu-Thượng. Ngài bơi bằng một thanh tre và chiếc xuống bần, đến rạch Trà-Bư, làng An-Thanh-Trung. Sau cùng Ngài đến Rạch Xẻo-Môn, làng Kiến-Thanh (nay là Long-Kiến) thuộc Cù-lao ông Chưởng tỉnh Long-Xuyên. Khi đến đó, Ngài ở lại Cóc ông Đạo-Kiến, hiện nay là địa điểm Ngôi Chùa Tây-An Cổ-Tự.

Trong thời gian lưu trú tại đây, Ngài đã cứu rất nhiều ác bệnh nan-y và thu nhận một số đông môn đệ. Vì lẽ đó nên có người ác tâm ganh hiềm ghét ngọc, tố cáo Ngài là Gian-Đạo-sĩ đang huy động số đông người toan âm mưu khởi loạn. Nhà cầm quyền lúc bấy giờ mới cho điệu Ngài về tỉnh đường Châu-Đốc. Qua nhiều cuộc thẩm-vấn và họ đã dùng đủ mọi cách để thử Ngài. Cuối cùng Triều-đình mới ra lệnh trả tự do và đồng thời cho phép Ngài được hoằng dương

Giáo-pháp. Muốn tránh sự hoài nghi của nhà đương cuộc, cũng là để làm đúng theo luật pháp lúc bấy giờ : Các nhà tu Phật phải trụ trì tại những chùa có thờ tượng cốt. Thế nên Đức Phật-Thầy mới chọn nơi tu tịnh cất một ngôi chùa để tu hành và chữa bệnh cho bá gia. Cách thờ phượng vẫn đúng theo các ngôi chùa trong nước, và cũng từ đó, Ngài phát huy sâu rộng giáo lý Bửu-Sơn Kỳ-Hương. Người tín-đồ quy-y nhập đạo chỉ được Ngài cấp cho một Lòng phái bằng giấy vàng, có in bốn chữ Bửu-Sơn Kỳ-Hương chữ Hán màu son.

Kể từ năm Kỷ-Dậu 1849 đến năm Kỷ-Dậu 1969 thì Tông phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương đã trưởng thành theo thể cuộc thăng trầm đúng 120 năm.

Mặc dầu Đức Phật-Thầy đứng ra tu bổ ngôi Tây-An-Tự, nhưng với tánh cách là ngôi chùa công, phải chịu dưới sự kiểm soát của nhà cầm quyền đương thời. Ngài không được tự do trang trí nơi thờ phượng cho đúng theo pháp môn hành đạo của Ngài. Phải chăng vì thế mà Ngài tìm nơi núi rừng xa vắng mà lập thêm hai ngôi chùa khác. Một ngôi chùa ở Thái-Sơn (Nhà-Bàn), một ở Láng-Linh. Nhưng ở đây Ngài xưng danh là Trại Ruộng chứ không gọi là chùa. Hai nơi này cách thờ phượng của Ngài đúng như ngôi Tây-An Cổ-Tự tại Cù-lao ông Chưởng.

Về phương pháp hành đạo, Ngài dạy các môn nhân đệ tử phải lo tròn Hiếu-nghĩa Tứ ân : Ân tổ-tiên, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào nhân loại. Nếu là hạng người xuất gia còn thêm ân Đàn-Na thí chủ. Đức Phật-Thầy khai thị pháp môn học Phật tu Nhơn tu rộng độ. Giáo lý của Ngài là Siêu đẳng Quy nguyên, theo chân truyền của Đức-Phật

Thích-Ca Mâu-Ni. Ngài dạy môn đệ giữ Bát-chánh, hành Bát-nhãn, trừ thập-ác huyền-thân. Nên nỗ lực giúp đời bằng mọi phương tiện theo sức mình, và lắng lòng thanh tịnh chuyên trì niệm Phật là căn bản.

Suốt thời gian 7 năm truyền đạo, từ năm Kỷ-Dậu 1849 đến năm Bính-Thìn 1856 thì Ngài viên tịch vào giờ ngọ ngày 12 tháng 8 tại Chùa Tây-An-Tự (núi Sam). Ngài hưởng thọ được 50 tuổi. Ngoài công nghiệp hoằng dương đạo pháp. Ngài còn lưu lại cho hậu thế những nơi di tích :

- Chùa Tây-An Cổ-Tự ở xã Kiến-An, Cù-Lao ông Chưởng (khi xưa là Cốc của ông Đạo Kiến).

- Tây-An-Tự núi Sam Châu-Đốc (khi xưa chùa này của pháp Thiền-Lâm không nhớ rõ hiệu, Đức Phật-Thầy về ở đã tu bổ thêm và đặt tên như vậy).

- Thối-Sơn-Tự ở xã Thái-Sơn núi Két (khi xưa là trại gỗ thường gọi là Lâm-Vồ).

- Phước Điền tự ở xã Thái Sơn, An Giang (khi xưa là Trại Ruộng Phước-Điền, ruộng năm giây).

- Bửu Hương-Các ở xã Thanh-Mỹ-Tây, An-Giang (khi xưa là Trại Ruộng Láng-Linh).

- Phi-Lai Tự ở gần núi Voi Thất-Sơn (khi xưa là Trại Rẫy, Đức Phật-Thầy để cho 12 ông đạo làm rẫy).

Ngoài ra còn 12 vị Đại đệ tử đã từng theo Ngài trên bước đường cứu đời hành đạo như : Đức Cố Quản Trần-Văn-Thành, ông Đạo Xuyên, ông Đạo Sang, ông Đạo Lập, ông Đạo Chợ, ông Đạo Sĩ, ông Đạo Ót, ông Đạo Ngoạn, ông Đạo

Kiệt, ông Đạo Đột, ông Tăng Chủ, ông Bình Tây và thêm những nhân vật liệt sĩ anh hùng có liên hệ đến môn phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương trong hàng ngũ kháng Pháp như : ông Cử-Đa, ông Nguyễn-Trung-Trực, ông Ba-Thới, Cậu Hai-Lảnh, Bà Năm Chòm-Dầu, v.v... Chư Đại đệ tử này đã tiếp nối giữ gìn và chấn hưng nền đạo sau ngày Đức Phật-Thầy viên tịch.

Cách nay 12 năm, người mà tín đồ xem là hóa thân của Đức Phật-Thầy Tây-An theo Ngài mà truyền đạo là Đức Phật Trùm, tục là ông Đạo Đền, quý danh là Ta Pol. Ngài ra đời vào năm Mậu-Thân 1868 tại núi Tà-Lơn xã Lương-Phi, quận Trị-Tôn Thất-Sơn. Ngài độ đời được 7 năm thì viên tịch vào ngày 13 tháng 3 năm Ất-Hợi 1875 cũng tại núi Tà-Lơn. Hiện giờ quý vị tín hữu trong hệ phái của Ngài có cất ngôi Viên-Tự, danh xưng là Bửu Linh Đài để làm Phủ thờ.

Đến năm Mậu-Dần 1878 Đức Bốn Sư ra đời truyền đạo, Ngài lãnh Ngô tự Lợi, còn gọi là cậu Năm-Hữu hay Năm-Thiếp. Ngài hoằng dương mỗi đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại núi Tượng, thuộc xã Ba Chúc, vùng Thất Sơn. Ngài dạy đạo và cứu đời được 12 năm, viên tịch vào ngày 13 tháng 10 năm Canh-Dần 1890. Ngoài công nghiệp truyền bá giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa cứu độ tai ách cho dân chúng ra, Ngài còn lưu lại cho đời những kinh sách để cho tín đồ làm phương châm hành đạo như : Một bộ kinh cúng dường Tứ Ân Hiếu Nghĩa 9 quyển, một quyển kinh Thiên đồ, một bộ Bửu Trường sanh, một bộ Bàn Đào và nhiều sách giảng quan yếu, luận về đời Mạt Pháp Hạ Ngươn và những chứng tích giáo sĩ như : Chùa Phi Lai, Chùa Tam Bửu, Miếu Thanh Lương, Miếu Sơn Thần,

với những ngôi Chùa Miếu khác quanh núi Dài và núi Tượng, mà hiện giờ bá gia vẫn còn sùng kính, bốn mùa khói hương chẳng dứt.

Cách 11 năm sau, một vị siêu nhân khác xuất hiện, người đời gọi là ông Sư Vãi Bán Khoai. Ngài quý danh là Mỹ ra đời độ nhân cứu nạn vào năm Tân-Sửu 1901 tại xã Vĩnh-Gia thuộc kinh Vĩnh-Tế, Châu-Đốc. Ngài truyền giáo chữa bệnh cứu đời được hai năm, rồi bỗng nhiên mất dạng vào năm Nhâm-Dần 1902. Ngài lưu lại cho hậu thế hai quyển sám giảng người đời với nội dung cải dữ làm lành, hiếu nghĩa cha mẹ anh em, trung với đất nước và biết thương yêu đồng bào nhân loại.

Từ ông Sư Vãi biệt dạng, một khoảng cách 37 năm, đến ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão 1939 khởi đầu cho cuộc nạn dân ách nước to lớn, một vị Hoạt Phật ra đời cứu độ sanh linh, hoằng dương giáo pháp Bửu-Sơn Kỳ-Hương với một danh xưng khác, tộc danh là Huỳnh-Phú-Sổ, sanh trưởng tại xã Hòa-Hảo, quận Tân-Châu, Châu-Đốc. Ngài xiển dương sâu rộng vào đại chúng thuyết học Phật tu-nhơn và sùng kính tứ đại trọng ân, làm nòng cốt cho nền đạo Phật giáo Hòa-Hảo. Ngài cứu đời và truyền đạo được 9 năm rồi vắng mặt vào ngày 25 tháng 2 năm Đinh-Hợi 1947. Đức Huỳnh giáo chủ còn lưu lại 4 quyển sám giảng và một quyển thi văn giáo lý để cho tín đồ làm kim chỉ nam mà sửa mình tu học.

Hiện giờ tín đồ xem những sám giảng giáo lý này là Kinh nhật tụng.

Tóm lại, quá trình phát triển Giáo hệ Bửu-Sơn Kỳ-Hương có thể chia làm 3 thời kỳ : Thời kỳ thành lập, do đó, đức Phật Thầy khai sáng Giáo hệ Bửu-Sơn Kỳ-Hương cho đến ngày đức Phật Trùm viên tịch ; Thời kỳ củng cố, kể từ đức Bổn Sư ra đời cho đến năm 1890 là năm ngài viên tịch ; Thời kỳ phổ biến kể từ ngày ông Sư Vãi ra đời cho đến năm 1939 đức Huỳnh giáo chủ lâm phạm khai sáng nền đạo Phật giáo Hòa-Hảo. Xét thấy rằng : từ năm Kỷ-Dậu 1849 đến năm Kỷ-Mão 1947 tất cả là 98 năm. Trong thời gian đó có 4 vị Giáo chủ kế tiếp ra đời sự hoát nhiên tổ ngộ cũng như nhau, đồng nhất thể, cứu thế độ nhơn, cùng dìu dắt người đời với Giáo lý học Phật tu nhơn và tôn thờ tứ đại trọng ân làm căn bản truyền đạo. Tuy thời kỳ biến động theo hoàn cảnh khó khăn của đất nước để tùy duyên hóa độ cho phù hợp với nhân sanh, nhưng nền đạo đâu có biến dạng thay hình, trọng tâm vẫn giữ bốn chữ Bửu-Sơn Kỳ-Hương là phương châm truyền đạo. Như thế, những người đời sau không e ngại phải sai lầm trên tinh thần tín ngưỡng vậy. ¹⁷

II. ĐỨC TÔNG SƯ MINH-TRÍ, NGƯỜI LÀNG TÂN MỸ SA-ĐÉC

1) VỊ KHAI SÁNG TỊNH-ĐỘ CƯ-SĨ PHẬT-HỘI VIỆT-NAM

Đất Sa-Đéc xưa nay xuất phát lắm bậc chân tu gương mẫu, từng đem đạo pháp ban rải khắp đất nước, gieo duyên, kết phước với tất cả mọi người, giúp đỡ họ, trên con đường tu học, hiểu rõ sự nhiệm mầu của trời đất, hầu trở nên tận thiện, tận mỹ.

Con người nhờ đạo đức mà ăn ở hiền lương. Ai ai cũng giữ bốn phận mình lo trao dồi đức hạnh, cân phân được sự tội phước, quả báo, thì không bao giờ dám làm những việc tội lỗi trái với lương tâm. Nếu được như vậy, nhà ngũ không cần đóng cửa, ngoài đường chẳng kẻ lượm của rơi. Dân tộc thắm nhuần đạo đức, quốc gia sẽ trở nên thiên đường tại thế.

Nhưng đời mạt pháp, nhân loại đảo điên, tranh đua hơn thiệt, lấy giả làm chân, tạo cho mình cái hư danh ảo mộng mà không hay, cho là vĩnh-viễn. Vì thế, các bậc Tông-sư trải qua bao thế hệ xuống trần mượn xác để phổ độ nhân sinh trong kỳ ba, Ngươn-hạ. Mỗi vị đều chủ trương một pháp môn tu hành riêng biệt theo tông phái của mình, tùy căn cơ hoàn cảnh hạp ở đâu phải quay về đấy. Nhưng trăm sông ngàn rạch cũng về bể cả. Chỉ có chân lý là duy nhất làm kim chỉ nam hướng dẫn nhân loại đi lần đến chỗ giải-thoát, đó là điều quan trọng.

Chúng tôi đến Sa-Đéc may mắn được biết thêm một vị khai sáng mỗi đạo Tịnh-độ Cư-sĩ ở tỉnh này. Với óc sưu tầm, chúng tôi tìm hiểu qua quá trình của Đức Tông-sư Minh-Trí và việc tu hành ra sao, để hiến quý bạn đọc qua những dòng tiểu sử như sau :

2) THUỞ THIẾU NIÊN VÀ THỜI TU TRÌ



*Di ảnh ông Nguyễn văn Bồng (đạo hiệu là Minh Trí)
trong lúc còn ở tại cư gia.*

Đức Minh-Trí sanh trưởng tại xã Tân-Mỹ, tổng An-Thanh-Thượng (Rạch-Vông), tỉnh Sa-Đéc. Ngài sanh năm Bính-Tuất 1886, quí danh là Nguyễn-Văn-Bồng, thứ bảy, con của đức ông Nguyễn-Văn-Bình và Nguyễn-Thị-An. Thiếu thời cha mẹ mất sớm, Ngài được chị nuôi dưỡng và cho theo học chữ Nho tại trường làng. Nhờ đó ngài nghiên cứu sâu xa Phật-pháp và tinh thông Y-đạo.

Năm Ất-Tỵ 1905, Ngài vâng lệnh anh chị mà lập gia đình, nhưng không hề xao lãng con đường tự tu, tự giác, tự ngộ, tự độ. Phương châm của Ngài là lấy sự giáo hóa của Phật làm sự giáo hóa cho mình. Tôn chỉ của Ngài là từ-bi bác-ái, tự giác nhi giác tha, tự độ nhi độ nhân.

Năm 29 tuổi (Ất-Mão) 1915, sau khi lãnh ngộ đạo mầu của Đức Bổn-sư Thích-Ca, Đức Minh-Trí ly hương, lội suối, trèo non, châu du khắp miền năm non bảy núi để tìm thầy học đạo. Sau cùng ngài khoát nhiên, tâm linh trực giác thấu suốt chân lý : khi mê thì nhờ thầy độ, khi ngộ tới mình tự độ lấy. Từ đấy Ngài quyết tâm dẫn thân truyền đạo, lập ra

Lục-phương-Tông, truyền bá pháp môn lục phương lễ bái để người đời tu tập.

3) HÀNH TRẠNG

Năm Kỷ-Vị 1919, Đức Minh-Trí ly gia cắt ái, giã từ hương thôn ấp, lê gót khắp đó đây, mượn khoa Y-đạo trước là cứu độ đồng bào, sau nữa truyền bá giáo lý để dìu dắt thiện nam tín nữ trên đường giải thoát, cầu vãng sanh cực lạc.

Khắp miền Hậu-Giang, đồng bào Phật-tử đều xưng tụng Ngài là bậc minh triết. Song song với việc truyền đạo, Ngài còn đóng góp công quả trong những hoạt-động xã-hội, như xây cầu tại làng Tân-Mỹ 1926, đắp đường dọc theo Kinh Thầy Lâm 1928, đắp con đường từ Gò-Dầu đến làng Tân-Khánh-Tây 1929, dựng nhiều trạm cứu tế về khoa Nam-dược. Việc làm của Ngài được tiếng vang trong tỉnh. Hương chức Hội-Tề sở tại gởi giấy lên tỉnh Sa-Đéc, Quan chánh Tham biện lấy làm khen ngợi và khích-lệ tinh-thần cao đẹp của Ngài đối với đồng bào trong thôn-ấp.

Trong khoảng thời gian hơn 10 năm, từ 1920-1930, Ngài đã lập nhiều công quả với đời, dẫn dắt đa số người tu hành theo Tông phái của Ngài chủ trương.

4) THÀNH LẬP TỊNH ĐỘ CƯ SĨ PHẬT HỘI



*Cố Tôn Sư Đức Minh Trí
người sáng lập Tịnh Độ Cư Sĩ Phật học hội VN.*

Ngài nhận thấy số người giác ngộ tu càng ngày càng thêm đông, cho đó là một đại cơ duyên trong thời kỳ phổ độ. Đức Minh-Trí qui kết một số đệ tử tại Chợ-Lớn vào năm 1933 để xin phép nhà cầm quyền Pháp thành lập một Hội-Phật-giáo lấy tên là Tịnh-độ Cư-sĩ Phật-hội Việt-Nam, tại Chùa Hưng-Long. tọa lạc trên đường Minh-Mạng Chợ-Lớn, làm Hội quán tạm tại đây ngày 25-7-1934.

Lúc bấy giờ danh nghĩa đã đó, đạo hạnh được tín đồ mến phục nên toàn thể tín đồ suy tôn Ngài là Tôn sư trong một phiên Đại hội bất thường. Từ đây, Ngài gánh trách nhiệm lớn đối với Phật-pháp, âm thầm đi đó đi đây khắp miền Lục-tĩnh, hoằng pháp độ nhân và mở phòng thuốc nam trị bệnh cho bá tánh.

Không quản gian lao khổ nhọc, dù gặp bao sự thử thách dèm siểm của thế nhân. Đức Minh-Trí vẫn giữ một lòng son sắt, không thối chí ngã lòng, trì tâm chí nguyện, tận lực độ đời giác ngộ.

Cao cả thay ! Giữa cõi đời vật chất xa hoa, con người tranh nhau vì miếng ăn, chỗ đứng, nơi ngồi, chạy theo danh, lợi, tình, tiền không nghĩ gì đến vấn đề đạo-đức, Đức Minh-Trí lẫn mình trong nhân thế, lẫn lộn với tất cả mọi giới để độ người là một việc khó khăn. Chẳng qua nhờ đức độ và đạo hạnh, thể hiện lòng bác ái, những ai có duyên lành, sẽ được Ngài tiếp nhận. Đầu tiên trong giới Văn-Nghệ-sĩ. Đức Minh-Trí độ được một số anh chị em nghệ sĩ hữu danh quy-y thọ phái, cô Bảy Phùng-Há, Năm Châu, Năm Phỉ, Bảy Nhiêu, Huỳnh-Thủ-Trung (Tư-Chơi), Ba Vân và nhiều anh chị em Văn-Nghệ sĩ khác. Riêng về giới công chức, Ngài cũng độ được nhiều vị Đốc-Phủ-sứ, Đốc-học Giáo chức, quân nhân, tu theo đường lối của Ngài.

Ngài lái con thuyền Phật-pháp vượt trùng dương khắp miền Nam, đâu đâu cũng có dấu chân Ngài, và chư môn đệ tử theo thầy thọ phái quy-y rất đông.

Năm Đinh-Hợi 1947, Đức Minh-Trí 61 tuổi, vì chiến cuộc bất an Ngài dời về Sa-Đéc, rồi lên ở hẳn tại Saigon.

Chính năm này, ngày mùng bảy tháng 4 âm lịch, Ngài vào Phú-Định để dự Đại hội Thường niên, tối Ngài lại về Saigon an nghỉ, kế khuya bữa đó (rạng ngày mùng 8 tháng Tư âm lịch) xảy vụ ám sát ông Hội trưởng Lâm-Văn-Hậu.

Năm 62 tuổi (Mậu-Tý 1948), Hội quán tại Chùa Hưng-Long ở Phú-Định bị thiêu hủy. Ngài bàn tính với ông tân Hội-trưởng Lê-Văn-Hơn dời văn-phòng, tạm làm việc giáo hội về nhà của ông Hơn, sau sẽ lo xây cất Hội quán tại Đô-thành.

Năm 63 tuổi (Kỷ-Sửu 1949) khởi công xây cất Hội-quán Trung-ương Tân-Long-Hưng-Tự. Từ đấy, hoạt động giáo sự ngày càng thêm rộng lớn. Khách thập phương thường tới lui xin qui y thọ giáo.

5) CANH TÂN GIÁO PHÁP

Năm Tân-Mão 1951, Đức Minh-Trí cải cách Giáo-pháp, nâng cao trình độ tu học của hội viên và hàng thiện-tín bằng chủ trương « Phước-Huệ song-tu », bãi bỏ danh nghĩa Lụng Phương Tông. Giáo-lý của Ngài đề xướng là tu thanh tịnh ở nội tâm, và làm các phương tiện phước đức, không có hình thức bên ngoài. Tuy nhiên, Tịnh-độ cư-sĩ là một giáo-lý phương tiện của Đức Thích-ca Mâu-Ni bắt nguồn từ khi Đức Phật còn tại thế.

Con đường Phước-Huệ song tu của Ngài là dẫn lộ thích hợp cho người cư-sĩ tu tại gia. Nghĩa là người cư sĩ phải luôn giữ tâm từ bi cứu nhân độ thế, tạo phước cho muôn loài, đồng thời trau dồi đạo hạnh để tinh tiến trên đường giải thoát. Thực hiện chủ trương trên đây, tại mỗi Chùa chi hội đều có tổ chức Ban Phước-Thiện xã-hội phụ-trách một phòng thuốc nam, đón rước cứu chữa tất cả bệnh nhân, không phân biệt sang hèn chủng tộc, cũng không hề thu nhận tiền bạc của bệnh nhân.

Trong huấn-từ chúc ngôn của Đức Tôn-sư Minh-Trí ngày 8 tháng 4 năm Mậu-Tuất 1958, Ngài dạy : « *Tinh tiến thực hành Phước Huệ song tu là lên đường giải thoát. Tinh-tiến thực hành Phước Huệ song tu là đường về Cực-lạc* ».

Giác hạnh viên mãn, khuya ngày 22 rạng 23 tháng 8 năm Mậu-Tuất 1958, đúng 23 giờ, Ngài viên tịch, hưởng thọ 73 tuổi.

Trong suốt cuộc đời hành đạo, Ngài đã mở lối cho chúng sanh từ bỏ bờ mê tìm về bến giác trong thời mạt pháp. Dù Ngài đã viên tịch, nhưng đến nay mỗi đạo vẫn được bành trướng. Nhiều tỉnh, thị xã hiện nay đang xúc tiến xây cất kiến thiết lại các ngôi chùa Tịnh-độ Cư-sĩ cho khang trang rộng rãi hơn xưa. Chúng tôi có dịp đi qua Kiến-Hòa (Bến-Tre), ở Bãi-Dâu Vũng-Tàu thấy xây cất các ngôi chùa gần xong, bốn đạo tận tâm tích cực lo việc Phật sự để noi theo đường lối tu hành của Đức Tôn sư như lúc ngài còn sống. Tỉnh nào cũng có phòng Phước Thiện hốt thuốc nam, phòng châm cứu, chữa mắt miễn phí cho đồng bào. Chính tại Giáo-hội Trung-ương, đường Nguyễn-Tri-Phương Chợ-Lớn, mỗi ngày có hằng trăm người đến hốt thuốc xin chữa bệnh, việc làm trên đây đáng được khích lệ, để nói lên sự chủ trương của Tịnh độ Cư sĩ do Đức Tôn-sư Minh-Trí lãnh đạo ngày nay đậm chồi nảy lộc khắp cả Nam, Trung hướng về Đạo của Ngài, lo tu hành và giúp đời bằng mọi phương tiện. Nói đến Sa-đéc mà không giới thiệu cho độc giả biết nơi xuất xứ và đường lối tu hành của đức Tôn sư là một điều thiếu sót lắm vậy.

III. ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ : ÔNG LÊ BÁ TRANG VỚI CHÚC NGỌC CHÁNH PHỐI SỰ (Thiên phong tại Tòa Thánh TÂY NINH)



Di ảnh ông Lê-Bá-Trang lúc đang làm chủ quận Chợ-Lớn vào đạo Tam-Kỳ năm 1926.

Nói đến thành tích các vị có công khai sáng đạo giáo ở Sa-Đéc từ một thế kỷ trở lại đây như đã trình bày, thiết tưởng chúng tôi cần nhắc đến vị chức sắc lớn trong đại-đạo Tam-Kỳ ở Sa-Đéc, đó là ông Đốc phủ Lê-Bá-Trang. Ông sanh ngày 8 tháng 2 1878 tại làng Tân-Qui, tổng An-Hạ, Sa-Đéc.

Ông là một trong những vị đầu tiên có công đóng góp cho nền đại-đạo mới khai sáng ở Việt-Nam vào năm 1926 tại Chùa Gò-Kén của Hòa thượng Giác-Hải (Tây-Ninh).

Cây có cội, nước có nguồn bủa khắp rạch sông, trước tiên, đạo Tam-Kỳ khai mở do ông Phủ Ngô-Văn-Chiêu thấy được Thiên Nhãn xuất hiện trên vòm trời ngoài biển trước đảo Phú-Quốc vào một buổi bình minh. Từ đó, ông ngộ được đạo mầu, hết lòng tin tưởng đến đấng Chí tôn. Sau này, ông lập ra phái Chiêu-Minh ở Cần-Thơ, chuyên sự tu đơn giải thoát. Còn ở Tây-Ninh, có chư quý ông Lê-Văn-Trung, Phạm-Công-Tắc, Cao-Huỳnh-Cư, Cao-Hoài-Sang, Nguyễn-

Trung-Hậu, Trần-Nguyên-Lượng, Nguyễn-Văn-Ca, Nguyễn-Ngọc-Tương, Lê-Bá-Trang, v.v...

Những vị trên đây phần nhiều là công chức ngạch hành chánh Nam-kỳ, có người làm đến chức Đốc Phủ sứ, đã từng lăn lộn trong chốn quan trường, gió bụi, kinh nghiệm đời nhiều, nhận xét cuộc đời là phù hoa giả tạm, kiếp nhân sinh mấy ai sống đến trăm tuổi. Vì thế, các ông nhứt tâm quay về cửa đạo, chọn một hướng đi tìm con đường giải thoát, tu tâm dưỡng tánh đem hết uy tín khả năng mình, giúp cho nền đại-đạo bành trướng khắp bốn bể năm châu, để mọi người ý thức được đạo trời khai mở, phổ độ nhơn sanh trong kỳ ba ngươn hạ.

Thời kỳ này, ông Lê-Bá-Trang làm chủ quận nhiều nơi, và sau cùng ngồi chủ quận Châu-Thành Chợ-Lớn. Lúc bấy giờ ông được đức Cao-đài Thượng-đế giáng cơ, kêu đích danh ông cho biết tiền kiếp là một danh tướng đời Tam-quốc và thân nhận làm đệ tử, phong cho chức Ngọc Chánh-Phối-Sư, giữ quyền Hợp-lý trông coi tất cả các chức-sắc nam nữ trong Đại-Đạo Tam-Kỳ, phổ-độ về mặt hành chánh. Cùng được phong một lượt với ông, có ông Phủ Nguyễn-Ngọc-Tương ở Bến-Tre với chức Thượng Chánh Phối-Sư ; quí ông kể từ đây thọ chức Thiên phong, tích cực thi hành thánh lệnh, lo lập công bồi đức giúp đời, giúp đạo một cách hăng say.

Ông Lê-Bá-Trang có thân hình dậm dỡ, tướng đi oai vệ, ăn nói hoạt bát, tánh tình cương trực nhưng hiền hòa.

Từ ngày vào đạo, ông rất tận tâm phụng sự cho nền đại-đạo mới phôi thai. Ông không quản cực nhọc gian lao, quyết tâm xây dựng mọi mặt để làm cho cơ đạo được mau phát triển. Vì tánh ông kỷ lưỡng và hay nói thẳng nên gặp phải lắm sự đụng chạm với một số đông chức sắc Lương-Đài, và chẳng những còn bất đồng ý kiến với vị lãnh đạo Tòa Thánh Tây-Ninh, nên ông cùng ông Thượng Tương Thanh tách ra về Saigon. Đầu tiên mượn ngôi chùa Từ Vân (ở Phú Nhuận) dùng làm Thánh Thất tạm, rồi mượn Thánh-Thất Bình-Hòa (Gia-Định) làm trụ sở cho một cơ quan, mục đích chấn chỉnh cơ Đạo lại. Nhưng vì nhận thấy hai địa điểm trên không thuận cho công cuộc chấn hưng, ông cùng ông Nguyễn-Ngọc-Tương về Bến-Tre xây cất Thánh-Thất An-Hội. lập Ban Chỉnh-Đạo mấy năm qua, để mong chờ hiệp tác với Tòa-Thánh Tây-Ninh trở lại như buổi ban đầu.

Năm tháng đợi chờ vẫn trôi qua không hàn găng được sự thông cảm giữa đôi bên, vì thế, hai ông Tương, Trang phải tuyên bố đưa Ban Chỉnh-Đạo lên làm Hội Thánh gọi là Hội Thánh Bến-Tre ngày 11-6-1933 (19-5 Quý Dậu) Hội Vạn Linh nhóm tại Bửu Điện Tòa Thánh cuộc nhóm này vắng mặt : Đức quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, hai ngài quyền Thái và Thượng Đầu Sư. Hội thảo luận và công nhận theo quyết nghị của Đại Hội ngày 16-4-1933

Sau đó Hội Đồng nhân sinh nhóm tại Thánh-Thất An-Hội, đồng tôn ông Thượng Chánh Phối-Sư, Thượng-Tương-Thanh lên ngôi Giáo Tông, và ông Ngọc Chánh Phối Sư Lê Bá Trang lên ngôi Thượng Chưởng Pháp. Ở Chức vị này hành

đạo tại Hội Thánh An-Hội cho đến ngày ông quy Tiên vào năm... Dem về an táng tại Tòa Thánh Tây-Ninh.

Quảng đời từ ngạch công chức cao cấp cho đến ngày bước chân vào cửa đạo trên mấy mươi năm, Ông trải qua bao cuộc khảo đảo từ Tòa Thánh Tây-Ninh về Saigon, Gia-Định rồi xuống Bến-Tre là xứ « Địa linh Nhơn Kiệt » dừng chân xây cất Hội Thánh, sáng lập Ban Chỉnh-Đạo để dìu dắt nhơn sanh thực hành một đường lối chung trên đường tu học, lập công bồi đức giúp đời, thật ra công quả của ông đối với nền đại-đạo hiện nay cũng được nhiều người nhắc đến.

Theo sự sưu tầm của chúng tôi, Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ từ ngày khai mở đến nay gồm có nhiều chi phái : Phái Chiếu-Minh, Phái Tiên-Thiên Đại-Đạo. Phái Cao-Đài Thống-Nhất, cơ quan Giáo Niện Thánh Thất Minh Tâm Vĩnh-Hội Sài-Gòn, Phái Minh-Lý Tam Tông Miếu, Ban Chỉnh Đạo, Cơ quan Phổ thông Giáo-lý, nhưng chung qui chỉ thờ Thiên Nhãn, đấng Chí tôn duy nhất. Trăm sông ngàn rạch cùng về bể cả, chơn lý chỉ có một không hai. Tìm hiểu qua các vị Giáo phái của tỉnh Sa-Đéc mà không nhắc đến ông Lê-Bá-Trang, một nhân vật tiếng tăm trong hàng lãnh đạo của đại-đạo Tam-Kỳ là điều thiếu sót lắm vậy.

Hiện nay ngôi nhà của ông vẫn còn tại Sa-Đéc. *(Theo tài liệu của ông Huệ-Lương)*

CHƯƠNG 2 : CHÙA, ĐÌNH CỔ-KÍNH

I. CỔ TỰ PHƯỚC THANH : NGÔI CHÙA DO VUA GIA-LONG SÁNG LẬP VÀ CÂU CHUYỆN ÔNG HỘ PHÁP ĐÁNH QUỈ

Trên lãnh thổ Việt-Nam, từ Nam-Quan cho đến mũi Cà-Mau, còn lắm nơi có nhiều di tích lịch sử, khởi đầu lúc chúa Nguyễn-Phúc-Ánh trên đường bôn nam tẩu bắc, lẩn tránh Tây-Sơn. Dấu chân Ngài cùng các quan bộ giá dẫm khắp các nơi ở miền Nam, từ rừng núi, đồng bằng, các hòn đảo ngoài biển đều có dấu chân Ngài bước đến. Những nơi nào Ngài lui tới, đều có lưu lại ít nhiều kỷ niệm, di tích lịch sử, cho đến nay người địa phương còn nhắc nhở.

Với tinh thần hiếu cổ, chúng tôi không nài khó nhọc đi tới tận nơi, vạch bóng người xưa, tìm dấu vết của tiền nhân dày công xây dựng. Theo lời các vị bô lão tỉnh Sa-Đéc ngày nay thuật lại, chúng tôi ghi chép qua lịch sử ngôi Cổ-tự Phước-Thanh với những huyền thoại ly kỳ, tô đậm nét nhiệm mầu nơi chốn thiền môn linh ứng, cứu dân độ thế, trừ tà khử bạo.

Ngôi cổ tự Phước-Thanh, là nơi chính lúc Vua Gia-Long tẩu quốc ghé lại tạm trú tại Sa-Đéc ít lâu. Ngài khẩn nguyện cùng Phật Trời, khi ngài thống nhất được đất nước, Ngài sẽ dựng lên một ngôi Tam-bảo thờ Phật. Lòng thành thấu đến cao dày, sau khi ngài đắc thành nguyện vọng, liền truyền lệnh cho quan địa phương tỉnh An-Giang dựng lên ngôi « Phước-Thanh-Tự », nay tọa lạc tại Châu-Thành Sa-Đéc, xã Tân-Vĩnh-Hòa. Cổ tự Phước-Thanh kiến tạo từ năm Gia-

Long thứ 14 (1812). Trên linh vị thờ lại Chùa, ghi là « Việt-Hoàng sáng tạo Phước-Thạnh-Tự ». Hiện nay linh vị như một sắc-chỉ ghi chứng tích.

Tương truyền : Ngôi Cổ-tự Phước-Thạnh, các tượng Phật lớn bằng đồng đều do đức vua sau ba ngày trai tịnh, tự tay rót đồng đúc Phật, rồi đưa vào chùa. Do ảnh hưởng lòng chí thành và công đức của vị chơn mạng, nên về sau ngôi chùa rất có nhiều sự linh ứng.

Từ ngày dựng ngôi chùa đến nay đã trải qua lắm vị Cao-tăng Đại-đức liên tục giữ gìn ngôi Tam-bảo, qua bao đời Hòa-thượng, Yết-Ma, Giáo-Thọ. Vì thời gian quá lâu, lại không tìm thấy sách vở gì lưu lại, không ai nhớ rõ danh tánh các vị đã trụ trì từ ngày xưa.

Chúng tôi đến viếng chùa, may mắn gặp vị trụ trì Thích-Thiện-Hương, nay ngoài 60 tuổi, ân cần tiếp đãi và hướng dẫn chúng tôi đến chánh điện quan chiêm đức Phật.

Giữa phương-trượng, tượng đức Phật Di-Đà bằng đồng cao một thước, hai bên có ông Thiện và ông Ác cầm giản cao một thước, tướng mạo oai phong. Cốt ông Thiện bằng đồng, ông Ác bằng cây. Các tượng Phật thờ trên chánh điện là do ngoài Triều-đình gởi vào. Ở mé trái, dựa vách, có để một cái trống sấm thật lớn, hai người ôm không giáp. Vật đã lâu đời, nên đôi mặt trống đã lủng, chưa bịch lại. Phía mặt, ngoài cửa bước vào, treo một Đại-hồng-chung rất xưa, khắc những hàng cổ tự trong thời Gia-Long, lâu ngày chữ đã lì đọc không rõ.

Ngoài ra còn có 18 vị La-Hán rất xưa, nên màu sắc cũng đã phai pha.

Trước cửa chánh điện ngó vô, thờ đức Hộ-pháp cao trên một thước, tay cầm thanh giản, oai vệ như vị thiên thần sống động. Chúng tôi nhìn kỹ, thấy cây giản chắp làm ba khúc. Lấy làm lạ, chúng tôi khẽ hỏi vị trụ trì : « *Bạch Thượng-tọa, cây giản trong tay tượng Hộ-pháp, sao lại gãy đi, mà phải chắp vá ?* »

Vị trụ trì nghiêm trang : « *Tín hữu có lòng thành hỏi đến, âu cũng cơ duyên. Để xuống hậu liêu dùng trà, bản đạo sẽ kể cho nghe* ».

Chúng tôi có lòng mừng sắp được nghe chuyện lạ, không bỏ lỡ giây phút quý báu nào, chúng tôi quan chiêm khắp nơi trong chùa và tìm hiểu những gì cần được biết.

Vị trí ngôi chùa tọa lạc, thật thanh u trầm nhĩ. Chùa xưa, xây cất theo lối cổ điển, hùng vĩ tôn nghiêm, day mặt ra một con rạch (Canal de Ceinture), trước sân trồng hàng xoài rợp bóng, mát mẻ quanh năm. Theo lời vị Phó trụ trì : hiện trụ trì ngôi cổ tự này là Thượng-tọa Thích-Từ-Nhơn. Ngài là một trong 12 vị Hội đồng Viện Hóa-Đạo, cấp lãnh đạo Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam thống nhất.

Thượng-tọa Từ-Nhơn đã trụ trì nơi đây 38 năm và được thọ truyền y bát của Hòa-thượng Thiện-Đạo, là vị Hòa-thượng kế vị chư Thượng-tọa xưa.

Thượng-tọa Từ-Nhơn là một vị giảng sư đã hơn 20 năm, đem Giáo-lý Phật-đà đi truyền bá khắp đó đây và đảm nhiệm chức vụ Trị-sự-trưởng Giáo-hội Tăng-Già tại tỉnh Sa-

Đéc, trong suốt thời gian của Giáo hội Tăng Già Nam-Việt. Năm 1964, Thượng-tọa lên Saigon công quả Phật-sự cho Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam thống-nhất, đến nay Ngài là người ở trong hàng lãnh đạo Giáo-hội.

1) CHUYỆN HỘ PHÁP ĐÁNH QUỈ

Quan chiêm khắp chùa và đã được biết ít nhiều, chúng tôi theo gót vị phó trụ-trì trở xuống hậu liêu. Rồi như lời đã bảo, vị phó trụ-trì kể chuyện vì sao tượng Hộ-pháp gãy giản cho chúng tôi nghe. Sau đó, tiếp xúc với một ít người địa phương, chúng tôi cũng được nghe y như lời vị phó trụ trì đã thuật... Nhưng muốn biết rõ một cách thiết thực hơn, chúng tôi về Saigon, tìm ngay đến Văn-phòng Phật-giáo Việt-Nam thống nhất, xin gặp Thượng tọa Thích-Từ-Nhơn tại đây, để hỏi sự thật ra sao ? Hay người ta thần thánh hóa câu chuyện để mê hoặc lòng người ! Thượng tọa Từ-Nhơn tiếp xúc chúng tôi với niềm hân hoan. Ngài sẵn sàng kể sự tích ngôi cổ tự « Phước-Thạnh » rất nhiều và, cho biết thêm sự việc xảy ra rất là hi hữu :

Cách nay trên 30 năm, đã hai lần đức Hộ-pháp trong chùa đánh quỉ bằng cây Bảo-sử (giảng ma sử hay hàng ma-sử tức như cây giản để đánh ma quỉ. Bảo sử là cây sử, hay cây giản quý báu).

Một buổi chiều kia, khoảng 6 giờ, trời vẫn còn sáng tỏ, bỗng mọi người chung quanh kinh ngạc khi nhìn thấy cây giản trong tay Đức Hộ-pháp bay đi quanh co trong chùa, nhưng không trúng bàn ghế hay va chạm vào ai. Bay ra tới đường Nguyễn-Tri-Phương đối diện với sân chùa, cách 70

thước. Giờ ấy là giờ công phu. Tăng chúng trong chùa đều sửng sốt về hiện tượng huyền bí phát hiện : Cây giản tự nhiên sao biết bay ? Bay đi đâu ? Để làm gì ? Hay quỷ ma hiển lộ nên mới có hiện tượng lạ lùng như thế.

Nửa giờ sau, quỷ nhập vào một người lối xóm, ứng tiếng cho biết là nó vô chùa kiếm ăn, bị ông Hộ-pháp đuổi đánh què chân. Trong nhà phải đem người bị quỷ nhập đến chùa cho quỷ xuất ra. Do đó mới biết cây giản bay đi để đánh quỷ.

Lúc cây giản bay đi, trước sau gãy làm ba đoạn, một đoạn rớt nơi nhà tổ, một đoạn rớt nơi nhà bếp, còn đoạn chót bay ra đến ngoài lộ mới rớt. Ai nấy ước đoán là ông Hộ pháp đã đánh quỷ ba lần.

Đến lần thứ nhì, cũng vào lối 6 giờ chiều, trời đang mưa tầm tã, cây giản trong tay tượng Hộ-pháp bỗng vụt bay đi như lần trước. Đoạn thứ nhất đánh bể nát cái tráp ba, tức là cái nồi thật lớn để ở trong chùa dùng để đốt giấy, còn đoạn giản thứ hai thì bay luôn ra rớt xuống đường. Tuy kỳ này chẳng thấy quỷ nhập vào ai để rõ ra sao, nhưng trong chùa nhiều người thấy có bóng đen chạy vụt từ trong bếp ra ngoài đường.

Hiện nay cây giản vẫn còn ráp lại ba đoạn để thờ trong tay tượng đức Hộ-pháp như đã thấy, không làm cây khác thay vào, vì Sư cụ nói đó là sự hiển linh, không nên thay cây Bảo-Xử mới.

Hư thực ra sao ? Chúng tôi thuật y những lời đã được nghe kể. Ấu cũng là một chuyện hiển linh, cũng như bao sự

hiển linh khác ở các nơi mà chúng tôi đã có dịp sưu tầm, nói trong các tác phẩm trước đã xuất bản.

2) « PHƯỚC THẠNH TỰ » NGÀY NAY

Theo chúng tôi thấy, ngôi chùa Phước-Thạnh nay đã quá hư, kèo cột bị mối mọt đục hết. Thượng tọa Từ-Nhơn sắp làm lại để bảo tồn di tích của Đức Cao-Hoàng Gia-Long kiến tạo.

Ngày nay phía sau sân chùa, chúng tôi còn thấy có một Phật đài lộ thiên, thờ đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát cao trên 4 thước. Tượng màu trắng tuyết, ngự giữa trời mây, tướng hảo quang minh, gương mặt từ bi, đầy lòng bác ái, đôi môi nở nụ cười hoan hỉ, tay cầm nhành lương liễu, mắt hướng về phía đông dường như quan sát thế trần đang lặn hụp giữa cuộc đời phù hoa giả tạm...

Tượng đài này do Thượng-tọa Thích-Từ-Nhơn phát nguyện cùng phật-tử địa phương kiến tạo, khởi công ngày 1 tháng 5 năm 1964 đến tháng 8 trong năm thì hoàn thành.

Việc làm trên đây là một công trình phát huy đạo pháp, lưu lại cho các thế hệ sau nhắc nhở.

Trước sân đài có trồng nhiều loại hoa tứ quý, cảnh trí rộng rãi khang trang. Du khách cũng như đồng bào phật-tử địa phương thường tới lui lễ bái với tâm lòng thành mến mộ.

Cảnh này đã có sẵn, nếu được nhiều bàn tay điểm xuyến trang hoàng thêm lên nữa, sẽ trở nên một thắng cảnh đạo vị của tỉnh Sa-Đéc, không khác nào các đài Đức-mẹ Fatima ở Vĩnh-Long, đài Đức mẹ ở Bãi-Dâu Vũng Tàu.

Rồi đây sẽ có nhiều đoàn thể tôn giáo đến hành hương chiêm ngưỡng.

Trong tương lai, cảnh này ắt còn khởi sắc, hưng thịnh hơn nữa.

II. TỔ ĐÌNH BỬU HƯNG TỰ Ở CÁI-CÁC XÃ HÒA LONG

Du khách viếng tỉnh Sa-Đéc, nếu tâm hồn lâng lâng niềm tục lụy, muốn thưởng thức phong quang những danh lam cổ sái, tưởng không gì bằng hãy tạm dừng chân ghé viếng chùa Bửu-Hưng đã có từ hơn một trăm năm về trước. Ngôi tổ đình Bảo-Hưng tự này rất cổ kính, nép mình trong một khu vắng vẻ, trước sân rộng rãi, có hồ sen, day mặt ra bờ rạch Cái-Các, thuộc xã Hòa-Long. Hiện nay, do Giáo-hội Lục-Hòa-Tăng lãnh phần coi sóc, số bốn đạo rất đông. Những ngày rằm lớn, hoặc 30, mừng một, bốn đạo qui tụ về lễ Phật tập nập.

Giữa chánh điện có một pho tượng Đức Di-Đà cao trên hai thước, sơn son phết vàng, trải đã lâu đời nên phai nhạt khá nhiều, nhưng vẫn còn đầy đủ nét từ bi, trí tuệ phảng phất ánh đạo thiêng như lúc nào cũng sẵn sàng dẫn độ chúng sanh về cõi Tây phương cực-lạc. Hai bên trần thiết rất trang nghiêm, ảnh tượng Chư-vị La-Hán, Bồ-Tát uy-nghi tịnh-tọa càng tăng thêm vẻ u-huyền trong chốn thiền lâm phẳng lặng. Cột chạm tứ linh Long, Lân, Qui, Phụng, trên treo những tấm biển to lớn chạm khắc những hàng cổ tự sắc sảo tinh vi, vàng son hực hỡ. Các bức hoành phi, liễn đối trong chùa, hầu hết do một số thiện tín sùng đạo địa phương phụng cúng. Trong số nhân-vật đất Sa-Đéc ngày

xưa có ông bà Lê-Văn-Hiển, một đại điền chủ xã Long-Hậu nhiệt tâm với Phật-pháp, góp công, góp của lo cho ngôi chùa ngày thêm rạng tiếng, nay hãy còn những tấm biển lưu niệm công đức của ông bà tại chùa.

Đất Sa-Đéc là đất lành phát xuất nhiều bậc cao-tăng được mọi người trọng vọng. Chùa xưa miếu cũ rải rác trong xứ, đủ chứng tỏ đồng bào dân chúng đều hướng thiện tu hành giữ gìn đạo hạnh.

Sự tích ngôi tổ đình Bửu Hưng-Tự, theo lời các bô-lão địa phương kể lại cho chúng tôi nghe như sau :

Ngày xưa vùng đất này còn hoang vu, nhà thưa người ít, có một nhà sư từ phương xa đến dọn đất cất một cái am nhỏ để tu hành, sớm mõi chiều chuông sống với cuộc đời ẩn-dật. Được ít lâu, nhà sư viên tịch. Am vắng, khói lạnh hương tàn, làm chạnh lòng một nhà sư khác cũng từ phương xa dừng chân lại đó. Vị sư này thâm thông giáo lý nhà Phật, đức hạnh có phần hơn nhà sư trước. Do đó, khi vị sư sửa sang am cũ mà trụ trì, gần xa lần lần biết tiếng kéo đến nghe ông thuyết giảng đạo lý một ngày thêm đông. Được đồng bào mến mộ, uy tín vị thiền sư tăng cao, bốn đạo mới đóng góp, kẻ ít người nhiều, dựng nên ngôi chùa rộng lớn hơn.

Không bao lâu, vị sư này cũng viên tịch. Trải qua nhiều đời Yết-ma, Giáo-thọ, Hòa-thượng, đến đời vị Yết-ma Nguyễn-Văn-Hạnh, ngôi chùa hưng thịnh hơn nhiều. Vị Yết-ma Nguyễn-Văn-Hạnh vốn người ở Định-Tường, trước trụ trì ở chùa Bửu-Lâm, nơi Chợ Cũ, Mỹ-Tho, nay về trụ trì ở ngôi

chùa tại Cái-Các, tỉnh Sa-Đéc đây, càng dốc lòng tuyên dương chánh pháp, mở mang phong khí trong vùng. Rồi đến Hòa-thượng Thiên-Tường từ chùa Vĩnh-Tràng về cai quản, hiệp cùng bốn đạo sẵn có, xây cất ngôi chùa lộng lẫy khang trang như trong ảnh trên đây. Thế thì ngôi chùa này đã trùng tu qua nhiều đợt, đến đời Hòa thượng Thiên-Tường mới bắt đầu khởi sắc như thế. Quả xứng đáng là một đại già-lam của tỉnh Sa-Đéc.

Thật thế, ngôi chùa Bửu-Hưng tự có thể nói là một trong những ngôi chùa cổ và lộng lẫy nhất ở Sa-Đéc. Số huê lợi do đồng bào Phật-tử cúng cho chùa cũng nhiều, hằng năm có đến cả ngàn gia lúa.

THỜI CUỘC BIẾN CHUYỂN TRONG NĂM 1945, NGÔI CHÙA BỊ LIỆNG BOM LẦM : Chùa đang trong thời kỳ hưng thịnh, xảy gặp tai biến do thời cuộc phát sinh, mà phải chịu chung cái công lệ tang thương khi nạn dân ách nước tràn lan khắp trên lãnh thổ. Ấy là vào khoảng năm Ất-Dậu 1945, cảnh khói lửa điêu linh phủ trùm non sông nước Việt. Vùng này không được an ninh, ngôi chùa thường là mục tiêu cho đoàn quân xâm lăng nghi ngờ chú tâm triệt hạ. Cho nên, một buổi sáng tinh sương trong thượng tuần tháng 9, năm 1946, phi cơ đảo liệng quanh vùng một chập, rồi thì ầm ầm như trời long đất lở, bom của kẻ xâm lăng trút vào nơi Phật-tự trang nghiêm. Dù lăm lăm hay cố ý, nào ai dò được lòng người : kết quả bi đát : Thiệt mạng nhà sư Chánh viên và bốn Phật-tử. Trước cảnh bom rơi đạn nổ, trong chùa đều tản cư đi nơi khác, không còn ai dám ở lại... May thay ! Chánh điện vẫn được an-toàn. Lúc chùa bỏ

trống, không gìn giữ, bị người ta đến lấy mất một cái Đại-hồng Chung xưa thật là đáng tiếc.

Thời gian dẫu lần, các nhà sư còn lại mới dám trở về hương khói cho Phật. Lúc sau có Hòa-thượng Chơn-Hòa về trụ trì, tổ đình Bửu-Hưng-Tự dần dần hưng thịnh lại như xưa. Đến ngày 22 tháng 2 âm-lịch năm Mậu-Tuất, Hòa-thượng Chơn-Hòa liểu đạo. Ngày nay, người kế vị trụ trì là Phó đại diện của tỉnh hội Lục-Hòa-Tăng Sa-Đéc tiếp nối và trùng tu ngôi tam-bảo này.

Tưởng nên ghi thêm một điều lạ : Ngày xưa, trong chùa có trên tàng một vỏ lúa to lớn khác thường, để khách thập phương quan chiêm sự huyền diệu của hóa công trong cuộc trường dưỡng muôn loài vạn vật. Nhưng về sau, cũng vì chiến cuộc sinh hóa trở ngại, không người gìn giữ, vật lạ ấy chẳng biết đã bị bàn tay nào lưu đi mất. Mà thói người đời của tạm có tiếc cũng bằng thừa. Trong cõi phù sinh, muôn vật có gì đâu là trường tồn miên viễn được. Duy có đạo lý là bất diệt, duy có tâm đạo là cùng với hai vầng nhật nguyệt cùng sáng rõ mãi thiên thu.

Đi viếng một ngôi chùa cổ kính của đất Sa-Đéc, chúng tôi có bốn phận nói lên công nghiệp của các vị tổ dày công sáng tạo để dẫn dắt người đời tu hành, và cùng ghi lại một ít di tích để tồn cổ : tinh thần Phật-giáo vẫn tồn-tại với non sông ngàn năm bất diệt.

III. CHÙA KIẾN-AN-CUNG, TỤC GỌI CHÙA ÔNG QUÁCH

Nói đến chùa xưa miếu cũ của tỉnh Sa-Đéc, cũng cần nêu lên một ngôi chùa kiến trúc theo lối cổ của người Trung-Hoa : Chùa Kiến-An-Cung, tục gọi chùa Ông Quách.

Cùng là giống da vàng ở Á-Đông, nặng lòng sùng đạo, nặng óc tín ngưỡng, người Việt-Nam chúng ta tôn trọng đình, chùa, miếu mạo thế nào, thì người Trung-Hoa càng quý chuộng các ngôi chùa của họ thiết lập nhiều hơn thế nữa.

Kể về mặt kiến trúc, chùa Kiến-An-Cung rất qui mô to tát, uy-nghi lộng lẫy, tọa lạc ngay trung-tâm thành phố Sa-Đéc, day mặt ra bờ rạch Cái-Sơn. Hàng rào kiên cố bao bọc sân chùa. Cửa ngõ khang trang, sân tráng xi-măng rộng lớn, làm tăng nét hùng vĩ của ngôi tam-bảo.

1) SỰ TÍCH XÂY DỰNG NGÔI CHÙA

Bang Phước-Kiến tỉnh Sa-Đéc gồm các vị trong ban trị sự họp lại để lo trù liệu xây cất ngôi chùa Kiến-An-Cung, trong đó có ông Huỳnh-Thuận góp vào việc kiến tạo ngôi chùa, công cán rất dày. Ông đứng trung gian liên kết đồng bào Huê-kiều và Việt-Nam có lòng tín ngưỡng đến ông Quách, chung đậu tiền bạc giúp cho Hội có phương tiện xây cất. Nhờ lòng sốt sắng lạc quyên của mọi giới Hoa, Việt, nguyện vọng đạt thành. Trước khi khởi công, một đêm ông giáng cơ, khuyên bảo hãy cho người sang tỉnh Phước-Kiến, rước thợ về hiệp nhau kiến tạo mới nên. Vâng theo tôn ý, ban trị sự phái người làm y theo lời.

Rước được thợ xong, ông Huỳnh-Thuận đứng ra đôn đốc hưng công xây cất vào năm Giáp-Tý, qua năm Đinh-Mão

làm lễ khánh thành rất trọng thể. Tính đến nay đã được nửa thế kỷ.

Nay ông Huỳnh-Thuận đã ra người thiên cổ, người thừa kế ông là ông Huỳnh-Thủy-Lê, con ông, một người có Tây học, nhưng vẫn giữ nguồn gốc tổ tiên, vững đức tin nơi Trời Phật.

Đối với ông Huỳnh-Thủy-Lê, đồng bào ở Sa-Đéc quen gọi ông là ông Hội-đồng-Lê, cựu nghị viên canh nông, nhiều người có cảm tình với cách xử thế của ông, như thân phụ ông khi xưa, ông có lòng hào hiệp, phong độ nho-nhã, nhân-đức hay giúp đỡ người đời.

Chúng tôi đã thân đến viếng Chùa, quan chiêm khắp nơi, thầm khen phong quan tốt đẹp. Chùa cao hai nóc. Hai bên lối vô cửa chánh có hai con kỳ-lân bằng đá xanh to lớn. Bên tả bên hữu có hai ông thần đứng giữ trước chùa. Vào trong thì gặp một sân lộ thiên nhỏ để dành chỗ cúng tế theo cổ tục. Những cột lớn trong chánh điện chạm trổ tinh vi, vàng son lộng-lẫy, liễn chấn rực-rỡ.

2) THẦN LINH TÂN-PHÚ-ĐÔNG GIÁNG CƠ CHO BIỂN LIỄN

Nhìn lên chánh điện, chúng tôi thấy tấm biển chạm bốn chữ « *Phú bảo an đông* », hai bên cột có đôi liễn : « *Đông thôn chúc thánh : đức thành cung hách trạc thanh trùng tu ; phú mỹ tạ thần ân, khánh hạ nguy nga hưng miếu tự* ».

Theo lời ông từ giữ chùa kể lại, khi dựng chùa xong, hương chức làng Tân-Phú-Đông có nhã ý tặng cho chùa một

vật xứng đáng, một bộ bao-lam hai mặt biển liễn sơn son thiếp vàng để lưu niệm.

Quý vị hương chức có họp nhau tại chùa để cầu cơ xin chữ. Ông thần sở tại Tân-Phú-Đông giáng cơ, dạy hương chức làng khắc mấy chữ trong biển liễn nêu trên, cúng cho chùa.

Ở đời lòng thành ắt có cảm ứng. Đấng vô hình ngự trị khắp nơi, thưởng phạt công minh. Tắm biển và đôi liễn trên đây, do thần giáng cơ, chứng minh cho người đời biết có Thần có Thánh, có Tiên có Phật, ai tin sẽ thấy.

3) CÁCH THỜ PHỤNG

Chính giữa thờ ông Quảng Trạch Tôn-Vương (gọi là ông Quách), mặt đỏ hồng, chân gát lên, tay nâng đai ngọc. Hai bên có hai vị cầm ấn kiếm, tướng diện oai phong凛-lệ, người không chánh tâm bước vô thấy phải sợ. Phía trước trần thiết trang nghiêm, mé ngoài thờ bàn Hội-Đồng, Huyền-Thiên-Thượng-Đế, và ông quan Thánh Đế Quân, có sắp hai hàng lổ bộ sáng ngời. Cạnh bên có tây lan và đông lan để làm chỗ tiếp tân khi cúng kiến.

Trong ngoài thật khéo sắp đặt, sắc sảo, tôn nghiêm. Để trang trí cho thêm vẻ mỹ quan, nhất là cho có ý-nghĩa một ngôi thiền viện, khuyên người lánh dữ làm lành, hai bên vách tường tô điểm những hình thập điện phong thần, nhiều truyện tích xưa ý vị thâm trầm. Các bức tranh, họa theo lối thủy mặc, nét họa uyển chuyển sắc bén trông thật linh động.

Theo lời ông từ, ngôi chùa do thợ Trung-Hoa phối hợp với nhân công người Việt chung sức xây dựng. Phần trang trí cũng do thợ khéo rước từ bên Trung-Quốc sang đảm nhận. Nét họa đến ngày nay đã 50 năm vẫn không phai mờ. Thật là cả một công trình nghệ thuật.

4) VỀ SỰ CÚNG TẾ

Hằng năm chùa có hai lễ tế : Ngày 22 tháng 2 âm lịch là ngày sinh của ông. Ngày 22 tháng 8 âm lịch là ngày ông thành đạo, chùa có thiết lễ cúng tế, có lễ sanh dâng hương hoa trà quả, v.v...

Mỗi 3 năm có thiết lập trai đàn, cúng cầu siêu cho bá tánh quá vãng và cầu cho Quốc thái Dân an. Chùa có thỉnh chư vị Đại đức Tăng ni Hoa Việt đồng thành tâm cúng tế. Ông bà Huỳnh-Thủy-Lê, tự tay mua sắm và thuê may áo mào : Tì lư, hiệp chưởng cà sa. Y hồng bá nạp hia tất đủ bộ, cất giữ tinh khiết để dành riêng cho quý vị Hòa thượng và kinh sư đều mặc cúng lễ trong đàn chay. Các y phục học trò lễ : mào, áo cúng, hia, tất đủ màu sắc rực rỡ đặt biệt là có các nữ lễ sanh dâng lễ, tướng đi yếu điệu, bộ tịch gọn gàng, uyển chuyển, trang nghiêm...

Trầm hương nghi ngút, dân chúng đến chiêm bái trong 6 ngày lễ quan khách đến dự ra vào tấp nập.

Nhứt là giới Hoa Kiều túc trực dâng hương cúng kiến rất thành tâm.

Chẳng những dâng lễ cúng tế người khuất mặt, sau đàn chay có ra giàn thí thực, trên giàn cao có chư thiện tín đem dâng cúng nhiều cỗ bánh, trái cây thực phẩm trưng bày rất

đẹp, sau khi cúng xong thì hiến dâng bá tánh. Ban trị sự cũng lo về mặt cứu tế xã hội, có tặng gạo cho những người nghèo. Ấu cũng là một điều công quả đáng tán dương.

5) BAN TRỊ SỰ CHÙA KIẾN AN CUNG

Hội chùa này từ ngày ông Huỳnh-Thuận quá vãng, ông Huỳnh-Thủy-Lê nối tiếp lo gìn giữ luôn đến ngày nay. Với nhiệm vụ chánh tổng lý trong chùa. Ông Huỳnh-Thủy-Lê được công cử nhiều khóa, tích cực phục vụ, mọi người đều tín nhiệm quý mến. Tiếp xúc với ông gồm có 19 người trong ban trị sự, đông đủ các giới Hoa-Kiều bang Phước-Kiến chung lo bảo vệ ngôi chùa.

Đồng bào dân chúng Sa-Giang hết lòng tin tưởng nơi oai linh ông Quách. Nhất là gia đình ông Huỳnh-Thủy-Lê hoàn toàn đặt lòng tin tưởng vào đấng thiêng-liêng hộ trì tế độ.

Chúng tôi trung thực ghi chép những điều mắt thấy tai nghe về ngôi chùa Kiến-An-Cung tức chùa Ông Quách hầu cho đầy đủ những điều sưu khảo về Sa-Đéc xưa và nay vậy.

VỊNH CHÙA ÔNG QUÁCH

*« Nền cổ kính văn minh Trung Quốc
Từ nghìn xưa lắng miếu lưu truyền
Tôn nghiêm thần thánh diệu huyền
Chuẩn thẳng qui củ mỗi giềng nho phong
Kiến-An-Cung uy-nghi xinh xắn
Trải biết bao mưa nắng phũ phàng
Vẫn tươi đậm nét son vàng
Để tô điểm đẹp thị thành Sa-Giang
Là người trí, kính thần trọng thánh*

*Cầu giúp cho nẻo chánh mà đi
Lòng thành sẽ có thần kỳ,
Chứng minh phò hộ việc gì cũng nên
Quách Quảng-Trạch vang rền linh hiển
Cứu độ đời nhiều chuyện huyền vi
Kính vâng ngài ít vần thi
Để làm kỷ niệm chứng tri lòng thành ».*
(Huỳnh-Minh)

IV. CHÙA BÀ

Ngôi chùa Bà có trên 100 năm qua, tọa lạc tại Châu-Thành Sa-Đéc, gần chùa Ông Quách. Chùa này do hội Phước-Kiến sáng lập.

Bên trong thờ bà Thiên-Hậu Ngươn-Quân, sắc phong đời nhà Hán ở Trung-Hoa là Thiên-Hậu Thánh-Mẫu hộ quốc tế dân. Vì bà có công cứu độ những người đi ghe thuyền ngoài biển bị sóng gió đánh chìm. Tưởng niệm đến danh hiệu bà thì được bà hộ trì tai qua nạn khỏi. Vì thế, người Trung-Hoa rất tôn sùng Bà như vị cứu tinh của họ. Khi đến Việt-Nam sanh cơ lập nghiệp, họ chung đậu tiền của để xây dựng ngôi chùa thờ Bà.

Ở Saigon, Chợ-Lớn và các tỉnh trong Nam, tỉnh nào cũng có ngôi chùa Bà. Đặc biệt là ngôi chùa Bà ở Sa-Đéc ngày nay, các vật thờ trong chùa rất xưa và quý giá, trên một thế-kỷ nay vẫn còn nguyên vẹn. Mặc dầu trải qua bao cơn khói lửa tang thương, nhưng ngôi chùa được bình yên, không hề xảy ra điều gì cả.

Mỗi năm Ban Trị sự hội có làm lễ cúng 2 lần vào ngày 23 tháng 3 và mùng 9 tháng 9 âm lịch. Lễ cúng heo, gà, vịt.

Ngôi chùa trên đây là trung tâm tín ngưỡng của giới Huê-Kiêu thường lui tới xin xăm, lễ bái, hết lòng trọng vọng, coi Bà là một vị thần hộ mạng.

V. CHÙA HƯƠNG

Chùa Hương là một ngôi chùa cổ kính, khang trang, lộng lẫy, thờ phượng rất uy nghi, tọa lạc tại Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay. Chùa này trước tiên do hội Minh-Hương ở Sa-Đéc đứng ra sáng lập trên một thế kỷ.

Chùa thờ Quan-Thánh-Đế-Quân. Trước đây, chùa ở vào khu đất đường Trưng Nữ-Vương (hiện nay là cư xá công chức), đến năm 1872, ngôi chùa được dời lại đường Nguyễn-Tri-Phương.

Thời gian sau, ngôi chùa này được đồng bào Hoa-Việt trùng tu lại đầy đủ tiện nghi hơn để thờ Phật, vẫn để hiệu cũ Chùa Minh-Hương.

Ngày vía, rằm lớn, ngày Tết Nguyên-Đán được đông đảo dân chúng đến dâng hương lễ bái, sùng kính Phật Trời.

Đây là một di tích của người Minh-Hương đến Sa-Đéc sanh cơ lập nghiệp, dựng ngôi chùa này, nay còn gốc hai chữ chùa Hương.

VI. ĐÌNH THẦN TÂN-PHÚ-TRUNG

Khắp nẻo đường đất nước, ngôi tam bảo và đình thần đâu đâu cũng có, nói lên sắc thái tín ngưỡng của dân Việt.

Tại Sa-Đéc, ngôi đình đáng kể là Đình thần Tân-Phú-Trung. Ngôi đình này xây dựng đã trên một thế kỷ, thờ vị thần Quảng chánh trực, sắc chỉ do Vua Tự-Đức phong tặng. Phía trước thờ Quan-Thánh-Đế-Quân.

Đình thần Tân-Phú-Trung tọa lạc trên khu đất rộng. Cảnh vật thanh u huyền diệu. Đối diện ngôi đình là con rạch Cần-Thơ giăng trước mặt, xuôi dòng từ sông Sa-Đéc rẽ qua bên nước Bình-Tiên, xuyên qua ngọn Trại-Quán, đến chợ Tân-Phú-Trung. Hai bên nhà cửa ruộng vườn giăng-giăng, dân cư đông đảo. Ở vùng này, phần đông là tín đồ Phật giáo Hòa-Hảo.

Tại chợ Bình-Tiên có dựng lên một Đốc-Giăng-đường, trên thờ Đức thầy Huỳnh giáo-chủ và trụ-sở Phật-giáo Hòa-Hảo. Về đời sống đồng bào ở đây, nhà nào cũng khá giả.

Ngay địa điểm ngôi đình, từ rạch Cần-Thơ lại ; phân nhánh qua các ngã : Cai-Trượng, Kinh Mương-Khai, thẳng qua Cần-Thơ, Bà Gọ và xuôi kinh Đốc-Phủ-Hiền, Sa-Đéc.

Đến viếng ngôi đình Tân-Phú-Trung cổ kính, chúng tôi chiêm ngưỡng với tất cả lòng thành. Đình thật nguy nga lộng lẫy. Trước sân nền tráng xi-măng rộng rãi, có hàng rào xinh đẹp. Ngắm nhìn chung quanh có những bồn cỏ hoa sắc sỡ, những cây dương cổ thụ soi tàn ngả ngọn rất nên thơ. Chim chóc bay về lú-lo trên cành, gợi nên cảnh cũ người xưa. Mặc dầu đất nước trải qua trên 20 năm tang-tóc, nhưng ngôi đình vẫn được nguyên vẹn là việc ít có.

Theo các bô lão địa phương kể lại, ngôi đình này đã tu bổ nhiều lượt và cũng trải qua nhiều vị góp công chấn

chính, phục vụ, nay kẻ còn người mất. Năm 1941, đình trùng-tu lại một cách khang trang, vẫn cất theo lối cổ, bên trong trang trí rực rỡ. Đồng bào quanh vùng hết lòng sùng kính.

SỰ LINH HIỂN CỦA LINH THẦN : Năm 1945 đến 1948, đất nước nhuộm màu tang thương khói lửa, lúc bấy giờ có một số người kéo đến định thiêu hủy ngôi đình này. Nhưng mấy lần toan đốt đều không cháy, kết cuộc khiến họ bỏ qua ý định xúc phạm đấng thiêng-liêng. Âu cũng có bàn tay vô hình dập tắt lửa vô tri, che chở cho ngôi đình nguyên vẹn. Phải chăng nhờ sự hiển linh của thần nhân hộ trì, khiến cho dân chúng trong lòng càng thêm tin tưởng, nên đâu đó đều được bình yên, hăng khói hương để tạ linh thần. Hiện nay, nói đến Đình thần Tân-Phú-Trung, đồng bào Sa-Đéc đều công nhận khá linh thiêng. Từ đó đến nay, hương chức làng vẫn liên tục phụng thờ một cách chu đáo.

Hằng năm có hai lần xuân, thu quý tế. Ba năm đáo lệ một kỳ, có bày cuộc hát dâng hiến linh thần thưởng thức. Bá tánh tham dự đông đảo. Toàn tỉnh Sa-Đéc cũng còn nhiều ngôi đình xưa có tiếng như :

- Đình Tân-Dương
- Đình Cái-Tàu-Hạ
- Đình Đất-Sét
- Đình Long-Hưng
- Đình Tân-Qui-Đông
- Đình Vĩnh-Phước
- Đình Long-Hậu
- Đình Tân-Hưng

- Đình Tân-Phú-Đông

Đó là những ngôi đình đã trải bao tuế nguyệt phong sương, từ 100 năm đến 200 năm. Vì thời cuộc, có ngôi bị hư hại không còn nguyên vẹn như thuở nào.

Chúng tôi nhắc lại với linh-thần tồn cổ, nhớ đến công nghiệp người xưa có công ân với nước nên mới được phong thần, anh linh bảo vệ dân chúng.

VII. ĐẤT LÀNH PHẬT NGỰ

1) VIÊN NGỌC XÁ LỢI VÀ BỐN CHỖ ĐẤT THIÊNG XỨ PHẬT, THỜ HAI NƠI, TẠI TỈNH HỘI PHẬT HỌC SA-ĐÉC VÀ PHƯỚC THẠNH TỰ

Đất Sa-Đéc có duyên lành với Phật-pháp rất nhiều. Ở đây đa số đồng bào hướng ngưỡng về sự thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ Trời kính Phật.

Từ lâu, đồng bào Phật-tử Sa-Đéc mong ước có ngọc xá-lợi đem về an vị tại tỉnh nhà là điều vinh hạnh hơn bao giờ hết. Lòng thành thấu đến Phật Trời. Nhân duyên đưa đến, viên ngọc xá-lợi và bốn nơi đất thiêng liêng ở xứ Phật về được Sa-Đéc ngày nay. Đầu tiên do lòng thành của gia đình ông bà Huỳnh-Thủy-Lê, một Phật-tử ưu tú, thường đến hộ-pháp cho Đại-đức Narada ở Saigon lúc trước, khế lời cầu xin thỉnh ngọc xá-lợi đem về cho Tỉnh-hội Phật-học Sa-Đéc phụng thờ. Duyên lành đã đến, được Đức Narada thuận ý, từ bên Tích-Lan mang qua Việt-Nam để tặng cho Tỉnh-hội Sa-Đéc ngày 21-8-1970. Ấy là một ngày lịch sử cung nghinh ngọc xá-lợi về Sa-Đéc.

Đại-đức Narada ngồi chung xe với Thượng tọa Bửu-Lai, bưng một mâm có một tháp vàng đựng ngọc xá-lợi và bốn bình đất thiêng. Hiệp cung đoàn xe của Phật-học Trung ương cung nghinh xá lợi về chùa Tỉnh hội. Quý vị Trung-ương Tỉnh-hội gồm có cụ Chánh trí Mai-Thọ-Truyền, Hội trưởng Hội Phật học Trung-ương : ông Hồ-Đắc-Thăng và nhiều hội viên của hội tháp tùng.

Xe chạy từ từ về Sa-Đéc. Qua khỏi cầu Nhà-Thờ có những khải hoàn môn dựng lên, treo cờ Phật giáo rực-rỡ. Ngày ấy cũng trùng với ngày làm lễ Đức-thầy Huỳnh giáo-chủ, nên mới được đông đảo và trọng thể cho cuộc cung nghinh xá-lợi.

Vô tới Châu-Thành, những nhà có đạo Phật đều lập bàn hương án trước nhà, đèn nhang rực tỏa, hoa quả trưng bày để tiếp nghinh xá-lợi. Xe đi nhiều vòng trong Châu-Thành để cho bá tánh chiêm ngưỡng. Rồi đoàn xe từ từ lăn bánh về chùa. Quang cảnh nơi chùa, cờ xí tung bay phất phới, nhạc trời liên hồi. Các tăng ni đắp y vàng, các vị chức sắc Cao-Đài giáo, Phật giáo, Hòa-Hảo, Khất sĩ và Tịnh độ cư sĩ. Phật tử áo màu lam chấp tay đứng hai hàng trên đường vô cổng chùa để cung nghinh.

Hiện diện trong buổi lễ có Đại-tá Tỉnh-trưởng, các vị Trưởng ty sở, thân hào nhân sĩ tỉnh nhà dự đông đảo. Ông Chánh hội Trưởng Tỉnh-hội Bùi-Văn-Nhu, ông bà Dực-sư Nguyễn-Viết-Ngươn và quý ông trong ban Trị-sự lo tổ chức cuộc lễ này rất tiêm tất. Ông Chánh-trí Mai-Thọ-Truyền Hội trưởng Hội Phật Học Trung ương có đọc diễn văn nói về ý nghĩa ngọc xá-lợi.

An vị ngọc xá-lợi xong, tối lại có thời thuyết pháp do Đại đức Narada thuyết giảng. Ông Hồ-Đắc-Thăng thông dịch, sau thời thuyết kinh, cuộc lễ viên mãn, đồng bào Phật-tử rất hân hoan.

Nhớ lại thời trước đây, vào năm 1964 tại Chùa Phước-Thạnh của Thượng-tọa Từ-Nhơn có lần cung nghinh bốn chỗ đất thiêng về chùa cũng rất trọng thể. Bốn chỗ đất thiêng ấy là :

- Đất nơi Đức Phật Giáng sinh, lấy tại vườn Lâm-tì-ni.
- Đất nơi Đức Phật thành đạo, lấy tại gốc Bồ-đề nơi Bồ Đề đạo tràng.
- Đất nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, lấy tại vườn Lộc-uyển.
- Đất nơi Phật nhập Niết-Bàn, lấy tại rừng Tala song-thọ.

Quả thật Sa-Đéc hữu duyên với Phật-pháp nên thỉnh được xá-lợi và hai lần thỉnh đất thiêng về hai nơi tôn thờ, để nói lên đất lành có Phật ngự, ít có nơi nào được diễm phúc như vậy.

2) SA-ĐÉC VỚI PHẬT GIÁO HÒA HẢO VÀ ÔNG THANH SĨ

Lúc Đức Huỳnh giáo chủ khai sáng nền đạo ở miền tây, Đức Thầy có duyên lành với tỉnh Sa-Đéc. Ngài đã từng xuống đây thuyết đạo và độ biết bao nhà trí thức tu hành. Hầu hết ở tỉnh Sa-Đéc đều là tín đồ sùng đạo của Đức Thầy. Nhà nhà trước có bàn thông thiên. Ở các xã ngày nay có dựng độc giảng đường để thờ chân dung Đức Thầy, và Sấm

giảng được ban giáo lý Tỉnh-hội phổ biến luôn, để giác ngộ người đời tích cực tu hành, trau dồi đạo hạnh để đi tới thượng ngươn thánh đức.

Giáo lý của Đức Thầy vẫn được truyền bá mạnh mẽ cho đến ngày nay. Lại khi Đức Thầy vắng mặt trong ít lâu, có vị cao đệ của Đức Thầy là ông Trần-Duy-Nhứt, đạo hiệu Thanh-Sĩ người thông minh đỉnh ngộ, thi văn lưu loát, xuất khẩu thành thi. Ông người quán tại Nha-Mân. Ông đã viết nhiều quyển Sấm giảng :

*« Rằm tháng mười
Vạn niên huynh đệ.
Tiếng nói trong hoa sen.
Đâu là Phạm Thánh.
Lời vàng trong mộng
Con đường giải thoát.
Là Phật tử.
Mẹ dạy con ».*
V.V...

Quyển *Hiển đạo* tập trung các bài giảng ông đã viết. Hiện nay, ông Thành-Sĩ đang ở bên Nhật, làm giảng sư tại đây. Ông lại có soạn bộ tự điển Việt-Nhật. Ông được chánh giới ngoại quốc chú ý sự thiên tư của ông. Còn trong nước, giới tu hành ở miền Nam lắm người nghe danh biết tiếng ông. Nhưng ông là người rất khiêm tốn, âm thầm làm việc không phô trương.

Đất nước Việt-Nam thật ra lắm nhân tài lỗi lạc nói chung, tỉnh Sa-Đéc nói riêng, có được ông Thanh-Sĩ làm

Giảng sư dạy người Nhật học là điều hiếm có. Đã vậy, về mặt đạo lý của ông, đáng được cho người đời mến phục qua những lời lẽ cao siêu mô tả trong các sấm giảng ông đã viết in trong nước.

CHƯƠNG 3 : TỔNG KẾT VỀ ĐẠO GIÁO

Sa-Đéc thật ra lắm chùa xưa miếu cũ, và cũng là nơi nền đạo xây đắp vững vàng, thanh hành người mộ đạo, xuất phát lắm bậc Đại đức Chân tu, và tăng ni ở trên con số cao nhất miền Nam.

Ngày xưa, mỗi khi chỗ nào làm trường hương, trường kỳ, làm chay, đều đến Sa-Đéc rước các vị danh tăng đại-đức chứng minh và giảng kinh, để tăng thêm phần long trọng.

Chúng tôi được biết, một số sư cụ tiền bối quá vãng ở các chùa Sa-Đéc, dù đã viên tịch mà tên tuổi hằng còn được đời ghi nhớ :

- Sư cụ Vạn-An ở Cái-Xếp
- Sư cụ Bửu-Chung ở Nha-Mân
- Sư cụ Giác-Tôn (bây giờ là chùa ni)
- Sư cụ Phước-Thạnh ở Tân-Vĩnh-Hòa
- Sư cụ Kim-Huê (Tổ đình)
- Sư cụ Thái-Ba (Cái-Tàu)

Các vị pháp sư, đạo sư nổi tiếng ở miền Nam đã đi qua, còn lớp người hiện tại đã nối tiếp các Ngài trên con đường hoằng dương Phật-pháp.

Riêng về các sư nữ ở Sa-Đéc cũng nhiều hơn đâu hết một tỉnh mà đa số chùa ni.

Chúng tôi xin ghi chép dưới đây để hiến quý bạn đọc hiểu qua nền đạo pháp ở tỉnh này rất thanh hành.

CÁC NGÔI CHÙA SƯ NỮ

1. Chùa Phước-Huệ
2. Chùa Hải-Huệ
3. Chùa Từ-Quang
4. Chùa Long-An
5. Chùa Tây-Hưng
6. Chùa Từ-Nguyên
7. Chùa Thanh-Lương
8. Chùa Thanh-Thuyễn.
9. Chùa Long-Đức
10. Chùa Bửu-An
11. Chùa Giác-Tôn
12. Chùa Bửu-Dương
13. Chùa Phước-Long
14. Chùa Giác-Hòa
15. Chùa Quảng-Phước, v.v... tất cả 20 ngôi chùa ni.

Và đây là những con số nói lên hiện tình đạo giáo tại Sa-Đéc :

Tông giáo	Số tín đồ	Tỷ lệ	Trụ sở
Phật-giáo	77.619	29,10	101 ngôi chùa
Tin-lành	1.145	0,40	2 nhà giảng
Công-giáo	8.668	3,30	13 thánh đường
Cao-đài	15.910	6,10	15 thánh thất
Hòa-hảo	105.910	40,55	57 ngôi Chùa.

PHẦN THỨ NĂM : HUYỀN-THOẠI VÀ GIAI-THOẠI

CHƯƠNG 1 : HUYỀN-THOẠI

I. KHÚC SÔNG CÁI BÈ : CẶP LÂN ĐÁ DẬY SÓNG THẦN

Trước các ngôi làng, mộ của các bậc vị đại-thần, thông thường đều có tạc hình tứ linh, long, lân, qui, phụng. Sa-Đéc khét tiếng với làng miếu hai vị công thần nhà Nguyễn là Tổng-Phước-Hòa và Nguyễn-Văn-Nhơn. Miếu Tổng Quốc công Phước-Hòa vinh diệu bao nhiêu, thì làng miếu cụ Nguyễn-Văn-Nhơn cũng lộng lẫy vinh dự bấy nhiêu.

Ở phần di tích và phần danh nhân, chúng tôi đã nói đến nhiều về hai cụ Tổng-Phước-Hòa và Nguyễn-Văn-Nhơn đối với Sa-Đéc. Nay trong phạm vi huyền thoại, chúng tôi xin nói đến một chuyện lạ về làng miếu Quan lớn Sen tức là làng cụ Quận công Nguyễn-Văn-Nhơn.

Tương truyền : Ngày trước, nơi làng cụ Quận công Nguyễn-Văn-Nhơn có tạc một cặp lân bằng đá xanh dáng vóc hùng vĩ, oai vệ, chễm chệ tọa trấn ở hai bên làng làm tăng sắc thái tôn nghiêm. Khách thập phương đến chiêm bái làng cụ Quận-công thấy đều khép nép trước quang cảnh nhuộm đầy màu sắc thần thánh oai hùng linh thiêng ấy.

Con sông gần đấy, ngày tháng êm trôi. Nhưng bỗng một ngày kia, người ta phát giác một sự lạ : thỉnh-thoảng sóng nước vỗ bờ, chao động như vờn múa trước cặp lân bằng đá xanh kia. Dần dần sóng đánh lở bờ. Rồi một đêm mưa to gió lớn, nghe sóng nước vỗ mạnh vào bờ hơn lúc nào hết. Sáng ngày kiểm điểm lại, cặp lân bằng đá xanh đã biến mất tự bao giờ. Thì ra, có lẽ sóng nước đã cuốn lôi cặp lân xuống

giữa dòng khơi. Cho nên không bao lâu, con sông cũng xảy ra biến động dị thường. Thịnh-thoảng trên sông xuất hiện cặp sóng thần ồ-ạt lượn tới lượn lui ngay chỗ trước nền lăng cũ. Các đoàn ghe thương hồ qua lại, cũng như đồng bào địa phương chứng kiến cảnh ấy, không ai bảo ai, đều có chung cảm tưởng đó là khí thiêng nơi lăng của cụ Quận-công còn bàng bạc, mà cặp lân bằng đá xanh kia đã chìm sâu đáy nước độ nào, hiển lộng thần oai đấy chẳng ?

Lăng cụ Quận-công sau đó đã dời đến hiện nay, mà di tích cũ, cặp lân bằng đá xanh mất tích sinh điều quái dị, vẫn còn truyền tụng. Các vị bô lão gợi lại chuyện xưa tích cũ trong các địa phương Sa-Đéc, không quên nhắc cho chúng tôi nghe về huyền thoại cặp lân trước lăng cụ Quận-công này.

Thiết tưởng, sinh thời cụ Quận-công Nguyễn-Văn-Nhơn hào hùng khí phách, khi sống trải mật phời gan phò vua vực nước, lúc lìa trần hản « sinh vi tướng, tử vi thần ». Thần oai cụ sẵn có, hiển nhiên linh khí tụ vào nơi di tích còn truyền, tạo cho chung quanh có sắc thái thần kỳ, âu cũng là thường.

Cố nhiên câu chuyện cặp lân bằng đá xanh biến hóa cặp sóng thần cũng có đôi điều thêu dệt, nhưng tựu chung chỉ vì lòng người tôn sùng cụ Quận-công nên mới thần thánh hóa luôn những đồ vật dành để phụng thờ Ngài.

Thế thì huyền thoại cặp lân bằng đá xanh dậy ngọn sóng thần, liên quan ít nhiều đến trạng thái nhân dân tỏ lòng ngưỡng mộ oai linh cụ Quận-công vậy.

II. CÔ HAI HIÊN Ở NHA-MÂN CHẾT BA NGÀY LINH THIÊNG HIỂN HÁCH LÀM CHẤN ĐỘNG KHẮP MIỀN HẬU-GIANG

Đồng bào Sa-Đéc, nhất là những bậc cao niên, đều nghe nhắc đến cô Hai Nha-Mân thời trước.

Chuyện cô Hai Hiên ngày xưa là một chuyện thật trăm phần trăm, người nào ở Sa-Đéc lâu đời đều biết rõ. Nhất là hiện nay tại xã Tân-Xuân, dựa theo lộ số 8 đường đi Sa-Đéc, hãy còn một ngôi chùa thờ chân dung và linh vị cô Hai Hiên là một bằng chứng cho câu chuyện xác thật chúng tôi kể dưới đây :

1) THÂN THỂ CÔ HAI HIÊN

Với óc sưu tầm, tìm hiểu những huyền thoại của từng địa phương, khi đến Sa-Đéc sưu khảo, nghe thuật chuyện cô Hai Hiên, chúng tôi sửng sốt, nửa tin nửa ngờ. Kịp khi hân hạnh tiếp xúc với các vị cao niên nhất của tỉnh Sa-Đéc còn khỏe mạnh, và một người cháu của bà là ông Ngô-Chí-Bình nay trên 60 tuổi, hiện là Giám-đốc Trường Trung-Tiểu-học « Chí-Thanh » ở đường Cống-Quỳnh, Saigon, chúng tôi chẳng khỏi bàng hoàng suy tư. Quả là một câu chuyện hết sức linh thiêng huyền bí, làm chấn động khắp cả miền Hậu-Giang thời ấy, cho đến ngày nay cũng vẫn còn gây được xúc động trong tâm khảm những ai hoài cổ.

Chúng tôi thuật ra đây, cốt ghi lại để hiến quý đọc giả hiểu qua thể giới vô hình của người chết chưa tới số, hồn thiêng còn phưởng phất ở đời cây ngọn cỏ, khi ẩn khi hiện lẫn lộn với người sống mà mắt phàm đâu dễ nhận biết gì...

Câu chuyện xảy ra tại chợ Nha-Mân ngày xưa, cách nay gần 100 năm. Cô Phạm-Thị-Hiên, thứ hai tên tục gọi cô Hai Hiên, sinh quán tại chợ Nha-Mân, làng Phú-Nhuận, tỉnh Sa-Đéc, con ông Phạm-Văn-Cần. Ông Cần là người có uy tín trong vùng, nên được dân chúng trọng vọng, công cử ông làm Hương Cả. Vợ chồng ông hiếm hoi, chỉ sinh được cô là gái duy nhứt nên rất trù mến tăng tiu.

Là con nhà giàu, lại là con một, như ai thì hẳn là cậy được cha mẹ thương yêu mà làm chảnh, kiêu hãnh, ở ăn khắc bạc với đời. Nhưng cô Hai Hiên thì hoàn toàn thùy-mị, nhân từ. Sự hiền hậu thuận hòa của cô, khiến xa gần đều cảm mến. Ai ngờ con người phúc hậu như thế mà mệnh bạc...

2) CÁI CHẾT CỦA CÔ HAI HIÊN

Thuở ấy, tại Nha-Mân có con rạch xuyên qua lộ số 8, chưa có bắc cầu như ngày nay. Muốn qua bên kia thì phải đi đò. Năm 18 tuổi, cô Hai Hiên nức danh tài sắc. Biết bao nơi sang cả găm ghé cầu duyên. Nhưng lòng cô trinh trắng, một mảy chưa nhuộm bụi trần.

Hằng ngày cô ra ngồi chơi dưới mé rạch. Lòng xuân phơi phới, gió mây gờn gợn thoảng đưa, cô mơ màng trầm lặng, hình dung xinh đẹp hiền hòa, mường tượng như tiên nữ giáng trần. Giữa lúc cô đang miên-man trong giấc mộng xuân, xảy nghe bên kia sông có tiếng gọi đò. Cô chợt tỉnh giấc mơ hoa, nhìn sang bờ bên kia, thấy một bà lão đang lên tiếng gọi. Nhìn lại con đò, buộc nơi mé rạch, mà chẳng có bóng người chèo. Có lẽ người đưa đò đã bỏ đầu đó. Xem

ra bà lão có vẻ hối-hả, gấp rút. Động mỗi từ tâm, cô chẳng quản ngại gì, xuống đò quay chèo để rước giùm khách. Chẳng may, ra tới giữa lòng rạch, bị nước chảy siết mạnh, cô lính quỳnh sút tay chèo, té nhào dưới rạch chết đuối. Khách tri hô lên, trong nhà, thân phụ cô tức tốc chạy ra, nghe chuyện mà tay chân rụng rời, mắt đổ hào quang. Thân mẫu cô than khóc ngất. Bên bờ rạch có ngôi miếu nhỏ thờ thổ-thần, đau xót gần như cuồng tâm loạn trí, thân phụ cô đạp đổ ngôi miếu xuống rạch, dẫm ngực kêu trời. Khi vớt cô lên, mình mẩy còn dịu nhiều hơi ấm. Gia đình không dằn được cơn xúc động, càng khóc gào thảm thiết, trách trời phạt sao chẳng chở che cho con tôi, để phải chết một cách tức tưởi như thế. Khóc kể một hồi, dòm lên thấy bức tượng Quan-Thánh Đế-Quân thờ giữa nhà, ông cả, thân phụ cô nói không còn kiêng nể gì nữa, như người đã mất hết tinh-thần lý trí, vì cõi lòng quá đau thương chết lịm !

- Con tôi chết thì không thờ ông nữa !

Dứt lời, ông lột tấm tượng xuống đắp trên mình cô, rồi tẩn liệm luôn trong quan tài.

Ai nấy đều kinh hãi cho sự xúc phạm nặng nề đến thần thánh, nhưng không ai dám can gián gì, giữa lúc ông cả đang như người mất hồn. Và trong thâm tâm ai cũng băn khoăn lo ngại một việc gì sẽ xảy ra.

3) CHÔN BA NGÀY HIÊN LỘNG THẦN THÔNG TỪ ĐÓ ĐẾN SAU

Lúc bấy giờ, mọi người đi dự đám táng cô Hai Hiên về, vẫn thắc thỏm lo âu, chờ đợi sự phản ứng của người khuất

mặt đối với gia đình ông Cả ra sao ? lành hay dữ ?

Ba hôm sau đám táng cô Hai Hiên, điều quái dị bắt đầu hiển hiện : Người ta thấy Cô hiên ra ngồi trên chiếc xe ngựa¹⁸ từ hướng Sa-Đéc về tới nhà bước xuống, cô bảo người đánh xe : « *Anh vào nói với ông thân tôi trả tiền cho. Tôi vô sau* ».

Anh đánh xe nào hay biết cô là người chết hiện hồn về, anh nhanh nhẹn vào thưa cùng ông Cả tự sự.

Ông cả giận dữ quát mắng : « *Anh ở đâu mà chẳng biết con gái tôi chết chôn đã ba ngày rày, còn đâu nữa mà ngồi xe anh để anh đòi tiền chớ ? Bộ anh muốn đùa cợt với tôi sao ? Đi ra mau, tôi đập chết bây giờ* ».

Anh đánh xe ngơ ngác hết hồn, trở ra xem sao. Đồng thời, ông Cả thấy lạ cũng sinh nghi, bước ra cửa coi thử. Lạ thay ! Ông Cả thì không thấy gì hết. Anh đánh xe thì vẫn thấy rõ ràng cô gái Nha-Mân còn đứng chống tay trên vành xe.

Đã nghe ông Cả cho biết con ông đã chết, anh đánh xe tuy sợ, nhưng làm tỉnh bước tới bảo cô : « *Ông Cả nói con ổng đã chết rồi, tôi làm sao đây ? Cô là ai ? Cô đi xe tôi thì hãy trả tiền, để tôi còn đi kiếm mồi* ».

Cô Hai Hiên nghiêm trang : « *Anh trở vô nói với ông thân tôi, muốn biết tôi còn hay mất, hãy đốt ba cây hương trên bàn thờ, tôi bóp tắt ngay cho mà tin, tôi hãy còn đây và phải trả tiền cho anh* ».

Anh đánh xe cực chẳng đã trở vô thuật như lời. Ông Cả càng nghi ngờ hơn nữa, đốt thử ba cây nhang cắm trên bàn thờ để xem động tịnh thế nào. Thật khủng khiếp ! Ba cây nhang đang cháy đỏ, bỗng tắt một lượt. Ông Cả tái mặt. Anh đánh xe cũng phát run. Tin như lời, ông Cả bằng lòng trả tiền. Anh đánh xe trở ra thì cô gái Nha-Mân đã mất dạng từ bao giờ, khiến anh sợ hãi toát mồ hôi, quất ngựa chạy một mạch không dám ngoái lại.

Kể từ đó cô Hai Hiên thỉnh thoảng hiện hình đi đó đi đây, ai ai cũng thấy và đâm hoảng. Người nào không biết mà chọc ghẹo, Cô vật chết tức khắc.

Có lần Cô qua ngã ba Vĩnh-Long, Cần-Thơ đi thơ thẩn một mình. Một tên lính mã tà buông lời trêu ghẹo, cô bỗng biến mất. Người lính về nhà thì nằm mê sảng, đôi mắt đỏ ngầu, miệng lẩm bẩm : « *Tôi lỡ lắm, xin cô Hai xá tội, xin cô Hai tha cho tôi một phen* ».

Ai nấy đều hiểu ra cô Hai Hiên trừng phạt kẻ háo sắc, bèn chỉ vẽ cho vợ con người lính may một bộ đồ mới không sờ tay đem đến nhà ông Cả nhờ xin tội cho.

Vợ con người lính vâng theo, ông Cả chấp lễ vật, đem vào phòng của cô Hai Hiên ngày trước mà nói như hồi Cô còn sống : « *Thôi con, người ta lỡ lắm, xúc phạm, con nên dung thứ cho người* ». Lời van xin vừa dứt, nghe trong phòng có tiếng cười trong trẻo. Ai nấy đều rớt óc.

4) TIẾNG ĐỒN KHẮP CẢ LỤC TỈNH

Cô Hai Hiên chết bất đắc kỳ tử, phần còn trinh bạch, hai nửa tấn liệm có tượng Quan-Thánh nhắm giờ thiêng nên có

sự hiển linh.

Thường ngày, người nhà đều thấy Cô hiện hình đi từ nhà trên vô buồng, rồi ra sau vườn như thuở còn sinh tiền. Lối xóm chung quanh ai ai cũng thấy sự việc xảy ra rất đổi thần kỳ huyền diệu.

Các thanh niên thời ấy nghe nói đến cô Hai-Hiên đều sợ trời chết. Những chàng trai trẻ ở xa không biết nên chọc ghẹo cô, bị Cô sát hại không tha.

5) CÔ HAI QUÁ GIANG GHE BẦU RA HUẾ

Cô Hai Hiên lại thường hiển lộ đi đây đi đó, thử người này tới người kia khắp chỗ.

Một hôm, có đoàn ghe bầu từ ngoài Huế vào đậu tại Nha-Mân bán quế và thúng rổ. Khi bán hết, đoàn ghe nhổ neo về xứ. Xảy có một cô gái đến hỏi xin quá giang ra Huế. Trong số đoàn ghe, chỉ có một chiếc bằng lòng cho cô gái ấy quá giang, hẹn nước ròng sẽ lui ghe. Tới giờ nhổ neo, chiếc ghe ấy chờ mãi không thấy cô đến, buộc lòng tách bến cho thuận con nước.

Đoàn ghe đi được mấy ngày trời, khi ra biển gặp sóng to gió lớn, các ghe kia đều chìm. Duy chiếc ghe mà cô gái Nha-Mân hỏi xin quá giang được nhận lời hãy còn chống trả được với sóng gió phần nào.

Giữa lúc ngửa nghiêng nguy hiểm đến nơi, bỗng thấy cô gái xuất hiện đứng trên cột buồm nói với chủ ghe : « *Các anh cứ coi theo ngón tay tôi đây mà bẻ lái vô tới bờ sẽ được bình yên* ».

Mọi người trên ghe đều run sợ. Nhìn kỹ, ai nấy đều ngạc nhiên hơn nữa, reo to : « *Ủa, cô gái Nha-Mân đây mà* ».

Đúng là cô Hai-Hiên, cô gái đã hỏi xin quá giang đoàn ghe bầu tại bến Nha-Mân bữa trước. Ghe vô tới bến được bình yên. Xem lại, cô gái trên cột buồm đã biến dạng.

Khi về tới Huế, chiếc ghe bầu ấy cất hàng lên. Ba, bốn tháng sau ghe sửa soạn vào Nam để buôn bán như trước. Lúc ấy cô Hai-Hiên lại xuất hiện lần nữa. Kỳ này cô gởi cho chủ ghe một cây quế con và một nhánh bưởi Thanh-Trà, căn dặn chủ ghe có vào Sa-Đéc, ghé Nha-Mân thì trao giùm hai cây ấy cho ông thân cô trồng trước nhà.

Người chủ ghe bầu đã biết sự linh thiêng của cô gái Nha-Mân ấy, nên vâng dạ làm y theo lời. Thân phụ cô tiếp nhận hai vật của con từ Huế gởi cho ghe bầu đem vào còng thêm sừng sốt, không dè con mình quá hiển linh, lẫn lộn ở trần gian làm nhiều việc phi thường không tưởng tượng được.

Cây quế và cây bưởi Thanh-Trà đem trồng, cành lá sum-xuê khắp vùng nghe đồn đến xem nô nức.

Năm 1946, quân-đội Pháp trở lại miền Nam, đến đóng đồn tại Nha-Mân. Cây quế bị đốn để làm đồn trên cuộc đất của cô. Còn cây Thanh-Trà đã chết từ lâu.

Ngôi mộ cô Hai-Hiên cũng còn ở Nha-Mân.

6) CÔ HAI HIÊN ĐI TU Ở THẤT SƠN

Một thời gian qua... trải mấy mươi năm. Cô Hai-Hiên đã đi khắp nơi hiển lộ thần bí, khiến ai ai cũng sợ. Đến sau,

nghe cô về nhập xác một người ở Vĩnh-Long, cho biết rằng cô đã đi tu.

Chính ngôi nhà ngói của thân phụ Cô tại Chợ Nha-Mân, sau này người cô ruột của cô có chồng người Pháp, ăn xài lớn nên sa sút, kêu bán lại, không ai dám mua vì sợ oai linh của cô. Bấy giờ, có một ông Bái ở làng Tân-Xuân muốn mua đem về cất đình, nhưng cũng sợ, dằn dà chưa quyết định. Bỗng thấy cô nhập về cho một người lối xóm mà nói : Nếu mua mà cất đình thì cô đồng ý, nhưng phải thờ bài vị cô cạnh bên, cô mới cho. Hương chức nhóm nhau bàn tính, thỏa thuận mua ngôi nhà ấy về cất đình Tân-Xuân. Ngôi đình này xây cất một thời gian khá lâu trên mấy mươi năm, kể phong trào kháng Pháp nổi lên trên đất nước, ngôi đình sập đổ trong cuộc chiến loạn, còn trơ nền đất trống.

7) TÁI THIẾT NGÔI ĐÌNH VÀ CHÙA THỜ CÔ HAI

Năm 1958, Hương chức xã Tân-Xuân đứng ra xây cất ngôi đình thờ thần và đồng thời dựng lên một kiếng chùa thờ Phật nơi cuộc đất này.

Năm 1964, ông Nguyễn-Văn-Đầu làm việc tại Tòa hành chánh tỉnh Sa-Đéc, hiệp với hương chức làng và đồng bào địa phương đứng ra cất thêm một cái miếu chính giữa thờ cô Hai, trong cuộc đất đình và chùa, gồm ba ngôi tọa lạc tại xã Tân-Xuân ngày nay. Có ông từ coi giữ, hương hoa thờ phụng thành kính. Mỗi năm có lễ cúng nhỏ, ba năm đáo lệ một lần có hát bội, dân chúng tựu họp đông đảo.

Sự hiển linh của cô Hai Hiên, người người đều biết và kiêng nể. Từ khi cô nhập đồng cho biết rằng cô đã lên tu ở

Thất-Sơn, sự anh linh hiểm hách của cô càng tỏ rõ. Có điều vì đi tu, ngộ đạo mầu, lòng từ thắm đượm, trí huệ viên minh, bồ đề tâm tăng trưởng, nên sự hiển linh của cô không phải để lộng thần thông làm người đời khiếp sợ, mà bấy giờ cô chuyên chú ở sự độ đời, cứu người hiền đức lâm nạn, hoặc giúp đỡ kẻ thế cô thoát qua tai ách. Do đó, đồng bào dân chúng càng đem dạ tôn sùng thờ phụng Cô và kiêng nể oai linh của cô như thuở nào.

Chúng tôi thuật chuyện cô Hai Hiên, cô gái Nha-Mân, giữa thời buổi khoa học cực thịnh này, hẳn người đời ngạo nghễ cho là thần thánh hóa, làm gì có chuyện huyền bí, linh thiêng dường ấy ? Chúng tôi đã thuật theo lời các vị bô lão tại Sa-Đéc, nhất là người trong gia tộc cô Hai, không thêm, không bớt để mọi người suy nghiệm lẽ huyền vi.

Thiết tưởng từ thời xa xưa tới nay, nước nào cũng có những chuyện kỳ bí, linh thiêng xảy ra, mà khoa học cũng phải khoanh tay không giải thích nổi.

Chuyện cô Hai Hiên là sự thật trăm phần trăm, đồng bào ở các tỉnh miền Hậu-Giang đều xác nhận hiển nhiên như thế.

III. SỰ TÍCH LÀNG BÌNH TIÊN VÀ CẦU RẠCH GỖ ĐÈN

Bất cứ một địa danh nào, cái tên của một vùng, một làng, một con sông hay một cây cầu, ngọn rạch nào, luôn luôn cũng đều phải có ý nghĩa gì đó. Về những địa danh xưa, lắm điều đã truy nguyên ra do vì đâu mà đặt tên ra như thế ; và cũng còn nhiều địa danh khó mà biết tại sao ?

Tại Sa-Đéc, làng Bình-Tiên và cây cầu Rạch Gổ-Đền, chúng tôi được nghe qua giả thiết dưới đây khá ly kỳ. Câu chuyện truyền kỳ, cố nhiên không đủ lấy gì làm xác thật để tin được. Nhưng câu chuyện, dù là chuyện thêu dệt, vẫn có vẻ thích thú như sau :

Tương truyền, theo giả thiết của những vị bô lão cao niên thuật lại, hồi xưa Bình-Tiên và Tân-Phú-Trung chỉ gồm lại có một làng. Ngày kia, trong làng có cuộc cúng tế, xảy ra việc xích mích giữa những vị chức sắc trong làng. Đã không còn hòa thuận với nhau, dân làng sinh ra chia rẽ, bài bác lẫn nhau. Các vị có uy tín trong làng cố sức hòa giải nhiều lần mà không xong, kết quả đưa đến sự cắt hai vùng đất làng, mỗi bên đối nghịch lập riêng một làng. Nhóm người ở về khu vực phân chia, mà nay gọi là làng Bình-Tiên, thưở ấy chưa biết đặt tên làng là gì cho phải. Một mặt dân làng chia nhau đi mua hai bè gỗ về cất đình, một mặt họp nhau bàn tính đặt tên làng. Giữa lúc còn phân vân, còn đang lằng xằng lo xây cất đình, bỗng xảy ra một chuyện thần kỳ quái đản. Nguyên dân làng mua được hai bè gỗ, từ sông lớn thả về, đem cột kể vằm đó, dự định chọn ngày kéo lên khởi công xây cất ngôi đình thần.

Bỗng một đêm, có người câu tôm, dưới ánh trăng trong vắng vặc chợt thấy một con ba-ba nổi lên, lội vòng quanh một lúc rồi lặn biến. Độ mười phút sau, giữa thình không, lại thấy xuất hiện bốn vị có tiên phong đạo cốt, trái chiếu trên mặt nước xoáy mà ngồi đánh cờ. Phong quang chỉ khác cảnh non Bồng, Bát Tiên quá hải.

Vừa kinh ngạc run sợ nhưng cũng vừa thích thú mê say hoạt cảnh dị-thường ngàn năm một thuở chưa dễ thấy, người câu tôm cố nép mình dưới con thuyền ẩn dạng bên bờ lau sậy, cố giương to mắt xem sự lạ diễn biến ra sao.

Bất ngờ, vì cơn ho kéo đến thành linh, người câu tôm phát lộ sự có mặt của một kẻ phàm tục như hăn. Bốn vị Tiên ông vừa kịp phát giác có kẻ lạ mặt trong đêm vắng trước cảnh trời nước bao la huyền-hoặc, liền có vẻ giận-dỗi, biến mất.

Không giấu kín được những truyện thần kỳ mà mình vừa được mục kích, rạng ngày người câu tôm đem chuyện nói truyền ra. Tiếng đồn lan ra khắp nơi.

Việc thấu tai các vị chức sắc trong làng. Nghe chuyện hay hay ý vị, mặc dù không rõ hư thực thế nào, vả lại cũng không cần tra gạn tên câu tôm xem có phải hăn đặt điều nói khoát hay không, một vị chức sắc cao niên hội ý, cả cười, bảo cùng các bạn : « *Được rồi. Tôi vừa nghĩ ra một cái tên hay hay để đặt tên làng mới của chúng ta* ».

Người khác sốt sắng hỏi : « *Đặt tên gì ?* »

Vị chức sắc vừa cười vừa nói : « *Có lẽ tên câu tôm phịa chuyện đấy, nhưng cần gì tra gạn hăn làm chi. Đây này, cũng nhờ câu chuyện ý vị ấy, tôi nghĩ ra rồi. Tên câu tôm nói thấy tiên hiện ra phải không ? Ủ, rồi sao nữa ? Bọn ta đang lo việc lập làng, kiếm tên mà đặt. Nay nhân sự lạ ấy, tôi định đặt tên là làng Bình-Tiên. Các ông có đồng ý không ?* »

Trong nhao nhao lên hỏi : « *Bình-Tiên* nghe cũng hay hay. Nhưng ý nghĩa ra sao ? »

Vị chức sắc cười nói : « *Bình* nghĩa là bằng ; *Tiên* nghĩa là có *Tiên* hiện ra nơi vùng đất trên sông làng mình, tức là điềm tốt. Ấy là điềm Trời cho biết, muốn cho dân chúng trong làng xã ta được sự sung sướng « *Bằng-Tiên* » tức *Bình-Tiên* đó vậy ».

Ai nấy nhao nhao lên bật cười : « *Hay ! Hay ! Thú vị lắm. Hoan hô* ».

Thế là từ ấy, làng mới mang tên là *Bình-Tiên* cho đến ngày nay.

*

Thời gian sau, lại có thêm sự lạ nữa xảy ra : Sau vụ tên câu tôm phát giác có tiên hiện trên sông, được mấy hôm bỗng trong làng xôn xao vì có một người đàn bà ngồi trên xuồng đi đâu không rõ mà mất tích. Gia đình người đàn bà đổ xô đi tìm, độ chừng là đã gặp tai nạn chìm thuyền chết đuối. Dân chúng thì bán tín bán nghi, chờ xem có sự gì đây.

Không đầy ba ngày, thiên hạ đồn vang : « *Bà già mất tích trở về kia kìa* ».

- *Đâu ? Có chuyện gì không ?*

Lạ lắm ! Bà ta ngồi xuồng trở về thành linh, không về nhà ngay cho con cháu mừng, lại xăm xăm đi ngay vào cái miếu đối diện với con rạch làng, đập đồng lên mà la hét vang rân.

Câu chuyện quả đã đến hồi gay cấn. Mọi người tụ họp đến nghe có vẻ háo kỳ. Nhất là mấy người đàn bà thì được dịp tha hồ bô bô : « *Rồi sao ? Rồi sao ? Cái gì mà ghê quá vậy ?* »

Một người thạo chuyện thuật lại : « *Bà ta đập đồng lên nói : Con ba-ba hôm trước nổi lên, mà thằng Sáu câu tôm trông thấy đó, nay đã bị giết rồi* ».

- *Trời đất ? Ai giết ? Có thật sao ?*

Các người khác xen vào : « *Nín đi mấy tí non, nói lăng xăng mãi, ai mà thuật cho được. Sao nữa ?* »

- *Đó là con ba ba thần ở dưới thủy cung, được lệnh trời lên mặt nước để dò tình hình gì đó. Nó làm không tròn sứ mạng, nên bị chặt đầu phạm tội. Dưới thủy cung đang cần vật liệu xây cất, ít hôm nữa sẽ cho người lấy hết hai bè gỗ của làng mình đấy.*

Mọi người nghe nói, sửng sốt nhìn nhau. Có ai tin được câu chuyện quái gở ấy không ? Thật là quá sức tưởng tượng. Ai nấy đều cười bỏ qua. Nhưng sau đó ít ngày, quả thật hai bè gỗ trôi đi mất.

Cả làng lại một phen xôn xao náo động. Phần đông thiên hạ lại xầm xì bàn tán : « *Chắc dưới long cung cho binh tôm tướng cá lên lấy thật rồi đó* ».

Các chức sắc trong làng suất dân đi tìm kiếm khắp nơi, dò hỏi không ra manh mối, tức giận không cùng. Một mất mười ngờ, hoang mang không biết liệu sao ?

Bỗng có người đập đồng lên ứng tiếng : « Hai bè gỗ đã chìm xuống thủy cung. Nay chư vị dưới đó đèn cho dân làng một miếng giâm quý báu, tượng trưng vàng ròng thiêng liêng. Giữ lấy miếng giâm ấy, trong làng sẽ hưng vượng phát đạt, tha hồ mua bè gỗ khác mà cất đình thần ».

Rồi theo sự chỉ dẫn của người lên đồng, dân làng lấy được một miếng giâm kỳ lạ. Không đầy mấy ngày sau, từ lúc trong làng giữ miếng giâm ấy, tất cả mọi người đều làm ăn khá giả. Họ bèn hiệp nhau chung đậu tiền bạc mua bè gỗ khác mà làm đình thần, cúng tạ ơn thần linh, trời phật gia hộ.

Nhân câu chuyện quái đản mất bè gỗ, được đèn miếng giâm quý như vàng, người ta mới đặt tên cho con rạch ấy là Rạch « Gỗ-Đèn », lấy ý mất mấy bè Gỗ, Đèn lại mừng vàng.

Ngày nay các bộ lão địa phương thường kể lại cho con cháu nghe một huyền thoại xảy ra trên làng mạc của mình, đã in vào trí óc của người dân xã Bình-Tiên vậy.

IV. CHỢ TRƯỜNG ÁN NGHÌN THU GHI NÉT OÁN

Ngày xưa Pháp đến xâm chiếm nước ta, khi đánh lấy tỉnh Sa-Đéc lập khu hành chánh, mé bên kia cầu sắt làng Tân-Qui-Đông, có dinh tham biện (như Tỉnh trưởng ngày nay) Tòa bõ, Tòa án, Sở Quan-thuế, v.v... và đồng thời có lập một cái chợ kêu là Chợ Trường-Án.

Tên chợ nghe qua đã bắt giựt mình, lấy làm lạ lòng sao lại mang tên nghe thiếu thiện cảm thế, hiển nhiên chẳng phải là nơi họp chợ bán buôn rồi. Thì ra nó vẫn là một cái

Chợ, theo đúng nghĩa là nơi tập hợp đông người. Nhưng tập hợp đây là tập hợp để xem xử tội nhân, kết liễu mạng người như cỏ rác !

Vâng, những kẻ đi cướp nước, việc đầu tiên bao giờ cũng là bạo lực đàn áp, rồi dùng oai quyền khủng bố, để củng cố chế độ, để dần dần đoạt lấy chủ quyền. Cho nên khi Pháp đã chiếm nước ta, nơi đâu cũng đều có thiết lập những bãi pháp trường. Mà chợ Trường-Án ở Tân-Quy-Đông, Sa-Đéc đây là một điển hình.

Chợ Trường-Án này nằm về phía trên Tòa bố xưa một khoảng đường ngắn. Mỗi lần, trong tỉnh có bắt những tội phạm quốc sự, không cần kê án, đem ngay ra chợ Trường-Án xử chém, hoặc xử bắn.

Đầu rơi máu đổ chan hòa, oán khí chất chồng, tự nhiên âm khí nặng nề, lâu ngày phải có những điều ma quái. Cho nên, thỉnh thoảng nơi vùng chợ Trường-Án, đêm vắng canh khuya, người quanh vùng vẫn phải thường rợn óc với những kêu than, ma hờn, quỷ khóc. Oan hồn yếu tử về khuấy phá những người lối xóm một cách táo bạo.

Có lần chợ đang nhóm, bỗng nhiên có người nhảy lên tự xưng tên là một tử tù oan nghiệt, lớn tiếng mạt sát thực dân đầy tang tóc trên đất nước và bảo : « *Lũ chúng bây phải kịp mau dẹp cái chợ này đi, trả vùng đất yên lành ngày xưa cho đồng bào ta sinh hoạt, kiến tạo non sông. Nếu cứ làm ác mãi, trời giận, thần hờn, một ngày khác cơ biến chuyển, lũ xâm lăng khó thoát vòng quả báo* ».

Cố nhiên bè lũ thực dân chẳng nao núng gì, mặt lấp tai ngơ càng khùng bố hơn để bóp nghẹn tiếng khóc của dân lành.

Nhưng âm thịnh dương suy, oán khí càng lúc càng nhiều, quả thật các vong hồn oan ức ra tay khuấy động mãi. Rốt lại, các quan người Pháp đành phải nghe theo một số người Việt phụ-tá khuyên bảo, mà dẹp bỏ cái chợ quái ác ấy.

Ngày nay, nhắc đến câu chuyện chợ Trường-Án đầu rơi máu đổ đã từng xảy ra các điều khủng khiếp, ma quái kể trên, ai cũng ngậm ngùi. Ấy là một chứng tích nói lên sự ác tâm của người cai trị dân ta chỉ bằng cách chém giết, dọa nạt, dùng bạo lực mà trồng ách đô hộ, ngoài ra, không chút nhân đạo thương người. Mà cũng lắm kẻ da vàng chạy theo chúng mãi quốc cầu vinh, tiếp tay đắc lực để sát hại đồng bào.

Ngày trước, chí sĩ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền cảm vịnh về viên tướng Tàu Mã-Viện, đời Đông-Hán đã đàn áp Hai-Bà-Trưng, cướp lấy nước ta, cụ phần uất đê thơ ; có hai câu tuyệt diệu :

*« Ai đó chép công, ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung ».*

Đem hai câu này ngâm lên, càng nhắc đến chợ Trường-Án, càng thấm thía não nùng. Người địa phương Sa-Đéc mỗi lần nghe nhắc đến chợ Trường-Án xưa kia, dường như cảm tưởng không tốt đẹp và còn oán ghét hận thù những kẻ xâm lăng và bè lũ.

CHƯƠNG 2 : GIAI THOẠI

I. GIAI THOẠI ÔNG THỢ ĐỨC : MỘT DANH SƯ LỖ BAN KHÉT TIẾNG

Bùa lỗ ban có thật hay không ? hiệu nghiệm thế nào ? không ai là không nghe nói đến mọi hình thức, đáng lấy làm kinh ngạc. Đặc biệt trong giới thợ mộc, thợ xây cất nhà cửa, luôn luôn thường bị gia chủ nghi ngờ là biết ếm bùa lỗ ban. Mà quả thật, có lắm danh sư lỗ ban xuất thân từ trong giới thợ mộc, tài nghệ cao cường khiến mọi người thán phục. Ông thợ Đức ở Sa-Đéc khi xưa mà chúng tôi thuật chuyện dưới đây, là trường hợp điển hình.

Mấy mươi năm trước, Sa-Đéc có người thợ mộc tên Đức, tài nghề khéo léo ngang với pháp thuật lỗ ban xuất sắc. Đồng bào Sa-Đéc hầu hết đều mến phục tài khéo của ông, đồng thời cũng rất ngán về bùa phép xuất quỷ nhập thần có một không hai của ông. Có điều, ông dùng bùa lỗ ban làm nhiều việc lạ thường khiến cho người ngán sợ và đôi khi ông cũng giở những trò phá phách làm người ta ghê tởm, chớ sự thật ông cũng không hại ai, giúp đời rất nhiều. Nay, ông mất đã lâu mà tiếng tăm ở Sa-Đéc hãy còn nhắc đến.

Ông thợ Đức, lúc thiếu thời tướng người khỏe mạnh, khá về chữ nho. Ông thường mặc áo vạt mề, đầu thường hay bịt khăn đầu rìu đỏ. Nghe nói thuở trẻ ông có qua Tàu, giang hồ trôi nổi một thời gian, được vị danh sư lỗ ban nào đó truyền thợ pháp thuật cho. Khi về, ông đem sở học ra áp dụng, làm nhiều việc linh thiêng, ai ai cũng đều khâm phục, kiêng nể.

Có lần, đình Hòa-An, ở quận Cao-Lãnh, cạnh bên có một cây đa rất lớn ngả ngọn gie tàn trên nóc đình : Hương chức hội tề trong làng ấy náy không yên, tìm cách triệt hạ ngọn đa gie tàn ấy đi. Ngặt không ai dám lãnh việc đốt phá, vì thuở ấy dân làng hãy còn lắm người mang nặng thành kiến rằng ngọn đa lâu năm có thần thánh ngự trị oai linh, xúc phạm đến e không khỏi lâm họa hoạn hiểm nghèo. Bởi thế không ai chịu ra tay đốn phá. Nhưng sức nhớ tới ông thợ Đức tài quái dị, ắt hẳn có thể làm cách lạ sao cho ngọn đa vệt khỏi nóc đình, quý vị hương chức bèn mời ông thợ Đức đến, hỏi ý kiến xem phải làm thế nào ?

Ông thợ Đức đến quan sát sân đình, nhìn ngắm ngọn đa giây lâu, rồi khẽ gật đầu nói : « *Được, tôi sẽ giúp cho an toàn* ».

Rồi ông bảo hương chức lập bàn hương án trước sân, khói hương nghi ngút, trong bầu không khí huyền ảo tôn nghiêm, ông họa phù tróc quỷ hô thần, lầm thầm niệm chú. Vẽ xong lá bùa, ông đem dán trên cây đa, ung dung cười nói : « *Chư quý vị yên lòng. Mạnh lực huyền bí hiển linh, sẽ giúp chúng ta toại nguyện trong đêm nay* ».

Quả nhiên, nửa đêm hôm đó, trời đang phẳng lặng bỗng nổi luồng dông to, xoay tròn như con trốt, bẻ gãy nhánh đa gie tà ấy lìa khỏi nóc đình, mầu nhiệm hiển nhiên như có bàn tay vô hình nào trong cõi hư linh ra oai thần giúp nhân dân thỏa nguyện cầu. Danh tiếng ông thợ Đức từ đó càng tăng cao, ai cũng ngưỡng mộ, xem con người như ông như một dị nhân. Bao nhiêu huyền thoại thêu dệt khoác cho ông ngày càng nhiều, xa gần đồn đại tiếng tăm.

Còn một chuyện nữa, ngày xưa tại vịnh Tòng-Sơn có ba mũi nước từ Phong-Mỹ và Cái-Tàu-Thượng đổ lên, tốc độ hung hăng đáng ngại. Ghe tàu đi ngang qua khó tránh tai nạn, bị nước xoáy nhấn chìm. Thiên hạ xôn xao, cho rằng tại vàm đó có con tinh xuất hiện khuấy phá, nhiều hại dân lành. Người ta lại nghĩ ngay đến ông thợ Đức, cậy ông xem xét trấn áp giùm xem sao.

Ông nhận lời. Nhìn qua địa hình địa vật chỗ ấy, ông liền niệm chú vô bùa trong một tấm thẻ, trấn ếm điều tai quái đang hoành hành, không bao lâu, chỗ vùng nước xoáy ấy trở nên yên tĩnh. Đồng bào quanh đó càng đồn vang rằng ông thợ Đức đã trừ con tinh đi mất. Người ta càng thêm trọng tài năng huyền diệu của ông.

Việc làm của ông thợ Đức gây lắm tiếng vang khắp nơi. Nhưng ông cũng có những tánh nghịch ngợm hay phá chơi, mà sự thật không hại ai cả. Người nào bị ông thư phù niệm chú khuấy phá, biết ông giỡn chơi để đe dọa răn trị, đến năn nỉ ông thì hết.

Có lần gánh hát bội đến hát cúng đình, đào kép sửa soạn trong buồng, ông lén vô hậu tổ lúc nào không hay. Rồi chẳng biết ông đã làm gì, mà khi đào kép ra sân khấu, múa giáo quơ gươm, đứng sững mở miệng không ra tiếng. Ai nấy kinh ngạc.

Giữa lúc xôn xao, có người hồ nghi lên tiếng hỏi : « *Vụ này ắt có bàn tay của ông thợ Đức rồi. Hồi sớm tới giờ, bà con có ai thấy ông già nào bịt khăn đỏ vô buồng hát không ?* »

Nhiều người sức nhớ ra, nhao nhao nói : « *Quả thật có ông già bịt khăn đỏ lảng vảng trong buồng trò, nhưng không biết ông đã làm gì* ».

Ông Bái cười xòa, mười phần đã chắc ông thợ Đức phá chơi, hồi dân làng mau mau chạy đi tìm ông thợ Đức mà hỏi ông có phá gánh hát bội không, tại sao đào kép ra sân khấu lại không hát được ?

Ông thản nhiên bảo : « *Tôi có phá gì đâu. Thôi về cứ hát đi* ».

Người trở về phi báo, nói như lời ông đã bảo. Tự nhiên đào kép hoạt động trở lại bình thường.

Một ngày kia, ông đi ngang qua cổng làng. Thấy hai người thợ cưa có dáng khinh khỉnh với ông, khiến ông có ý phật lòng. Ông đi khỏi rồi, hai người thợ cưa hì hục mãi mà cưa chẳng được gì, càng lúc càng luýnh quýnh như kẻ mất hồn. Hỏi ra mới biết chuyện, lối xóm chạy kiếm ông thợ Đức mà xin lỗi, nhờ ông xả phép giùm.

Ông vẫn cười nói : « *Tôi có làm gì đâu. Cứ về cưa đi* ».

Lời ông đã thốt, tự nhiên hai người thợ cưa hoạt động lại được. Người càng tin chắc ông thợ Đức có mãnh lực thần bí.

Lại có lần, ghe cá ở xã đến đậu bến chợ Sa-đéc. Ông xuống ghe mua cá. Người chủ ghe thấy ăn mặc lôi thôi, thì khinh rẻ. Ông hỏi mua cá đem lên rồi trả giỏ trả tiền luôn. Lái cá khoác tay, không bán.

Ông cười khà : « *Quý hóa lắm. Tốt ! Tốt ! Không bán thì thôi* ».

Ông bỏ lên bờ, về nhà. Bấy giờ dưới ghe cá, xảy ra chuyện rắc rối : Cá đầu trên chạy dồn xuống đầu dưới xáo trộn, nhảy lung tung. Thấy cá bỗng nhiên bị động, chủ ghe đổ nước trấn áp. Nhưng càng đổ nước nhiều chừng nào, đàn cá càng quậy mạnh đập phá lung tung chừng ấy. Thiên hạ trên bờ xúm lại xem, chỉ chỏ cười vang rân.

Ai cũng xầm xì : « *Thôi chết rồi. Gặp tay ông già bịt khăn đỏ rồi đa* ».

Chủ ghe nghe được, hoảng hốt nói : « *Ông già bịt khăn đỏ ! Hồi nãy có ông già bịt khăn đỏ. Trạc lối 50 tuổi, xuống đây mua cá, tôi làm mặt giận không bán* ».

Bạn hàng thương hại bảo cho chủ ghe biết : « *Chú ở xa nên không rõ, nhè trêu vào tay tổ bùa lố ban rồi đó. Mau đi kiểm nắn nỉ, kéo bầy cá nhảy hết xuống sông thì sạt nghiệp* ».

Tình thế quá găng. Không dám chần chờ gì nữa. Chủ ghe cá nhờ bạn hàng hướng dẫn đến nhà ông thợ Đức mà xin lỗi. Ông cười nói như mấy lần trước : « *Tôi có làm gì đâu. Cứ về tưới thêm chút nước thì hết* ».

Chủ ghe cá làm y theo lời. Cá hết nhảy.

Những chuyện lạ thường do ông thợ Đức làm ra, đến nay các vị bô lão ở Sa-Đéc hầy còn nhắc lại. Nhưng có điều, ông vẫn nghèo. Hẳn cũng vì luật nhân quả của trời đất. Trong đời ông đã làm những chuyện kinh thiên động địa, đôi khi chẳng khỏi thất đức. Chẳng hạn như cái nhà nào ông lãnh làm chủ nhà đối xử không tử tế, ông ếm một cái thì suốt đời ở không được, chủ nhà thường gặp họa hoạn. Bởi

không bình tâm nhẫn khí, thiếu độ lượng bao dung, hay giận hay hờn, cậy phép linh thiêng mà hiển lộ, cho nên cái nghèo của ông âu cũng là chuyện quả báo.

Tuy nhiên, ông thợ Đức ở Sa-Đéc thật là danh sư lỗi lạc, có một không hai.

Chúng tôi sở dĩ nhắc đến chuyện ông, cũng như đã từng nhắc chuyện ông Thầy Trung thả nỏ qua sông ở Cần-Thơ xưa kia, cốt ý ghi dấu tích còn truyền làm giai thoại. Và để dựa vào đó rút lấy nhận xét :

Có tài phải có đức. Tài cao đức trọng, ắt có thể đạt đến quả vị thánh thần. Có tài mà thất đức, hay đem tài hiển lộ với đời chơi, ấy là những chuyện làm không chánh đáng, tự nhiên tổn hại đến âm đức, ắt không khỏi vướng điều quả báo.

Trong kiếp nhân sinh, dày công tu luyện mà đạt được thành quả nào, ta nên cảm ơn trên đã giúp cho thần trí ta thông tuệ, nhưng tuyệt đối không nên cậy có huyền linh mà làm chuyện hí lộ, trợn đời bầu bạc để trả quả đã đành, mà rồi cũng uống công tu luyện. Tròn như đạo, thì Tiên đạo Phật đạo mới tu chứng kết thành quả vị viên mãn được.

II. CỤ LƯU-VĂN-LANG VỚI NHỮNG ĐIỀU TIÊN ĐOÁN THẦN TÌNH ĐƯỢC CÁC KỶ SƯ PHÁP KÍNH PHỤC

Đến ngày nay, không một nhà tri thức nào ở miền Nam Việt-Nam mà chẳng biết tiếng cụ Lưu-Văn-Lang. Vị Bác-vật đầu tiên của Việt-Nam nói chung, Sa-Đéc nói riêng. Về tiểu sử cụ Lưu-Văn-Lang, chúng tôi đã nêu rõ ở phần danh nhân

Sa-Đéc và nhân vật cận đại. Nơi đây, xin kể thêm một vài câu chuyện về cuộc đời cụ Lang.

Người Pháp tuy bên trong kính phục tài học của cụ Lưu-Văn-Lang nhưng bề ngoài muốn yếm tài, có ý coi rẻ giá trị người Việt. Có lần kỹ sư Pháp bắt một cây cầu ở miệt Khánh-Hội xong, xe chạy rung rinh, sửa cách này cách nọ cũng không hết, buộc lòng phải mời ông đến xem sao.

Lúc bấy giờ, Bác-vật Lưu-Văn-Lang mới đến quan sát, xem xét xong, ông mới đứng trong mom cho các nhân viên kỹ thuật làm thêm những cây kiềng treo trên cầu, để treo cây cầu lên giữ cho được thẳng bằng. Quả nhiên các nhân viên công chánh ráp thêm kiềng bên trên xong thì cây cầu rất vững. Xe lớn từ đó về sau chạy hết rung rinh, làm cho người Pháp hết sức kính phục và không dám yếm tài cụ nữa.

Lại có lần, kỹ-sư Pháp bắt cây cầu An-Hữu, ít lâu, chân móng cứ sụp hoài. Mời Bác-vật Lang đến xem và sửa lại, từ đó về sau không hề sụp lún. Người ta tặng ông là vị thánh sống. Ông dò cây cầu nào, ông đoán trước sẽ chịu đựng đến thời gian nào đó thôi rồi sẽ bị gãy, hay sụp quả thật, lời cụ nói đâu có đó.

MŨI CẦN GIÓ SẼ BỊ SỤP LỎ 10 NĂM SAU : Một khi kia, cụ về thăm quê nhà ở Sa-Đéc, qua Tân-Qui-Đông, ra mũi Cần-Gió, chỗ bến tàu Lục-Tĩnh ngày xưa. Cụ xem qua địa thế giây lâu, tuyên bố chỗ này không nên xây cất dinh thự gì, bởi cầu tàu này sẽ sụp mất và còn sụp vô sâu đôi ba chục công đất nữa.

Không ai tỏ vẻ gì tin lời cụ nói, trái lại còn có ý cười vì cụ nói quá đáng. Vùng ấy chưa hề có triệu chứng gì là đất sụp, thì lấy đâu mà tin được lời ông chớ ?

Nhưng đúng 10 năm sau, quả nhiên sông nước xoi mòn lần, đánh sụp mất cầu tàu và vô sâu trên mấy chục công đất, vườn tược tiêu hết. Lời cụ tiên đoán quả đã ứng nghiệm không sai.

Cây cầu sắt bắc ngang sông qua Tòa bố Sa-Đéc ngày xưa, cụ xem cầu này yếu lắm, bảo phải làm móng lại và làm thêm cây cầu ngang Rạch Cái-Sơn cho xe chạy vòng mới có thể chịu đựng lâu được, sau đó cụ phái nhân viên sở Công chánh đến sửa ngay hai bên móng để giữ được cây cầu đến ngày nay. Và còn biết bao công việc xảy ra do vị Bác-vật đầu tiên của Việt-Nam đã tiên đoán. Nay cụ đã ra người thiên cổ, người đời vẫn còn ca ngợi cụ quả là bậc nhân tài của xứ sở.

Đồng bào Sa-Đéc và vùng Thất-Sơn Châu-Đốc, lại còn truyền tụng một huyền thoại về Cụ Bác-vật Lang kể cũng thâm trầm như sau :

Vùng Thất-Sơn ở Châu-Đốc nổi tiếng là nhiệm mầu, có nhiều hang sâu, động thẳm, ít người dám bước xuống. Thế mà có lần, cách nay trên 50 năm, cụ Bác-vật Lang đi quan sát tìm kiếm mỏ ở vùng núi này. Nghe đâu cụ có xuống một cái hang ở núi Cấm. Cụ đi cả nửa ngày rồi trở lên, dường như cụ có đôi cử chỉ khác thường và không hề tiết lộ một sự việc gì dưới hang cho người đời biết cả.

Câu chuyện Bác-vật Lang thám địa huyết ấy vẫn được nhắc nhở, và vẫn bao trùm màn kỳ bí.

Theo các kinh giảng của Giáo phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương, trong quyển « Long-Hoa Đại-hội » của ông Vương-Kim, quyển « Thất-Sơn Mậu-nhiệm » của Giáo sư Nguyễn-Văn-Hầu, có mô tả hình thức những cái hang ở vùng núi Cẩm, nhưng chờ yếu tố thời gian sẽ thấy.

Các nhà tu hành chân chánh, hằng mong một ngày thượng ngươn thánh đức sẽ phát hiện trên thế gian này.

Những chuyện linh thiêng huyền bí ở vùng Thất-Sơn xuất hiện, chừng ấy sẽ chứng minh phần nào chuyện cụ Lang thám địa huyết đầy bí mật.

III. CHÁNH TÍCH TỐT CỦA BẠC CHÂN DÂN : CÂU CHUYỆN ÔNG ĐỐC PHỦ TRẦN-VĂN-CHI VỚI DÂN CHÚNG SA-GIANG

Đồng bào ở đất Sa-Giang chắc còn nhớ, cách nay trên 50 mươi năm, tỉnh này có một vị Đốc-sứ tên Trần-Văn-Chi đến trấn nhậm quận Châu-Thành. Ông là người có nhiệt tâm lo lắng xã-hội với tinh thần phục vụ thẳng ngay, không bao giờ dùng quyền lực của mình mà vơ-vét của ai cả.

Làng xã cày cấy quyền làm khó dễ dân chúng, ông hay được thì gọi đến, cắt nghĩa, dạy sửa đổi lại. Ông thường nói :

« Người dân nghèo đã nghèo khổ, dốt nát thất học, lại bị chế độ ép buộc, sưu cao thuế nặng đủ điều đàn áp và hành hạ người Việt mình một cách nhẫn tâm, mà các ông không thấy lương tâm xót xa sao ? Lại còn xu hướng thêm

tác oai tác quái với dân chúng, không để cho người dân ngóc đầu lên được, thử hỏi các ông có lấy thế làm nhục nhã hay không ? »

Rồi ông dụ giọng lại, ôn tồn nghiêm trang : *« Tôi cũng như mấy ông, nhưng được điểm phúc có chút ít địa vị, được trấn nhậm nơi tỉnh này, tôi phải làm cách nào để giúp đỡ dân tình của mấy ông được mở mang tiến bộ. Lấy mực công bằng mà đối xử, để cho người dân ý thức được quyền công dân của họ. Tôi có bốn phận bảo vệ, che chở những kẻ thấp cổ bé miêng. Đừng làm cho sợ sệt không dám gần quan, như thế sẽ không tròn thiên chức, đặc tội với đồng bào, lịch sử ».*

Những lời của ông Đốc-phủ Trần-Văn-Chi thốt ra với dân làng, ai nấy cũng đều cảm phục. Từ xưa tới nay ở Sa-Đéc trải qua nhiều đời Chủ-quận, mà chưa hề có một vị quan nào được như thế. Khi đến thì lo điều tra ai giàu ai nghèo, ai có án tích gì không, để tìm cách làm khó dễ. Còn riêng về ông Đốc-phủ Chi lại trái hẳn, ông nhiệt tâm giúp đỡ, lắng nghe tiếng nói của dân, đệ đạt lên thượng cấp minh oan cho họ. Việc làm rất công bình và ngay thẳng, làm cho kẻ dua nịnh đem lòng oán ghét và ganh tị, gởi thơ nặc danh cho Chánh Tham-biện vu khống ông Phủ Chi ăn hối lộ của dân bằng cách này hay cách khác. Do đó, vị Chánh Tham biện Sa-Đéc có cho mời ông để hỏi về sự tố cáo trong thơ nặc danh. Ông buồn-bã, lễ-độ nhưng cương quyết đáp :

Ấy là chuyện vu khống. Tôi liêm khiết, tôi biết lấy tôi là đủ, còn tố cáo là quyền của người. Và lại, thơ nặc danh thì không giá trị, lại không nêu bằng cứ rõ ràng, càng chứng tỏ

người ta có ác ý với tôi. Quan lớn là thượng cấp của tôi, chắc hiểu con người tôi như thế nào rồi. Nếu quan lớn không muốn hiểu, nghe người ta thì cứ nghe !

Những lời chân thành của ông Phủ Chi thốt ra, làm cho vị Chánh Tham-biện phải suy nghĩ nhiều, về sau lại đổi thái độ thành kiến với ông Chủ quận hiểm có ấy.

Lúc bấy giờ, ông Phủ Chi cảm thấy ngồi ở đây không tiện, mới xin đổi đi nơi khác, để không thấy những trái tai gai mắt, bẽ lũ tham nhũng của dân.

Ngày ông đổi đi, đồng bào các giới, xe kéo xe ngựa, các bạn hàng ngoài chợ, những tiệm mua bán, thân hào nhân sĩ tiễn đưa ra mũi Cần-Gió để ông xuống tàu đi trấn nhậm nơi khác. Khi ấy, người ta vọng bàn hương án tại bến tàu, đốt một ngọn đèn sáp, để một bình bông, một tô nước lạnh từ giã ông. Bàn hương án ấy nói lên ý nghĩa cao đẹp vô cùng. Ngọn đèn sáp ám chỉ cho sự sáng suốt của ông, đem ánh sáng để làm sáng tỏ kẻ ác tâm tình ngộ. Tô nước lạnh tỏ ra sự thanh khiết của ông không chút bợn nhơ, bình bông tượng trưng ông đi, nhưng tiếng thơm vẫn còn mãi.

Số người đi bộ từ Châu-Thành ra tới Mũi Cần-Gió rất đông người tiễn đưa. Đến khi ông xuống tàu, vang dội tiếng hoan hô, vỗ tay chúc tụng ông thượng lộ bình an.

Ngày nay chúng tôi đến Sa-Đéc sưu tầm tài liệu lịch sử, những gì liên quan đến Sa-Đéc trước đây, có nhiều vị bô lão bảo chúng tôi nên ghi lại câu chuyện ông Đốc phủ Trần-Văn-Chi trấn nhậm ở đây hồi đời Pháp cai trị, nêu gương ấy cho thế nhân soi lấy. Ông là một bậc phụ mẫu chi dân, đáng

được nêu cao gương tốt lưu lại trên đất Sa-Đéc. Ngày nay, lắm người biết chuyện còn nhắc đến tên ông muôn thuở.

IV. XOÀI THƠM, XOÀI NGỰ VÀ CAM MẬT : NÔNG SẢN ĐỊA PHƯƠNG SA-ĐÉC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ

Sa-Đéc ở cách Thủ-đô Saigon 136 cây số, thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu-Long, nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, cây trái hoẵng sai. Do đó, xưa nay, nhà vườn ở Sa-Đéc họ trồng rất nhiều loại cây ăn trái, cam, xoài nhiều hơn hết, có tiếng là ngon không đâu bằng. Nhưng nếu kể về số sản xuất nhiều thật ra vẫn không hơn được xứ Cái-Mân, tỉnh Kiến-Hòa, nơi ấy trồng đủ loại cây ăn trái : chôm-chôm, cam, quýt, măng cụt, bòn-bon, xoài, ổi, thơm tây, v.v... và cả cây chiết chở đi khắp Lục tỉnh.

Nếu Mỹ-Tho có nhiều thứ trái cây nổi tiếng như : Mận hồng đào, ổi xá-ly, vú sữa lò rèn, v.v... thì Sa-Đéc chỉ có hai loại trái cây được thông dụng và có tiếng nhất là xoài, cam. Còn các loại trái cây khác Sa-Đéc cũng có, nhưng rất ít. Xoài thanh-ca loại trắng và loại đen. Xoài gòn, xoài voi, xoài cát, xoài cóc, xoài tượng, xoài thơm, v.v... Loại xoài thơm này được truyền tụng nhiều đời cho là loại xoài ngự, quý nhất của tỉnh Sa-Đéc. Do đâu xoài thơm còn có tên là xoài ngự ? Chữ « ngự » vốn là chữ thường riêng dùng cho bậc vua chúa, như nhà vua thì nói là Ngài ngự, hoặc ngự giá, ngự-lâm-quân, tất cả những gì có dính dáng đến nhà vua thì đều phải dùng đến chữ « ngự » để tỏ lòng tôn kính, và có sắc thái riêng biệt chỉ về nhu cầu cung ứng cho nhà vua.

Trở lại vấn đề xoài Thơm còn mang tên đặc biệt là xoài Ngự. Tương truyền : Ở miệt Long-Hưng, Long-Hậu phát xuất ra hai tiếng xoài Ngự. Như ai cũng đã biết, và như chúng tôi đã ghi chép ở phần lịch sử, di tích trên mảnh đất Sa-Đéc có rất nhiều dấu tích Vua Gia-Long khi tẩu quốc. Lúc Ngài đóng đại bản dinh ở Sa-Đéc, đồng bào quanh vùng tỏ lòng trọng vọng, hằng đem món ngon vật lạ địa phương cung tiến, gọi là tỏ chút lòng thành dâng lên phụng dưỡng Ngài ngự cho châu đáo.

Trong các món trái cây đem dâng Ngài ngự thiện, món xoài Thơm được coi là quý nhứt, xứng đáng để nhà vua dùng tráng miệng. Ngài dùng qua món xoài thơm ngon hơn cả các loại trái cây khác trong vùng.

Do lời khen của đức vua rằng, món xoài Thơm không loại xoài nào sánh bằng nên từ ấy xoài Thơm mang riêng một tên đặc biệt là xoài Ngự, tức là món nông sản đã được nhà vua thưởng thức, và đồng bào dân chúng sẵn sàng coi là món thổ sản dành riêng cho nhà vua.

Vua Gia-Long đã tán thưởng loại xoài thơm đó, nên đồng bào ở đây cố gieo giống trồng thêm thật nhiều đến ngày nay. Xoài Thơm hay xoài Ngự có sự tích liên quan đến Vua mở nghiệp nhà Nguyễn nên xem có giá trị lớn lao. Đến ngày nay, so với các loại xoài khác, thứ xoài thơm bán khá đắt tiền.

Còn loại cam mật ở Sa-Đéc mỏng vỏ, nước nhiều, ngọt, không chua, vì đủ đất, phân bón tốt, trái cam ít bị chai như các loại cam ở vùng khác.

Ngày xưa ở đây trái cây bán mỗi chục 18, hoặc 16 trái, tập tục ấy đã quen và còn duy trì cho đến ngày nay.

Ở Vĩnh-Long cách Sa-Đéc trên 20 cây số, lúc xưa, trái cây bán mỗi chục 24, rồi sau bớt lần còn 20, 18, 16, bây giờ nghe đâu chỉ còn có chục 14, không giữ được như Sa-Đéc.

Xoài Thơm Sa-Đéc có giá trị đến được mang danh xoài Ngự, kể cũng là một vinh hạnh cho Sa-Đéc rồi. Cho đến việc bán buôn, xưa nay đồng bào cũng vẫn giữ mực thành tín, để chiêu đãi khách hàng, giới thiệu món thổ sản địa phương đặc biệt, càng nói lên tất lòng chung thủy của người dân đất Sa-Giang.

V. GÁI NHA-MÂN NẾU TỈNH BÌNH-ĐỊNH NGOÀI TRUNG CÓ CA DAO TRUYỀN TỤNG



Đây là một trong những hình ảnh cô gái Nha-Mân, Sa-Đéc ngày nay, với gương mặt hiền hòa chất phác.

*« Ai ra Bình-Định mà coi
Đàn bà cũng biết múa roi đánh quyền ».*

Hoặc như vùng Bà-Trà, Tân-Khánh trong Nam cũng có ca dao :

*« Ai lên Tân-Khánh, Bà-Trà
Thử xem con gái đàn bà đánh roi ».*

...thì vùng Nha-Mân, tỉnh Sa-Đéc cũng có câu thành ngữ
« Gà Cao-Lãnh, Gái Nha-Mân » để tiếng đời đời. Về chuyện
Gà Cao-Lãnh đành rằng Cao-Lãnh ngày xưa vẫn là một
quận của tỉnh Sa-Đéc, mà nay Cao-Lãnh đã trở thành tỉnh
Kiến-Phong, chúng tôi xin gác lại, để trong một quyển
« Cao-Lãnh Xưa và Nay » sẽ đề cập nhiều hơn, thích thú
hơn.

Ở đây, chúng tôi xin nói về « Cô gái Nha-Mân ».

Ô hay ! Tiếng tăm cô gái Bình-Định, Bà-Trà, Tân-Khánh
hào hùng thì có hào hùng thật, nhưng duyên dáng má hồng
thì hẳn là không sao bằng được gái Nha-Mân đâu nhỉ.

Gái Nha-Mân sao mà được người đời tặng cho là đẹp ?
Đẹp chỗ nào, đẹp nết-na thùy-mị, duyên-dáng, tóc dài mắt
sáng, da trắng, má ửng hồng, vẻ đẹp tự nhiên hay là trang
sức nhân tạo ?

Theo các vị niên trưởng ở tỉnh Vĩnh-Long và Sa-Đéc tỏ
sự nhận xét với chúng tôi, cô gái Nha-Mân nức tiếng là đẹp,
vốn do ảnh hưởng phong thổ, khí hậu điều hòa. Ở về vùng
phì nhiêu châu thổ sông Cửu-Long, nước ngọt quanh năm,
vườn ruộng xanh tươi, cây trái hoẵng sai, huê lợi dồi dào,
đời sống không thiếu thốn, tinh thần thoải mái, ít hay lo, lâu
già. Cô gái Nha-Mân ở vào địa thế tốt và đủ điều kiện phát
sinh xuân sắc, náo nức xuân thời, tạo nên một vẻ đẹp tự
nhiên do trời phú. Tiếng nói trong ngân, giọng cười thanh
ấm, tướng đi khoan thai, cốt cách hòa nhã, dung nhan

không cần phải nhờ đến phần son tô điểm, cô gái Nha-Mân thật đúng với câu thơ :

*« Mọc mạc ưa nhìn lọ điểm trang
Nâu sồng ăn đứt vẻ Nghê thường ».*

Nhìn càng lâu càng nhận thấy cái đẹp của cô gái Nha-Mân, trầm lặng sánh như bức tranh thủy mặc không màu sắc, dành cho những ai biết ngắm, biết thưởng thức những nét vẽ độc đáo của chàng họa-sĩ. Ngắm tranh tranh thủy mặc mà biết tài họa-sĩ, thì ngắm gái Nha-Mân mới rõ tay hóa công đã khéo điểm xuyết cho những đóa hoa hồng hương nội, sắc dù không lộng lẫy mà hương thắm đượm say ngát lòng người.

Dưới cặp mắt quan sát tế nhị của mọi người, phải đều công nhận cô gái Nha-Mân có một vẻ đẹp thắm kín nổi bật lên trên những đóa hoa muôn màu muôn sắc trong vườn hoa quê hương. Từ lâu, tiếng đồn gái Nha-Mân đẹp, vang xa khắp miền Nam. Các vương tôn công tử thường đến Nha-Mân hỏi vợ.

Chỗ nào mà có bóng dáng yêu kiều của người đẹp tất nhiên có đàn ông tới. Ông bướm nào không say hương sắc ? Lòng ai không lưu luyến bóng giai nhân ? Dù ở xa xăm tận phương trời nào, ông bướm bắt được tin hoa thì bằng ngàn vượt dặm tìm về. Dù ngăn sông cách núi, một khi phải lòng thực nữ, khách trượng phu há dễ chẳng băn khoăn toan chiếm cho kỳ được mảnh tim yêu. Vì thế, cô gái Nha-Mân phần nhiều có chồng ở phương xa đến hỏi. Còn một đặc điểm khác nữa của cô gái Nha-Mân là vui tánh, có tinh thần

cầu tiến, đảm đang tần tảo, tứ đức trau dồi, không thua gái ở tỉnh khác. Vì thế mà được nam giới chú ý.

Du khách có dịp đến viếng tỉnh Sa-Đéc, ngang qua cầu sắt Nha-Mân, ghé mua vài chục nem sản phẩm nổi tiếng của vùng này, rồi dán mắt nhìn về hướng chợ tìm bóng dáng cô gái Nha-Mân, thử xem năm xưa và ngày nay ra sao mà được người đời nhắc nhở.

Xưa sao nay vậy, trước đã thùy mị đáng mến, thì nay dù làn sóng xa hoa vật dục đang mạnh mẽ tràn lan, mà gái đồng quê vẫn bền gan giữ vững tâm thần không để cho lung lạc, nét kiên trinh ấy là nét đẹp cao quý nhất.

Cho nên, cô gái Nha-Mân, và rộng ra gái Nha-Mân, mà đẹp nét trung trinh, ngỏ hầu :

*« Phấn son tô điểm sơn hà
Làm cho rõ mặt đờn bà nước Nam ».*

Ai mà không ngưỡng mộ ! Được như thế mãi, tiếng cô gái Nha-Mân, hay gái khắp nẻo đường đất Việt, được nhắc nhở mến yêu âu cũng là xứng đáng.

**PHẦN THỨ SÁU : SA-ĐÉC QUA CÁC BỘ MÔN
KỊCH NGHỆ VĂN HÓA, HỌC THUẬT VÀ THI
THƠ LƯU NIỆM**

CHƯƠNG 1 : SA-ĐÉC QUA CÁC MÔN KỊCH NGHỆ

Trong quyển sách này, nơi phần nói về sinh hoạt kinh tế ở tỉnh Sa-Đéc xưa và nay, chúng tôi đã nhắc lại những ngành thủ công nổi tiếng ở Sa-Đéc từ xưa, như : Nghề thợ bạc, nghề làm hình nổi, nghề làm pháo bông, nghề làm đồ mã, v.v...

Nay nói đến phần sinh hoạt nghệ thuật của tỉnh Sa-Đéc, chúng tôi hân hoan trình bày những đặc điểm đã làm cho Sa-Đéc được nhắc nhở đến nhiều, nổi bật trên vòm trời văn nghệ, tiếng tăm của một tỉnh lẻ vượt xa nhiều tỉnh khác.

I. GÁNH HÁT BỘI ĐẦU TIÊN Ở SA-ĐÉC

Trước năm 1915, Sa-Đéc có ông Cả Tam, một người giàu có, tánh ưa thích nghệ thuật, nhất là nghệ thuật hát bội, có những bộ điệu hát múa theo lối cổ truyền, gồm đủ, hỉ, nộ, ái, ố, ăn rập tiếng kèn, tiếng trống, nhịp chầu. Vì ham mê nghệ thuật hát bội, ông Cả Tam đứng ra lập đoàn hát đầu tiên ở Sa-Đéc, để bảng hiệu là « Thiện-Tiền-Ban ». Lúc bấy giờ gánh hát có những người nhưng rất giỏi đến với ông : Nhưng Biện, Nhưng Liễn, Nhưng Thiêng. Về bên đào có đào Năm Nhỏ, Sáu Sến, Cô ba Bốn ở gánh cô Ba Ngoạn Saigon xuống hát. Kép độc làm tướng thì có Bảy Tưng ở Bến-Tre xuống, gia nhập, kép Nhàn, kép Táng và nhiều đào kép hữu danh làm nổi bật bảng hiệu « Thiện-Tiền-Ban ».

Về y quan rực-rỡ không gánh nào bằng. Nhứt là có những kép ruột của đoàn là kép Tám Tri, Hai Thành vừa ra tới sân khấu đã được khán giả vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Đoàn chuyên diễn tuồng Tàu : Quan-Công phò nhị tẩu, Tống-Địch-Thanh đầu quân, Tiết-Nhơn-Quy chinh Đông, v.v... Các vở tuồng này được kết quả mỹ mãn, làm cho ông bầu đắc chí, đào kép lên tinh thần. Đoàn này ra đời có thể nói là trước hết trong các tỉnh miền Nam. Ra đời được vài năm thì giải tán, nay cũng còn tiếng vang trong giới kịch-nghệ. Hiện nay bà Năm Sa-Đéc thường lên truyền hình diễn kịch, đó là ái nữ của ông bầu Tam.

Điều nên biết thêm, thuở đó có ông cụ Đặng-Thúc-Liêng cũng ra sức chấn chỉnh hát bội. Trong một rạp hát mà cụ rủ bạn tri-âm lập ra ở làng Vĩnh-Phước, tỉnh Sa-Đéc, cụ Đặng-Thúc-Liêng bèn đưa ra sáng kiến áp dụng nghệ-thuật cầm ca biểu diễn song song trên sân khấu, sau này gọi là cải lương. Kết quả là nhờ sáng kiến của cụ, ông André Nguyễn-Văn-Thận bắt chước lối cải lương ấy trong gánh xiếc của ông lập ra ít năm sau tại thành phố Sa-Đéc. Rồi đó, nối đuôi là các gánh hát của Thầy năm Tú ở Mỹ-Tho, gánh Văn-Hí-Ban, Tân Thịnh Huỳnh-Kỳ (nơi đào tạo cô bảy Phùng-Há), v.v...

II. SA-ĐÉC VỚI GÁNH XIẾC CỦA ANDRÉ NGUYỄN-VĂN-THẬN

Vào khoảng năm 1918-20, có ông André NGUYỄN-VĂN-THẬN lập ra một gánh hát xiếc rất lớn. Gánh hát này đi biểu diễn toàn quốc. Đặc biệt có một kép hát « *Người Rắn* »,

không có xương sống, mình rất dẻo, nắn uốn tài tình, xếp hai chân chun vô một ống cống chừng 5 tấc đường kính, rồi lộn ra như con rắn. Lại có một lực sĩ nằm để cho xe hơi cán ngang bụng. Các trò biểu diễn của đoàn xiếc gồm có, múa ghế, đánh kiếm, đi dây, đánh đu, cử tạ, phóng dao, v.v... Nhiều trò rùng rợn, biểu diễn ở đâu cũng được khán giả hoan nghinh nhiệt liệt. Rồi chịu ảnh hưởng của Đặng-Thúc-Liêng như đã nói ở trên, André Nguyễn-Văn-Thận lại tô đậm cho đoàn xiếc bằng cách diễn xen thêm nhiều màn cải lương, ca ra bộ hấp dẫn, ca những bản xưa như Hành-Vân, Tứ-đại-oán, Bình-bán-văn, v.v...

Thời kỳ đó đoàn xiếc André Nguyễn-Văn-Thận lên Saigon che rạp trước chợ Bến-Thành (bây giờ là công-trường Quách-Thị-Trang) được khán giả chen nhau mua giấy không chỗ đứng. Các báo ở Thủ-Đô thời ấy viết nhiều bài tán dương công trình luyện tập rất tinh vi.

Lúc khai trương dựng bảng thì có ông Kinh-Hồi viết tặng cho đoàn xiếc một tấm biển mấy chữ như sau : « *Lương cao Tòng Mậu khai trí viện Thông đạt hào thế vô sự* ».

Mỗi lần đi hát ở đâu đều đem tấm biển ấy treo trước rạp.

TỪ GÁNH XIẾC ĐỔI RA CẢI-LƯƠNG : Ít lâu sau, đoàn xiếc của André Nguyễn-Văn-Thận hợp tác với các tay công tử trong tỉnh đổi lại làm gánh cải lương, lưu diễn nhiều tỉnh ở trong Nam, rất ăn khách, lắm người mến mộ.

Theo lời ông Huỳnh-Thủy-Lê, một nhân sĩ ở Sa-Đéc nói với chúng tôi : Bàu Tam, Bàu Thận là người tiên phong khai

sáng bộ môn sân khấu đầu tiên ở Sa-Đéc.

Đoàn hát cải lương của André Thận lập ra được một hai năm sau thì tan rã. Kể thầy năm Tú ở Mỹ-Tho lên sang đồ đạc và chuộc đào kép hữu danh về Mỹ-Tho lập gánh, tức gánh thầy năm Tú.

Thuở ấy các danh ca được khán giả khen tặng như Bảy Thông, Năm Tốt, Tám Cang, Ba Tuất, Hai Thắng. Nhạc sĩ thì có : Năm Tâm, Ba Diệp ¹⁹ ở Bình-Tiên, Tư Tứ ở Cái-Tàu-Hạ, v.v...

Thầy năm Tú sang gánh đem về Mỹ-Tho rồi vô địa để làm quảng cáo cho nghệ-sĩ miền Nam.

III. ĐOÀN TÂN THỊNH RA ĐỜI

Bầu gánh hát Tân-Thịnh là ông Nguyễn-Văn-Thông người làng Tân-Hưng, đứng ra lập gánh, chuyên môn diễn các vở tuồng Thích-Ca đặc-đạo, Lão-Tử Giáng-sanh, Tôn-Tần bị trù chưng bướm-bướm, v.v...

Y quan rục-rỡ, xảo-thuật tinh-vi, làm người bay, thăng-thiên độ-thổ, phi đao...

Gánh Tân-Thịnh cũng rước được nhiều vinh diệu, báo chí nức lời ca ngợi về sự tổ chức khéo léo, những màn xảo thuật như thật. Khách mộ điệu rất hài lòng, một tuồng được yêu cầu hát lại năm bảy đêm.

Gánh Tân-Thịnh của Bầu Thông vang tiếng một thời khắp Nam-kỳ lục-tỉnh và còn lưu diễn ở ngoài Trung, Bắc, được nhà cầm quyền thời ấy ban thưởng nhiều huy chương

để tán dương nghệ thuật, làm vinh diệu cho tỉnh Sa-Đéc phần nào.

CHƯƠNG 2 : VĂN HÓA VÀ HỌC THUẬT

Văn hóa là phản ảnh của dân tộc. Một nước có văn-hóa, trình-độ dân-trí cao, tinh thần dân tộc mạnh. Một địa phương có văn-hóa, đời sống của dân chúng trong vùng tươi đẹp phần nào, cuộc sinh hoạt thường xuyên mọi lãnh vực có nhiều hứng-vị, khởi sắc.

Từ xa xưa, đạo giáo đã thấm đượm nơi lòng đồng bào Sa-Đéc, tất nhiên ảnh hưởng văn hóa cũng đã thấm nhuần, khiến cho con người trở nên cao quý.

Một nơi đã từng có những danh sĩ góp mặt như các cụ Nguyễn-Quang-Diêu, Đặng-Thúc-Liêng, Võ-Hoành, Kinh-Hồi thì phong khí hẳn là tốt đẹp hơn.

Trước kia, năm 1936, Sa-Đéc đã từng hoạt động mạnh trên lãnh vực văn-hóa... Ông Hồ-Văn-Sao mở nhà in, ra báo và đảm nhận việc ấn-loát và tuyên-truyền phẩm, để nâng cao dân trí, phát huy tinh-thần quốc-gia.

Bác-sĩ Lê-Quang-Trinh cũng chủ trương một tờ báo « Tiến-Bộ », ấn hành tại Châu-Thành Sa-Đéc, mở một kỳ nguyên mới cho văn nhân thi sĩ, tao nhân mặc-khách, chính khách, nhân-sĩ lên tiếng trên đàn ngôn-luận. Tờ Tiến-Bộ rất được những người yêu văn nghệ mến chuộng.

Gần đây hơn, cây bút Hình-Hữu-Ích hiệp soạn với Nguyễn-Hữu-Trinh xuất bản bộ sách « *Nhà văn hiện đại* » vẫn là cây bút đáng yêu của Sa-Đéc. Theo dự định mà anh Nguyễn-Hữu-Trinh đã cho chúng tôi biết bộ « Nhà văn hiện đại » sẽ gồm ít lắm cũng hàng nghìn trang, xuất bản thành

nhều tập. Nhưng chỉ mới cho ra đời được tập 1 thì bấy lâu đã đành im lặng tiếng, vì thiếu phương tiện ấn hành tiếp tục. Ấy là một trong trăm nỗi đau lòng con nhà cầm bút.

Về việc biên soạn tiểu-sử và phê thuật các tác phẩm của các nhà văn hiện đại, trước đã từng có bộ « Nhà văn hiện đại » của Vũ-Ngọc-Phan ở đất Bắc, xuất bản và tái bản đã nhiều. Sa-Đéc lại có người soạn bộ « Nhà văn hiện đại » như thế kể thật cũng đáng ca ngợi. Tiếc cho công trình còn dở dang, nếu không thì rước được vinh diệu về cho tỉnh nhà biết bao nhiêu.

Anh Chung-Văn-A, Giáo sư trường Kỹ-thuật ở Vĩnh-Long, nay phục vụ trong quân-đội quốc gia, với bút hiệu Việt-Chung-Tử, đã xuất bản khá nhiều tập thơ đáng giá : *Cung-tim, Tìm về tình thương, Tuổi học trò, Tình chung, Trong khói lửa, Dấu chân du mục*. Anh cũng vốn là đứa con của Sa-Đéc đầy duyên-dáng, thi-vị.

Hơn nữa, Sa-Đéc cũng có một cây bút nữa rất tài tình, khét tiếng trên văn đàn gần đây. Ấy là nữ sĩ Thu-Vân, giới Văn-Nghệ sĩ miền Nam nói chung, Sa-Đéc nói riêng, được nhiều người nghe danh biết tài nữ sĩ Thu-Vân cũng như nữ sĩ Manh-Manh Nguyễn-Thị-Kiên ở Gò-Công, Nữ sĩ Thu-Vân cũng có lắm sắc thái độc đáo trong nghệ-thuật diễn-tả, sáng tác văn nghệ phẩm. Tên thật của Nữ-sĩ Thu-Vân là Lê-Thị-Anh, người ở Lai-Vung (xã Long-Hậu), Sa-Đéc. Bà say sưa theo đuổi nghiệp văn chương, viết báo, viết sách, đã xuất bản : *Mùa mưa đêm, Đất mẹ*. Bà từng được cố Văn hào Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam tiến dẫn trên con đường văn-nghệ, mà tài năng bà vượt bậc, nổi tiếng khá nhiều và

sẽ còn nổi tiếng hơn nữa với các tác phẩm ăn-hành trong tương lai.

Và hiện nay, Sa-Đéc vẫn có lắm mầm non văn nghệ chứa chan sức sống tiềm tàng, trong tương lai gần, ắt sẽ có nhiều cơ hội phát triển tài năng, đem văn minh lại cho miền Sa-Giang đã từng rực ánh hào quang văn hóa tự xa xưa, sao cho có hơn chớ không thể kém sút.

Một ngày nào đây, nhân tài đông đảo của Sa-Đéc cùng chung ra sức bồi bổ nền học thuật, xây dựng tòa nhà văn hóa nguy nga tráng lệ, ắt hẳn sẽ thấy cảnh tượng bừng trăm hoa đua nở trên mảnh vườn đất quê hương yêu mến của mình.

CHƯƠNG 3 : SA-ĐÉC DƯỚI MẮT CỦA THI NHÂN

Một thi nhân quen biết của miền Nam, đó là nhà thơ Bửu-Đà. Gót chân thi sĩ đã từng châu du khắp nhiều tỉnh miền Hậu-Giang, để tìm hiểu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nước non nhà. Một hôm, thi sĩ dừng chân nơi đất Sa-Giang, đến thăm các nơi lăng-mộ danh nhân và quan sát cảnh vật nơi đây, nhà thơ xúc cảm, dệt lên những vần thơ lưu niệm, ca ngợi những anh tài đất nước, nói lên công nghiệp của người xưa còn lưu lại trên mảnh đất lịch sử này.

Chúng tôi xin ghi lại dưới đây món quà làm tinh thần cho đồng bào Sa-Đéc và độc giả bốn phương thưởng thức :

I. SA-GIANG CẢM TÁC

*Lỡ sanh cái kiếp đời mây gió
Còn phải là thân khách nước non !
(Bửu-Đà Nguyễn-Thanh-Trạc)*

« DỪNG CHÂN »

*Giang tử chồn chân dừng quán trọ
Khơi mờ dĩ-vãng xứ Sa-Giang
Buồn ôm thế hệ sầu tha thiết !
Thoạt biến khung mây, chó đỏi hình.* ²⁰

« CÂY DA BẾN NGỰ »

*Cây da cũ còn lưu dấu vết
Vẫn giồn trăng cổ độ nghìn xưa
Bến Ngự nằm, êm đêm phẳng lặng*

Để mặc cho nước bạc cau mày.

« BẢO TIỀN BẢO HẬU »

*Bến Long-Hưng trở cùng tuế nguyệt
Vẫn nhìn trong nước xoáy sôi trào
Xã Phong-Hòa trở nền Bảo Hậu
Nền Bảo Tiền Long-Thắng còn ghi.*

« CÂU CHUYỆN CHÚA NGUYỄN »

*Ngăn Tây Sơn ngày xưa Chúa Nguyễn
Lịch sử còn ghi dấu chứng minh
Củ đậu nấu đậu, nôi lại khóc
Cuộc trả vay chẳng chịch hầy còn !*

« DANH NHÂN LỊCH SỬ »

*Tổng-Phước-Hoà đại thần đặc lực
Phò Gia-Long chiếm được công đầu,
Tỉnh Sa-Đéc nhiều nhà hào hiệp
Giúp nhà vua tấu quốc thành công.*

« NON NƯỚC SA-GIANG »

*Sa-Giang sóng nước nhô nhẵn mặt !
Như hình dung quá khứ thê lương
Đau khổ gần phần tư thế kỷ
Núi song buồn hận gió trắng nay.*

« CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA »

*Trơ với thời gian Lăng Miếu cũ
Quận Công Tổng Trấn Nguyễn-Văn-Nhơn
Lơ lững hồn trắng soi cổ kính
Nắng tang thương dệt khúc thẳng trầm.
Kỳ khu gót đã mòn lại rỗ*

Mỗi cánh chim, luân lạc sông hồ
Giấc tiểu mộng mơ về đạo lý
Nếp sống cô buồn nhớ nghìn xưa.

« **VỊNH CẢNH TÔNG SƠN** »

Nhớ Tông-Sơn có chùa đức Phật.
Thầy Tây-An húy Đoàn-Minh-Huyền,
Lập tông giáo Tứ-Ân Hiếu-Nghĩa,
Đem đạo mẫu phổ hóa chúng sanh.

« **CON ĐƯỜNG ĐẠO LÝ** »

Nền Phật-Giáo nổi nhà họ Thích.
Tiếng vang rền Bửu-Sơn Kỳ Hương,
Ngọc đuốc huệ giúp người mộ đạo
Đem thuyền từ dìu-dắt nhơn sanh
Cho đến khi Đức Huỳnh giáo-chủ
Nổi chí Ngài tô-điểm chơn truyền
Thuyền bát-nhã cứu đời mạt pháp
Làm rạng danh Phật đạo diệu-huyền

« **NHÂN TÀI SA-ĐÉC** »

Tỉnh Sa-Đéc địa linh nhơn kiệt
Đã trở sanh nhiều bậc nhơn tài
Cũng là quê Tòa Quan, Tòa Giác
Dày công lao đèn sách nên danh.

« **GIÁO LÝ TỊNH ĐỘ CƯ SĨ** »

Mệnh danh là Tịnh Độ cư-sĩ,
Cũng ở trong Phật-Pháp mà ra
Tu là trau, trau dồi đức hạnh
Đâu vào chùa mới gọi là tu.

« ÔNG TRẦN DUY NHÚT »

*Xứ Nha-Mân có ông Thanh-Sĩ
Rất thông minh đạo lý văn thơ,
Tài thiên phú nổi danh quốc-tế
Học rất thường nên bậc Giảng-Sư.*

« MIỀN NAM HÃNH DIỆN »

*Vị Bác-Vật đầu tiên hiếm có
Lưu-Văn-Lang đoạt giải khôi nguyên
Cả Pháp quốc thấy đều tôn kính
Sự quán thông hơn cả sức người.
Giá sanh nơi nước, lạnh hơn nước
Đời suy tôn vị thánh giáng trần
Làm rạng danh quê hương xứ sở,
Nét son tươi quốc sử lưu truyền.*

« TIẾNG CHUÔNG NHÀ THỜ »

*Đứng Tân-Qui-Đông ngó qua cầu sắt.
Chuông giáo đường lạnh lót vang rân,
Tàu Bình-Tiên chạy ra Sa-Đéc
Khách bộ hành đợi chiếc « Tân-Dương ».*

« GIÒNG NƯỚC XOÁY »

*Miền Nam lăm rạch lại nhiều sông,
Cuồn cuộn phù sa gọi cánh đồng.
Sa-Đéc dòng sông, dòng dị biệt,
Hồi Oa nước xoáy, nước ghi công,
Gia-Long dẫy nghiệp xây nhà Nguyễn,
Văn-Hiến lừng danh cứu điện Rồng.
Lịch sử nơi này bao chiến sử,
Nước xanh hội ngộ xoáy xoay vòng*

« SA-ĐÉC CẢM TÁC »

Tự ngàn xưa chí những ngày nay,
Sa-Đéc dân lành địa cuộc hay.
Cổ Nội ²¹ chùa xưa Tàu hạ đó,
Cao Hoàng ²² thành cũ Hồi Oa đây.
Danh tăng tu luyện bao sư giác,
Uy tướng lược thao mấy kẻ tà.
Gái đẹp duyên tiên nào sánh kịp,
Sa Giang trầm lặng lắm người say.

(9-12-1970 Kính tặng : Thượng tọa Từ Nhơn
trình-tường NGUYỄN-LƯƠNG-HƯNG)

« ĐƯỜNG VÔ CẦU RẠCH RẰN »

Rạch Rắn uốn mình đáy nước xanh,
Quanh co lả lướt đẹp như tranh.
Bình Tiên xoài mận hoa thêu gấm,
Tân Phú dưa khoai lá dệt màn.
Đây nẻo thuyền xuôi về Xẻo Mác,
Đó đường ghe ngược rẽ Phong Dinh.
Anh à ! Em hỏi câu này nhĩ,
Quê tổ thân yêu nỡ bỏ đành
(Trình-tường NGUYỄN-LƯƠNG-HƯNG)

II. CHÙA XƯA LINH ỨNG

Sa-Đéc cũng lắm chùa xưa miếu cũ ở rải rác trong tỉnh, từ miệt Kiến-Phong (Cao-Lãnh) trở qua Cái-Tàu-Thượng, Lai-Vung, Hòa-Long, Nha-Mân, Cái-Tàu-Hạ, v.v... Nay tại Châu-Thành Sa-Đéc có ngôi cổ tự Phước-Thạnh là ngôi chùa

Vua Gia-Long sáng tạo và có nhiều chuyện lạ, một thi nhân đến viếng cảm đề lưu lại một bài thơ như sau :

« CẢM TÁC PHƯỚC THẠNH CỔ TỰ »

*Ngôi cổ tự mang tên Phước-Thạnh
của Nguyễn Vương xây dựng nghìn xưa
Bụi thời gian mờ ngôi cổ kính
Bia miệng đời ca tụng tôn xưng.*

*Phật cổ Đô ²³ Ngự chùa Phước-Thạnh
Lịch sử ghi lưu dấu nghìn sau
Phật công minh tâm thành Phật chứng
Tâm chơn thành Phật ngự nơi tâm
Tâm thành ấy, tòa sen của Phật
Chùa dù hư Phật vẫn thương tình
Trụ chơn như giải trừ tứ khổ
Khởi thuyền từ lướt dặm trùng dương.*

*Phật bảo, Đại mộng thi tiên giác ?
Tâm bồ đề đặc huệ bao người
Vết vô minh qua bờ bỉ ngạn
Giương Huệ thân đoạn hoản lục căn
Đời truyền tụng linh thiêng Hộ Pháp
Chuyển hồng oai diệt quỷ trừ ma
Xuất diệu pháp gãy cây Ma-sử
Nay còn lưu chứng tích rõ ràng
Đức Nguyễn Ánh tôn sùng Phật Đạo
Từ Đinh, Lê, Trần, Lý lưu truyền
Thái Lan quốc vẫn còn di tích
Chùa Gia Long đồ sộ nguy nga*

*Ngài tự giác suy tôn tự giác
Đại lực hùng phổ hóa chúng sanh
Sắc tướng thanh âm chư ngoại giáo
Chơn truyền cự thất Đạo nan thành
Chuông cảnh tỉnh chiêu hồn khách tục
Chuông cảnh tỉnh chiêu hồn khách tục
Hồi thế nhân mau đóng góp dựng xây
Để kiến thiết ngôi chùa Phước-Thạnh
Không phụ lòng của đấng tiền nhân.*

(Kính tặng : quý đồng bào Phật tử tỉnh
SA-ĐÉC – BỬU ĐÀ)

III. VƯỜN KIỂNG CỔ THỤ

Ở miền Nam chúng ta, mỗi địa phương đều có những vật xưa, của quý, từ bao đời tiền nhân để lại nay vẫn còn. Tại xã Tân-Hưng, mé bên kia bờ sông Sa-Giang, có một vườn kiểng cổ thụ của ông Ngô-Văn-Hay có trên 100 gốc, có gốc trên 150 năm căn cội, được du khách các nơi thường đến thưởng lãm trầm trộ khen ngợi tinh-thần tồn cổ của ông. Chúng tôi có đến viếng, xin chụp ảnh và nói lên tâm sự cây kiểng đứng trong chậu bốn mùa chiếu đựng phong sương, chứng kiến bao cuộc thăng trầm non nước.

« TÂM SỰ CÂY VỚI KIỂNG »

*Hơn trăm tuổi cây đời dễ gặp
Khó tìm người tuổi thọ trăm năm.
Nằm trong chậu, thiếu tự do sống rồn
Vẫn âm thầm nhờ sương tuyết gội nhuần*

Mặc cho đời có thành bại vong hưng
Ta vẫn đẹp đánh hình cây cổ thụ
Thiếu nhựa sống, thiếu đất đai sung mãn
Mà đẹp xinh, nhờ cắt xén sâm soi
Hãnh diện thay, ta được lắm người coi
Vì chậm lớn cho nên ta trường thọ
Sống hiên ngang oai hùng cùng tuế nguyệt
Ta rất buồn, thiếu bóng mát che đời
Hơn chu kỳ non nước có lưng vơi !
Cảnh là cảnh, ta là ta, rảnh rỗi.
Năm chặt hẹp, nhưng ta nhiều rễ cứng
Dài chịch chảnh, dành hết đất thế nhân
Sống bên ta ông bạn có cơ bản
Vẫn nổi tiếng ông có vườn kiểng quý
Gió lê thê, gió về ta gọi mát
Mưa rì rào lau sạch bụi trần ai
Trăng ngủ nhờ, trăng hứa dệt tương lai
Nắng sưởi ấm, lòng đời ta sáng khoái
Ve sầu hạ, nỉ non như khế nói
Nói nên lời da diết với thương đau !
Quốc khóc thu, sao đứt cả tấm bào
Ta đứng lặng thon mình ngao ngán cảnh
Hơn thế kỷ năm trơ ta lặng lẽ
Ta rất buồn không thay bạn đổi vườn
Ôm mùa đông sạm mặt với phong sương !
Ta tin tưởng ngày mai trời lại sáng.

(H.M)

IV. VỊNH VƯỜN HOA KIỂNG XÃ TÂN-QUI-ĐÔNG

Tại Sa-Đéc từ lâu nổi tiếng là nơi trồng hoa kiểng đủ loại, để cung cấp cho đồng bào đô thành cũng như bán cho các tỉnh. Mỗi năm thu vô một số lợi tức đáng kể. Nhà thơ Bửu-Đà có dịp đến quan sát vườn hoa kiểng ở Rạch Thông-Lưu dệt lên những vần thơ như sau :

*« Vườn kiểng đẹp Thông-Lưu Sa-Đéc
Để cải trang đậm nét mỹ miều
Dù cho trong cảnh cô liêu
Rườm rà hoa lá được nhiều tụng ca
Bao hoa lạ nức mùi ngào ngạt
Bước đến vườn đã mát lại xinh
Nói lên cảnh vật hữu tình
Bảo người dừng bước đặng trình thưởng hoa
Nào Hồng, Cúc, Thanh trà đủ loại
Nào Trúc, Mai, Hạnh, trái đơm sai
Thi nhân thích dệt cảm hoài
Hồn thơ về hiện vạn bài thơ hay
Chậu thược dược cùng mai-Chiếu-Thủy
Hoa hướng dương. ²⁴ hoa lý hoa đào
Lục hồng sắc sỡ muôn màu
Trăm hoa đua nở đón chào khách sang
Không những sửa sang vườn kiểng đẹp
Để riêng phần thưởng thức một mình
Dành cho tất cả gia đình*

*Mua về trang trí đẹp xinh sân vườn
Cải trang đẹp cho non cho nước
Ngoạn mục cho kẻ bước sông hồ
Chiều về tắm bóng kim ô
Hoa cười lá ngoắc lô nhô đầy vườn
Hoa cười giỡn gió lê thê đến
Lá ngoắc trắng như mển trắng về
Dù cho trong chốn thôn quê
Có cảnh có vật người mê thích liền ».*
(BỬU-ĐÀ)

V. NHA-MÂN NGÀY XƯA NỔI TIẾNG LÀ GÁI ĐẸP

Nên có câu ca dao :

*« Gà nào hay bằng gà Cao-Lãnh
Gái nào bảnh bằng gái Nha-Mân ».*

Thật vậy, gà Cao-Lãnh tốt mã, gan lì đá ít khi chạy bậy. Còn gái Nha-Mân nổi tiếng duyên dáng, thùy mỵ, có vẻ đẹp thiên nhiên, nay cũng còn được miệng đời nhắc đến. Nữ sĩ Thanh-Thanh ở Saigon có làm một bài thơ nói về cô gái Nha-Mân như sau :

« CẢM ĐỀ GÁI ĐẸP NHA MÂN »

*Gái Nha-Mân xinh đẹp
Nhờ phong độ nghìn xưa
Đẹp lối lãng du nhập
Không ở xứ Nha-Mân
Điểm tô nét đẹp canh tân
Màu da phấn nết muôn phần đẹp hơn*

Bằng công dung ngôn hạnh
Ấy nét đẹp bên trong
Dù thiên kiều bá mỵ
Khó vẹn toàn yêu đương
Tam tùng tứ đức nêu gương
Dù kim dù cổ cũng dường như nhau
Áo bà ba mặc ngắn
Chiếc khăn xéo choàn hầu
Che cây dù mái ửng
Chân mang guốc sơn mài
Làn da trắng dáng duyên ngăm
Long lanh mắt phượng mày tằm xinh xinh
Ai tô son điểm phấn
Theo muôn lục nghìn hồng
Sống văn minh tràn ngập
Xóa nhòa đẹp thiên nhiên
Đau thương tình lại với tiền
Đắm say vật chất lụy nhiều thế nhân
Ai thông kim quán cổ
Đối tượng xưa và nay
Chiếc áo dài với Jupe
Xem chiếc nào đẹp hơn ?
Thời trang còn giữ trung dung
Chớ nên thái quá lạ lòng khó coi
Gái Nha-Mân nổi tiếng
Nhờ thùy mỵ đoan trang
Đất lành sanh trái tốt
Nhờ nước ngọt quanh năm

*Dù đi núi Sở sông Tần
Nhớ về cưới vợ Nha-Mân tuyệt trần.
(Nữ sĩ Thanh-Thanh)*

VI. ĐẤT NƯỚC MIỀN NAM

Từ xưa tới nay nổi tiếng đất đai màu mỡ, cây trái hoẵng sai, sông dài bể rộng, vườn ruộng giăng giăng, tài nguyên dồi dào, con người trầm tĩnh, hiền hòa đạo đức, năng làm hơn nói, không hay khoe khoang khoeác lác.

Ngày xưa Vua Gia-Long trên đường tẩu quốc vô miền Nam thấy cảnh vật ở đây Ngài nói : Nam thuận Bắc nghịch, có nghĩa đất miền Nam địa lý tốt, con người thật thà chơn chất ; là nơi thuận lợi cho Ngài dừng chân để kết nạp nhân tài thống nhất được đất nước, nên Ngài thốt câu ấy đã ghi trong sách sử.

« VỊNH VƯỜN RUỘNG SA-GIANG VÀ NGƯỜI MIỀN NAM HIỀN HÒA ĐÁNG MẾN »

*Đất phì nhiêu đồng bằng châu thổ
Cả Tiền-Giang cho tới Hậu-Giang
Nước ngọt quanh năm, vườn ruộng trúng
Nhiều trái cây ngọt lại thơm ngon.*

*Giống xoài Ngự còn lưu di tích
Dâng cho Vua Ngài nhận là ngon
Dân truyền tụng đặt tên xoài Ngự
Chớ trước kia vẫn gọi xoài thơm.*

*Cam với quít, lựu, lê sung mần
Ổi mận đào, mít, bưởi thanh trà*

*Chục mười tám còn lưu tục cũ
Mắc rẻ vì giá cả tùy theo*

*Chục hai mươi Bình-Dương còn giữ
Khắp các nơi vẫn chục mười hai
Được ca tụng tinh thần hoài cổ
Giữ câu : vô cổ bất thành kim.*

*Lúa sau lưng, cá nơi trước mặt
Miền Hậu-Giang nếp sống dễ dàng
Gia-Long cho Nam thuận Bắc nghịch
Nếu Ngài ra Bắc khó nên công*

*Người miền Nam hiền hòa đáng mến
Chứa tình thương đầy đặn trong người
Trải mấy độ cồn dâu biển chuyển
Vẫn giữ tròn phong độ nghìn xưa.*

VII. MỘT NHÀ THƠ NÓI VỀ BÁNH PHỒNG TÔM SA- GIANG

Từ xưa tới nay, mỗi địa phương đều có món vật lạ cung ứng sự nhu cầu của giới tiêu thụ, mua làm quà tặng cho người quen thuộc, giới thiệu sản phẩm đặc biệt của nước nhà, không thua kém thức ăn của ngoại quốc.

Một nhà thơ trào phúng thích uống rượu, sành món nhắm, khen ngợi bánh phồng tôm Sa-Giang là món khai vị hấp dẫn hơn hết. Anh làm một bài thơ gởi tặng chúng tôi để ghép vào quyển Sa-Đéc sắp xuất bản, nhận thấy lời lẽ đầy ý vị, nói lên sản phẩm địa phương biến chế, và chẳng những giúp ích cho nền kinh tế tiết kiệm được một số ngoại tệ lớn

lao, và còn khuyến khích cho đồng bào ta nên dùng sản phẩm trong nước vừa ngon vừa rẻ.

Vì sự ích lợi chung, chúng tôi xin đăng bài thơ dưới đây để tặng bạn đọc có tinh thần văn nghệ, ngâm nga trong lúc trà dư tửu hậu, mà nhớ đến món ăn thuần túy của miền Nam ta đã và đang phát triển mạnh trong quốc nội.

**« SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT BÁNH PHÒNG TÔM SA-
GIANG »**

*Đi Châu-Đốc nhớ mua mắm thái,
Về Sa-Giang nhớ bánh phòng tôm.
Đã giòn vừa béo lại thơm
Đây « Xứ hữu hóa » vui mồm lai rai
Thích nhậu mãi không say nhờ bánh
Gặp bạn bè xúc cảnh sanh tình
Cùng nhau rót cạn chén quỳnh
Bích câu kỳ ngộ duyên mình với ta
Làm quà tặng cũng là gọn ghẽ
Để làm thân cùng bè chia hai.
Rồi ngâm bao khúc cảm hoài
Hàn huyền nhắc nhở những ngày xa nhau
Bẻ cốc cắc tiệc khao yễn thưởng.
Nhâm nhi vào đọc chương ngâm thơ
Gần bên người mộng ta mơ
Phòng tôm chia nửa bên bờ sông tương.
Rồi vẫn nhớ vẫn thương vẫn tưởng
Thấy phòng tôm mà nhớ người yêu*

*Đường về Sa-Đéc bao nhiêu
Để ta đến đó mua nhiều phòng tôm.*

PHẦN THỨ BẢY : KINH TẾ – CÔNG KỸ NGHỆ – SẢN XUẤT

Sinh hoạt kinh tế

Các công kỹ nghệ

Ngành sản xuất hoa-kiếng

Tổng kết Sa-Đéc ngày xưa và ngày nay

CHƯƠNG 1 : NGHỀ THỦ CÔNG

I. BÁNH PHỒNG TÔM SA-GIANG SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH SA-ĐÉC

Mỗi địa phương đều có những món ngon vật lạ nức tiếng. Khách lữ hành mỗi khi đi từ tỉnh này qua tỉnh khác, khi trở về ít lắm cũng mua một vài món thổ sản chế biến tại địa phương ấy về tặng cho người quyến thuộc. Nhất là ngày Tết Nguyên-Đán của người Việt, những ai có bà con ở xa, hay ở ngoại quốc cũng lựa thức ăn này, thức ăn kia có danh tiếng mà gửi biếu.

Mỹ-Tho có kẹo chuối, bánh tráng, bạch nha. Gò-công có mắm chà, mắm tôm, mắm tép. Thủ-Đức nem chua, chả. Châu-Đốc có mắm thái. Sa-Đéc có bánh phồng tôm, v.v... Thiết tưởng nơi nào cũng có những món đặc biệt sản xuất bán tại nội địa, có khi xuất cảng ra ngoại quốc là khác.

Nay bắt tay vào viết quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay » nói đến sản phẩm địa phương, có lẽ đứng đầu hết là phải kể đến ngành sản xuất bánh phồng tôm, mà Sa-Đéc nổi tiếng nhất với loại bánh này và còn thêm cải tiến, biến chế hơn lên, để trở thành một món ăn quốc túy.

Sa-Đéc hiện nay có độ 20 nhà sản xuất bánh phồng tôm, nhà nào cũng có ít nhiều máy móc trang bị. Như hiệu Phước-Hưng của Bà Út-Chơi, Phước-Thành của Bà Tư-Hón, Sa-Đéc của Bà Năm-Cầm, Mai-Hương của Bà Giáo Dụng, Thành-Tâm của Bà Hai-Khe, v.v... Đặc biệt là hãng Sa-Giang, có uy tín và nhiều phương tiện vượt xa các nhà làm bánh khác. Chủ nhân hiệu Sa-Giang là ông Lê-Minh-Triết,

người gốc gác tại Lai-Vung (Sa-Đéc), xuất thân vốn là một cựu sĩ quan mới giải ngũ. Ông người bắt thiệp, vui vẻ, hiếu khách. Chúng tôi đến Sa-Đéc gặp ngay ông Triết, hỏi qua thị trường nghề làm bánh phồng tôm ở đây ra sao ? Ông sẵn lòng trình bày cho chúng tôi biết, và hướng dẫn cho chúng tôi xem cơ sở ở dưới đất và trên lầu có gần ba bốn cái máy, do ông coi sóc cho nhân viên điều khiển. Ông giải thích rành mạch từ lúc khởi đầu làm bằng tay, sau lần hồi canh tân máy móc, và chỉ phòng ướp tôm, máy ép bánh, máy sấy bánh cho chúng tôi xem.

1) HÃNG SA-GIANG

Phải thành thật công nhận rằng chính ông Lê-Minh-Triết khởi sự đem cơ giới vào nghề. Trang bị máy móc để biến chế nghề làm bánh phồng tôm, hăng ông tăng năng xuất gấp mười ngày trước. Ông lại khéo điều hòa thị trường cung cấp tôm bằng cách đông lạnh và trữ lạnh tôm. Hiện tại ông có máy lạnh có năng xuất làm đông 200 ký tôm trong một chu kỳ 4 giờ đồng hồ. Và ba phòng trữ dung tích tổng cộng trên 100 thước khối.

2) CÁCH LÀM BÁNH PHỒNG TÔM THEO LỐI CỔ TRUYỀN

Muốn làm được một ký bánh phồng tôm, phải cần các nguyên liệu như sau :

- 2 ký tôm sống thật tươi, khi bỏ đầu, lột vỏ lấy ra được 700 gram thịt tôm.
- Một ký bột khoai mì xay nhuyễn.

- Gia vị, muối, đường, bột ngọt, tỏi, tiêu, nước mắm tùy theo sở thích của người mà thêm bớt.

- 4 hột vịt (nếu bỏ trứng đỏ thì phải 8 hột).

- Một chút bột nổi tức thứ thuốc tiêu mặn (Bicarbonate de soude).

Cách thức biến chế như sau : Thịt tôm được đập nhuyễn ra, trộn với gia vị, rồi bỏ vào cối đá xay cho thật nhuyễn. Xong cho bột vào trệt và quét thật nhiều, càng nhiều càng tốt, cho mọi thứ được trộn thật đều nhau. Thêm nước, nếu thấy nó khô. Đoạn gói bột ấy vào vải thành cây như khúc lỏm chuối, đem vào xúng hấp cách thủy độ một giờ đồng hồ. Lấy ra, lột vải, để trên đĩa qua đêm, sáng hôm sau, đem cây bánh xắc và phơi. Nếu nắng tốt phơi hai ngày là có thể vô bao đem bán được.

Cho đến ngày nay, các giai đoạn sau đây đã được làm bằng máy : đập tôm, xay tôm và gia vị, trộn bột vào tôm quét bột, hấp cách thủy, xắc và sấy khô. Các nhà sản xuất tùy theo khả năng của mình mà mua sắm ít nhiều máy móc để thay dần từng giai đoạn biến chế đã kể trên.

3) NGHỀ LÀM BÁNH PHỒNG TÔM TRONG TƯƠNG LAI

Nhìn chung, chúng ta nhận thấy nghề làm bánh phồng tôm đã phát triển hơn xưa nhiều. Chẳng những kỹ thuật làm bánh đã tối tân hóa theo thời thượng, cho đến công việc thương mại hóa món hàng, quảng cáo, phân phối cũng như công việc trình bày món hàng trong bao hay hộp, cũng dần được biến cải để có nhiều màu sắc Việt-Nam.

Trong tương lai, món bánh phồng tôm Việt-Nam có nhiều triển vọng được xuất cảng, khi nước Việt-Nam hòa bình trở lại và nông dân Việt-Nam có thể ban đêm đi câu tôm, đặt lờ, để có đủ tôm sống cung cấp cho ngành sản xuất này.

Nghe xong sự trình bày và nguyện vọng trong tương lai của ông Lê-Minh-Triết, chủ hãng bánh phồng tôm tân tiến « Sa-Giang », chúng tôi bắt tay từ giã trong cảm tình lưu luyến, không quên đặt thêm một lời hỏi chót :

Hãng Sa-Giang hẳn sẽ càng ngày càng lớn mạnh thêm ? Ông đã có dự định chương trình xuất cảng ở ngày mai thế nào chưa ?

Ông Triết cười tin tưởng : « Sao không ! Mì Nhật-Bổn, mì Đại-Hàn kia còn tràn ngập thị trường Việt-Nam được, thì trong tương lai, món bánh phồng tôm của ta tung ra trên thị trường ngoại quốc, hương vị có hơn chỗ không kém chi mì Nhật, mì Đại-Hàn đâu. Tự nhiên phải được ngoại quốc hoan nghinh. Và chừng ấy, hãng Sa-Giang chúng tôi cũng như các đồng nghiệp khác quyết nỗ lực đem chuông đi đánh xứ người ».

Chúng tôi nhìn nhau nở nụ cười đồng ý.

II. SA-ĐÉC DANH TIẾNG VỚI CÁC NGHỀ THỦ CÔNG : NGHỀ LÀM PHÁO BÔNG, ĐỒ MÃ CHƯNG CỘ, CHƯNG QUẢ TỨ, LÀM HÌNH NỔI TRÊN LỤA, ĐÈN SÁP

Thời đại khoa học phát triển đến cực điểm, mọi ngành dần dần đều được canh tân hóa, kỹ nghệ hóa. Tuy nhiên, ngành thủ công, với sự khéo léo tay chân, với trí ý tinh xảo

chế biến của con người, bao giờ cũng đáng được tưởng thưởng hơn máy móc. Tìm hiểu các ngành thủ công ở Sa-Đéc cũng có lắm sắc thái nổi bậc hơn nhiều nơi khác. Thật thế, từ xa xưa tỉnh Sa-Đéc vẫn đã có nhiều tay thợ khéo nổi tiếng, nhất là ngành thợ bạc là ngành mà Sa-Đéc thiết lập lò đầu tiên và từng đem ra ngoại quốc triển lãm, rước lấy tiếng khen, như chúng tôi đã trình bày riêng ở bài trước. Ngoài ngành thợ bạc ấy ra, hãy còn có những ngành thủ công xuất sắc khác, có thể nói là độc đáo, như mấy mươi năm trước đây, hiệu Thủy-Tiên đã nức danh với ngành tạo hình nổi trên lụa.

Chúng tôi tìm đến ông Trần-Quang-Huy, người Sa-Đéc, ông là chủ nhân hiệu « Thủy-Tiên », nhà sản xuất hình nổi trên lụa toàn quốc. Người sành thưởng thức nghệ thuật chân dung nổi trên lụa, hẳn đều nghe biết tên hiệu Thủy-Tiên đã lừng lẫy tiếng tăm ở Sa-Đéc thuở nào. Nay nhân trình bày quyển « Sa-Đéc Xưa và Nay », nghĩ rằng khó thể bỏ qua mà không nhắc nhở đến hiệu Thủy-Tiên. Vì nếu không nhắc đến, tưởng cũng là một điều thiếu sót, và cũng phụ lòng một người đã có công với nền mỹ thuật nước nhà.

Gặp ông Trần-Quang-Huy tại tư gia ở đường Trần-Quốc-Toản, Saigon, chúng tôi cho biết ý định sẽ nói đến nghệ thuật chân dung nổi, nghệ thuật làm đồ mã, chưng quả tử, mà ông là người đáng được nhắc lại phần nào.

Ông mỉm cười khiêm tốn : « Ấy chết, trong thiên hạ còn thiếu chi người tài giỏi ».

Nhưng hiệu « Thủy-Tiên » của ông, cũng là một cái giỏi trong muôn ngàn cái giỏi đáng được ghi dấu vết đầy chớ.

Nghe chúng tôi ngắt lời như thế, ông Trần-Quang-Huy khẽ thở dài cảm xúc : *« Nếu được đời chẳng quên, âu cũng là một phần thưởng quý báu của những ai phụng sự cho nghệ thuật ».*

- Vậy thì ông đã cho phép tôi nhắc đến rồi đấy nhé.

Siết tay nhau trong tình thông cảm, chúng tôi cùng băng khuâng.

Vâng, ông Trần-Quang-Huy chính là miêu duệ của cụ Trần-Quang-Hựu, và thân sinh ông là Trần-Quang-Hiển đã đóng góp cho nghệ thuật nước nhà qua những nghề làm đồ mã, chưng cộ, quả tử, bát liên kỵ thú.

Đình đám ngày xưa có làm lễ thì rước các vị này đến dựng rạp chưng dọn, ai cũng khen ngợi. Thời xưa có những hội chợ ở Saigon, chính quyền cũng cho rước đến trình bày nghệ thuật mỹ quan hấp dẫn thị hiếu của quần chúng. Tài khéo lạ, nức tiếng xa gần.

Còn nghề làm hình nổi trên lụa do ông Trần-Quang-Huy sáng chế đầu tiên từ năm 1948 tại Sa-Đéc. Ông được cấp bằng của Bộ Kinh tế phát vào năm 1948 và được nhiều giấy tờ ban khen.

Nghệ thuật làm hình nổi, đèn bông sáp, được đem triển lãm nhiều nơi trên Saigon, nhà hát lân (nay là trụ sở quốc hội), Phòng Thông-tin, Tòa Đô-chánh và các cuộc hội chợ, được quan khách chú ý và hết lời tán thưởng cho là nghệ

thuật tinh vi. Nhờ vậy mà hiện ông được nổi tiếng, ông đã đào tạo rất nhiều môn sanh thành tài mở tiệm nhiều nơi.

Ngẫm lại, người Việt-Nam mình làm cái gì cũng không kém nước nào cả. Người Âu-Mỹ họ rất quý trọng nghề làm bằng tay hơn là máy móc.

Sa-Đéc cũng như nhiều nơi khác trên toàn quốc, kể về nghề thủ công đều có nghệ thuật tinh vi, đóng góp cho xứ sở nhiều công lao đáng được tán thưởng, làm vinh diệu cho nước nhà chẳng ít.

III. LÒ THỢ BẠC XƯA Ở TÂN-PHÚ Saigon ĐÔNG : TIẾNG TẮM VANG TRUYỀN NGOẠI QUỐC



*Di ảnh ông Huyện Lý Ngọc Sơn,
Người được tặng thưởng nhiều huy chương nhứt,
qua các cuộc đấu xảo đồ Mỹ Nghệ của ông ở Châu-Âu
từ 1906 trở đi... (Ảnh sưu tầm)*

Ngày nay trên lãnh thổ Việt Saigon Nam, không nơi nào là chẳng có lò thợ bạc, hiệu kim-hoàn. Và kể về sự khéo léo của các tay thợ giỏi sáng chế các kiểu nữ trang, ngày nay người thợ kim-hoàn nước ta cũng rước được nhiều tiếng khen ngợi. Nhưng chưa có lò thợ bạc nào được vinh danh

như lò thợ bạc đầu tiên sáng lập ở Tân-Phú-Đông thuở trước.

Hơn 90 năm trước, Sa-Đéc từng đã nổi danh là nơi có nhiều thợ bạc giỏi. Những món nữ trang của họ sáng chế, kiểu nào cũng sắc sảo và công phu vô kể. Bây giờ có ông Lý-Duy-Thiện, kêu là Hộ-Bửu, nghĩ đến danh dự của tỉnh nhà, nên khéo tập hợp các tay thợ kim hoàn thật giỏi, sáng lập một tiệm thợ bạc đầu tiên ở Tân-Phú-Đông, trong năm Tự-Đức thứ 23 (Canh-Ngọ 1870).

Nguyên cụ Lý-Duy-Thiện vốn người sanh trưởng tại làng Tân-Phú-Đông, tổng An-Trung, tỉnh Sa-Đéc, là một nhà công nghệ trứ danh. Từ năm Tự-Đức thứ 12 (1859), ông từng được quan lại địa phương kính mến và tấm lòng háo nghĩa, nên dâng sớ tấu về triều đình xin ân thưởng. Do đó, cụ Lý-Duy-Thiện được Vua Tự-Đức ban cho một tấm biển vàng khắc bốn chữ « Hào Nghĩa Khả Phong ». Từ khi cụ sáng lập lò thợ bạc, được hoan nghinh trong từng lớp dân chúng thì các mạng phụ phu nhân, các tiểu thư khuê các thấy đều trầm trồ thích ý với các kiểu nữ trang tinh xảo, đua nhau mua sắm. Dần dần các tỉnh kế cận nghe tiếng, cũng đổ xô về Sa-Đéc lựa chọn những món trang sức theo ý muốn.

Đến năm 1878, có cuộc đấu xảo tại Pháp quốc, chính quyền địa phương Sa-Đéc nghĩ ngay đến việc nên đưa nghề thợ bạc của tỉnh nhà sang Pháp dự cuộc đua tài. Được khuyến-kích và tự tin ở tài năng của đám thợ khéo trong tỉnh nhà, cụ Lý-Duy-Thiện kêu là Hộ-Bửu chấp thuận, đem

thợ khéo và các kiểu nữ trang sang đấu xảo tại Ba-Lê. Kết quả tốt đẹp.

Sa-Đéc được nức tiếng khen về mỹ nghệ khéo léo và tài tình nên chính phủ Pháp có ban thưởng cấp bằng danh-dự. Vì những kiểu chạm trổ Long, Lân, Qui, Phụng, hoặc những sáng chế đòi hỏi thật nhiều công phu tinh xảo và khó khăn không mấy ai làm được, đã khiến người ngoại quốc phải trầm trồ.

Tám năm sau, vào năm 1885, có cuộc triển lãm ở kinh thành Anvers nước Bỉ (Belgique), chính quyền địa phương Sa-Đéc lại khuyến khích cụ Hộ-Bửu đem chuông đi đánh nước người một lần nữa. Mà lần này lại là một nước tây phương xa lạ, đông đảo kỹ-nghệ các nước dự cuộc đua tài khéo. Hơn nữa, nhờ có kinh nghiệm ở kỳ đấu xảo tại Ba-Lê, và đã vững tin ở đám thợ giỏi của mình, cụ Hộ-Bửu đưa đoàn thợ cứng của cụ đi dự triển lãm ở nước Bỉ. Quả nhiên, lần thứ hai, Sa-Đéc lại được ngoại quốc chú ý khen ngợi về tài khéo và ban thưởng bội tinh bằng đồng.

Bảy năm sau nữa, lại có cuộc đấu xảo lần thứ hai ở Bỉ, Sa-Đéc cũng ghi tên dự cuộc, và vẫn giữ tiếng khen với ngành chế tạo nữ trang.

Trước sau ba lần, cả mấy kỳ đấu xảo ở ngoại quốc đều được danh dự kể cũng là một vinh diệu hi hữu cho nghề thợ bạc. Đúng là nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. Tỉnh Sa-Đéc nổi tiếng thợ bạc khéo trong cõi Nam-kỳ là cũng từ đó.

Danh vọng cụ Hộ-Bửu Lý-Duy-Thiện cũng được nêu cao, nghiêm nhiên là người đầu tiên dựng lò thợ bạc ở Tân-Phú-

Đông đã đem chuông đi đánh xứ người hoàn toàn tốt đẹp.

Khi cụ Bửu Lý-Duy-Thiện qua đời, người con là Lý-Ngọc-Sơn đắc cử Hội-đồng địa hạt Tổng An-Trung. Hai lần, ông đem nghề thợ bạc dự cuộc đấu xảo ở Hà-Nội năm 1902, và cuộc đấu xảo ở thành Marseille nước Pháp năm 1906, đều được ban thưởng Chương mỹ Bội-Tinh.

Nghề thợ bạc mà được phô trương ở ngoại quốc và rước được tiếng khen, thiết tưởng cụ Hộ-Bửu Lý-Duy-Thiện và con là ông Huyện Hàm Lý-Ngọc-Sơn kêu là Vĩnh phải được nêu danh muôn thuở.

Từ khi ông Lý-Ngọc-Sơn qua đời, thì ông Lý-Nhơn-Điền là con trai, hăng giữ một lòng kế nghiệp nghề thợ bạc của ông cha truyền để lại cho đời ông là tam đời.

Năm 1918, ông Toàn quyền Albert Sarrant đi kinh lý qua tỉnh Sa-Đéc có đến viếng lò thợ bạc của ông Lý-Nhơn-Điền, lúc bấy giờ Tham biện tỉnh Sa-Đéc là ông Striedter và ông chủ Quận Trương-Văn-Nga làm thông ngôn, quan sát lò thợ bạc xem xét từ món nữ trang chạm trổ rất tinh vi, được sự khuyến khích và khen ngợi của ông Toàn quyền thời ấy.

Năm 1918 ông Lý-Nhơn-Điền đem đồ mỹ nghệ triển lãm tại Hội chợ Hà-Nội được bằng cấp danh dự (Diplôme de mérite). Năm 1922 tại thành Marseille (Pháp quốc) ông Lý-Nhơn-Điền được mời qua triển lãm đồ mỹ nghệ riêng một gian hàng tại đường Annamile Section indochinoise, được quan khách ngoại quốc chú ý hết lời tán thưởng.

Lúc đó có Hoàng Đế nước Việt-Nam (Vua Khải-Định) ngự giá du lịch tại Pháp quốc, có ân hưởng cho ông Lý-Nhơn-

Điền một khuê bài Kim Khánh và được Hội đồng Bát Lãm thưởng bằng cấp thưởng hạng và Kim bội tinh (Diplôme de Grand Prix Médaille D'or). Vua Cao-Miên lại tặng Khuê bài Ngũ-Đẳng Bửu-Tinh (Chevalier de l'Ordre Royal du Cambodge).

Tóm lại, tỉnh Sa-Đéc được nổi tiếng thợ bạc khéo nhứt, trước tiên nhờ lò thợ bạc nhà họ Lý đem chuông đi đánh xứ người nhiều lần vang danh khắp chốn, đáng được nêu gương phụ truyền tử kế và cũng là vinh diệu cho tỉnh Sa-Đéc được người đời nhắc tới.

IV. SA-ĐÉC VỚI NGHỀ LÀM GẠCH NGÓI ĐƯỢC NỔI TIẾNG TỪ XƯA TỚI NAY

Ăn, mặc, ở vẫn là ba nhu cầu tối yếu của nhân loại. Từ bao giờ đến bây giờ, ai là người chẳng muốn ăn ngon, mặc đẹp, sang ? Riêng về lãnh vực ở chỗ sang, tự nhiên ai cũng nghĩ đến ngôi nhà gạch ngói, tường xây, nền đúc. Nào những chung cư, cao ốc, khang trang đẹp để tất nhiên phải cần đến vật liệu tối cần là gạch ngói.

Trong khi quan sát sinh hoạt kinh tế trong tỉnh Sa-Đéc, tìm hiểu qua các ngành kỹ nghệ tối tân, các nghề thủ công đang trên đà cải tiến, chúng tôi được biết ở miền Hậu-Giang ngày xưa chỉ có Vĩnh-Long và Sa-Đéc có lò gạch trước tiên.

Hơn bốn mươi năm trước, ngay từ năm 1920, tại Sa-Đéc đã có đến 9 lò gạch mà hết 7 lò thuộc về của người Huê-kiều, còn hai lò thật sự do người Việt chủ trương. Một là của ông Hội-đồng địa hạt (tức như Hội đồng tỉnh ngày nay) Nguyễn-Hữu-Cảnh và một lò của ông Cao-Hoài-Trung. Chín

lò gạch nói trên, ở rải rác khắp nơi trong tỉnh : Mũi Cần-Lỗ, Đất-Sét, Tân-Xuân, nằm về hữu ngạn Tiền-Giang sông Cửu-Long, địa thế tiện lợi cho sự chuyên chở. Có thể nói, các lò gạch Vĩnh-Long, Sa-Đéc đã thu hút đông đảo khách hàng ở miền Hậu-Giang những khi cần dùng đến các vật liệu xây cất ấy.

1) GẠCH NGÓI SA-ĐÉC DỰ CUỘC ĐẤU XẢO

Năm 1923, hội chợ Hà-Nội từng bừng khai mạc, các tỉnh trong Nam thời ấy, nơi nào sản xuất những gì đặc biệt, được quan đầu tỉnh Chánh Tham-biện khuyến khích đem món hàng ra dự cuộc đấu xảo, triển lãm cho dân chúng khắp nơi thưởng thức. Những cái hay, cái khéo của từng địa phương, được giới thiệu đích đáng.

Bấy giờ tỉnh Sa-Đéc đã đem những món trang sức làm bằng tay do lò thợ bạc của ông Lý-Ngọc-Sơn sáng chế mà tham dự, và những bức bình phong cảnh tỉnh Sa-Đéc cũng được trưng bày. Đặc biệt gạch ngói đủ kiểu tinh xảo, đóng thùng cẩn thận, chở ra tận Hà-Nội để tranh khéo với các nghề thủ công khác, và để đồng bào ngoài Bắc được biết.

Kết quả gạch ngói Sa-Đéc được các chuyên viên thẩm định cho là tốt nhất. Ban tổ chức cấp giấy khen thưởng. Rước được vinh diệu cho tỉnh nhà, các lò gạch Vĩnh-Long, Sa-Đéc từ ấy thịnh lên. Chánh quyền cũng nâng đỡ, khuyến khích bằng cách sử dụng ngay gạch ngói trong tỉnh sản-xuất mỗi khi xây cất dinh-thự, học-đường, bệnh-viện và các cơ quan công cộng.

2) NGHỀ LÀM GẠCH NGÓI NGÀY NAY

Sa-Đéc ngày xưa có thành tích vẻ vang nghề làm gạch ngói là thế nhưng hiện nay thì sao ? Điều thắc mắc của chúng tôi, được ông Trần-Văn-Quế giải thích khá rõ, khi chúng tôi thân đến Sa-Đéc, tìm hiểu sinh hoạt của các lò gạch ở đây.

Ông Trần-Văn-Quế, chủ lò gạch ở xã Tân-Xuân, cách Châu-Thành Sa-Đéc 3 cây số. Chúng tôi hân hạnh tiếp xúc với ông, để hỏi qua cách thức làm gạch và năng xuất mỗi tháng được bao nhiêu ? sự tiêu thụ ngày nay so với xưa kia ra sao !

Ông Quế có vẻ cảm xúc, do dự giây lâu mới phát biểu ý kiến sau đây :

Như mọi người đều đã biết, ngày nay nhà cửa nhan-nhan những mái tôn (Tôle) nóng, tôn lạnh, hoặc loại Fibrociment, do các nước ngoài nhập cảng. Các nhà thầu cũng như tư nhân đều cho rằng các vật liệu ấy tốt và tiện lợi hơn.

Đành rằng cũng có tiện lợi hơn thật, nhưng kể về mặt mát mẻ, không nóng, lâu hư, phải chăng thực tế đã chứng minh rằng ngói lợp có được cái công dụng tốt đẹp nhiều hơn ?

Rồi ông nhấn mạnh : Nếu các nhà thầu chịu khó phân tách sự lợi hại, giới tiêu thụ dùng trở lại ngói lợp nhà của xứ ta sản xuất, chẳng những không mất một số ngoại tệ, lại tiết kiệm ngân quỹ biết mấy.

Chúng tôi gật đầu thông cảm lời ông Trần-Văn-Quế, nâng đỡ hàng nội hóa, « Ta về ta tắm ao ta » thì còn gì bằng.

3) TẠI SAO GẠCH NGÓI SA-ĐÉC ĐƯỢC NỔI TIẾNG

Đặc biệt Sa-Đéc có nhiều chỗ đất sét tốt, lại dồi dào các nguyên liệu để sản xuất gạch ngói hảo hạng, nên nổi tiếng hơn các nơi khác.

Ông Trần-Văn-Quế, chủ lò gạch xã Tân-Xuân, hướng dẫn chúng tôi quan sát lò gạch của ông, từ cách nhồi đất, in gạch, phơi gạch, sắp gạch vào lò, v.v... công việc chạy rất đều. Mỗi mỗi đều sắp đặt ngăn nắp, vén khéo.

Thông thường, lò gạch phần nhiều ở dựa lộ và gần mé sông để chuyên chở thuận lợi. Một cơ sở làm gạch, có ít lắm từ hai đến năm miệng lò.

Trong miền Nam cũng lắm nơi làm gạch, như Mỹ-Tho, Biên Hòa, Hà-Tiên, Bến-Tre, Cà-Mau, nhưng phần đông giới tiêu thụ thích gạch ngói Sa-Đéc hơn các chỗ khác.

Vì giá rẻ, gạch tốt, ở địa điểm ở giữa trung tâm miền Hậu-Giang, sự di chuyển dễ dàng, nhanh chóng.

Theo lời ông Trần-Văn-Quế cho chúng tôi biết thêm : Hiện nay, tỉnh Sa-Đéc có trên 10 sở lò gạch, mỗi sở không dưới 100 nhân công giúp việc. Như thế, nghề làm gạch đã giúp đỡ một số nhân công có công ăn việc làm hàng ngày. Nền kinh tế tỉnh nhà được hưng thịnh, do sự đóng góp của các công nghệ tư nhân, đáng được khích lệ và nâng đỡ.

CHƯƠNG 2 : CÔNG KỸ NGHỆ SA-ĐÉC TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

I. DẠO QUA CÁC HÃNG NƯỚC ĐÁ

Nghe chúng tôi bày tỏ ý định viết về Sa-Đéc xưa và nay, trình bày đủ mọi lãnh vực của tỉnh này, cũng như bao tỉnh khác mà chúng tôi đã thực hành hoặc đang trong dự định, nhiều nhân vật tại Sa-Giang tỏ ý tán thành và giúp đỡ, khiến chúng tôi cảm động tri ân.

Dưới sự hướng dẫn của một công chức hồi hưu, đã sống lâu năm tại tỉnh Sa-Đéc (ông Huyện-Nhượng, cựu Trưởng ty Bưu-điện), chúng tôi được biết tại Sa-Đéc hiện nay có những hãng nước đá đang sinh hoạt khả quan :

- SANH-PHÁT : Tại trung tâm Châu-Thành
- TÂN-VIỆT : Cách Châu-Thành 500 thước
- KIM-SA : Cách Châu-Thành 1.500 thước
- TÂN-PHÁT : Quận Đức-Tôn
- THANH-BÌNH : Nha-Mân và hãng của ông Năm-Thâu ở Lấp-Vò.

Trong các hãng nước đá mà chúng tôi có dịp viếng thăm, có thể nói hãng nước đá Kim-Sa là hãng được tổ chức khá chu đáo. Ngoài những máy móc tối tân trang bị vén khéo, chủ nhân còn lo nơi ăn chốn ở của nhân viên đủ tiện nghi.

Để bảo vệ sức khỏe cho người giúp việc, cũng như làm tăng uy-tín cho hãng nước đá, vị Bác-sĩ Trưởng ty Vệ-sinh và ông Phụ-tá (Bảy-Thiệt) vẫn thường lui tới xem sóc hệ

thống đặt ống nước và các hồ lọc của hăng. Bằng chứng là một sự trùng hợp ngẫu nhiên lúc chúng tôi ghé viếng hăng nước đá Kim-Sa, gặp ngay vị Bác-sĩ Trưởng ty Vệ-sinh và ông Phụ-tá Thiết đang từ trên hồ lọc nước (cao 5 thước) leo xuống. Bác sĩ và ông phụ tá niềm nở cho chúng tôi biết sự chăm sóc ấy rất có lợi cho quần chúng và chủ hăng, vì đủ bảo đảm giá trị tinh khiết của những khối nước đá do hăng sản xuất ra.

1) PHƯƠNG PHÁP LỌC NƯỚC VÀ LÀM RA CÂY NƯỚC ĐÁ

Nước từ dưới sông bơm vào bể chứa và lắng phèn trong 48 tiếng đồng hồ mới được bơm qua hệ thống lọc. Hồ lọc vuông vừa 1 thước và cao 5 thước. Trong hồ lọc này chứa đựng 4 lớp đá : Đá lớn lót phía dưới và lần lần những lớp đá nhỏ nhỏ lót bên trên. Và thêm vào hai lớp cát. Cát to lót dưới, cát nhỏ lót trên.

Nước phải chảy qua 6 lớp đá cát nói trên, rồi mới chui vào một ống có khoan nhiều lỗ nhỏ nằm phía dưới ống. Nước lọc xong rồi, lại chạy vào một bể khác một lượt với thuốc khử trùng. Sau 20 tiếng đồng hồ, nước lọc được được khử trùng tinh tế, mới được bơm vào khuôn nước đá, để hoàn thành những cây nước đá trong và đặc, bảo đảm tinh khiết.

Về việc súc hồ và rửa đá cát, thì phải dùng nước sạch để rửa. Nước bơm từ dưới đáy hồ lọc, tràn ngập trên những lớp cát trong hồ và kéo theo những chất bẩn, bụi, bặm tràn trên miệng hồ và thoát ra ngoài.

Bác-sĩ Trưởng ty Vệ-sinh cũng cho chúng tôi biết :

Hiện nay ở Sa-Đéc, chỉ có hăng nước đá Tân-Phát (Quận Đức-Tôn) và hăng nước đá Kim-Sa là áp dụng phương pháp lọc nước theo sự chỉ dẫn của Bác-sĩ. Và Bác-sĩ cũng hy vọng rằng trong ngày gần đây, các hăng nước đá khác trong tỉnh cũng nên áp dụng phương pháp kể trên.

2) CẢM NGHĨ CỦA CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI HĂNG NƯỚC ĐÁ KIM-SA VÀ CÁC HĂNG KHÁC TRONG TƯƠNG LAI

Cùng với ông Huyện Nhượng thăm viếng hăng nước đá Kim-Sa, chúng tôi đã quan sát rất kỹ. Hăng Kim-Sa kể khá lớn lao, đông chuyên viên túc trực sẵn sóc về kỹ thuật và nhiều nhân công chăm sóc mọi hoạt động trong hăng, theo hệ thống dây chuyền. Chủ nhân hăng Kim-Sa đã vui vẻ cho chúng tôi biết, mỗi ngày hăng sản xuất trên 500 cây nước đá tiêu thụ tại Sa-Đéc và các vùng phụ cận. Hăng có xe chở đi giao cho các đại lý đặt sẵn trong tỉnh, có khi chở qua các tỉnh kế cận, để cung ứng thỏa mãn mọi nhu cầu của đại lý và khách-hàng. Hơn nữa, còn có nhiều ghe xuống bờ tới chở nước đá về bỏ mỗi, hoặc bán lẻ. Cuộc sinh hoạt phồn-thịnh, tạo cho địa phương một sắc thái tươi đẹp, đầy triển vọng.

Kỹ nghệ làm nước đá, nếu được giới tiêu thụ tín nhiệm, càng đầy đủ phương tiện để tối tân hóa hơn lên, ắt càng có cơ sở lớn lao. Sa-Đéc, một tỉnh mới vừa thu hồi lại địa vị cũ gồm có 4 quận, nay đã có tới 6 hăng nước đá tiêu thụ mạnh, thật là hưng thịnh, và trong tương lai có thể còn phát triển thêm nữa.

II. SẢN PHẨM THANH HÀNH NGANG VỚI BÁNH PHỒNG TÔM : NGHỀ LÀM BỘT MÚC Ở SA-ĐÉC

Bánh phồng tôm Sa-Giang có tiếng bao nhiêu, thì nghề làm bột mỳ ở tỉnh này cũng được hoan nghênh bấy nhiêu. Du khách đến Sa-Đéc, thường thức món bánh phồng tôm, hẳn liên tưởng ngay đến ngành bột mỳ ở đây. Lâu nay các nhà làm bột âm thầm phát triển nghề mình, đóng góp vào cuộc sinh hoạt kinh-tế của tỉnh nhà, khá nhiều khởi sắc.

Chúng tôi có dịp đến thăm các lò bột ở bên bờ sông Sa-Đéc xã Tân-Hưng, Cái-Tôm (An-Tịch). Xẻo-vạt và vô Bình-Tiên, Tân-Phú-Trung, lên Hòa-Long, Long-Hậu, quan sát mỗi địa phương rải rác trong tỉnh có làm ít nhiều nghề làm bột ở đây, phải đông người trong gia đình hiệp nhau mà làm. Có chỗ khuếch-trương nghề nghiệp thì mượn thêm nhiều nhân công, tăng gia năng suất, cung cấp trên thị trường hiện nay. Nhất là ở miệt Cái-Tôm thanh hành hơn hết trong nghề làm bột mỳ, bột làm rất tốt, trắng phau và ở xã Tân-Xuân có những lò làm hủ tiếu bán cũng mạnh.

Tiếp xúc với các chủ lò quanh vùng, chúng tôi hỏi về kỹ-thuật làm bột và nhấn mạnh câu phỏng vấn :

Bột ở đây làm thế nào được trắng và tốt như thế ? Các chủ lò niềm nở giải đáp. Sở dĩ bột mỳ Sa-Đéc được tiếng ngợi khen trắng tốt, là nhờ con nước sông Sa-Đéc quanh năm vẫn ngọt, không phèn. Do đó, bột ở đây đặc biệt hơn các chỗ khác.

Để thỏa mãn sự tìm hiểu của chúng tôi, một trong những chủ nhân lò bột ân cần nói rõ về kỹ thuật làm bột từ

trước đến nay và sự tiêu thụ trên thị trường.

KỸ THUẬT VÀ NĂNG SUẤT TIÊU THỤ BỘT MÚC :

Thông thường ai cũng biết, làm bột thì dùng gạo hay nếp đem ngâm cho hơi mềm, rồi vớt ra bỏ vào cối đá xanh mà xay. Ngày trước hầu hết nơi nào cũng xay tay, nhưng ngày nay thì canh tân bằng máy móc, không xay bằng tay nữa. Máy xay bột chế biến bằng một máy đuôi tôm chuyển bắt một sợi dây trôn qua cối đá cho máy chạy. Động cơ chuyển mạnh, cối đá xay nhanh, gạo hoặc nếp xuống bột nếp nhuyễn. Phương pháp xay bột bây giờ hiệu quả hơn trăm lần xay tay theo lối xưa. Bột nhuyễn rồi, chan ra nhiều lu, khạp, hồ, đổ nước vô ngâm. Hằng ngày tẽ nước ra nhiều lượt, thay nước mới ít lắm là một tuần. Để cho bột thật nhuyễn, lọc ra cho thật ráo. Đoạn bẻ bột bày ra nia, ra vỉ, đem phơi độ ba bốn nắng cho thật khô. Công phu hoàn tất, đến giai đoạn cân bán cho các vựa Huê-kiều trong tỉnh, hoặc ở Saigon, Chợ-Lớn về chế biến ra, vô bao, vô hộp để phát hành cho giới tiêu thụ toàn quốc.

Cặn bột thì chủ lò cho heo ăn rất mau lớn. Nhà chủ lò nào cũng nuôi ít lắm là cả chục con heo. Một số nhà khác thì nuôi vịt, cũng cho ăn cặn bột : loại vịt này thịt ngon hơn các vịt thường, với giá từ 1.500\$ mỗi con. Người sành điệu đến Sa-Đéc muốn ăn thứ vịt nuôi bột mức đến lò mà nài với giá nào cũng chẳng ngần ngại.

Chúng tôi được biết, hằng năm ở Sa-Đéc sản xuất trên 10.000 tấn bột mức, thu vào một số lợi tức đáng kể. Nhờ thế mà đời sống đồng bào ở đây được khá giả, mỗi gia đình

ở đây đều có công ăn việc làm, khỏi lâm vào cảnh thất nghiệp.

Trong tương lai, bột Sa-Đéc có thể được xuất cảng ngoại quốc, thì xứ ta có thêm một số ngoại tệ, và nghề làm bột ắt sẽ được canh tân hóa sâu rộng hơn nữa.

Trên tinh thần vô tư, chúng tôi không hề làm quảng cáo hoặc đề cao cho một ngành sản xuất nào cả, mà chúng tôi chỉ nói lên tiếng nói trung thực với tính cách tìm hiểu để làm tăng thêm giá trị sản phẩm của miền Nam nói chung và tỉnh Sa-Đéc nói riêng, hầu khuyến khích các ngành này mạnh tiến trong việc sản xuất làm cho dân giàu nước mạnh. Người Việt-Nam phải xài sản phẩm Việt-Nam để khỏi tốn một số ngoại tệ.

III. CHIẾU SA-ĐÉC VẪN ĐÁNG KỂ

Có nhà nào mà không xài chiếu ? Có điều, đời nay mọi ngành mọi nghề đều canh tân, phát triển, cho đến chiếu ngày nay cũng đã bước sang giai đoạn chiếu nylon rồi. Chiếu nylon đã tiêu thụ khá mạnh trên thị trường. Nhưng người Việt-Nam, dầu sao, vẫn còn cảm thấy lưu luyến với hương vị đồng quê, bưng, lát, cói mà... bao nhiêu lát là bấy nhiêu... « Tơ » dệt chiếu. Để cho quang cảnh đồng quê thêm đậm đà thi vị :

*« Sáng trắng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ ».*

Dệt chiếu bằng nylon, đẹp thì có đẹp, bền tốt vẫn có bền tốt thật, nhưng mà sao như thấy thiếu đi nhiều những

điều đáng cảm động, đáng nâng niu trù mẫn đám nông dân tay lấm chân bùn, trong cảnh lặn lội đi tìm lát, lấy lát đem về dệt thành chiếu trắng. Chiếc chiếu có nhiều công khổ, nhiều mồ hôi nước mắt, kể ra ai nỡ quên cho đành. Có chiếu nylon mà phụ tình chiếu lát, ấy cũng là cái cảnh « có Lê quên Lựu, có trắng quên đen », đáng phàn nàn lắm đấy nhé ai ơi !

Nói về chiếu, đành là chiếu Năm-Căn, Cà-Mau là đáng ngợi nhất và cũng là công khổ nhất nơi đồng sâu nước mặn của miều cực Tây đáng mẫn. Rồi phải kể đến chiếu « Tà-Niên » Rạch-Giá. Nhưng du khách đến viếng Sa-Đéc, xin cũng đừng quên rằng nơi đây cũng có công nghệ làm chiếu đáng được ngợi khen.

Có thể nói chiếu Sa-Đéc chẳng thua gì chiếu Năm-Căn, Cà-Mau, hoặc có thể hơn nữa là khác. Nghề dệt chiếu trắng rất phát đạt tại làng Tân-Đông, tổng An-Thạnh-Hạ, chiếu dệt dài, đẹp, trắng tươi tốt, màu ưa nhìn.

Về kỹ thuật làm chiếu lát, không nói thì ai cũng rõ, cực và công phu hơn chiếu nylon. Lát đem về chẻ lấy ruột ra rồi đem phơi, đoạn lựa chọn ra nhiều loại để dùng cho chiếu khổ nhứt, khổ nhì hay khổ ba. Khi dệt muốn cho chiếu dày hay thưa là tùy người.

Chiếu làng Tân-Đông có tiếng. Và rải rác ở các xã khác quanh vùng tổng An-Thạnh-Hạ, cũng có nhiều nhà làm nghề dệt chiếu. Cuộc sinh hoạt xem ra cũng đang tích cực phát triển mạnh. Trong tương lai, thị trường chiếu ở Sa-Đéc ắt sẽ được nhiều nơi chú ý.

IV. TÂN-QUI-ĐÔNG HOA THƠM CỎ LẠ : NƠI SẢN XUẤT HOA KIỂNG TOÀN QUỐC

Chúng tôi đến Sa-Đéc tìm hiểu qua ngành trồng hoa kiểng, vì nghe rằng vùng Tân-Qui-Đông là nơi sản xuất hoa-kiểng toàn quốc. Quả thật Sa-Đéc danh bất hư truyền là vùng có nhiều hoa thơm cỏ lạ.

Trong những dịp lễ lớn như Phục-sinh, Giáng-sinh, Tết Nguyên-Đán, v.v... thị trường hoa kiểng ở Saigon, Chợ-Lớn một phần chính do Sa-Đéc đã cung ứng khá nhiều, làm thỏa mãn lòng du khách yêu thanh chuộng đẹp.

Từ xưa tới nay, tại Sa-Đéc có nhiều chủ nhân các vườn hoa kiểng chuyên môn trồng nhiều loại kiểng theo lối cổ, có gốc trên 100 năm. Nào là cằng-thăng kim-quít, bùm sùm, huỳnh mai, bạch mai, khế, me, sung, v.v... Tay chuyên môn uốn nắn từng cành lá, biến chế thành nhiều kiểu ; xuy-phong chiếu thủy, chiết chi, dã thú, bát tiên quá hải, đủ cả hình thể, muôn vàn tên gọi nghe thích thú hấp dẫn lạ lùng. Nghề chơi cũng lắm công phu. Nhìn những chậu hoa kiểng thiên nhiên đã đẹp, lại được thêm bàn tay nhân tạo điểm xuyết vào, cảnh trạng ưa nhìn càng đẹp bội phần. Chơi hoa kiểng vẫn là thú chơi tao nhã, truyền thống của dân tộc ta từ xưa.

Ngày nay con cháu vẫn nối tiếp theo truyền thống ấy. Nhưng lại còn canh tân trồng nhiều loại hoa kiểng của các nước Tây-Âu đem giống qua nước ta. Các loại kiểng mới như : Tùng Nhựt-Bổn, tùng Bồ-Đào-Nha, sơn-tùng, thanh-tùng, vạn niên tùng của Việt-Nam, bông giấy Thái-Lan, Nam-Mỹ, loại này bông nở ba tháng mới tàn. Hồng, cúc,

hường, thược-duợc, trúc đào, lan-cúc, sứ Ấn-Độ, các loại này mỗi thứ có năm bảy giống. Người chủ vườn hàng ngày đều có mặt ngoài vườn kiểng, tự tay chăm sóc nâng niu, ủ phân, xới đất, khử sâu bọ, vô phân tưới nước để thuốc sát trùng. Công càng đầy đặn chừng nào, thì đến lúc nhìn thấy kết quả lòng càng hân hoan chừng ấy : Đây vườn hoa kiểng khoe tươi, khoe thắm, phô dáng, làm đẹp làm duyên còn gì thích thú bằng, tha hồ nhìn ngắm say sưa thỏa mãn.

Đặc ý trọng tinh thần, lại cũng đặc ý trên thực tế, vì theo thời giá, một vườn hoa kiểng đem trưng bày chiêu khách thưởng hoa, ắt sẽ thu vào một mối lợi khá tương xứng với công phu chăm sóc.

Bảo rằng công phu rất mực, vì trồng kiểng quả thật là một vấn đề công phu và nghệ thuật. Mỗi vườn hoa kiểng từ 2 công đến 5 công đất, cả đôi ba ngàn gốc. Đến kỳ chở lên Sài-Gòn bán sỉ cho các vựa lớn ở các nẻo đường Nguyễn-Trãi, Trần-Hưng-Đạo hoặc các tỉnh kế cận.

Nơi trồng kiểng quả thật là một vấn đề công phu và nghệ thuật. Mỗi vườn kiểng nhiều nhứt trong tỉnh Sa-Đéc là vùng xã Tân-Vĩnh-Hòa, ấp Tân-Mỹ, rạch Thông-Lưu, gần sông Cửu-Long. Khi xưa nơi đây gọi là Tân-Qui-Đông, là nơi nổi tiếng có nhiều hoa kiểng cổ và tân thời, ai muốn dùng loại nào cũng có.

Tại đây có nhiều chủ trồng lớn, đất rộng sum xuê vườn kiểng, rục rờ trăm hoa đua sắc tranh hương. Những vườn hoa hoa kiểng có tiếng hiện nay ở Sa-Đéc là vườn của quý ông Văn-Phép, Dương-Hữu-Tài (tự Tư-Tôn), Tống-Văn-Huệ,

Mười Căn, Năm-Sấm, Hai-Hương. Đó là những vị chủ vườn lớn. Ngoài ra còn có trên 20 nhà trồng ít chùng vài trăm gốc.

Trên thị trường hoa kiểng, theo sự hiểu biết của chúng tôi, mỗi tháng các nhà trồng nhiều sẽ thu vào một số lợi tương đối khá, vì ít nhứt không dưới 40.000 đồng. Ấy là số thu trong những tháng thường. Vào khoảng tháng chạp đến tết Nguyên-Đán, có chỗ bán trên năm ba trăm ngàn.

Đã kể qua tên tuổi quý ông chủ vườn kiểng hiện tại, thiết tưởng cũng nên nhắc đến lớp người xưa đã sống với nghề này mà nay đã quá vắng, như quý ông : Võ-Văn-Phu, Trần-Văn-Dậu, Phạm-Văn-Xoài, Phạm-Văn-Nhạn. Người trước đã dọn đường cho lớp sau tiến bộ trong ngành vun bồi hoa kiểng. Người lớp đã để tiếng với đời bởi khéo tay trồng trọt, giàu khiếu thẩm mỹ tô điểm kiểng hoa. Lớp hiện giờ đây, với sự kinh nghiệm dồi dào, cộng thêm với kiến thức mới trong đời sống khoa học thịnh hành, cố nhiên nghề nghiệp lại thêm tiến bộ vượt bậc.

Trước đây, biên soạn bộ Vĩnh-Long Xưa và Nay, với tất lòng yêu thanh chuộng đẹp, luôn luôn tìm hiểu tìm biết những gì đã tô điểm quê hương thêm đẹp thêm tươi, chúng tôi vẫn đã dành để cảm tình đối với các vị trồng hoa kiểng ở đất Vĩnh. Nay trình đến phần tỉnh Sa-Đéc, chúng tôi càng thêm nặng cảm tình với mảnh đất khét tiếng trong ngành hoa kiểng. Rõ là mỗi nơi đều có những sản phẩm đặc biệt mà chúng ta không để ý, nay hiểu ra mới biết Sa-Đéc là nơi sản xuất và cung cấp cho toàn quốc các loại hoa kiểng để tăng vẻ đẹp cho đất nước, để vừa lòng những khách sành

điều thưởng thức. Xem hoa ngắm kiểng, từ nay khách phong lưu hẳn sẽ có thêm đông người hướng về Sa-Đéc mà dành cho một tỉnh lẻ ở miền Hậu-Giang này nhiều thiện cảm.

VƯỜN KIỂNG CỔ THỤ XÃ TÂN-HƯNG : Các nhà sưu tầm hoa kiểng, đồ cổ, không một ai không để ý tìm đến thưởng thức phong quang sân kiểng của một nhân vật có tiếng tăm trong tỉnh Sa-Đéc. Ấy là vườn kiểng có thể nói là duy nhất, đẹp và hấp dẫn linh động, do bàn tay chăm sóc của ông Ngô-Văn-Hay (tự Kỳ).

Chúng tôi đến Sa-Đéc, được sự hướng dẫn của ông Phan-Đình-Minh và Đại tá Nguyễn-Văn-Bê, đến thăm ông Ngô-Văn-Hay và xem vườn kiểng của ông. Chủ nhân vườn kiểng vốn là một vị giáo chức hồi hưu. Ngôi nhà ông cất day mặt ra phía bệnh viện Sa-Đéc, phía bên kia bờ sông thuộc về xã Tân-Hưng.

Vào đến nơi, chủ khách cầm tay lại lảng cảm tình. Xong một tuần trà nước, hàn huyên, chúng tôi nổi gót chủ nhân vòng ra sân trước mé hông nhà mà tha hồ ngắm kiểng xem hoa. Thật ra, lúc mới bước vào cổng nhà ông Hay, chúng tôi đã sẵn niềm luyến mến sự phong nhã của chủ nhân, qua phong cảnh thanh tân khả ái của vườn kiểng khéo chăm sóc, khéo trình bày. Giờ đây, trước sự ân cần giới thiệu của chủ nhân về các loại kiểng mà ông đã trồng, nghe giọng nói nhiệt-thành, ngắm dáng điệu say mê giải thích, chúng tôi có cảm tưởng chủ nhân như tín đồ sùng đạo đang tuyên dương giáo lý. Vâng, nghề chơi cũng lắm công phu. Say mê đeo đuổi theo bất cứ một công trình nào, âu cũng là một tín đồ

ngoan đạo chớ sao. Đạo đây là nghệ thuật trồng hoa kiểng, mà tín đồ sùng đạo là ông Ngô-Văn-Hay đang thao thao bất tuyệt kể rành rọt cho chúng tôi đều biết, lôi cuốn chúng tôi vào chỗ chung chia niềm say mê thích thú với ông.

Các loại kiểng của ông Hay vun trồng chăm sóc, lắm thứ đã có từ trên thế kỷ. Nào những : Khế, me, căng-thăng, kim quít, mai chiếu thủy, tùng, v.v... Mỗi gốc căn cội già nua, có gốc trên 150 năm mà ông vẫn chăm giữ đến ngày nay. Đó là những gốc kiểng do thân nhân để lại nhiều đời, uốn nắn theo lối cổ. Quan sát sân kiểng của ông, chúng tôi nhận thấy có tất cả gần 100 gốc, gốc nào cũng lâu năm, ít ra cũng từ 50 năm trở lên.

Xem qua mãn nhãn, lại được chủ nhân cho biết về sự vun trồng vườn kiểng của ông. Không như bao nhiêu người khác đã trồng kiểng với tấm lòng hồ hững, trồng cho lấy có, cho ra vẻ phong tao nhã lịch với đời thế thôi, trái lại, ông Ngô-Văn-Hay trồng kiểng với tấc nhiệt thành say mê tột bậc. Lại vun trồng một cách tận dụng công phu, dụng tâm, dụng ý, cực-kỳ tinh tế, độc đáo. Ông sửa theo thể « trực lập » tức là ngay thẳng và một đôi cặp « kiêu tử » (cây lớn nhỏ dính lại, như tình cha con lưu luyến, như bậc huynh trưởng tỏ lòng ưu ái với đàn em cháu).

Trải xem dàn kiểng của ông, chúng tôi chẳng khỏi trầm trồ khen ngợi. Từ lâu đã đặt chân đi nhiều nơi mà chưa hề gặp một dàn kiểng nào xứng đáng như dàn kiểng của ông Hay.

Theo sự ước lượng của chủ nhân, dàn kiểng của ông hiện nay trị giá mấy triệu đồng. Đã từng có lắm người biết tiếng vườn kiểng của ông, đến thưởng thức và tỏ ra sành điệu, nài ông nhượng lại một gốc với số thù tạ hai ba trăm ngàn bạc. Nhưng đã bảo rằng ông là hạng tao nhân phong nhã, cố nhiên ông vẫn thường từ chối không bán. Nghệ thuật là vô giá. Đã vì nghệ thuật mà tận tâm tận tụy, có bao giờ ai nỡ đánh giá những đứa con nghệ thuật của mình theo lối con buôn. Vườn kiểng đã xinh, phong thái của chủ nhân lại cao khiết, ấy là chỗ chinh phục được cảm tình và lòng kính mến của những ai từng đến viếng qua một lần.

Nghe đâu có lần ông tặng cho cố Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm bốn gốc kiểng rất quý để lưu niệm, được Tổng-thống khen ngợi nghệ thuật trồng kiểng của ông, và những nhà tai mắt trong tỉnh, những du khách đến viếng, đều chẳng tiếc lời khen tặng, âu cũng là một phần thưởng tinh thần xứng đáng.

Thú chơi kiểng, chẳng những đòi hỏi nhiều công phu chăm sóc, mà lại còn phải nhẫn nại, bền chí, mới mong có được một vườn kiểng cho ra hồn. Đã thế, thú chơi kiểng cũng là một thú chơi nho nhã, phi bậc người có cốt cách phong-lưu, có tâm hồn thanh cao, có ý chí thẳng thắn, không thể tạo dựng được phong quang khả ái thần tiên, để mà thưởng ngoạn, để di dưỡng tâm thần.

Huống chi : « *Sơn trung tự hữu thiên niên thọ.*

Thế thượng nan phùng bá tuế nhân » .

(Trong núi ngàn năm cây vẫn có,

Trên đời trăm tuổi được bao người ?)

Gây dựng một vườn kiểng toàn những thứ lâu năm, kể thật cũng đáng cảm phục. Loại cây trồng dưới đây trăm năm vẫn có, nhưng kiểng trồng trong chậu trên trăm năm thật chuyện hi hữu.

Các cụ thâm nho ngày xưa thích chơi kiểng, thường uống trà ngâm thơ vịnh phú để tiêu khiển thì giờ. Nơi nào còn giữ được những vật xưa, tức là biểu dương được tinh thần tồn cổ.

Tại Sa-Đéc, ngoài vườn kiểng quý giá cả về vật chất lẫn tinh thần của ông Ngô-Văn-Hay, hãy còn có lăm nhà trồng kiểng khác, nói lên nét cao quý của Sa-Đéc trên phương diện chơi thanh chơi tĩnh, làm tăng giá trị nhân vật thanh nhã của vùng đất quê hương.

Chúng tôi khi ra về, luống những băng khuâng luyến mến.

V. MỘT NGUỒN LỢI THIÊN NHIÊN : VƯỜN CÒ LỘ THIÊN TRÀM-CÒM XÃ LONG-THẮNG

Trên mảnh đất miền Nam Việt-Nam, từ xưa tới nay có rất nhiều sân chim, sân cò. Nhất là vùng Năm-Căn Cà-Mau, Rạch-Giá, có nhiều khu vực vắng-vẻ, xa dân chúng, các đàn chim như cò, diệc, thường tụ họp về trên một khoảnh đất nào đó đông vô số. Chúng sanh con đẻ trứng nhanh chóng nên không mấy lúc thì cánh chim sập sè bay liệng che rợp một góc trời. Hoặc khi chúng quần tụ lại trong sân, lũ khữ đầy đàn, trông ra đen nghịt hay trắng toát một vùng. Hằng ngày, chúng chia nhau bay đi nhiều nơi, nhiều ngả mà kiếm

ăn hoặc tha mỗi về cho đám con. Cá mằm mỗi ngày chúng bắt ngoài sông rạch đồng ruộng, đem về làm lương thực dự trữ, hay nuôi con, rơi rớt dọc đường, hoặc bỏ ngang bỏ dọc rải rác quanh vườn, chủ vườn nhặt đem về làm mằm bán cũng nhiều tiền. Đến mùa chúng sanh sản, hốt trứng bán con vô số kể. Lốp bắt giết các con đủ lông đủ cánh để lấy bộ lông kết quạt, cũng sinh lợi đáng kể. Nguồn lợi thiên nhiên ấy, đem lại cho chủ vườn số lợi tức hàng năm rất khả quan.

Trong quyển « Bạc-Liêu Xưa và Nay », chúng tôi đã có nói đến sân chim ở Cà-Mau. Nay viếng tỉnh Sa-Đéc, đến quan sát tận chỗ về vườn cò lộ thiên Tràm-Còm, chúng tôi xin có thêm bài này để bạn đọc biết rõ hơn.

Tại Sa-Đéc ngày nay có một vườn cò, diện tích độ ba công đất thuộc xã Long-Thắng, từ chợ Hòa-Long vô đây chừng 14 cây số ngàn. Vị trí nằm trên một cánh đồng bao la, giữa có một vườn cây cà nà, gạo, xung quanh là ruộng lúa. Lối vô là con rạch từ Hòa-Long chạy thẳng tới Săng-Trắng, hai bên đồng ruộng bao la, rẽ về phía tay trái, dọc theo rạch nhỏ thì đến vùng đất qui tụ đàn cò, tục gọi vườn cò.

Với tánh hiếu kỳ muốn biết sự thật ra sao, sẵn dịp đi viếng Bảo-Tiền, Bảo-Hậu, chúng tôi thẳng vào vườn cò để quan sát một lần cho rõ, đường đi hơi vất vả. Cỏ mọc dày bịt bùng bít lối đi, lại thêm hàng cây điên-diễn mọc hoang, ngăn đường cản nẻo trở ngại thêm phần nào... Ngồi ghe đến đây, phải vạch cây lá vệt đường, đứng mũi chịu sào chống đẩy mới lướt lên được để vào tận chỗ.

Nơi gọi là vườn cò, tư bề vắng vẻ, thích hợp cho chim trời qui tụ. Nhà dân thưa thớt, xa trong thấp thoáng đôi ba mái lá lều tranh. Mấy năm về trước vùng này mất an ninh, nay đã được hoàn toàn tốt đẹp. Du khách ở Sa-Đéc cũng như các tỉnh kế cận, thường đến đây để mua cò con và các loại chim con khác đem về nuôi, hoặc làm thịt.

Chúng tôi vô đến nơi, gặp ông Lê-Văn-Dương, một nông dân ngoài 70 tuổi ngồi trong một căn nhà lá nhỏ hẹp cất giữa vườn cò. Chính ông là chủ miếng đất này. Vui niềm nở. Chủ khách ân cần trao đổi vài ba câu chuyện hàn huyên, rồi thì chẳng bỏ lỡ mục đích viếng thăm, chúng tôi hỏi ngay những gì cần hiểu. Ông cho biết : Vườn cò này có cách nay bốn năm năm. Khi trước, địa điểm vườn ở một chỗ khác, mới về đây chỉ có mấy năm thôi.

Chúng tôi ra sân, giăng giăng hàng cây thẳng tắp bao quanh khu vực, rải rác đó đây trên các ngọn cây, hàng đàn cò trắng đứng rìa lông. Chen lộn với đàn cò con, xem ra còn thấy có các loại chim khác như cồng-cộc, diệc, làm ổ trên các ngọn cây. Lốp bay, lốp đậu, vùn vủ một khung trời. Quang cảnh trông thì thật cũng vui mắt, nhưng cực nổi đàn chim bài tiết làm dơ dáy khu vực chúng ở, không khí có nhiều ngọt ngào. Nếu không từng sống quen giữa thiên nhiên, trong khung cảnh ấy, du khách khó đứng lâu nhìn ngắm cho mãn nhãn.

Hỏi qua cách sanh sản của loài cò, ông Dương bài buôi đáp lời chúng tôi : Vườn ông có cả ngàn con về ở. Nhất là từ khoảng tháng hai đến tháng mười, đàn chim bắt đầu sanh đẻ. Mỗi con cò đẻ nhiều lắm là 4 trứng. Khoảng thời gian ấp

trứng cho đến khi lớn là một tháng rưỡi. Muốn bắt cò con đủ lông để ăn thịt, thì leo lên ổ mà bắt, hoặc dùng móc mà móc cho rớt rồi bắt. Tuyệt đối không được dùng đến súng đạn bắn giết. Lúc trước mỗi con cò con người ta bắt về làm thịt, phải trả cho ông 25 đồng.

Trong năm 1970, mấy tháng gần đây, ông không bán cò con nữa, để gây giống cho nhiều.

Hàng năm, ông Dương bắt bán cho đồng bào trong tỉnh hoặc các mối buôn đến đặt mua, đem bán khắp nơi. Mãi lực tăng cao, trong khi mức sinh sản của đàn chim cũng càng lúc càng nhiều. Kể ra cũng là một nguồn lợi thiên nhiên tại xã Long-Thăng, ít người biết tới.

Chúng tôi nghe nói, và đã thân hành đến nơi để tường thuật cho quý bạn đọc biết vườn cò tọa lạc tại đây. Giữa khoảng đồng không mông quạnh, đàn chim lơ nhố lao xao trên từng ngọn cây nội cỏ, kể cũng là điều ngoạn mục, thích thú cho những tâm hồn muốn tìm nơi thanh vắng mà thưởng cảnh, di dưỡng tánh tình. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, vườn cò đem lại một số lợi tức đáng kể cho chủ nhân ở khu vực này.

TỔNG KẾT SA-ĐÉC

I. TRẢI QUA BAO CUỘC THĂNG TRẦM LỊCH SỬ TỪ NGÀY XƯA ĐẾN NGÀY NAY

Nói chung, đất nước Việt-Nam ngày xưa, vào thế-kỷ thứ 6, khi nước Phù-Nam sụp đổ, kế đến là Chân-Lạp, qua đầu thế kỷ thứ 8 trở thành Thủy-Chân-Lạp.

Hai tiếng SA-ĐÉC có tên PSARDEK tức là chợ *Sắt*, thời kỳ này không có chánh quyền nào vững chắc, luôn luôn có sự thay đổi. Lúc bấy giờ, một số người Trung-Hoa bất mãn nơi chánh quốc của họ, do Tướng nhà Minh cầm đầu là Dương-Ngạn-Địch, xin phép Chúa Nguyễn Hiền-Vương ở Huế di cư qua Việt-Nam, xin dung thân vào vùng Thủy-Chân-Lạp khai hoang lập ấp, đám người này đến sống rải rác các nơi trong lãnh thổ, chính Sa-Đéc cũng có mặt họ ở đến ngày nay.

Năm 1759, trong lúc trào thần Chân-Lạp bất đồng ý kiến, chống đối lẫn nhau, Chúa Nguyễn mang quân sang chinh phạt, Miên hoàng thua bị giết. Nặc-Tôn dâng đất Tầm-Phong-Long lập thành Đông-Khẩu-Đạo tức là vùng Châu-Đốc và Sa-Đéc.

II. NGÀY XƯA BÓNG CỜ NGUYỄN-VƯƠNG PHẤP PHỐI TRÊN ĐẤT SA-ĐÉC

Năm Đinh-Mùi (1787) Đức Cao-Hoàng đem quân đóng tại Hồi-Oa (Nước-Xoáy) tại Tân-Long, sau đổi là Long-Hưng. Lúc bấy giờ Sa-Đéc trở nên rộn rịp, quân lính ngày đêm lo xây thành đắp lũy để chống ngăn quân giặc.

Nơi đây trải qua bao cuộc đao binh khói lửa, gây tang tóc cho đồng bào Sa-Đéc không bút mực nào tả ra cho hết giữa Tây-Sơn và Chúa-Nguyễn tranh hùng. Những chiến trường đầm máu Cồn-Tiên, Bãi-Hổ, và sông Long-Hậu còn vang tiếng. Nay nhắc đến người dân Sa-Đéc không khỏi đau lòng cho cảnh cốt nhục tương tàn giữa người Việt và người Việt.

III. CỜ TAM SẮC HIÊN NGANG TRÊN LÃNH THỔ MIỀN TÂY SA-ĐÉC

Năm 1867, quân-đội Pháp do tướng De Lagrandière chỉ huy, từ Định-Tường kéo xuống chiếm thành Vĩnh-Long ngày 20-6-1867, đến chiếm luôn Châu-Đốc và Hà-Tiên cũng trong mấy ngày. Lúc bấy giờ, De Lagrandière bố cáo xứ Nam-kỳ thuộc Pháp.

Sau khi chiếm trọn sáu tỉnh miền Nam, quân đội Pháp lo tổ chức hành chánh khắp nơi trên lãnh thổ để cai-trị. Riêng tại tỉnh Sa-Đéc xưa nằm trong địa phận tỉnh Vĩnh-Long, khi quân Pháp đến Sa-Đéc, chúng chọn Mũi Cần-Gió đặt tỉnh-ly tại đây trước tiên để ngăn ngừa bộ đội kháng chiến từ Đồng-Tháp-Mười tràn qua ngõ này. Thời gian sau, chúng dẹp xong các toán quân do Thiên-Hộ-Dương, Nguyễn-Văn-Biểu, Phủ-Cậu chỉ huy, cùng các nhóm kháng chiến khác, lớp bị bắt và số tan rã về ẩn dật trong các nơi hẻo lánh trong làng mạc Sa-Đéc chờ cơ hội quật-khởi.

Người Pháp thấy tình hình lỏng lẻo mới vô Doi-Cồn Tân-Quy-Đông mà xây cất nhà cửa sở Tham-biện tại đây. Bóng

cờ tam tài treo trước dinh hăng ngày chứng kiến sự hiện diện của Chánh phủ Tân-Trào.

Người Pháp bắt đầu kiến tạo các cơ sở tại đây gồm : Làng Tân-Qui-Đông, Vĩnh-Phước, Tân-Phú-Đông, nay ba làng này sáp nhập là Tân-Vĩnh-Hòa. Những công việc đầu tiên bắt đầu làm lộ, mở mang tỉnh lỵ, xây cất chợ búa, v.v...

Năm 1888, hoàn thành cây cầu quây sắt bắc ngang sông qua Tân-Qui-Đông.

Năm 1903, bắt cây cầu đúc bằng đá sạn, nối từ là Tân-Hưng, Tổng An-Hội là nơi nhà thương qua tỉnh-lỵ. Công cuộc kiến thiết dần tạo nên những cơ sở : Tòa-Bố, Sở Dây-thép (tức Ty Bưu-điện), Sở Kho bạc (Ngân-Khố), Sở Thương-chánh (Quan-Thuế), Sở Săn-đâm (do chữ Gendarmerie chuyển ra), tức Ty Cảnh-sát (Công-an), Tòa Tạm-tụng, Nhà Cercle (Câu-lạc-bộ), nhà hàng Bungalow, trại lính Mã-Tà, và dinh thự các quan Pháp ở riêng biệt một khu vực tỉnh-lỵ là mé bên kia cầu sắt, dưới Doi-Cồn. Còn Mũi Cần-Gió sau trở thành bến tàu lục tỉnh và chạy đường Nam-Vang, ghe chuyên chở hàng hóa và rước khách. Nay Mũi Cần-Gió nay bị lở vô sâu mấy chục công đất không còn dấu vết bến tàu nữa.

Về phía tả là Rạch Sa-Đéc ăn sâu vô Rạch Sanh-Nhiên. Hai bên trồng cây ăn trái như xoài, dừa, cau, che mát rợp đường, quang cảnh vườn tược tạo thành một nơi rất sầm-uất.

Dưới thời Pháp thuộc, mỗi lần có lễ Chánh-chung (ngày 14 Juillet) hay liên hoan một cuộc lễ gì quan trọng thì có tổ

chức cuộc đua ghe, đua thuyền dưới sông, dân chúng địa phương nô nức trẩy xem. Trên bờ thì có xe kéo, xe ngựa để chạy đưa rước khách di chuyển trong thành phố.

Thời Pháp thuộc, Sa-Đéc gồm có ba quận : Châu-Thành, Lai-Vung, và Cao-Lãnh. Trải 80 năm đô hộ trên đất nước Việt-Nam, người Pháp đã tạo ra biết bao cơ sở để toan hưởng thụ lâu dài. Nhưng lòng người muốn vậy, mà trời nào để kẻ tham tàn được bền vững mãi. Rồi thì đất nước xảy cơn chuyển biến, cơ tạo xoay dần, khiến cho kẻ xâm lăng phải lìa bỏ nơi ngự trị của chúng để trở về mẫu quốc.

IV. NGÀY 9 MARS 1945 LÀ NGÀY ĐÁNH DẤU SỰ SỤP ĐỔ CỦA PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG

Từ đó đến nay, ở Việt-Nam trải qua bao cuộc thăng trầm thay đổi, hết Pháp tới Nhật rồi Pháp trở lại, dẫn đến khi Việt-Nam trở thành nước Cộng-hòa, cảnh chiến tranh tiếp diễn khắp nẻo đường đất nước. Bom cày đạn xới, quốc phá gia vong, lòng người ly tán, biết bao đứa con trung thành của tỉnh Sa-Đéc gục ngã vì bảo vệ non sông tổ quốc.

Khi người Pháp rút đi khỏi tỉnh lỵ Sa-Đéc, thì chánh quyền tỉnh Sa-Đéc thời ấy là Thiếu tá Nguyễn-Văn-Minh²⁵ một Sĩ-quan trẻ, mới có 27 tuổi làm tỉnh trưởng chót của tỉnh này.

Ngày 22-10-1956, tỉnh Sa-Đéc được bãi bỏ, trở thành quận sát nhập qua tỉnh Vĩnh-Long.

Ngày 24-9-1966 đến ngày 23-12-66, tách rời Vĩnh-Long trở thành tỉnh-lỵ Sa-Đéc cho đến ngày nay. Chính quyền đã

dời tỉnh lỵ về mé bên chợ Sa-Đéc.

Tòa Hành chánh, các ty sở đều dời về tỉnh lỵ mới. Còn tỉnh lỵ cũ ở Doi-Cồn nay trở thành Bộ Tham mưu Sư-đoàn 9 Bộ-binh đóng ở đây thuộc về Quân khu 4.

Cảnh vật tỉnh lỵ Sa-Đéc ngày nay đã thay đổi khá nhiều như chúng ta đã thấy, khác biệt quang cảnh ngày xưa. Ngày nay Sa-Đéc trên đà canh tân, sắc thái duyên dáng, dân chúng càng đến ở đông thêm và một số kiều bào ở Chùa-Tháp về trú ngụ. Dân số mới nhứt từ năm 1971 nay lên gần ba trăm ngàn người ở rải rác trong bốn quận. Sinh cơ lập nghiệp như đa số là tín đồ Phật giáo Hòa-hảo.

V. SA-ĐÉC QUA CÁC NẸO PHỐ PHƯỜNG KHU THƯƠNG MẠI

Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay, bên doi cồn là khu quân-sự ở về phía Tân-Qui-Đông, khu thương mại, phía bên này là chợ búa mua bán tấp nập, ghe thuyền lui tới đậu dài theo bờ sông đường Phan-Thanh-Giản, từ cầu Cái-Sơn trở ra chợ.

Theo sự quan sát của chúng tôi, ở Sa-Đéc phần đông người Huê-kiều chiếm ưu thế về thương mại, nắm hết các ngành quan trọng. Phố xá cất khít nhau, dài theo đường Phan-Thanh-Giản, mua bán đủ thứ. Tiệm tạp hóa, hiệu thuốc bắc, vật liệu kiến trúc, tiệm ăn, v.v...

Ngày nay có phần thay đổi với bộ mặt mới. Dọc theo mé sông đường Phan-Thanh-Giản, gần khúc trên chợ san sát mọc lên nhiều dãy nhà để mua bán, làm quán ăn cho du khách ngồi nhìn ra sông Sa-Đéc, thưởng thức phong quang, cảnh náo nhiệt tưng bừng trong buổi họp chợ.

CHỢ SA-ĐÉC : Chợ Sa-Đéc cất đã lâu năm, nay có vẻ cũ kỹ. Bên trong chợ, các sạp hàng vải trưng bày rục rở, bán đủ loại hàng nhập cảng và nội hóa. Phía bờ sông là chợ cá và quán ăn bình dân đều tập trung vào khu vực này.

HÀNG TRÁI CÂY : cam, quít, xoài, bưởi, măng cầu, bán theo tập tục ở đây mỗi chục 18. Các loại trái cây khác : chôm chôm, nhãn, bòn bon thì bán ki lô tùy theo giá cả.

Chợ nhóm từ 5 giờ khuya đến 1 giờ trưa là tan hết để dọn dẹp, chợ không có nhóm buổi chiều như các chợ khác.

VI. ĐƯỜNG SÁ TRONG CHÂU THÀNH

Theo sự nhận thấy của chúng tôi, ở đây chỉ có hai con đường đông đảo phồn thịnh nhất là đường Tống-Phước-Hòa, và đường Phan-Thanh-Giản. Đường Tống-Phước-Hòa : hai bên phố xá khang trang, ngay hàng thẳng lối. Có những dãy khách sạn, quán ăn, tiệm kim hoàn, hiệu sách, nhà thuốc tây, hãng xà bông, rạp hát. Đầu trên sân banh cũ, nay là tòa Hành-chánh xây cất vào năm 1969 hoàn thành năm 1970, trên có lầu, day mặt ra đường Tống-Phước-Hòa. Trước sân rộng rãi, cảnh trí khang trang lộng lẫy. Tòa Hành-chánh²⁶ lợp ngói móc, tăng thêm phần uy nghi cổ kính, thích hợp cho những ai có tinh thần tồn cổ.

Các ty sở nằm rải rác trong thành phố, qua các con đường nhỏ trải đá, mang tên các vị danh tướng anh hùng liệt sĩ nước nhà.

Nhận xét chung, đường sá trong Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay còn chật hẹp nhiều, mùa nắng còn đỡ, nếu mùa

mưa to, người đi bộ khó khăn, vì lầy lội và có nhiều ổ gà trơn trượt.

GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ : Bến xe Saigon nằm ở vị trí sát bờ rạch cầu Cái-Sơn, trước chùa Ông Quách, bến xe nhỏ hẹp, nơi đây thường trực chừng 5, 7 chiếc chia chạy con đường Saigon của hiệu xe đồ Tân-Phát, và xe nhỏ chạy qua các con đường Kiến-Phong, Mỹ-Luông, xe chạy mỗi ngày, ở đây chừng 3 giờ là hết xe.

BẾN XE CHẠY VĨNH-LONG : Hiện nay phía bên cầu nhà thờ xã Hòa-Khánh, Xóm-Đạo, dựa con lộ số 8 có một bến xe đồ nhỏ đưa khách từ Sa-Đéc qua cầu Bắc Mỹ-Thuận và Vĩnh-Long. Các xe xích lô máy, xe ba bánh cũng đậu ở đây. Mỗi khi khách xuống xe thì ngồi xe xích lô máy vô Châu-Thành.

GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY : Tại bến chợ Sa-Đéc có ghe máy chở hành khách đi các quận, xã trong Châu-Thành, Đức-Thành, Long-Hậu, Long-Hưng, qua Kiến-Phong và Cần-Thơ.

VII. VỀ MẶT KIẾN-THIẾT

Châu-Thành Sa-Đéc ngày nay đang trên đà kiến thiết cất thêm nhiều cơ sở mới, Ty Chiêu hồi, Xây dựng Nông thôn, Hội trường và nhiều cơ sở khác sắp khởi công trong năm 1971.

VĂN HÓA GIÁO DỤC : Về ngành giáo dục, ở đây đã có xây cất thêm nhiều trường Trung, Tiểu-học. Ngoài các trường công lập còn có các tư-thục, Trường Bồ-Đề, trường

Trung, Tiểu học của người Trung-Hoa, đều khang trang rộng rãi.

Trọng tâm của chánh quyền là phát triển nền giáo dục địa phương. Vì vậy, ở cấp Trung-học, tại mỗi quận đều có trường Trung-học Đệ nhất cấp công-lập, riêng tại quận Châu-Thành (tỉnh-lỵ) có trường Trung-học đệ nhị cấp công-lập, số trường kể như sau, trong toàn tỉnh :

BẬC TRUNG HỌC :

- Trung học công lập : 4 trường 59 lớp, 4.082 học sinh
- Trung học bán công : 4 trường 3 lớp, 213 học sinh
- Trung học tư-thực : 2 trường 12 lớp, 885 học sinh

TỔNG KÊ CƠ SỞ GIÁO DỤC BẬC TIỂU HỌC, TOÀN TỈNH SA-ĐÉC :

- Số giáo viên : 100
- Số phòng học : 438, Nam : 182
- Số lớp : 688, Nữ : 325
- Số học sinh : Nam : 21.961, Nữ : 18.649, cộng : 40.610

VIII. XÃ HỘI VIỆN MỒ CÔI (ẤP HÒA-KHÁNH)

Do một nữ tu sĩ làm Giám-đốc qui tụ trên 70 trại viện, thành lập từ năm 1900, có một trường học do các dì phước giảng dạy cho trẻ em cô cút do viện nuôi dưỡng :

- *Nhà dưỡng lão*, ấp Hòa-Khánh thiết lập gần Viện mồ côi, thu nhận trên 30 người già yếu, tàn tật, vô gia cư, do các nữ tu sĩ chăm nom. Các cơ sở trên đây đều có trợ cấp hoặc định kỳ hoặc bất thường của Bộ Xã-hội và của Tỉnh.

- *Ký túc xá* chùa Phước-Thạnh do Thượng-tọa Thích-Từ Nhơn cai quản.

- Ký túc xá, Hội Bảo trợ gia đình Binh-sĩ khu 41/CT

- *Nhà bảo sanh*

- *Ấu Tri-Viện* (Do Hội Bảo trợ gia đình Binh-sĩ)

- *Lớp may cắt* (Khu 41 Chiến Thuật quản nhiệm).

- *Lớp mẫu giáo* chùa Phước-Huệ do Sư nữ Thích-Như-Ngọc làm Giám-đốc.

- *Lớp Mẫu giáo* chùa Bửu-Minh do Tu-sĩ Thích-Bửu-Chơn làm Giám-đốc

IX. NÔNG NGHIỆP

Sa-Đéc là một tỉnh thuộc đồng bằng có đất phù sa phì nhiêu, thích hợp với việc trồng lúa, cây ăn trái và hoa màu phụ, do đó, phần đông đồng bào chuyên sống về nghề nông. Tuy nhiên, vì nằm trên đường đi từ các tỉnh Châu-Đốc, An-Giang, Rạch-Giá, Kiến-Phong đến Đô-Thành, nên các hoạt động về thương mại cũng rất sầm uất, có thể nói chính ngành hoạt động này đã làm giàu cho đồng bào, một số lớn là Hoa-Kiều tại Châu-Thành.

- Mùa màng : Diện tích chung của tỉnh : 78.920 ha

- Lúa : Diện tích canh tác là 51.232 ha, phân chia như sau :

- Ruộng hai mùa : 2.551 ha

- Ruộng một mùa : Sạ : 33.303 ha ; Cấy : 15.368 ha

Phân tách về lúa lở và lúa mùa như sau :

- Lở 17.931 ha

- Lúa sạ 33.303 ha

- Mùa : 15.359 ha
- Lở : 10.248 ha
- Lúa cấy : 17.932 ha
- Mùa : 7.684 ha

Trung bình hằng năm thặng dư vào khoảng 18.000 tấn để xuất tỉnh.

X. CƠ SỞ Y-TẾ

Nền y-tế phát triển điều hòa, cung ứng đầy đủ nhu cầu cho dân chúng thôn quê và gồm có :

- 3 Chẩn Y-Viện tại 3 quận Đức-Thành, Đức-Tôn và Lấp-Vò.
- 1 nhà hộ sinh quận Lấp-Vò
- 12 nhà hộ sinh xã (công) : 2 tại Sa-Đéc, 5 tại quận Đức-Thành, 5 tại quận Lấp-Vò
- 1 nhà hộ sinh xã (tư) tại quận Đức-Tôn
- 1 bảo sanh viện tư tại Sa-Đéc (Châu-Thành)
- 56 trạm Y-tế : 16 tại quận Châu-Thành, 15 tại Đức-Thành, 3 tại Đức-Tôn và 22 tại Lấp-Vò.
- 4 Tiểu bệnh xá hộ sinh ấp Đời-Mới
- Tại tỉnh lỵ có 1 bệnh viện gồm có 1 trại bệnh.

Để đáp lại nhu cầu của dân chúng địa phương, trại bệnh đã có 160 giường : 23 giường nằm có tiền, 137 giường không tiền.

Song song với sự tăng cường giúp cho bệnh nhân, 3 cơ cấu được tăng gia về công tác cũng như vật liệu, dụng cụ và

máy móc.

XI. CHÁNH TRỊ VÀ HIỆP HỘI

Các đảng phái chính trị và hiệp hội có hoạt động tại tỉnh Sa-Đéc :

ĐẢNG PHÁI CHÁNH TRỊ : Việt-Nam Dân-chủ Xã-hội Đảng, đường Phan-Thanh-Giản, Sa-Đéc. Đảng này có 2 quận bộ tại Lấp-Vò và Đức-Thành.

HIỆP HỘI :

- Nghiệp đoàn xe hơi Vàm-Cống, 141 đường Bác-Sĩ-Thịnh
- Nghiệp đoàn xe Lambretta
- Nghiệp đoàn xe lôi gắn máy và xe lôi đạp, 151/2 ấp Tân-Long, xã Tân-Vĩnh-Hòa, Sa-Đéc.
- Hội Phụ-huynh học sinh tại tỉnh-lỵ và quận-lỵ.

XII. CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO TẠI TỈNH SA-ĐÉC

- Tỉnh hội Phật-học
- Tịnh-độ Cư-sĩ Phật-hội Việt-Nam
- Hộ đạo Thiên chúa giáo
- Tin-lành
- Cơ đốc Phục-Lâm
- Tỉnh Hội Phật giáo Hòa-Hảo
- Cao Đài Phái Tây-Ninh
- Cao Đài Tiên Thiên Kiến-Hòa
- Ban Quản trị Phật giáo Việt-Nam Thống nhất.

Nói đến sự sinh hoạt của tỉnh Sa-Đéc ngày nay, chúng tôi cần nêu lên một ít ngành hoạt động : *Giáo-dục, Xã-hội, Kinh tế, Y-tá Hiệp-hội* toàn tỉnh, v.v...

Các ngành trên đây mỗi năm đều có sự thay đổi, thêm bớt tùy theo tình hình đất nước, nên quyết định một con số căn bản không thể nào vững chắc được. Về ngành Giáo-dục cũng thế, sĩ số và giáo chức cũng lên xuống không đồng đều. Còn về Công-Kỹ-Nghệ, tỷ dụ năm 1970 có 5, 7 hăng xưởng, đến năm 1971, bị lỗ lỗ dẹp bớt cũng không chừng. Vì vậy, không một chuyên viên nào ghi đúng theo thời gian tính được, trừ ra mỗi năm làm bảng thống kê mới năm vững con số chính xác.

Tác phẩm này, mục đích là sưu tầm khảo cứu về lịch sử, danh nhân, đạo giáo, qua những tài liệu căn bản, không mô tả những chi tiết về sự hoạt động hàng ngày trong đời sống công cộng. Vì thế mà chúng tôi không đề cập đến vấn đề hành chánh và kinh tế nhiều, muốn rõ chi tiết sinh hoạt mọi ngành cần xem địa phương chí của tỉnh Sa-Đéc.

ĐÔI LỜI XIN THƯA

Quyển « **SA-ĐÉC XƯA VÀ NAY** » là đưa con tinh thần của đất nước được khai sinh, giữa tình thế khó khăn, vật giá leo thang, mà chúng tôi cố gắng tự xuất bản là cả một vấn đề vất vả của con nhà cầm bút.

Trên tinh thần phục vụ **VĂN-HÓA DÂN-TỘC**, mỗi người đều góp công xây dựng quê-hương dưới mọi hình thức. Riêng về chúng tôi, lúc nào cũng hoài bão đến quê cha đất tổ, làm sống lại mảnh đất thân yêu của **TIỀN-NHÂN** dày công xây dựng, bảo vệ **DI TÍCH LỊCH SỬ** nước non nhà, đó là lý tưởng duy nhứt của chúng tôi đã và đang đeo đuổi. Chúng tôi không dám ước mơ cao vọng, và chẳng hề nghĩ đến vấn đề trục lợi, thương mại, chạy theo việc buôn bán chữ. Từ lâu chúng tôi vẫn âm thầm làm theo chí nguyện của mình.

Việc làm của chúng tôi với tính cách đơn phương, trong việc sưu khảo không sao tránh khỏi những điều khuyết điểm, vì sức người có hạn.

Thưa Quý vị : Vì sự ích lợi chung để phát huy nền văn-hóa dân-tộc, xin quý vị niệm tình thông cảm bỏ khuyết cho những phần còn lại.

Chúng tôi rất hoan nghinh những ý kiến xây dựng, sau khi tái bản sẽ bổ túc đầy đủ hơn.

Một lần nữa, chúng tôi chân thành cảm tạ chánh quyền địa phương, cũng như quý thân hào nhân sĩ đã khuyến khích và nâng đỡ đưa con tinh thần của tỉnh **SA-ĐÉC**, góp mặt trên thị trường văn hóa. Giới thiệu cái hay, cái đẹp của

tỉnh nhà qua những trang sử oai hùng được thể nhân ca
tụng.

HUỲNH MINH



Notes

[← 1]

LỜI TÁC-GIẢ : Giáo-sư Trần-Văn-Quế người miền Nam, một giáo-sư kỳ-cựu nay đã 70 tuổi, cựu giảng-sư Đại-học Văn-Khoa Saigon và Vạn-Hạnh. Nguyên Bộ-trưởng Nghiên-cứu Cải-cách 1951-52. Hiện ông làm Hiệu trưởng Trường Trung học Kiến-thiết Saigon. Giáo-sư Trần-Văn-Quế cũng là một chức-sắc Thiên-phong của Đại-đạo Tam-kỳ.

[←2]

Xin xem quyển Định-Tường xưa và nay.

[←3]

Xin xem quyển Định-Tường xưa và nay.

[←4]

Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo-Dục xuất bản.

[←5]

Xin xem « Vĩnh-Long xưa và nay » đã xuất bản.

[←6]

Tiểu-sử cụ Tống-Phước-Hiệp, xin xem quyển « Vĩnh-Long Xưa và Nay ».

[←7]

Xin xem ở phần giai thoại, chúng tôi đã ghi rõ.

[←8]

Viết theo tài liệu của tác giả Nguyễn-Bá-Thế, đăng trên nhật báo Đuốc Nhà Nam số ra ngày 3-2-71 đến số ra ngày 7-2-71.

[←9]

Cụ Nguyễn-Quyền (1869-1941) lãnh tụ chính của Phong trào « Đông kinh Nghĩa thực » bị nhà cầm quyền Pháp an trí tại Bến-Tre, mộ Cụ hiện táng tại xã Tân-Xuân, quận Châu-Thành, tỉnh Sa-Đéc. (Xem « Đông kinh Nghĩa thực » của tác giả Đào-Trình-Nhất hoặc « Đông kinh Nghĩa thực » của tác giả Nguyễn-Hiến-Lê).

[←10]

Danh từ Bác-vật khi xưa trong Nam thường gọi những vị Kỹ tử từ Pháp về, do đó chúng tôi xin dùng danh từ cũ để tưởng niệm tiền bối cao học. Hoài niệm danh nhân cận đại của Sa-Đéc, quyết là không ai đáng kính mến bằng ông Lưu-Văn-Lang. Học lực uyên thâm, khí tiết cao trọng. Ông nêu gương sáng cho đoàn hậu tấn và để danh thơm muôn thuở.

[← 11]

Xin xem thêm ở phần giai thoại, để rõ hơn về tài năng của ông Bác-vật Lưu-Văn-Lang.

[←12]

Vùng Cao-Lãnh ngày xưa, vẫn là một quận của tỉnh Sa-Đéc còn biết bao nhân vật ưu tú khác nữa. Nhưng ngày nay, Cao-Lãnh đã tách ra làm tỉnh Kiến-Phong cho nên chúng tôi chưa ghi nhận vội những nhân vật ưu tú ấy vào quyển Sa-Đéc này. Trong tương lai gần đây, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày Quyển « Cao-Lãnh Xưa và Nay », cố nhiên chẳng quên đề cập những nhân tài của Cao Lãnh ngày nay, tức phần đất của Sa-Đéc xưa.

[←13]

Bản dịch của Tu-trai Nguyễn-Tạo. Nhà Văn-hóa Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản.

[← 14]

Chúng tôi đã trình bày ở quyển « Vĩnh-Long Xưa và Nay ».

[←15]

Xin xem tiểu sử Châu-Văn-Tiếp ở quyển « Vĩnh-Long Xưa và Nay » đã xuất bản.

[←16]

Chúng tôi đã thuật trong bài « Chuyện ông Bỏ Hậu ».

[←17]

Trích theo tài liệu của Hội đồng liên phái Bửu-Sơn Kỳ-Hương đã đăng trong tập chí Xuân Đạo 1970.

[←18]

Có người nói xe kéo, nhưng thời ấy chưa có xe kéo, chỉ có những cỗ xe ngựa để di chuyển trong làng đó thôi, câu chuyện ngồi xe ngựa là đúng hơn còn xe kéo sau này mới có.

[←19]

Ba Diệp là thân phụ nghệ sĩ Diệp-Lang, thường lên truyền hình ngày nay.

[←20]

Chó là ý nói bức tranh vân cầu hiệp tan.

[←21]

Vị Linh mục thường xưng mình là cha cố, kể cận có vị Hòa-thượng người miền Trung có ý trào lộng đối xưng Hòa-thượng « mẹ nội ». Các bô lão địa phương đều biết câu chuyện này.

[←22]

Hồi-Oa Nước-Xoáy ngày xưa Gia-Long đến đóng binh ở đây.

[←23]

Phật Cổ Đô nghĩa là của Triều đình Huế đem vô Nam thờ.

[←24]

Hoa hướng dương tức là hoa quỳ.

[←25]

Ông Nguyễn-Văn-Minh hiện nay làm đến chức Trung tướng, Tổng trấn Saigon Gia-Định, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, và đương kiêm Tư lệnh Quân khu III Chiến thuật.

[←26]

Tòa Hành-chánh mới do Đại tá Huỳnh-Ngọc-Diệp đứng ra xây cất vào năm 1969 đến năm 1970 nay đã làm việc.